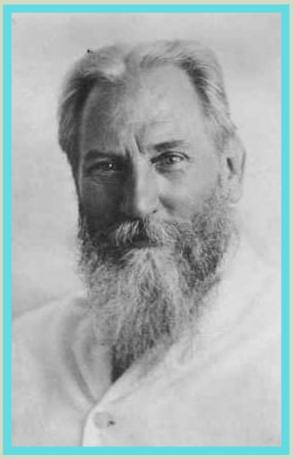
C.W. Leadbeater



HƯƠNG THƠM AI CẬP

Perfumes of Egypt

minhtrietmoi.org

Perfumes of Egypt

MỤC LỤC

Perfumes of Egypt....2
MỤC LỤC....2
FOREWORD—LỜI NÓI ĐẦU....4
1. The Perfume of Egypt—Hương Thơm của Ai Cập....5
2. The Forsaken Temple—Ngôi Đền Bị Bỏ Rơi....37
3. The Major's Promise—Lời Hứa của Thiếu Tá....48
4. A Test of Courage—Một Thử Thách Can Đảm....68
5. An Astral Murder—Một Vụ Án Giết Người trên cõi Cảm Dục....75
What the Old Station-Master Told Me....75
Những Gì Người Quản Lý Ga Cũ Kể Cho Tôi Nghe....75
6. A Triple Warning—Một Cảnh Báo Tam Phân....88
7. The Concealed Confession—Lời Thú Tội Ẩn Giấu....94
8 JAGANNATH, A TALE OF HIDDEN INDIA— JAGANNATH, MỘT CÂU CHUYỆN VỀ ẤN ĐỘ ẨN GIẤU....102
9. The Baron's Room—Phòng của Nam tước....110
10. Saved by a Ghost—Được cứu bởi một hồn ma....131
Chapter I....131
Chương I....131
Explanatory....131
Giải thích....131
Chapter II....141
Chương II....141
ATTACKED BY THE INDIANS....141
BỊ TẤN CÔNG BỞI NGƯỜI DA ĐỎ....141
Chapter III....156
Chương III....156
AT THE CAMP OF MARTINEZ....156
TẠI TRẠI CỦA MARTINEZ....156
Chapter IV....172

THE FLIGHT....172
CUỘC TRỐN THOÁT....172
Chapter V....199
Chương V....199
The Revenge....199
Sự Báo Thù....199
Notes....209
Ghi chú....209

FOREWORD—LỜI NÓI ĐẦU

The stories told in this book happen to be true. Of course I do not for a moment expect the ordinary reader to believe that, and I shall be perfectly satisfied if I succeed in whiling away for him the tedium of a railway journey, or if I can add for him a touch of pleasure to a comfortable evening before the fire or a lazy afternoon on the river.

Những câu chuyện được kể trong cuốn sách này tình cờ là sự thật. Tất nhiên, tôi không mong đợi độc giả thông thường tin điều đó, và tôi sẽ hoàn toàn hài lòng nếu tôi thành công trong việc giúp họ giải trí trong một chuyến đi tàu hỏa, hoặc nếu tôi có thể thêm một chút niềm vui cho một buổi tối thoải mái trước lò sưởi hoặc một buổi chiều lười biếng trên sông.

For the few whose interest in these subjects is not merely superficial, I may add that some of the events related are personal experiences of my own, and that the others are reproduced exactly as they were told to me by persons in whose veracity I have every confidence. In every case, except those of "Jagannath" and "The Baron's Room", I myself have heard the story directly from the person principally concerned in it. So that there is no place here for the subtle alterations which are inevitably introduced into tales that have passed through many hands. These things happened; and although it may be difficult for one who has made no study of the subject to believe them, those who are familiar with the literature of the occult will readily be able to parallel most of these occurrences.

Đối với những người ít ỏi có sự quan tâm không chỉ là bề ngoài đối với những chủ đề này, tôi có thể thêm rằng một số sự kiện được kể lại là những trải nghiệm cá nhân của chính tôi, và những sự kiện khác được tái hiện chính xác như chúng đã được kể cho tôi bởi những người mà tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự chân thật của họ. Trong mọi trường hợp, ngoại trừ những trường hợp của "Jagannath" và "Phòng của Nam Tước", tôi đã nghe câu chuyện trực tiếp từ người chính yếu liên quan đến nó. Vì vậy, không có chỗ cho những thay đổi tinh vi mà không thể tránh khỏi được đưa vào những câu chuyện đã qua tay nhiều người. Những điều này đã xảy ra; và mặc dù có thể khó cho một người chưa từng nghiên cứu về chủ đề này để tin chúng, những người quen thuộc với văn học huyền bí sẽ dễ dàng có thể tìm thấy những sự kiện tương tự trong hầu hết các trường hợp này.

I have written other and more serious books in which such things as these are scientifically explained; in this volume my only desire is to help my readers to pass pleasantly a few hours of leisure time.

Tôi đã viết những cuốn sách khác nghiêm túc hơn trong đó những điều như thế này được giải thích một cách khoa học; trong tập này, mong muốn duy nhất của tôi là giúp độc giả của tôi trải qua một vài giờ nhàn rỗi một cách thú vị.

C. W. Leadbeater

C. W. Leadbeater

1. The Perfume of Egypt—Hương Thơm của Ai Cập

It is a curious life, that of a man in chambers, though very pleasant in many ways. Its great charm is its absolute liberty—the entire freedom to go out and come in, or not to go out and come in, exactly as one pleases. But it is terribly lonely. Probably most people remember Dickens's ghastly tale (founded, I believe, on fact) of a man who was struck by apoplexy when on the point of opening his door, and lay propped up against it for a whole year, until at the expiration of that time it was broken open, and his skeleton fell into the arms of the locksmith. I do not think I am a nervous man, but I confess that during my residence in chambers that story haunted me at times; and indeed, quite apart from such unusual horrors, there is a wide field of uncomfortable possibility in being left so entirely to oneself.

Cuộc sống của một người đàn ông trong các phòng làm việc là một cuộc sống kỳ lạ, mặc dù rất thú vị theo nhiều cách. Sự quyến rũ lớn nhất của nó là sự tự do tuyệt đối—sự tự do hoàn toàn để ra ngoài và vào trong, hoặc không ra ngoài và vào trong, chính xác như ý muốn. Nhưng nó cũng rất cô đơn. Có lẽ hầu hết mọi người đều nhớ câu chuyện kinh dị của Dickens (tôi tin dựa trên sự thật) về một người đàn ông bị đột quỵ khi đang mở cửa, và nằm dựa vào đó suốt một năm, cho đến khi hết thời gian đó, cửa bị phá vỡ, và bộ xương của ông ta rơi vào vòng tay của người thợ khóa. Tôi không nghĩ mình là một người nhút nhát, nhưng tôi thú nhận rằng trong thời gian sống ở các phòng làm việc, câu chuyện đó đôi khi ám ảnh tôi; và thực sự, hoàn toàn tách biệt khỏi những nỗi kinh hoàng bất thường như vậy, có một trường rộng lớn của khả năng không thoải mái khi bị bỏ lại hoàn toàn một mình.

All the most unpleasant things that happen to people, both in fiction and real life, seem to occur when they are alone; and though no doubt the talented American author is right when he "thanks a merciful heaven that the unendurable extreme of agony happens always to man the unit, and never to man the mass," one feels that it is probably easier to re-echo his sentiment heartily when one is not the unit in question. On the other hand, when a man in chambers locks his door on a winter night and settles down cosily by the fire for an evening's reading, he has a sense of seclusion and immunity from interruption only to be equalled by that of a man who has sported his oak in a top set in college.

Tất cả những điều không vui nhất xảy ra với mọi người, cả trong tiểu thuyết và đời thực, dường như xảy ra khi họ ở một mình; và mặc dù không nghi ngờ gì rằng tác giả người Mỹ tài năng đã đúng khi ông "cảm ơn trời thương xót rằng cực điểm không thể chịu đựng nổi của đau đớn luôn xảy ra với con người đơn lẻ, và không bao giờ với con người tập thể," người ta cảm thấy rằng có lẽ dễ dàng hơn để đồng tình với cảm xúc của ông khi người ta không phải là người đơn lẻ đó. Mặt khác, khi một người đàn ông trong các phòng làm việc khóa cửa vào một đêm mùa đông và ngồi xuống thoải mái bên lò sưởi để đọc sách buổi tối, anh ta có cảm giác tách biệt và miễn nhiễm khỏi sự gián đoạn chỉ có thể so sánh với cảm giác của một người đã đóng cửa phòng mình trong một căn phòng trên cùng ở trường đại học.

Just so had I[1] settled down—not to reading, however, but to writing—on the evening on

Chính vì vậy mà tôi đã ngồi xuống—không phải để đọc, mà để viết—vào buổi tối xảy ra sự

which occurred the first of the chain of events that I am about to relate. In fact, I was writing a book—my first book—On the Present State of the Law on Conveyancing. I had published several essays on various aspects of the subject, and these had been so well received by high legal authorities, that I was emboldened to present my views in a more ambitious form. It was to this work, then, that I was applying myself with all a young author's zeal on the evening in question; and my reason for mentioning this fact is to show the subject on which my thoughts were fixed with a special intentness—one far enough, surely, from suggesting anything like romantic or unusual adventure.

kiện đầu tiên trong chuỗi sự kiện mà tôi sắp kể. Thực tế, tôi đang viết một cuốn sách—cuốn sách đầu tiên của tôi—Về Tình Trạng Hiện Tại của Luật Chuyển Nhượng. Tôi đã xuất bản một số bài luận về các khía cạnh khác nhau của chủ đề này, và chúng đã được các nhà chức trách pháp lý cao cấp đón nhận rất tốt, đến mức tôi đã mạnh dạn trình bày quan điểm của mình dưới một hình thức tham vọng hơn. Chính vào công việc này, tôi đã dồn hết tâm huyết của một tác giả trẻ vào buổi tối đó; và lý do tôi đề cập đến thực tế này là để cho thấy chủ đề mà suy nghĩ của tôi đang tập trung với một sự chú ý đặc biệt—một chủ đề chắc chắn đủ xa để gợi ý bất cứ điều gì giống như cuộc phiêu lưu lãng mạn hay bất thường.

I had just paused, I remember, to consider the exact wording of a peculiarly knotty sentence, when suddenly there came over rue that feeling which I suppose all of us have experienced at one time or another—the feeling that I was not alone—that there was some one else in the room. I knew that my door was locked, and that the idea was therefore absurd; yet the impression was so strong that I instinctively half-rose from my chair and glanced hurriedly round. There was nothing visible, however, and with a half-laugh at my foolishness I was turning to my sentence again, when I became conscious of a faint but very peculiar odour in the room. It seemed familiar to me, yet for some few moments I was unable to identify it; then it flashed across my mind where I had met with it before, and my surprise was profound, as will be readily understood when I explain.

Tôi vừa dừng lại, tôi nhớ, để xem xét cách diễn đạt chính xác của một câu đặc biệt khó khăn, khi đột nhiên có cảm giác mà tôi cho rằng tất cả chúng ta đã trải qua vào một thời điểm nào đó—cảm giác rằng tôi không ở một mình—rằng có ai đó khác trong phòng. Tôi biết rằng cửa của tôi đã khóa, và ý tưởng đó do đó là vô lý; nhưng ấn tượng mạnh mẽ đến mức tôi theo bản năng nửa đứng dậy khỏi ghế và nhìn quanh một cách vội vàng. Tuy nhiên, không có gì nhìn thấy, và với một nửa tiếng cười về sự ngớ ngẩn của mình, tôi quay lại câu của mình, khi tôi nhận ra một mùi hương nhạt nhưng rất đặc biệt trong phòng. Nó có vẻ quen thuộc với tôi, nhưng trong vài khoảnh khắc tôi không thể nhận ra nó; rồi nó lóe lên trong tâm trí tôi nơi tôi đã gặp nó trước đây, và sự ngạc nhiên của tôi là sâu sắc, như sẽ được hiểu rõ khi tôi giải thích.

I had spent the long vacation of the preceding year in wandering about Egypt, peering into odd nooks and corners, and trying to make myself acquainted with the true life of the country—keeping as far as possible out of the beaten track and away from bands of tourists.

Tôi đã dành kỳ nghỉ dài của năm trước để lang thang khắp Ai Cập, tìm hiểu những góc khuất và góc cạnh kỳ lạ, và cố gắng làm quen với cuộc sống thực sự của đất nước—tránh xa con đường mòn và xa khỏi các đoàn du khách. Trong khi ở Cairo, tôi đã may mắn làm quen

While in Cairo I had the good fortune to make the acquaintance of a certain Sheikh (so he was called, though I am unable to say whether he had any right to the title) who proved to be a perfect mine of information as to ancient manners and customs, and the antiquities of the place generally—as regards relics of the glory of the mediaeval Caliphs, I mean, not the real antiquities of the old Egyptian dynasties. My servant warned me to beware of this man, and said he had the reputation of being a magician and dealing extensively with the evil one; however, I always found him very friendly and obliging, and he certainly pointed out to me many objects of interest that I should inevitably have missed but for him.

với một Sheikh nào đó (vì vậy ông ta được gọi, mặc dù tôi không thể nói liệu ông ta có quyền với danh hiệu đó hay không) người đã chứng tỏ là một mỏ thông tin hoàn hảo về phong tục và tập quán cổ xưa, và các di tích của nơi này nói chung—về các di tích của vinh quang của các Caliph trung cổ, ý tôi là, không phải các di tích thực sự của các triều đại Ai Cập cổ đại. Người hầu của tôi cảnh báo tôi nên cẩn thận với người đàn ông này, và nói rằng ông ta có tiếng là một pháp sư và giao dịch rộng rãi với ma quỷ; tuy nhiên, tôi luôn thấy ông ta rất thân thiện và sẵn lòng giúp đỡ, và ông ta chắc chắn đã chỉ ra cho tôi nhiều đối tượng thú vị mà tôi chắc chắn sẽ bỏ lỡ nếu không có ông ta.

One day, going to call on him at an unusual hour, I was struck on entering his room by a most peculiar odour. It was altogether unlike anything I had ever smelt before—indescribably rich and sweet—almost oppressively so—and yet its effects seemed stimulating and exhilarating. I was so much pleased with it that I pressed the Sheikh strongly either to give me a little of it or tell me where I could obtain it; but to my surprise he refused courteously but firmly to do either. All he would say was that it was a sacred perfume, used only in certain incantations; that its manufacture was a secret handed down from the remotest ages and known only to a chosen few; and that not all the gold in the world would ever buy a single grain of it.

Một ngày nọ, khi đến thăm ông ta vào một giờ không thường lệ, tôi bị ấn tượng bởi một mùi hương rất đặc biệt khi bước vào phòng của ông ta. Nó hoàn toàn không giống bất cứ thứ gì tôi từng ngửi thấy trước đây—giàu có và ngọt ngào không thể tả—gần như áp đảo—và tuy nhiên tác dụng của nó dường như kích thích và phấn chấn. Tôi rất thích thú với nó đến mức tôi đã nài nỉ Sheikh mạnh mẽ hoặc cho tôi một ít hoặc cho tôi biết nơi tôi có thể lấy được nó; nhưng đến sự ngạc nhiên của tôi, ông ta từ chối một cách lịch sự nhưng kiên quyết làm cả hai. Tất cả những gì ông ta nói là đó là một mùi hương thiêng liêng, chỉ được sử dụng trong các nghi lễ nhất định; rằng việc sản xuất nó là một bí mật được truyền lại từ thời xa xưa nhất và chỉ được biết đến bởi một số ít người được chọn; và rằng không có tất cả vàng trên thế giới sẽ bao giờ mua được một hạt nào của nó.

Naturally this excited my curiosity immensely, but he would give me no further information either as to the scent itself or the purpose for which he had been using it. Sitting talking with him for an hour or so, my garments became permeated with its alluring

Tự nhiên điều này kích thích sự tò mò của tôi vô cùng, nhưng ông ta không cho tôi thêm thông tin nào về mùi hương đó hoặc mục đích mà ông ta đã sử dụng nó. Ngồi nói chuyện với ông ta khoảng một giờ, quần áo của tôi bị thấm đẫm hương thơm quyến rũ của nó, và khi tôi

fragrance, and when I returned to my hotel my servant, in brushing my coat, perceived it and started back with horror. Startled out of his usual impassivity and imperturbable courtesy, he asked hurriedly:

trở về khách sạn, người hầu của tôi, khi chải áo khoác của tôi, nhận ra nó và giật mình kinh hãi. Bị giật mình khỏi sự bình thản và lịch sự không thể lay chuyển của mình, anh ta hỏi vội vàng:

"Effendi, where have you been? How comes this devil-scent upon your clothes?"

"Effendi, ngài đã đi đâu? Làm sao mùi hương quỷ này lại có trên quần áo của ngài?"

"What do you mean?" said I. "What is the smell that excites you so strangely?"

"Ngươi nói gì?" tôi nói. "Mùi gì mà khiến ngươi kích động đến vậy?"

"O sir, be careful!" replied my man, almost weeping. "You do not know, you do not believe; you English do not understand the awful power of the old magic of Egypt. I do not know where you have been, but O sir! never go there again, for you have been in terrible danger. Only magicians use this scent, and no magician can make it for himself; it is prepared by devils, and for every phial there must be a human sacrifice, so we call it virgin's blood."

"Ôi thưa ngài, hãy cẩn thận!" người của tôi trả lời, gần như khóc. "Ngài không biết, ngài không tin; các ngài người Anh không hiểu sức mạnh khủng khiếp của ma thuật cổ xưa của Ai Cập. Tôi không biết ngài đã đi đâu, nhưng ôi thưa ngài! đừng bao giờ đến đó nữa, vì ngài đã gặp nguy hiểm khủng khiếp. Chỉ có các pháp sư mới sử dụng mùi hương này, và không pháp sư nào có thể tự làm ra nó; nó được chuẩn bị bởi ma quỷ, và cho mỗi lọ phải có một sự hy sinh của con người, vì vậy chúng tôi gọi nó là máu trinh nữ."

"Nonsense, Mustapha," I said; "you cannot expect me to believe such a tale as that. Cannot you get me some of this mysterious substance?"

"Vô lý, Mustapha," tôi nói; "ngươi không thể mong ta tin một câu chuyện như vậy. Ngươi không thể lấy cho ta một ít chất bí ẩn này sao?"

"Not for the world," answered Mustapha, with every appearance of mortal dread upon his countenance. "No one can get i—no one, I assure you! and I dare not touch it for my life, even if they could. Effendi, keep away from these things, for your soul's sake."

"Không vì cả thế giới," Mustapha trả lời, với vẻ sợ hãi chết người trên khuôn mặt. "Không ai có thể lấy được—không ai, tôi đảm bảo với ngài! và tôi không dám chạm vào nó vì mạng sống của mình, ngay cả khi họ có thể. Effendi, hãy tránh xa những thứ này, vì linh hồn của ngài."

I laughed at his fear for me, but there could be no doubt that he was in deadly earnest; and it is certainly true that I could find no perfume in the least like that which I remembered so well, though I tried every scent-merchant in Cairo.

Tôi cười trước nỗi sợ hãi của anh ta đối với tôi, nhưng không thể nghi ngờ rằng anh ta đang rất nghiêm túc; và chắc chắn là tôi không thể tìm thấy mùi hương nào giống như mùi mà tôi nhớ rất rõ, mặc dù tôi đã thử mọi thương gia nước hoa ở Cairo.

When I say that it was this mysterious aroma

Khi tôi nói rằng đó là mùi hương bí ẩn này—

—faint, but quite unmistakable—that greeted my nostrils in my own chambers in London on that memorable night, it will be seen that I had good reason to be surprised. What could it mean? Was it anyhow possible that the smell could have lingered in some article of clothing? Obviously not, for had it done so I must certainly have discovered the fact in much less time than the fourteen or fifteen months that had elapsed. Then whence could it come? For I was well convinced that nothing in the least like it could be obtained in England. The problem appeared so difficult that when I could no longer perceive the odour I was half inclined to doubt whether after all it, might not have been a hallucination; and I turned to my work again, resolved to throw it entirely off my mind.

nhạt, nhưng hoàn toàn không thể nhầm lẫn—đã chào đón mũi tôi trong các phòng làm việc của tôi ở London vào đêm đáng nhớ đó, sẽ thấy rằng tôi có lý do chính đáng để ngạc nhiên. Điều đó có thể có nghĩa là gì? Có thể nào mùi hương có thể còn lại trong một món quần áo nào đó không? Rõ ràng là không, vì nếu có, tôi chắc chắn đã phát hiện ra sự thật trong thời gian ngắn hơn nhiều so với mười bốn hoặc mười lăm tháng đã trôi qua. Vậy nó có thể đến từ đâu? Vì tôi hoàn toàn tin rằng không có gì giống như nó có thể được tìm thấy ở Anh. Vấn đề dường như quá khó khăn đến mức khi tôi không còn cảm nhận được mùi hương nữa, tôi đã nửa nghi ngờ liệu sau tất cả, nó có thể không phải là một ảo giác; và tôi quay lại công việc của mình, quyết tâm gạt nó hoàn toàn ra khỏi tâm trí.

I worked out the knotty sentence to my satisfaction, and had written perhaps a page more, when quite suddenly and without warning I felt again, more strongly than ever, that unpleasant consciousness of some other presence in the room; but this time, before I could turn to look, I felt—distinctly felt—a soft breath or puff of wind on the back of my neck, and heard a faint sigh. I sprang from my chair with an inarticulate cry, and looked wildly round the room, but there was nothing unusual to be seen—no trace remained of my mysterious visitant. No trace, did I say? Even in the moment that passed while I was regaining my self-possession there stole again upon my astonished sense that strange subtle perfume of ancient eastern magic!

Tôi đã giải quyết câu khó khăn đó một cách hài lòng, và đã viết có lẽ thêm một trang nữa, khi đột nhiên và không có cảnh báo, tôi lại cảm thấy, mạnh mẽ hơn bao giờ hết, cảm giác khó chịu về sự hiện diện của một người khác trong phòng; nhưng lần này, trước khi tôi có thể quay lại nhìn, tôi cảm thấy—rõ ràng cảm thấy—một hơi thở nhẹ hoặc một luồng gió trên gáy, và nghe thấy một tiếng thở dài nhẹ. Tôi bật dậy khỏi ghế với một tiếng kêu không rõ ràng, và nhìn quanh phòng một cách hoang dại, nhưng không có gì bất thường để thấy—không có dấu vết nào còn lại của vị khách bí ẩn của tôi. Không có dấu vết, tôi đã nói? Ngay cả trong khoảnh khắc trôi qua khi tôi đang lấy lại sự bình tĩnh của mình, một lần nữa mùi hương kỳ lạ của ma thuật phương Đông cổ xưa đã len lỏi vào giác quan của tôi!

It would be folly to deny that I was seriously startled. I rushed to the door and tried it—shook it vigorously; but it was locked, exactly as I had left it. I turned to the bedroom; there was no one there. I then searched both the rooms thoroughly looking under bed, sofas,

Sẽ là ngu ngốc nếu phủ nhận rằng tôi đã thực sự bị giật mình. Tôi lao ra cửa và thử nó—lắc mạnh; nhưng nó đã khóa, chính xác như tôi đã để lại. Tôi quay sang phòng ngủ; không có ai ở đó. Tôi sau đó tìm kiếm cả hai phòng một cách kỹ lưỡng, nhìn dưới giường, ghế sofa, và bàn,

and tables, and opening every cupboard or box large enough to hold even a cat; still there was nothing. I was completely puzzled. I sat down and tried to think the matter out, but the more I thought the less could I see my way to any rational solution of these occurrences.

và mở mọi tủ hoặc hộp đủ lớn để chứa một con mèo; vẫn không có gì. Tôi hoàn toàn bối rối. Tôi ngồi xuống và cố gắng suy nghĩ về vấn đề này, nhưng càng suy nghĩ, tôi càng không thể thấy cách nào để giải quyết hợp lý những sự kiện này.

At length I decided to shake off their influence for the time, and postpone all consideration of them until the morning. I tried to resume my work, but I was out of tune for writing—my mind had been too much disturbed. The haunting consciousness of another presence would not leave me; that soft sad sigh seemed yet sounding in my ears, and its unutterable sorrow provoked a feeling of sympathetic depression. After a few unavailing efforts I gave up the attempt to write, threw myself into an arm-chair by the fire, and began to read instead.

Cuối cùng, tôi quyết định gạt bỏ ảnh hưởng của chúng trong thời gian này, và hoãn lại mọi suy nghĩ về chúng cho đến sáng. Tôi cố gắng tiếp tục công việc của mình, nhưng tôi không còn hứng thú để viết—tâm trí của tôi đã bị xáo trộn quá nhiều. Cảm giác ám ảnh về sự hiện diện của một người khác không rời bỏ tôi; tiếng thở dài nhẹ nhàng đó dường như vẫn vang vọng trong tai tôi, và nỗi buồn không thể tả của nó đã kích thích một cảm giác trầm cảm đồng cảm. Sau một vài nỗ lực vô ích, tôi từ bỏ việc viết, ngồi vào một chiếc ghế bành bên lò sưởi, và bắt đầu đọc thay thế.

Though simple enough, I believe, in most of my habits, I am rather a Sybarite about my reading; for that purpose I always use the most comfortable arm-chair that money can procure, with that most blessed of inventions, the "Literary Machine," to hold my book at exactly the right angle, shade the light from my face and concentrate it on the page, and give me a desk always ready to my hand if I wish to make notes.

Mặc dù đơn giản, tôi tin, trong hầu hết các thói quen của mình, tôi khá là một người thích hưởng thụ về việc đọc sách; cho mục đích đó, tôi luôn sử dụng chiếc ghế bành thoải mái nhất mà tiền có thể mua được, với phát minh tuyệt vời nhất, "Máy Văn Học," để giữ cuốn sách của tôi ở góc độ chính xác, che ánh sáng khỏi mặt tôi và tập trung nó vào trang sách, và cung cấp cho tôi một bàn làm việc luôn sẵn sàng nếu tôi muốn ghi chú.

In this luxurious manner, then, I settled myself down on this occasion, choosing as my book Montaigne's *Essays*, in the hope that their cleverness and marvellous flexibility of style might supply just the mental tonic that I felt I needed. Ignore them as I might, however, I had still as I read two under-currents of consciousness—one of that ever-haunting presence, and the other of occasional faint waftings of the perfume of Egypt.

Trong cách xa hoa này, tôi đã ngồi xuống lần này, chọn cuốn sách của mình là Những Bài Luận của Montaigne, với hy vọng rằng sự thông minh và phong cách linh hoạt tuyệt vời của chúng có thể cung cấp đúng loại thuốc bổ tinh thần mà tôi cảm thấy mình cần. Bỏ qua chúng như tôi có thể, tuy nhiên, tôi vẫn có hai dòng ý thức khi đọc—một về sự hiện diện ám ảnh đó, và một về những làn hương thoảng qua của hương thơm Ai Cập.

I suppose I had been reading for about half an

Tôi cho rằng tôi đã đọc được khoảng nửa giờ

hour when a stronger whiff than ever greeted my nostrils, and at the same time a slight rustle caused me to raise my eyes from my book. Judge of my astonishment when I saw, not five yards from me, seated at the table from which I had so lately risen, and apparently engaged in writing, the figure of a man! Even as I looked at him the pen fell from his hand, he rose from the chair, threw upon me a glance which seemed to express bitter disappointment and heart-rending appeal, and—vanished!

khi một làn hương mạnh hơn bao giờ hết chào đón mũi tôi, và cùng lúc đó một tiếng xào xạc nhẹ khiến tôi ngẩng đầu khỏi cuốn sách. Hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên của tôi khi tôi thấy, không xa năm thước từ tôi, ngồi tại bàn mà tôi vừa rời khỏi, và dường như đang viết, hình dáng của một người đàn ông! Ngay khi tôi nhìn vào ông ta, cây bút rơi khỏi tay ông ta, ông ta đứng dậy khỏi ghế, ném vào tôi một cái nhìn dường như thể hiện sự thất vọng cay đắng và lời cầu xin đau lòng, và—biến mất!

Too much stupefied even to rise, I sat staring at the spot where he had stood, and rubbed my eyes mechanically, as though to clear away the last relics of some horrible dream. Great as the shock had been, I was surprised to find, as soon as I was able to analyse my sensations, that they were distinctly those of relief; and it was some minutes before I could comprehend this. At last it flashed across me that the haunting sense of an unseen presence was gone, and then for the first time I realised how terrible its oppression had been. Even that strange magical odour was rapidly fading away, and in spite of the startling sight I had just seen, I had a sense of freedom such as a man feels when he steps out of some dark dungeon into the full bright sunlight.

Quá kinh ngạc để đứng dậy, tôi ngồi nhìn chằm chằm vào chỗ ông ta đã đứng, và chà xát mắt một cách máy móc, như thể để xóa đi những tàn dư cuối cùng của một giấc mơ kinh khủng. Mặc dù cú sốc lớn, tôi ngạc nhiên khi thấy, ngay khi tôi có thể phân tích cảm giác của mình, rằng chúng rõ ràng là cảm giác nhẹ nhõm; và phải mất vài phút trước khi tôi có thể hiểu điều này. Cuối cùng, nó lóe lên trong tôi rằng cảm giác ám ảnh về một sự hiện diện vô hình đã biến mất, và lần đầu tiên tôi nhận ra sự áp bức khủng khiếp của nó. Ngay cả mùi hương kỳ lạ đó cũng đang nhanh chóng phai nhạt, và mặc dù cảnh tượng đáng kinh ngạc mà tôi vừa thấy, tôi có cảm giác tự do như một người bước ra khỏi một ngục tối tối tăm vào ánh sáng mặt trời rực rỡ.

Perhaps it was this feeling more than anything else that served to convince me that what I had seen was no delusion—that there had really been a presence in the room all the time which had at last succeeded in manifesting itself, and now was gone. I forced myself to sit still and recall carefully all that I had seen—even to note it down on the paper which lay before me on the desk of my literary machine.

Có lẽ chính cảm giác này hơn bất cứ điều gì khác đã thuyết phục tôi rằng những gì tôi đã thấy không phải là ảo giác—rằng thực sự đã có một sự hiện diện trong phòng suốt thời gian qua mà cuối cùng đã thành công trong việc hiện ra, và bây giờ đã biến mất. Tôi buộc mình ngồi yên và nhớ lại cẩn thận tất cả những gì tôi đã thấy—thậm chí ghi chú nó trên tờ giấy nằm trước mặt tôi trên bàn của máy văn học của tôi.

First, as to the personal appearance of my ghostly visitor, if such he were. His figure was

Trước tiên, về ngoại hình cá nhân của vị khách ma quái của tôi, nếu ông ta thực sự là như vậy.

tall and commanding, his face expressing great power and determination, but showing also traces of a reckless passion and possible latent brutality that certainly gave on the whole the impression of a man rather to be feared and avoided than loved. I noticed more particularly the firm setting of his lips, because running down from the under one there was a curious white scar, which this action caused to stand out conspicuously; and then I recollected how this expression had broken and changed to one in which anger, despair, and appeal for help were strangely mingled with a certain dark pride that seemed to say:

Hình dáng của ông ta cao và uy nghiêm, khuôn mặt thể hiện sức mạnh lớn và quyết tâm, nhưng cũng cho thấy dấu vết của một đam mê liều lĩnh và khả năng tàn bạo tiềm ẩn mà chắc chắn tạo ra ấn tượng chung về một người đàn ông nên sợ hãi và tránh xa hơn là yêu thương. Tôi chú ý đặc biệt đến sự cứng rắn của đôi môi ông ta, vì chạy xuống từ môi dưới có một vết sẹo trắng kỳ lạ, mà hành động này khiến nó nổi bật rõ ràng; và sau đó tôi nhớ lại cách biểu hiện này đã bị phá vỡ và thay đổi thành một biểu hiện trong đó sự giận dữ, tuyệt vọng, và lời cầu xin giúp đỡ được pha trộn kỳ lạ với một niềm kiêu hãnh tối tăm dường như nói:

"I have done all I could; I have played my last card and it has failed; I have never stooped to ask help from mortal man before, but I ask it from you now."

"Tôi đã làm tất cả những gì có thể; tôi đã chơi lá bài cuối cùng của mình và nó đã thất bại; tôi chưa bao giờ cúi đầu xin giúp đỡ từ người phàm trước đây, nhưng tôi xin nó từ bạn bây giờ."

A good deal, you will say, to make out of a single glance; but still that was exactly what it seemed to me to express; and, sinister though his appearance was, I mentally resolved that his appeal should not have been made in vain, if I could in any way discover who he was or what he wanted. I had never believed in ghosts before; I was not even quite sure that I did now; but clearly a fellow-creature in suffering was a brother to be helped, whether in the body or out of the body. With such thoughts as these all trace of fear vanished, and I honestly believe that if the spirit had reappeared I should have asked him to sit down and state his case as coolly as I should have met any other client.

Nhiều điều, bạn sẽ nói, để làm ra từ một cái nhìn duy nhất; nhưng vẫn đó chính xác là những gì nó dường như thể hiện với tôi; và, mặc dù vẻ ngoài đáng sợ của ông ta, tôi đã quyết tâm trong tâm trí rằng lời cầu xin của ông ta không nên bị làm ngơ, nếu tôi có thể bằng cách nào đó phát hiện ra ông ta là ai hoặc ông ta muốn gì. Tôi chưa bao giờ tin vào ma trước đây; tôi thậm chí không chắc chắn rằng tôi tin bây giờ; nhưng rõ ràng một đồng loại đang chịu đau khổ là một người anh em cần được giúp đỡ, dù trong thân xác hay ngoài thân xác. Với những suy nghĩ như vậy, mọi dấu vết của sự sợ hãi đã biến mất, và tôi thực sự tin rằng nếu linh hồn đó xuất hiện lại, tôi sẽ yêu cầu ông ta ngồi xuống và trình bày trường hợp của mình một cách bình tĩnh như tôi sẽ gặp bất kỳ khách hàng nào khác.

I carefully noted down all the events of the evening, appended the hour and date, and affixed my signature; and then, happening to

Tôi cẩn thận ghi chú lại tất cả các sự kiện của buổi tối, ghi chú giờ và ngày, và ký tên của mình; và sau đó, tình cờ nhìn lên, mắt tôi bị

look up, my eye was caught by two or three papers lying on the floor. I had seen the wide sleeve of the long dark gown that the spectre wore sweep them down as he rose, and this for the first time reminded me that he had appeared to be writing at the table, and consequently might possibly have left there some clue to the mystery. At once I went and examined it; but everything was as I had left it, except that my pen lay where I had seen it fall from his hand. I picked up the papers from the floor, and then—my heart gave a great bound, for I saw among them a curious torn fragment which had certainly not been on my table before.

thu hút bởi hai hoặc ba tờ giấy nằm trên sàn. Tôi đã thấy tay áo rộng của chiếc áo choàng đen dài mà bóng ma mặc quét chúng xuống khi ông ta đứng dậy, và điều này lần đầu tiên nhắc nhở tôi rằng ông ta dường như đang viết tại bàn, và do đó có thể đã để lại đó một manh mối cho bí ẩn. Ngay lập tức tôi đi và kiểm tra nó; nhưng mọi thứ vẫn như tôi đã để lại, ngoại trừ cây bút của tôi nằm nơi tôi đã thấy nó rơi khỏi tay ông ta. Tôi nhặt các tờ giấy từ sàn, và sau đó—tim tôi đập mạnh, vì tôi thấy trong số chúng có một mảnh giấy rách kỳ lạ mà chắc chắn không có trên bàn của tôi trước đó.

The eagerness with which I seized upon it may be imagined. It was a little oblong slip about five inches by three, apparently part either of a longer slip or a small book, for its edge at one end was extremely jagged, suggesting that considerable force had been required to tear it off; and indeed the paper was so thick and parchment-like that I could not wonder at it. The curious thing was that while the paper was much discoloured—water-stained and yellow with age—the jagged edge was white and fresh, looking as though it had been but just torn off. One side of the paper was entirely blank—or at least, if there ever had been any writing upon it, it had disappeared through the influence of time and damp; on the other were some blurred and indistinct characters, so faded as to be scarcely distinguishable, and, in a bold hand-writing in fresh black ink the two letters “Ra”.

Sự háo hức mà tôi nắm lấy nó có thể được tưởng tượng. Đó là một mảnh giấy nhỏ hình chữ nhật khoảng năm inch x ba inch, dường như là một phần của một mảnh giấy dài hơn hoặc một cuốn sách nhỏ, vì cạnh của nó ở một đầu rất răng cưa, gợi ý rằng cần có lực đáng kể để xé nó ra; và thực sự giấy dày và giống như giấy da đến mức tôi không thể ngạc nhiên về điều đó. Điều kỳ lạ là trong khi giấy bị đổi màu nhiều—bị ố nước và vàng với thời gian—cạnh răng cưa lại trắng và mới, trông như thể nó vừa mới bị xé ra. Một mặt của giấy hoàn toàn trống—hoặc ít nhất, nếu từng có chữ viết trên đó, nó đã biến mất do ảnh hưởng của thời gian và ẩm ướt; ở mặt kia có một số ký tự mờ và không rõ ràng, mờ nhạt đến mức khó phân biệt, và, bằng một nét chữ táo bạo bằng mực đen mới, hai chữ cái “Ra”.

Since the ink with which these letters were written corresponded exactly with that which I was in the habit of using, I could hardly doubt that they had been written at my table, and were the commencement of some explanation that the spectre had wished, but for some reason found himself unable, to

Vì mực mà những chữ cái này được viết tương ứng chính xác với loại mực mà tôi thường sử dụng, tôi khó có thể nghi ngờ rằng chúng đã được viết tại bàn của tôi, và là sự khởi đầu của một số giải thích mà bóng ma đã muốn, nhưng vì lý do nào đó không thể thực hiện. Tại sao ông ta lại mang theo giấy của mình, tôi không

make. Why he should have taken the trouble to bring his own paper with him I could not understand, but I inferred that probably some mystery was hidden beneath those undecipherable yellow marks, so I turned all my attention to them. After patient and long-continued effort, however, I was unable to make anything like sense out of them, and resolved to wait for daylight.

thể hiểu, nhưng tôi suy luận rằng có lẽ có một bí ẩn nào đó ẩn giấu dưới những dấu vết vàng không thể đọc được đó, vì vậy tôi đã dồn hết sự chú ý vào chúng. Sau những nỗ lực kiên nhẫn và kéo dài, tuy nhiên, tôi không thể làm cho chúng có ý nghĩa gì, và quyết định chờ đợi ánh sáng ban ngày.

Contrary to my expectations, I did not *dream* of my ghostly visitor that night, though I lay awake for some time thinking of him. In the morning I borrowed a magnifying glass from a friend, and resumed my examination. I found that there were two lines of writing, apparently in some foreign language, and then a curious mark, not unlike a monogram of some kind, standing as if in the place of a signature. But with all my efforts I could neither distinguish the letters of the monogram nor discover the language of the two lines of writing. As far as I could make it out it read thus:

Trái với mong đợi của tôi, tôi không mơ về vị khách ma quái của mình đêm đó, mặc dù tôi nằm thức một lúc suy nghĩ về ông ta. Sáng hôm sau, tôi mượn một chiếc kính lúp từ một người bạn, và tiếp tục kiểm tra của mình. Tôi phát hiện ra rằng có hai dòng chữ viết, dường như bằng một ngôn ngữ nước ngoài nào đó, và sau đó là một dấu hiệu kỳ lạ, không khác gì một chữ ký, đứng như thể ở vị trí của một chữ ký. Nhưng với tất cả nỗ lực của mình, tôi không thể phân biệt được các chữ cái của chữ ký hoặc phát hiện ra ngôn ngữ của hai dòng chữ viết. Theo như tôi có thể đọc được, nó viết như sau:

Qomm uia daousa sita eo uia uiese quoam.

Qomm uia daousa sita eo uia uiese quoam.

Some of these words had rather a Latin look; and I reflected that if the memorandum were as old as it appeared to be, Latin was a very likely language for it; but then I could make out nothing like a coherent sentence, so I was as far off from a solution as ever. I hardly knew what steps to take next. I shrank so much from speaking of the events of that evening that I could not bring myself to show the slip to any one else, lest it should lead to enquiries as to how it came into my possession; so I put it away carefully in my pocket-book, and for the time being my investigations seemed at a standstill.

Một số từ này có vẻ hơi giống tiếng Latin; và tôi suy nghĩ rằng nếu bản ghi nhớ này cũ như nó có vẻ, tiếng Latin là một ngôn ngữ rất có khả năng cho nó; nhưng sau đó tôi không thể làm ra một câu có nghĩa, vì vậy tôi vẫn còn xa khỏi một giải pháp. Tôi hầu như không biết nên làm gì tiếp theo. Tôi rất ngại nói về các sự kiện của buổi tối đó đến mức tôi không thể tự mình cho ai xem mảnh giấy đó, sợ rằng nó sẽ dẫn đến những câu hỏi về cách nó đến tay tôi; vì vậy tôi cẩn thận cất nó vào sổ tay của mình, và tạm thời các cuộc điều tra của tôi dường như bị đình trệ.

I had not gained any fresh light on the subject, nor come to any definite conclusion about it,

Tôi đã không có thêm ánh sáng mới nào về chủ đề này, cũng không đi đến kết luận rõ ràng nào

by the time the second incident of my story occurred, about a fortnight later. Again I was sitting at my writing-table early in the evening—engaged this time not upon my book but in the less congenial pursuit of answering letters. I dislike letter-writing, and am always apt to let my correspondence accumulate until the arrears assume formidable proportions, and insist on attention; and then I devote a day or two of purgatory to it, and clear them up. This was one of these occasions, further accentuated by the fact that I had to decide which of three Christmas invitations I would accept. It had been my custom for years always to spend Christmas when in England with my brother and his family, but this year his wife's health compelled them to winter abroad. I am conservative—absurdly so, I fear—about small things like this, and I felt that I should not really enjoy my Christmas at any house but his, so I cared little to choose in the matter. Here, however, were the three invitations; it was already the fourteenth of December, and I had not yet made up my mind. I was still debating the subject when I was disturbed by a loud knock at my door. On opening it I was confronted by a hand some sunburnt young fellow, whom at first I could not recognise; but when he called out in cheery tones:

"Why, Keston, old fellow, I believe you've forgotten me!"

I knew him at once as my old school-fellow Jack Fernleigh. He had been my fag at Eton, and I had found him such a jolly, good-hearted little fellow that our "official" relation had glided into a firm friendship—a very rare occurrence; and though he was so far junior to me at Oxford that we were together there only a few months, still our acquaintance was kept up, and I had corresponded with him in a desultory sort of way ever since. I knew,

về nó, cho đến khi sự kiện thứ hai trong câu chuyện của tôi xảy ra, khoảng hai tuần sau đó. Một lần nữa tôi đang ngồi tại bàn viết của mình vào buổi tối sớm—lần này không phải để viết sách mà là theo đuổi ít thú vị hơn là trả lời thư. Tôi không thích viết thư, và luôn có xu hướng để thư từ của mình tích tụ cho đến khi số lượng tồn đọng trở nên đáng kể, và yêu cầu sự chú ý; và sau đó tôi dành một hoặc hai ngày trong địa ngục để giải quyết chúng. Đây là một trong những dịp đó, càng được nhấn mạnh bởi thực tế rằng tôi phải quyết định chấp nhận lời mời Giáng sinh nào trong ba lời mời. Đã là thói quen của tôi trong nhiều năm luôn dành Giáng sinh khi ở Anh với anh trai và gia đình của anh ấy, nhưng năm nay sức khỏe của vợ anh ấy buộc họ phải nghỉ đông ở nước ngoài. Tôi bảo thủ—có lẽ là quá mức, tôi sợ—về những điều nhỏ nhặt như thế này, và tôi cảm thấy rằng tôi sẽ không thực sự tận hưởng Giáng sinh của mình ở bất kỳ ngôi nhà nào khác ngoài nhà của anh ấy, vì vậy tôi không quan tâm nhiều đến việc lựa chọn trong vấn đề này. Tuy nhiên, đây là ba lời mời; đã là ngày mười bốn tháng Mười Hai, và tôi vẫn chưa quyết định. Tôi vẫn đang tranh luận về chủ đề này khi tôi bị làm phiền bởi một tiếng gõ cửa lớn. Khi mở cửa, tôi đối diện với một chàng trai trẻ rám nắng đẹp trai, người mà lúc đầu tôi không thể nhận ra; nhưng khi anh ta gọi lớn bằng giọng vui vẻ:

"Này, Keston, bạn cũ, tôi tin rằng bạn đã quên tôi rồi!"

Tôi nhận ra ngay anh ta là bạn học cũ của tôi, Jack Fernleigh. Anh ta đã từng là người hầu của tôi ở Eton, và tôi đã thấy anh ta là một chàng trai vui vẻ, tốt bụng đến mức mối quan hệ "chính thức" của chúng tôi đã chuyển thành một tình bạn vững chắc—một điều rất hiếm; và mặc dù anh ta trẻ hơn tôi rất nhiều ở Oxford đến mức chúng tôi chỉ ở cùng nhau vài tháng, nhưng mối quan hệ của chúng tôi vẫn được duy trì, và tôi đã trao đổi thư từ với anh

consequently, that some years ago he had had some difference with his uncle (his only living relation) and had gone off to the West Indies to seek his fortune; and though our letters had been few and far between, I knew in a general way that he was doing very well there, so it was with no small surprise that I saw him standing at the door of my chambers in London.

ta một cách không thường xuyên kể từ đó. Tôi biết, do đó, rằng vài năm trước anh ta đã có một số bất đồng với chú của mình (người thân duy nhất còn sống của anh ta) và đã đi đến Tây Ấn để tìm kiếm vận may; và mặc dù thư từ của chúng tôi ít và xa, tôi biết một cách tổng quát rằng anh ta đang làm rất tốt ở đó, vì vậy tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy anh ta đứng ở cửa phòng của tôi ở London.

I gave him a hearty welcome, set him down by the fire, and then asked him to explain his presence in England. He told me that his uncle had died suddenly, leaving no will, and that the lawyers had telegraphed the news to him. He had at once thrown up his position and started for England by the next steamer. Arriving in London too late to see his lawyers that day, and having after his long absence no other friends there, he had come, as he expressed it, to see whether I had forgotten my old fag.

Tôi chào đón anh ta nồng nhiệt, đặt anh ta ngồi bên lò sưởi, và sau đó hỏi anh ta giải thích sự hiện diện của mình ở Anh. Anh ta nói với tôi rằng chú của anh ta đã đột ngột qua đời, không để lại di chúc, và các luật sư đã điện báo tin tức cho anh ta. Anh ta ngay lập tức từ bỏ vị trí của mình và khởi hành đến Anh bằng chuyến tàu tiếp theo. Đến London quá muộn để gặp các luật sư của mình trong ngày đó, và sau khi vắng mặt lâu không có bạn bè nào khác ở đó, anh ta đã đến, như anh ta nói, để xem liệu tôi có quên người hầu cũ của mình không.

"And right glad I am that you did, my boy," said I; "where is your luggage? We must send to the hotel for it, for I shall make you up a bed here for to-night."

"Và tôi rất vui vì bạn đã làm vậy, chàng trai của tôi," tôi nói; "hành lý của bạn đâu? Chúng ta phải gửi đến khách sạn để lấy nó, vì tôi sẽ chuẩn bị cho bạn một giường ngủ ở đây tối nay."

He made a feeble protest, which I at once overruled; a messenger was found and despatched to the hotel, and we settled down for a talk about old times which lasted far into the night. The next morning he went betimes to call upon his lawyers, and in the afternoon started for Fernleigh Hall (now his property), but not before we had decided that I should run down and spend Christmas there with him instead of accepting any of my three previous invitations.

Anh ta phản đối yếu ớt, mà tôi ngay lập tức bác bỏ; một người đưa tin được tìm thấy và gửi đến khách sạn, và chúng tôi ngồi xuống để nói chuyện về những ngày xưa cũ kéo dài đến tận đêm khuya. Sáng hôm sau, anh ta đi sớm để gặp các luật sư của mình, và buổi chiều khởi hành đến Fernleigh Hall (bây giờ là tài sản của anh ta), nhưng không trước khi chúng tôi đã quyết định rằng tôi sẽ xuống đó và dành Giáng sinh với anh ta thay vì chấp nhận bất kỳ lời mời nào trong ba lời mời trước đó của tôi.

"I expect to find everything in a terrible state," he said; "but in a week's time I shall be able to get things a little to rights, and if you will turn

"Tôi mong đợi tìm thấy mọi thứ trong tình trạng khủng khiếp," anh ta nói; "nhưng trong một tuần, tôi sẽ có thể sắp xếp mọi thứ một

up on the twenty-third I will promise you at least a bed to sleep in, and you will be doing a most charitable action in preventing my first Christmas in England for many a year from being a lonely one."

chút, và nếu bạn đến vào ngày hai mươi ba, tôi sẽ hứa với bạn ít nhất một giường để ngủ, và bạn sẽ làm một hành động từ thiện lớn nhất trong việc ngăn chặn Giáng sinh đầu tiên của tôi ở Anh trong nhiều năm trở thành một Giáng sinh cô đơn."

So we settled it, and consequently at four o'clock on the afternoon of the twenty-third I was shaking hands again with Jack on the platform of the little country station a few miles from Fernleigh. The short day had already drawn to a close by the time we reached the house, so I could get only a general idea of its outside appearance. It was a large Elizabethan mansion, but evidently not in very good repair; however, the rooms into which we were ushered were bright and cheerful enough. We had a snug little dinner, and after it Jack proposed to show me over the house. Accordingly, preceded by a solemn old butler with a lamp, we wandered through interminable mazes of rambling passages, across great desolated halls, and in and out of dozens of tapestried and panelled bedrooms—some of them with walls of enormous thickness, suggestive of all sorts of trap-doors and secret outlets—till my brain became absolutely confused, and I felt as though, if my companions had abandoned me, I might have spent days in trying to find my way out of the labyrinth.

Vì vậy, chúng tôi đã sắp xếp, và do đó vào bốn giờ chiều ngày hai mươi ba, tôi lại bắt tay với Jack trên sân ga của một nhà ga nhỏ ở nông thôn cách Fernleigh vài dặm. Ngày ngắn đã kết thúc khi chúng tôi đến nhà, vì vậy tôi chỉ có thể có một ý tưởng chung về vẻ ngoài bên ngoài của nó. Đó là một dinh thự lớn theo phong cách Elizabeth, nhưng rõ ràng không được bảo trì tốt; tuy nhiên, các phòng mà chúng tôi được đưa vào rất sáng sủa và vui vẻ. Chúng tôi đã có một bữa tối ấm cúng, và sau đó Jack đề nghị dẫn tôi đi tham quan ngôi nhà. Theo đó, được dẫn đầu bởi một quản gia già nghiêm nghị với một chiếc đèn, chúng tôi lang thang qua những mê cung vô tận của các hành lang quanh co, qua những sảnh lớn hoang vắng, và vào ra hàng tá phòng ngủ có tường treo thảm và ốp gỗ—một số trong số chúng có tường dày khủng khiếp, gợi ý về tất cả các loại cửa bẫy và lối ra bí mật—cho đến khi đầu óc tôi hoàn toàn rối loạn, và tôi cảm thấy như thể, nếu các bạn đồng hành của tôi bỏ rơi tôi, tôi có thể đã mất nhiều ngày để cố gắng tìm đường ra khỏi mê cung.

"You could accommodate an army here, Jack!" said I.

"Bạn có thể chứa một đội quân ở đây, Jack!" tôi nói.

"Yes," he replied, "and in the good old days Fernleigh was known all over the county for its open hospitality; but now, as you see, the rooms are bare and almost unfurnished."

"Đúng," anh ta trả lời, "và trong những ngày xưa tốt đẹp, Fernleigh được biết đến khắp quận vì lòng hiếu khách rộng mở của nó; nhưng bây giờ, như bạn thấy, các phòng trống rỗng và gần như không có đồ đạc."

"You'll soon change all that when you bring home a nice little wife," I said; "the place only

"Bạn sẽ sớm thay đổi tất cả khi bạn mang về một người vợ nhỏ dễ thương," tôi nói; "nơi này

wants a lady to take care of it."

chỉ cần một người phụ nữ để chăm sóc nó."

"No hope of it, my dear fellow, I'm sorry to say," replied Jack; "there is not enough money for that."

"Không có hy vọng nào về điều đó, bạn thân mến, tôi rất tiếc phải nói," Jack trả lời; "không có đủ tiền cho điều đó."

I knew how in our school-days he had worshipped with all a boy's devotion lovely Lilian Featherstone, the daughter of the rector of the parish, and I had heard from him at college that on his part at least their childish intimacy had ripened into something deeper; so I asked after her now, and soon discovered that his sojourn in the tropics had worked no change in his feelings in this respect, that he had already contrived to meet her and her father out riding since his return, and that be had good reason to hope from her blush of pleasure on seeing him that he had not been forgotten in his absence. But alas! her father had only his living to depend on, and Jack's uncle (a selfish profligate) had not only let everything go to ruin, but had also so encumbered the estate that, by the time all was paid off and it was entirely free, there was but little money left—barely sufficient to support Jack himself, and certainly not enough to marry upon.

Tôi biết làm thế nào trong những ngày học của chúng tôi, anh ta đã tôn thờ với tất cả sự tận tụy của một cậu bé đối với Lilian Featherstone xinh đẹp, con gái của mục sư của giáo xứ, và tôi đã nghe từ anh ta ở trường đại học rằng ít nhất về phía anh ta, mối quan hệ thân thiết của họ đã phát triển thành một cái gì đó sâu sắc hơn; vì vậy tôi hỏi về cô ấy bây giờ, và sớm phát hiện ra rằng thời gian ở vùng nhiệt đới của anh ta không thay đổi cảm xúc của anh ta trong khía cạnh này, rằng anh ta đã sắp xếp để gặp cô ấy và cha cô ấy khi cưỡi ngựa kể từ khi trở về, và rằng anh ta có lý do chính đáng để hy vọng từ sự đỏ mặt của cô ấy khi thấy anh ta rằng anh ta không bị lãng quên trong thời gian vắng mặt. Nhưng than ôi! cha cô ấy chỉ có cuộc sống của mình để phụ thuộc, và chú của Jack (một kẻ phóng đãng ích kỷ) không chỉ để mọi thứ rơi vào tình trạng hư hỏng, mà còn làm cho tài sản bị nợ nần đến mức, khi tất cả được trả hết và nó hoàn toàn tự do, chỉ còn lại rất ít tiền—chỉ đủ để hỗ trợ Jack, và chắc chắn không đủ để kết hôn.

"So there is no hope of Lilian yet, you see," he concluded; "but I am young and strong; I can work, and I think she will wait for me. You shall see her on Thursday, for I have promised that we will dine with them then; they would have insisted on having me on Christmas day, but that I told them I had an old school-fellow coming down."

"Vì vậy, không có hy vọng nào về Lilian, bạn thấy đấy," anh ta kết luận; "nhưng tôi còn trẻ và mạnh mẽ; tôi có thể làm việc, và tôi nghĩ cô ấy sẽ chờ tôi. Bạn sẽ gặp cô ấy vào thứ Năm, vì tôi đã hứa rằng chúng ta sẽ ăn tối với họ vào ngày đó; họ đã muốn có tôi vào ngày Giáng sinh, nhưng tôi đã nói với họ rằng tôi có một người bạn học cũ đến thăm."

Just then we reached the door of the picture-gallery, and the old butler, having thrown it open, was proceeding to usher us in, but I said:

Ngay lúc đó, chúng tôi đến cửa của phòng trưng bày tranh, và người quản gia già, sau khi mở cửa, đang chuẩn bị dẫn chúng tôi vào, nhưng tôi nói:

"No, Jack, let us leave this until tomorrow; we

"Không, Jack, hãy để chúng ta để lại điều này

cannot see pictures well by this light. Let us go back to the fire, and you shall tell me that old legend of your family that was so much talked about at college; I never heard more than the merest fragments of it."

cho đến ngày mai; chúng ta không thể xem tranh tốt dưới ánh sáng này. Hãy quay lại lò sưởi, và bạn sẽ kể cho tôi nghe truyền thuyết cũ của gia đình bạn mà đã được nói đến rất nhiều ở trường đại học; tôi chưa bao giờ nghe nhiều hơn những mảnh vụn nhỏ nhất của nó."

"There is nothing worth calling a legend," said Jack, as we settled down in the cosy little room he called his study; "nor is it very old, for it refers only to the latter part of the eighteenth century. The interest of the story, such as it is, centres round Sir Ralph Fernleigh, the last baronet, who seems by all accounts to have been a somewhat questionable character. He is said to have been a strange, reserved man—a man of strong passions, iron will, and indomitable pride; he spent much of his time abroad, and was reported to have acquired enormous wealth by means that would not bear too close examination. He was commonly known as "wicked Sir Ralph," and the more superstitious of his neighbours firmly believed that he had studied the black art during his long absences in the East. Others hinted that he was owner of a privateer, and that in those troubled times it was easy for a reckless man to commit acts of piracy with impunity.

"Không có gì đáng gọi là truyền thuyết," Jack nói, khi chúng tôi ngồi xuống trong căn phòng nhỏ ấm cúng mà anh ta gọi là phòng làm việc của mình; "cũng không phải là rất cũ, vì nó chỉ đề cập đến phần cuối của thế kỷ mười tám. Sự quan tâm của câu chuyện, như nó là, tập trung quanh Sir Ralph Fernleigh, vị nam tước cuối cùng, người dường như theo tất cả các tài khoản là một nhân vật khá đáng ngờ. Ông ta được cho là một người đàn ông kỳ lạ, kín đáo—một người đàn ông có đam mê mạnh mẽ, ý chí sắt đá, và niềm kiêu hãnh không thể lay chuyển; ông ta đã dành nhiều thời gian ở nước ngoài, và được cho là đã tích lũy được sự giàu có khổng lồ bằng những phương tiện không thể chịu đựng được sự kiểm tra kỹ lưỡng. Ông ta thường được gọi là "Sir Ralph xấu xa," và những người mê tín nhất trong số hàng xóm của ông ta tin chắc rằng ông ta đã nghiên cứu nghệ thuật đen trong những lần vắng mặt dài của mình ở phương Đông. Những người khác ám chỉ rằng ông ta là chủ sở hữu của một tàu tư nhân, và rằng trong những thời kỳ rối loạn đó, dễ dàng cho một người đàn ông liều lĩnh thực hiện các hành vi cướp biển mà không bị trừng phạt.

He was credited with a great knowledge of jewels, and was reported to possess one of the most splendid private collections of them in the world; but as none were found by his successor, I conclude that unless they were stolen the story was a myth, like that which represented him as having bars of gold and silver stacked up in his cellars. It seems certain that he was really tolerably rich, and that during his later years, which he spent here, he

Ông ta được cho là có kiến thức lớn về đá quý, và được cho là sở hữu một trong những bộ sưu tập đá quý tư nhân lộng lẫy nhất trên thế giới; nhưng vì không có viên nào được tìm thấy bởi người kế vị của ông ta, tôi kết luận rằng trừ khi chúng bị đánh cắp, câu chuyện đó là một huyền thoại, giống như câu chuyện cho rằng ông ta có các thanh vàng và bạc chất đống trong hầm của mình. Có vẻ như chắc chắn rằng ông ta thực sự khá giàu có, và trong

lived a remarkably retired life. He discharged all servants but a confidential man of his own, an Italian who had accompanied him in his wanderings; and these two lived a sort of hermit-life here all by themselves, holding no intercourse with the outer world. The universal report was that, though he had stored up great hoards of ill-gotten wealth, Sir Ralph lived like a miser. The few people who had seen him whispered darkly of a haunted look always to be seen on his proud face, and talked beneath their breath of some terrible secret crime; but I do not know that anything was ever really proved against him.

những năm cuối đời, ông ta đã sống một cuộc sống rất ẩn dật. Ông ta đã sa thải tất cả các người hầu trừ một người đàn ông tin cậy của mình, một người Ý đã đi cùng ông ta trong những cuộc phiêu lưu của mình; và hai người này đã sống một cuộc sống ẩn dật ở đây một mình, không giao tiếp với thế giới bên ngoài. Báo cáo phổ biến là, mặc dù ông ta đã tích lũy được những kho báu lớn từ những của cải bất chính, Sir Ralph sống như một kẻ keo kiệt. Những người ít ỏi đã thấy ông ta thì thầm một cách tối tăm về một cái nhìn ám ảnh luôn có thể thấy trên khuôn mặt kiêu hãnh của ông ta, và nói chuyện dưới hơi thở của họ về một tội ác bí mật khủng khiếp nào đó; nhưng tôi không biết rằng bất cứ điều gì đã thực sự được chứng minh chống lại ông ta.

One morning, however, he mysteriously disappeared; at least such was the story of the Italian servant, who came one day to the village asking in a frightened way in his broken English whether any one had seen his master. He said that, two days before, Sir Ralph had in the evening ordered his horse to be saddled early on the following morning, as he was going on a short journey alone; but when the morning came, though the horse was ready, *he* was not. He did not answer to his servant's calls, and though the latter searched through every room in the great old house, not a trace of his master could he find. His bed, he said, had not been slept in that night, and the only theory he could offer was that he had been carried away by the demons he used to raise. The villagers suspected foul play, and there was a talk of arresting the servant—which, coming to the latter's ears, seems to have alarmed him so much (in his ignorance of the customs of the country) that *he* also mysteriously disappeared that night, and was never seen again.

Một buổi sáng, tuy nhiên, ông ta biến mất một cách bí ẩn; ít nhất đó là câu chuyện của người hầu người Ý, người đã đến làng một ngày nọ hỏi một cách sợ hãi bằng tiếng Anh bập bẹ của mình liệu có ai đã thấy chủ của mình không. Ông ta nói rằng, hai ngày trước đó, Sir Ralph đã ra lệnh cho ngựa của mình được yên cương sớm vào sáng hôm sau, vì ông ta sẽ đi một chuyến ngắn một mình; nhưng khi sáng đến, mặc dù ngựa đã sẵn sàng, ông ta không có mặt. Ông ta không trả lời các cuộc gọi của người hầu, và mặc dù người hầu đã tìm kiếm qua mọi phòng trong ngôi nhà cũ lớn, không một dấu vết nào của chủ của mình mà ông ta có thể tìm thấy. Giường của ông ta, ông ta nói, không được ngủ đêm đó, và lý thuyết duy nhất mà ông ta có thể đưa ra là ông ta đã bị mang đi bởi những con quỷ mà ông ta thường triệu hồi. Những người dân làng nghi ngờ có điều gì đó không ổn, và có một cuộc nói chuyện về việc bắt giữ người hầu—điều này, khi đến tai người hầu, dường như đã làm ông ta sợ hãi đến mức (trong sự thiếu hiểu biết về phong tục của đất nước) ông ta cũng biến mất một cách bí ẩn đêm đó, và không bao giờ được nhìn thấy nữa.

Two days afterwards an exploring party was formed by the more adventurous of the villagers. They went all over the house and grounds, examined every nook and corner, and shouted themselves hoarse; "but there was no voice, neither any that answered," and from that day to this no sign either of master or man has ever revisited the light of the sun. Since the explorers could find none of the rumoured hoards of money either, it was an accepted article of faith among them that "that there furriner" had murdered his master, hidden his body, and carried off the treasure, and of course a story presently arose that Sir Ralph's ghost had been seen about the place.

Hai ngày sau đó, một nhóm thám hiểm được thành lập bởi những người dân làng dũng cảm hơn. Họ đã đi khắp ngôi nhà và khu đất, kiểm tra mọi ngóc ngách, và hét lên đến khản cổ; "nhưng không có tiếng nói, cũng không có ai trả lời," và từ ngày đó đến nay không có dấu hiệu nào của chủ hay người hầu đã từng trở lại ánh sáng mặt trời. Vì những người thám hiểm không thể tìm thấy bất kỳ kho báu nào được đồn đại, đó là một điều được chấp nhận trong số họ rằng "người nước ngoài đó" đã giết chủ của mình, giấu xác, và mang theo kho báu, và tất nhiên một câu chuyện đã xuất hiện rằng hồn ma của Sir Ralph đã được nhìn thấy quanh nơi này.

They whispered that his room might be known from all the rest in this dark old house by a peculiar atmosphere of its own, caused by the constant haunting of the unquiet spirit of the owner; but this soon became a mere tradition, and now no one knows even in what part of the house his room was, nor have I ever heard of the ghost's appearance in my uncle's time, though I know be half-believed in it and never liked to speak of it. After Sir Ralph's disappearance the place was unoccupied and neglected for some years, till at last a distant cousin put in a claim to it, got it allowed by the lawyers, and took possession. He found, it is said, but a small balance after all to Sir Ralph's credit at his bankers'; but he had money of his own, apparently, for he proceeded to refit and rearrange the old place, and soon had it in respectable order. From him it descended to my uncle, who has let every thing run to seed again, as you see."

Họ thì thầm rằng phòng của ông ta có thể được biết đến từ tất cả các phòng khác trong ngôi nhà tối tăm này bởi một bầu không khí đặc biệt của riêng nó, gây ra bởi sự ám ảnh liên tục của linh hồn không yên của chủ nhân; nhưng điều này sớm trở thành một truyền thuyết đơn thuần, và bây giờ không ai biết thậm chí ở phần nào của ngôi nhà là phòng của ông ta, cũng không tôi đã từng nghe về sự xuất hiện của hồn ma trong thời của chú tôi, mặc dù tôi biết ông ta nửa tin vào nó và không bao giờ thích nói về nó. Sau khi Sir Ralph biến mất, nơi này không có người ở và bị bỏ bê trong nhiều năm, cho đến khi cuối cùng một người họ hàng xa đã đưa ra yêu cầu về nó, được luật sư chấp nhận, và chiếm hữu. Ông ta phát hiện ra, người ta nói, chỉ có một số dư nhỏ sau tất cả trong tài khoản của Sir Ralph tại ngân hàng của ông ta; nhưng ông ta có tiền của riêng mình, rõ ràng, vì ông ta đã tiến hành sửa chữa và sắp xếp lại nơi cũ, và sớm đưa nó vào trật tự đáng kính. Từ ông ta, nó truyền lại cho chú của tôi, người đã để mọi thứ rơi vào tình trạng hư hỏng một lần nữa, như bạn thấy."

"That is a very interesting family legend after all, Jack," said I, "though perhaps rather

"Đó là một truyền thuyết gia đình rất thú vị sau tất cả, Jack," tôi nói, "mặc dù có lẽ hơi thiếu

lacking in romantic completeness. But have you no relics of this mysterious Sir Ralph?"

sự hoàn thiện lãng mạn. Nhưng bạn không có di vật nào của Sir Ralph bí ẩn này sao?"

"There is his portrait in the picture-gallery along with the rest; there are some queer old books of his in the library, and one or two articles of furniture that are reported to have been his; but there is nothing to add to the romance of the story, I am afraid."

"Có bức chân dung của ông ta trong phòng trưng bày tranh cùng với những bức khác; có một số cuốn sách cũ kỳ lạ của ông ta trong thư viện, và một hoặc hai món đồ nội thất được cho là của ông ta; nhưng không có gì để thêm vào sự lãng mạn của câu chuyện, tôi sợ."

Little he thought, as he uttered those words just as we were separating for the night, what the real romance of that story was, or how soon we were to discover it!

Anh ta không nghĩ, khi anh ta thốt ra những lời đó ngay khi chúng tôi đang chia tay vào buổi tối, rằng sự lãng mạn thực sự của câu chuyện đó là gì, hoặc chúng tôi sẽ sớm phát hiện ra nó như thế nào!

My bedroom was a huge panelled chamber with walls of prodigious thickness, and with some very beautiful old carving about it. A border of roses and lilies that ran round the panels especially attracted my attention as one of the finest examples of that style of work that I had ever seen. There is always, I think, something uncanny about great Elizabethan bedrooms and huge four-post bedsteads, and I suppose my late ghostly experience had rendered me specially alive to such influences; so, though the roaring fire which Jack's hospitable care had provided for me threw a cheery light into every corner, I found myself thinking as I lay down in bed:

Phòng ngủ của tôi là một căn phòng lớn có tường ốp gỗ với tường dày khủng khiếp, và với một số chạm khắc cổ rất đẹp xung quanh. Một viền hoa hồng và hoa huệ chạy quanh các tấm ốp đặc biệt thu hút sự chú ý của tôi như một trong những ví dụ tốt nhất của phong cách công việc đó mà tôi từng thấy. Tôi nghĩ rằng luôn có điều gì đó kỳ lạ về các phòng ngủ lớn theo phong cách Elizabeth và các giường bốn cột lớn, và tôi cho rằng trải nghiệm ma quái gần đây của tôi đã khiến tôi đặc biệt nhạy cảm với những ảnh hưởng như vậy; vì vậy, mặc dù ngọn lửa rực rỡ mà sự chăm sóc hiếu khách của Jack đã chuẩn bị cho tôi đã chiếu sáng mọi góc, tôi thấy mình nghĩ khi nằm xuống giường:

"What if this should turn out to be Sir Ralph's forgotten chamber, and he should come and disturb my rest, as that other visitor came to me in town!"

"Điều gì sẽ xảy ra nếu đây là phòng bị lãng quên của Sir Ralph, và ông ta sẽ đến và làm phiền giấc ngủ của tôi, như vị khách khác đã đến với tôi ở thành phố!"

This idea returned to me again and again, until I really began to fancy that I could distinguish the peculiar atmosphere of which Jack had spoken—a sort of subtle influence that was gradually taking possession of me. This I felt would never do, if I was to have a comfortable night, so I roused myself from

Ý tưởng này trở lại với tôi nhiều lần, cho đến khi tôi thực sự bắt đầu tưởng tượng rằng tôi có thể phân biệt được bầu không khí đặc biệt mà Jack đã nói đến—một loại ảnh hưởng tinh tế đang dần chiếm lấy tôi. Điều này tôi cảm thấy sẽ không bao giờ làm được, nếu tôi muốn có một đêm thoải mái, vì vậy tôi đã tự mình rũ bỏ

this unhealthy train of thought and resolutely put it away from me; but do what I would, I could not entirely shake off ghostly associations, for (recalled I suppose by my surroundings) every detail of the strange occurrence at my chambers passed before my mind over and over again with startling distinctness and fidelity.

Eventually I fell into a troubled sleep, in which my late mysterious visitor and the idea I had formed of Sir Ralph Fernleigh seemed to chase each other through my brain, till at last all these confused visions culminated in one peculiarly vivid dream. I seemed to myself to be lying in bed (just as I really was), with the fire burnt down to a deep red glow, when suddenly there appeared before me the same figure that I had seen in my chambers, habited in the same loose black robe; but now it held in its left hand a small book—evidently that to which the slip in my possession had belonged, for I could see the very place from which the missing leaf had been torn—and with the forefinger of the right hand the spectre was pointing to the last page of the book, while it looked eagerly in my face. I sprang up and approached the figure; it retreated before me until it reached one of the panelled walls, through which it seemed to vanish, still pointing to the page of its book, and with that imploring gaze still on its face. I woke with a start, and found myself standing close to the wall at the spot where the figure had seemed to disappear, with the dull red glow of the fire reflected from the carving, just as I had seen it in my dream, and my nostrils filled once more with that strange sweet Oriental perfume! Then in a moment a revelation. dawned upon my mind. There *was* a peculiarity in the atmosphere of the room—I had been quite right in fancying so; and that peculiarity, which I could not recognise before, consisted in the faintest possible permanent suggestion

dòng suy nghĩ không lành mạnh này và kiên quyết gạt nó ra khỏi tâm trí; nhưng dù tôi có làm gì, tôi không thể hoàn toàn rũ bỏ các liên tưởng ma quái, vì (được gợi lại, tôi cho rằng, bởi môi trường xung quanh của tôi) mọi chi tiết của sự kiện kỳ lạ tại các phòng làm việc của tôi đã hiện ra trong tâm trí tôi nhiều lần với sự rõ ràng và trung thực đáng kinh ngạc.

Cuối cùng, tôi rơi vào một giấc ngủ rối loạn, trong đó vị khách bí ẩn gần đây của tôi và ý tưởng mà tôi đã hình thành về Sir Ralph Fernleigh dường như đuổi theo nhau qua não tôi, cho đến khi cuối cùng tất cả những hình ảnh lộn xộn này đỉnh điểm trong một giấc mơ đặc biệt sống động. Tôi dường như nằm trên giường (giống như tôi thực sự đang làm), với ngọn lửa đã cháy xuống thành một ánh sáng đỏ sâu, khi đột nhiên trước mặt tôi xuất hiện cùng một hình dáng mà tôi đã thấy trong các phòng làm việc của mình, mặc trong cùng một chiếc áo choàng đen lỏng lẻo; nhưng bây giờ nó cầm trong tay trái một cuốn sách nhỏ—rõ ràng là cuốn sách mà mảnh giấy trong tay tôi đã thuộc về, vì tôi có thể thấy chính nơi mà trang bị mất đã bị xé ra—và với ngón tay trỏ của tay phải, bóng ma đang chỉ vào trang cuối của cuốn sách, trong khi nó nhìn chằm chằm vào mặt tôi. Tôi bật dậy và tiến đến gần hình dáng đó; nó lùi lại trước tôi cho đến khi nó đến một trong những bức tường ốp gỗ, qua đó nó dường như biến mất, vẫn chỉ vào trang của cuốn sách của nó, và với ánh mắt cầu xin đó vẫn trên khuôn mặt của nó. Tôi tỉnh dậy với một cú giật mình, và thấy mình đứng gần bức tường tại chỗ mà hình dáng đó dường như biến mất, với ánh sáng đỏ mờ của ngọn lửa phản chiếu từ chạm khắc, giống như tôi đã thấy trong giấc mơ của mình, và mũi tôi lại một lần nữa đầy mùi hương phương Đông ngọt ngào kỳ lạ đó! Rồi trong một khoảnh khắc, một sự mặc khải đã lóe lên trong tâm trí tôi. Có một sự đặc biệt trong bầu không khí của căn phòng—tôi đã hoàn toàn đúng khi tưởng

of that magical odour so faint that I had not been able to identify it until this stronger rush of the scent made it clear.

tượng như vậy; và sự đặc biệt đó, mà tôi không thể nhận ra trước đây, bao gồm trong gợi ý nhẹ nhất có thể của mùi hương ma thuật đó, nhẹ đến mức tôi không thể nhận ra nó cho đến khi làn hương mạnh hơn này làm cho nó rõ ràng.

Was it a dream, I asked myself; or had I really seen my mysterious visitor once more? I could not tell, but at any rate the smell in the room was an undoubted fact. I went and tried the door, but, as I expected, found it as I left it fast locked. I stirred up my fire into a bright blaze, threw fresh coals on it, and went to bed again —this time to sleep soundly and refreshingly till I was awakened in the morning by the servant bringing hot water.

Đó có phải là một giấc mơ, tôi tự hỏi; hay tôi thực sự đã thấy vị khách bí ẩn của mình một lần nữa? Tôi không thể nói, nhưng dù sao đi nữa, mùi hương trong phòng là một thực tế không thể chối cãi. Tôi đi và thử cửa, nhưng, như tôi mong đợi, thấy nó như tôi đã để lại, khóa chặt. Tôi khuấy động ngọn lửa của mình thành một ngọn lửa sáng, ném thêm than vào đó, và đi ngủ lại—lần này để ngủ ngon và sảng khoái cho đến khi tôi bị đánh thức vào buổi sáng bởi người hầu mang nước nóng.

Reviewing my last night's adventure in the sober light of day, I was disposed to think that something of it at least might be due to overheated imagination, though I still fancied I could detect that faint peculiarity of atmosphere. I decided to say nothing to Fernleigh, since to speak of it would involve describing the apparition in my chambers, which I shrank from discussing with any one; so when Jack asked me how I had slept, I replied:

Xem xét cuộc phiêu lưu đêm qua của tôi dưới ánh sáng tỉnh táo của ngày, tôi có xu hướng nghĩ rằng một phần nào đó ít nhất có thể do trí tưởng tượng quá nóng, mặc dù tôi vẫn tưởng tượng rằng tôi có thể phát hiện ra sự đặc biệt nhẹ của bầu không khí. Tôi quyết định không nói gì với Fernleigh, vì nói về nó sẽ liên quan đến việc mô tả sự xuất hiện trong các phòng làm việc của tôi, điều mà tôi ngại thảo luận với bất kỳ ai; vì vậy khi Jack hỏi tôi đã ngủ như thế nào, tôi trả lời:

"Very well indeed towards morning, though a little restless in the earlier part of the night."

"Rất tốt vào buổi sáng, mặc dù hơi bồn chồn trong phần đầu của đêm."

After breakfast we walked about the park, which was very extensive, and studied the stately old house from different points of view. I was much struck with the great beauty of its situation and surroundings; and, though there were sad traces of neglect everywhere, I saw that the expenditure of what was comparatively but a small amount of money for so large a place would make it fully worthy to rank with any mansion and estate of its size in the kingdom. I enthusiastically pointed out

Sau bữa sáng, chúng tôi đi dạo quanh công viên, nơi rất rộng lớn, và nghiên cứu ngôi nhà cổ kính từ các góc độ khác nhau. Tôi rất ấn tượng với vẻ đẹp tuyệt vời của vị trí và môi trường xung quanh của nó; và, mặc dù có những dấu vết buồn bã của sự bỏ bê ở khắp mọi nơi, tôi thấy rằng việc chi tiêu một số tiền tương đối nhỏ cho một nơi lớn như vậy sẽ làm cho nó hoàn toàn xứng đáng để xếp hạng với bất kỳ dinh thự và tài sản nào có kích thước tương tự trong vương quốc. Tôi nhiệt tình chỉ

the various possibilities to Jack, but he, poor fellow, sorrowfully remarked that the sum required to make the improvements, though no doubt comparatively small, was absolutely pretty large, and far beyond his present means.

ra các khả năng khác nhau cho Jack, nhưng anh ta, chàng trai tội nghiệp, buồn bã nhận xét rằng số tiền cần thiết để thực hiện các cải tiến, mặc dù không nghi ngờ gì là tương đối nhỏ, là hoàn toàn khá lớn, và vượt xa khả năng hiện tại của anh ta.

After some hour's ramble we returned to the house, and Jack proposed that we should look over the picture-gallery and some other rooms that we had not seen on the previous night. We took the gallery first, and Jack told me that it had once contained many almost priceless gems of the old Flemish and Italian masters; but his dissolute uncle had sold most of them, often at merely nominal prices, to raise money for his riotous life in town, so that what were left were, generally speaking, comparatively valueless. There was the usual collection of ancestral portraits—some life-like and carefully executed, others mere daubs; and we were passing them over with scant interest, when my eye was caught by one which instantly riveted my attention and sent a cold thrill down my spine, bright midday though it was; for there, out of the canvas, looked the very face I had seen so vividly in my dream last night—the face of the mysterious visitant at my chambers in London!

Sau một giờ đi dạo, chúng tôi trở về nhà, và Jack đề nghị chúng tôi nên xem qua phòng trưng bày tranh và một số phòng khác mà chúng tôi chưa thấy vào đêm trước. Chúng tôi chọn phòng trưng bày trước, và Jack nói với tôi rằng nó từng chứa nhiều viên ngọc vô giá của các bậc thầy Flemish và Ý cổ; nhưng chú của anh ta, một kẻ phóng đãng, đã bán hầu hết chúng, thường với giá chỉ danh nghĩa, để kiếm tiền cho cuộc sống phóng đãng của mình ở thành phố, vì vậy những gì còn lại, nói chung, là tương đối không có giá trị. Có bộ sưu tập chân dung tổ tiên thông thường—một số sống động và được thực hiện cẩn thận, những bức khác chỉ là những bức vẽ nguệch ngoạc; và chúng tôi đang lướt qua chúng với sự quan tâm ít ỏi, khi mắt tôi bị thu hút bởi một bức tranh ngay lập tức làm tôi chú ý và gửi một cơn lạnh xuống xương sống của tôi, mặc dù là giữa trưa sáng; vì ở đó, từ bức tranh, nhìn ra khuôn mặt mà tôi đã thấy rõ ràng trong giấc mơ đêm qua—khuôn mặt của vị khách bí ẩn tại các phòng làm việc của tôi ở London!

The commanding look of iron will and dauntless courage was there, and the same indefinable air of latent passion and cruelty; there too, though tenderly treated by the artist and made less prominent than it was in reality, was the curious white scar running down from the lower lip. Except that he was here dressed in rich court costume instead of the plain black robe, nothing but the pleading look of appeal was wanting to make the resemblance exact. I suppose something of the emotion I felt showed itself in my face, for Jack seized me by the arm, crying:

Cái nhìn uy nghiêm của ý chí sắt đá và lòng dũng cảm không thể lay chuyển đã có ở đó, và cùng một không khí không thể định nghĩa của đam mê tiềm ẩn và tàn bạo; cũng có, mặc dù được nghệ sĩ xử lý một cách nhẹ nhàng và làm cho ít nổi bật hơn so với thực tế, vết sẹo trắng kỳ lạ chạy xuống từ môi dưới. Ngoại trừ việc ông ta ở đây mặc trang phục triều đình giàu có thay vì chiếc áo choàng đen đơn giản, không có gì ngoài cái nhìn cầu xin là thiếu để làm cho sự giống nhau hoàn hảo. Tôi cho rằng một phần của cảm xúc mà tôi cảm thấy đã thể hiện trên khuôn mặt của mình, vì Jack nắm lấy

cánh tay tôi, kêu lên:

"Bless me, Tom, what is the matter? Are you ill? Why are you glaring at the portrait of Sir Ralph in that awful manner?"

"Chúa ơi, Tom, có chuyện gì vậy? Bạn có bị ốm không? Tại sao bạn lại nhìn chằm chằm vào bức chân dung của Sir Ralph theo cách kinh khủng đó?"

"Sir Ralph? Yes, the wicked Sir Ralph. I know him. He came into my room last night. I've seen him twice."

"Sir Ralph? Đúng, Sir Ralph xấu xa. Tôi biết ông ta. Ông ta đã vào phòng của tôi đêm qua. Tôi đã thấy ông ta hai lần."

Muttering these disjointed sentences, I staggered to an ottoman and tried to collect my scattered senses. For the whole truth had flashed upon me, and it was almost too much for me. Of course it has occurred to the intelligent reader long ago, but until this moment absolutely no suspicion had ever crossed my mind that Sir Ralph and my spectral visitor in London were identical; now I saw it all. The word commencing with "Ra? that he had tried so hard to write was his own name; he had somehow (heaven alone knows how) foreseen that I should visit Fernleigh, and so had tried to make an impression on my mind—introduce himself to me, as it were—beforehand. I was now obliged to tell Jack the whole story, and was relieved to find that instead of laughing at me, as I more than half expected, he was deeply interested.

Lẩm bẩm những câu không liên quan này, tôi loạng choạng đến một chiếc ghế dài và cố gắng thu thập lại các giác quan rải rác của mình. Vì toàn bộ sự thật đã lóe lên trong tôi, và nó gần như quá sức đối với tôi. Tất nhiên, điều đó đã xảy ra với độc giả thông minh từ lâu, nhưng cho đến lúc này, hoàn toàn không có nghi ngờ nào từng xuất hiện trong tâm trí tôi rằng Sir Ralph và vị khách ma quái của tôi ở London là một; bây giờ tôi đã thấy tất cả. Từ bắt đầu bằng "Ra" mà ông ta đã cố gắng viết là tên của chính ông ta; ông ta đã bằng cách nào đó (chỉ có trời mới biết làm thế nào) dự đoán rằng tôi sẽ đến thăm Fernleigh, và do đó đã cố gắng tạo ấn tượng trong tâm trí tôi—giới thiệu bản thân với tôi, như thể—trước đó. Bây giờ tôi buộc phải kể cho Jack toàn bộ câu chuyện, và cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy rằng thay vì cười nhạo tôi, như tôi đã hơn một nửa mong đợi, anh ta rất quan tâm.

"I never believed in a ghost before," he said, "but here there seems no room for doubt. A perfect stranger shows himself to you in London, you recognise his portrait at once on sight down here at Fernleigh, and he turns out to be the very man whom tradition points out as haunting this place! The chain of evidence is perfect."

"Tôi chưa bao giờ tin vào ma trước đây," anh ta nói, "nhưng ở đây dường như không có chỗ cho sự nghi ngờ. Một người hoàn toàn xa lạ xuất hiện với bạn ở London, bạn nhận ra chân dung của ông ta ngay lập tức khi nhìn thấy ở đây tại Fernleigh, và ông ta hóa ra là người mà truyền thuyết chỉ ra là ám ảnh nơi này! Chuỗi bằng chứng là hoàn hảo."

"But why should he have come to *me*?" I said. "I know nothing about ghosts and their ways; I am not even what these spiritualists call mediumistic. Would it not have been much

"Nhưng tại sao ông ta lại đến với tôi?" tôi nói. "Tôi không biết gì về ma và cách của chúng; tôi thậm chí không phải là người mà những người theo chủ nghĩa tâm linh gọi là có khả năng

more straightforward to appeal to you direct? Why should *I* be singled out for such a visitation?"

trung gian. Sẽ không phải là thẳng thắn hơn nếu ông ta trực tiếp kêu gọi bạn? Tại sao tôi lại được chọn cho một cuộc viếng thăm như vậy?"

"Impossible to say," replied Jack; "I suppose he liked your looks; but what could he have wanted? We are no nearer discovering that than we were before. Where is that scrap of paper? For it strikes me that the solution of its mystery will yield the answer to our riddle."

"Không thể nói," Jack trả lời; "tôi cho rằng ông ta thích vẻ ngoài của bạn; nhưng ông ta có thể muốn gì? Chúng ta không gần hơn việc phát hiện ra điều đó so với trước đây. Mảnh giấy đó đâu? Vì tôi nghĩ rằng việc giải mã bí ẩn của nó sẽ mang lại câu trả lời cho câu đố của chúng ta."

I pulled out my pocket-book and handed the slip to Jack.

Tôi rút sổ tay của mình ra và đưa mảnh giấy cho Jack.

"Ha!" he exclaimed, the moment he glanced at it, "this is certainly Sir Ralph's monogram; I know it well, for I have seen it in several of the books in the library."

"Ha!" anh ta kêu lên, ngay khi nhìn vào nó, "đây chắc chắn là chữ ký của Sir Ralph; tôi biết nó rõ, vì tôi đã thấy nó trong một số cuốn sách trong thư viện."

We at once adjourned to the library and compared the writing in some of Sir Ralph's books with that on the slip; the resemblance was perfect, though the writing on the slip seemed more carefully done, as though with a special effort to make every letter legible: while in the monogram (a very complicated one) every line and stroke were exactly similar. With Jack's guidance I was able to make out of it the initials "R.F.,". but I should certainly never have discovered them without assistance. We now concentrated our attention on the two lines of writing.

Chúng tôi ngay lập tức chuyển đến thư viện và so sánh chữ viết trong một số cuốn sách của Sir Ralph với chữ viết trên mảnh giấy; sự giống nhau là hoàn hảo, mặc dù chữ viết trên mảnh giấy dường như được thực hiện cẩn thận hơn, như thể với một nỗ lực đặc biệt để làm cho mọi chữ cái có thể đọc được: trong khi trong chữ ký (một chữ ký rất phức tạp) mọi dòng và nét đều giống hệt nhau. Với sự hướng dẫn của Jack, tôi có thể làm ra các chữ cái "R.F.," nhưng tôi chắc chắn sẽ không bao giờ phát hiện ra chúng mà không có sự trợ giúp. Bây giờ chúng tôi tập trung sự chú ý vào hai dòng chữ viết.

Jack took a powerful glass from a drawer and scrutinized them long and carefully.

Jack lấy một chiếc kính mạnh từ ngăn kéo và xem xét chúng lâu và cẩn thận.

"Your reading of the letters seems quite correct," he said at length; "but what language can this possibly be? It is not Spanish, Portuguese, nor Italian, I know; and you, who are acquainted with several Oriental dialects, do not recognise it either. I don't believe it is a language at all, Tom; it looks much more like a cryptograph."

"Cách đọc các chữ cái của bạn có vẻ hoàn toàn chính xác," anh ta nói cuối cùng; "nhưng ngôn ngữ này có thể là gì? Nó không phải là tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, hay Ý, tôi biết; và bạn, người quen thuộc với một số phương ngữ phương Đông, cũng không nhận ra nó. Tôi không tin rằng nó là một ngôn ngữ nào cả, Tom; nó trông giống như một mật mã hơn."

"Scarcely, I think," I remarked; "you know, in a cryptograph one always gets utterly impossible combinations of consonants which betray its nature at once."

"Không hẳn, tôi nghĩ," tôi nhận xét; "bạn biết đấy, trong một mật mã, người ta luôn có được các tổ hợp phụ âm không thể nào có thể mà ngay lập tức tiết lộ bản chất của nó."

"Not invariably," replied Jack; "that depends upon the system on which it is constructed. I happen, though only by way of pastime, to have made this subject a rather special study, and I do not think there are many cryptographs which I could not, with sufficient time and patience, manage to make out."

"Không phải lúc nào cũng vậy," Jack trả lời; "điều đó phụ thuộc vào hệ thống mà nó được xây dựng. Tôi tình cờ, mặc dù chỉ là để giải trí, đã làm cho chủ đề này trở thành một nghiên cứu khá đặc biệt, và tôi không nghĩ rằng có nhiều mật mã mà tôi không thể, với đủ thời gian và kiên nhẫn, quản lý để làm ra."

"Then, Jack, if you think this may be one, by all means proceed to exercise your talents upon it at once."

"Vậy thì, Jack, nếu bạn nghĩ rằng đây có thể là một, bằng mọi cách hãy tiến hành thực hiện tài năng của bạn ngay lập tức."

Jack set to work, and I must say I was really amazed at the ingenuity he displayed, and the facility with which he seized upon and followed up the most seemingly insignificant clues. I need give no particulars of his processes; thanks to Edgar Allen Poe, everybody in these days knows how a cryptograph is solved. Suffice it to say that this, though really extremely simple, gave a good deal of trouble and led us off on a false scent, in consequence of the fact that a double system is employed in its construction. The rule is to substitute for every consonant the letter succeeding it in the alphabet, but for every vowel—not the letter, but—the *vowel* next *preceding* it in the alphabet. By a reversal of this process the reader will easily discover

Jack bắt đầu làm việc, và tôi phải nói rằng tôi thực sự ngạc nhiên trước sự khéo léo mà anh ta thể hiện, và sự dễ dàng mà anh ta nắm bắt và theo dõi các manh mối dường như không đáng kể nhất. Tôi không cần phải đưa ra chi tiết về các quy trình của anh ta; nhờ Edgar Allen Poe, mọi người trong những ngày này đều biết cách giải quyết một mật mã. Đủ để nói rằng điều này, mặc dù thực sự cực kỳ đơn giản, đã gây ra khá nhiều rắc rối và dẫn chúng tôi đi theo một hướng sai lầm, do thực tế là một hệ thống kép được sử dụng trong việc xây dựng nó. Quy tắc là thay thế cho mỗi phụ âm chữ cái kế tiếp trong bảng chữ cái, nhưng cho mỗi nguyên âm—không phải chữ cái, mà là—nguyên âm kế tiếp trong bảng chữ cái. Bằng cách đảo ngược quy trình này, người đọc sẽ dễ

that its signification is as follows:

Pull the centre rose in the third panel.

Our excitement may be imagined when this was deciphered. I knew at once to what it referred, for I remembered the carved border of roses and lilies round the panels in my bedroom of last night. The butler came in to announce luncheon, but we cared little for that; we rushed upstairs like a couple of school-boys and dashed into the panelled room.

"The third panel from which end?" asked Jack.

But I had not the slightest doubt; I remembered that the spectre had vanished through the wall on the left of the fireplace, so I walked up to that spot without hesitation, put my hand on the third panel from the corner, and said:

"This is it."

So large was the panel, however, that the centre rose was above our reach, and it was necessary to drag a table underneath it to stand upon. Jack sprang upon it and gave an energetic pull at the centre rose, but no result followed.

"Get down again," I said; "let us try the other side of the panel."

We moved the table, and Jack tried again, and this time with success. A small piece of the border had been cut out and hinged at the top, and the pull upon the rose lifted this and disclosed a cavity about six inches each way, in which was a large knob—evidently a handle. For some time this resisted our efforts, the machinery attached being probably rusty; but eventually we succeeded in turning it, and the whole huge panel swung into the room

dàng phát hiện ra rằng ý nghĩa của nó như sau:

Kéo hoa hồng ở trung tâm của tấm thứ ba.

Sự phấn khích của chúng tôi có thể được tưởng tượng khi điều này được giải mã. Tôi biết ngay lập tức nó đề cập đến điều gì, vì tôi nhớ viền hoa hồng và hoa huệ chạm khắc quanh các tấm ốp trong phòng ngủ của tôi đêm qua. Người quản gia bước vào để thông báo bữa trưa, nhưng chúng tôi không quan tâm đến điều đó; chúng tôi lao lên cầu thang như hai cậu học sinh và lao vào căn phòng ốp gỗ.

"Tấm thứ ba từ đầu nào?" Jack hỏi.

Nhưng tôi không có chút nghi ngờ nào; tôi nhớ rằng bóng ma đã biến mất qua bức tường bên trái lò sưởi, vì vậy tôi bước đến chỗ đó mà không do dự, đặt tay lên tấm thứ ba từ góc, và nói:

"Đây là nó."

Tuy nhiên, tấm lớn đến mức hoa hồng ở trung tâm nằm ngoài tầm với của chúng tôi, và cần phải kéo một cái bàn bên dưới để đứng lên. Jack nhảy lên đó và kéo mạnh hoa hồng ở trung tâm, nhưng không có kết quả nào xảy ra.

"Xuống lại," tôi nói; "hãy thử phía bên kia của tấm."

Chúng tôi di chuyển cái bàn, và Jack thử lại, và lần này thành công. Một mảnh nhỏ của viền đã được cắt ra và gắn bản lề ở trên, và việc kéo hoa hồng đã nâng nó lên và để lộ một khoang khoảng sáu inch mỗi chiều, trong đó có một núm lớn—rõ ràng là một tay cầm. Trong một thời gian, điều này đã chống lại nỗ lực của chúng tôi, có lẽ do máy móc gắn liền bị rỉ sét; nhưng cuối cùng chúng tôi đã thành công trong việc xoay nó, và toàn bộ tấm lớn xoay

like a door, showing behind it a dark arched recess with steps leading downward, up which came, stronger than ever, that strange sweet smell of the perfume of Egypt which had haunted my thoughts so long. Jack was springing in, but I held him back.

vào phòng như một cánh cửa, cho thấy phía sau nó là một hốc tối hình vòm với các bậc thang dẫn xuống, từ đó mùi hương ngọt ngào kỳ lạ của hương thơm Ai Cập mà đã ám ảnh suy nghĩ của tôi từ lâu đã bốc lên mạnh hơn bao giờ hết. Jack đang nhảy vào, nhưng tôi giữ anh ta lại.

"Stay, my dear fellow," I said; "curb your impatience. That place probably has not been opened for a very long time, and you must first let the fresh air penetrate it; you don't know what noxious gases may have accumulated down in that dreadful hole. Besides, we must first lock the door of the bedroom, that we may not be interrupted in our investigation."

"Chờ đã, bạn thân mến," tôi nói; "hãy kiềm chế sự nôn nóng của bạn. Nơi đó có lẽ đã không được mở trong một thời gian rất dài, và bạn phải để không khí trong lành thâm nhập vào đó trước; bạn không biết những khí độc hại nào có thể đã tích tụ trong cái hố khủng khiếp đó. Ngoài ra, chúng ta phải khóa cửa phòng ngủ trước, để không bị gián đoạn trong cuộc điều tra của mình."

Finally I persuaded him to wait five minutes, though in our excited condition it was a hard thing to do. Meantime we could not but admire the enormous strength of the walls, and the care that had been taken to make the moving panel safe by a massive backing of oak that prevented it from giving anything like a hollow sound if accidentally struck, and indeed made it as capable of resisting any conceivable blow as any other portion of the wall. When we noticed, too, the immense size and strength of the lock it had to move, we no longer wondered at the trouble it had cost us to turn the handle.

Cuối cùng, tôi đã thuyết phục anh ta chờ năm phút, mặc dù trong tình trạng kích động của chúng tôi, đó là một điều khó khăn để làm. Trong khi đó, chúng tôi không thể không ngưỡng mộ sức mạnh khổng lồ của các bức tường, và sự cẩn thận đã được thực hiện để làm cho tấm di động an toàn bằng một lớp lót gỗ sồi dày ngăn nó phát ra bất kỳ âm thanh rỗng nào nếu vô tình bị đánh, và thực sự làm cho nó có khả năng chống lại bất kỳ cú đánh nào có thể tưởng tượng được như bất kỳ phần nào khác của bức tường. Khi chúng tôi nhận thấy, cũng như kích thước và sức mạnh khổng lồ của khóa mà nó phải di chuyển, chúng tôi không còn ngạc nhiên về sự khó khăn mà nó đã gây ra cho chúng tôi khi xoay tay cầm.

When the five minutes had expired we lighted a couple of candles that stood on the mantel-piece, and with mingled feelings of awe and pleasure entered the secret passage. The stairs turned abruptly to the left, and descended in the thickness of the wall. My fears as to want of ventilation seemed groundless, for there was quite a strong draught, proving that there must be an opening of some kind in the

Khi năm phút đã trôi qua, chúng tôi thắp hai ngọn nến đứng trên lò sưởi, và với cảm giác kính sợ và vui mừng lẫn lộn, bước vào lối đi bí mật. Các bậc thang quay đột ngột sang trái, và đi xuống trong độ dày của bức tường. Những lo ngại của tôi về việc thiếu thông gió dường như không có cơ sở, vì có một luồng gió khá mạnh, chứng tỏ rằng phải có một lối mở nào đó trong lối đi.

passage.

At the bottom of the steps we found ourselves in a long narrow vault or chamber, scarcely six feet in width, but perhaps thirty in length, and certainly fourteen or fifteen in height. Floor and walls were alike stone, and at the extreme end near the roof, quite out of reach, was a small slit such as those made of old for the convenience of archers, through which came a certain amount of light, and the current of air that we had noticed. On the floor at the further end were two large chests—the only furniture of this dungeon—and on one of them lay a black heap that by the flickering light of our candles looked horribly like a shrouded corpse.

Ở cuối các bậc thang, chúng tôi thấy mình trong một hầm dài hẹp hoặc phòng, rộng chưa đến sáu feet, nhưng có lẽ dài ba mươi feet, và chắc chắn cao mười bốn hoặc mười lăm feet. Sàn và tường đều bằng đá, và ở đầu xa gần mái, hoàn toàn ngoài tầm với, có một khe nhỏ như những khe được làm từ lâu để tiện cho các cung thủ, qua đó có một lượng ánh sáng nhất định, và luồng không khí mà chúng tôi đã nhận thấy. Trên sàn ở đầu xa có hai chiếc rương lớn—là đồ nội thất duy nhất của ngục tối này—và trên một trong số chúng có một đống đen mà dưới ánh sáng nhấp nháy của nến của chúng tôi trông giống như một xác chết được che phủ.

"What can that be?" said I, shrinking back instinctively; but Jack pushed on to the end of the vault, and then dropped his candle with a smothered cry and came back towards me with a very white face.

"Đó có thể là gì?" tôi nói, lùi lại theo bản năng; nhưng Jack tiến đến cuối hầm, và sau đó thả nến của mình với một tiếng kêu bị bóp nghẹt và quay lại phía tôi với một khuôn mặt rất trắng.

"It is a dead body," he said in a horror-stricken whisper; "it must be Sir Ralph."

"Đó là một xác chết," anh ta nói trong một tiếng thì thầm kinh hoàng; "nó phải là Sir Ralph."

"Then," said I in the same tone, "he must have been shut in here somehow and starved to death."

"Vậy thì," tôi nói cùng giọng, "ông ta phải đã bị nhốt ở đây bằng cách nào đó và chết đói."

"Good heavens!" cried Jack; and he rushed past me and up the stairs at full speed. At first I thought he had lost his nerve and deserted me, but in a few moments he was back again, though still pale with emotion.

"Trời ơi!" Jack kêu lên; và anh ta lao qua tôi và lên cầu thang với tốc độ tối đa. Ban đầu tôi nghĩ rằng anh ta đã mất thần kinh và bỏ rơi tôi, nhưng trong vài phút anh ta đã quay lại, mặc dù vẫn còn tái nhợt vì xúc động.

"Just think, Tom," he said; "suppose a gust of wind had shut that door, the very same thing might have happened to us! No one knows of the existence of this place, so they would never think of looking here for us; and with such a massive door as that, it would be hopeless to dream of forcing our way out or

"Hãy nghĩ xem, Tom," anh ta nói; "giả sử một cơn gió đã đóng cánh cửa đó, điều tương tự có thể đã xảy ra với chúng ta! Không ai biết về sự tồn tại của nơi này, vì vậy họ sẽ không bao giờ nghĩ đến việc tìm kiếm chúng ta ở đây; và với một cánh cửa lớn như vậy, sẽ là vô vọng để mơ tưởng đến việc phá vỡ hoặc làm cho mình được

making ourselves heard. Now I have fixed it open, and we are safe."

"Horrible as it is, I suppose we must examine this thing," I said.

We approached it, Jack picking up and relighting his candle. The sight that met our eyes was truly an awful one, for there, stretched on the top of one of the chests, and wrapped in a loose black robe with wide sleeves, lay a skeleton, with its grinning face turned upwards and its arm thrown carelessly over the side as if in ghastly imitation of sleep. Beside it on the floor lay a curiously shaped wide-mouthed bottle, and on the other chest —and I shuddered afresh as I recognised it— the very memorandum-book that the spectre had carried in my dream! I took it up, and we at once proceeded to examine it. It opened at the place where a leaf had been newly torn out, but I turned hastily to those last pages at which the figure had pointed so earnestly, and there read the following words:

"I, Ralph Fernleigh, Bart., do here indite these my last dying words. By the judgment of God or by some foul treachery I am fast shut up in this mine own secret place, from which is no escape. Here I have lain three days and three nights, and forasmuch as I see naught before me but to die by hunger I am now resolved to put an end to this my so miserable existence by eating of those poisonous gums, whereof I have happily some store. But first will I confess the deadly sin that lieth upon my soul, and will lay solemn charge upon him who shall here find my body and shall read this my writing.[2]

nghe thấy. Bây giờ tôi đã cố định nó mở, và chúng ta an toàn."

"Kinh khủng như nó là, tôi cho rằng chúng ta phải kiểm tra thứ này," tôi nói.

Chúng tôi tiến đến gần, Jack nhặt lên và thắp lại cây nến của mình. Cảnh tượng trước mắt chúng tôi thực sự kinh khủng, vì ở đó, nằm trên đỉnh của một trong những chiếc rương, và quấn trong một chiếc áo choàng đen rộng tay, là một bộ xương, với khuôn mặt cười nhăn nhở hướng lên trên và cánh tay vắt qua một bên như thể đang bắt chước giấc ngủ một cách ghê rợn. Bên cạnh nó trên sàn là một chiếc bình miệng rộng có hình dáng kỳ lạ, và trên chiếc rương khác—và tôi rùng mình khi nhận ra nó—chính là cuốn sổ ghi chép mà bóng ma đã mang theo trong giấc mơ của tôi! Tôi nhặt nó lên, và chúng tôi ngay lập tức tiến hành kiểm tra. Nó mở ra ở chỗ một trang đã bị xé mới, nhưng tôi vội vàng lật đến những trang cuối mà hình bóng đã chỉ vào một cách nghiêm túc, và đọc những dòng sau:

"Tôi, Ralph Fernleigh, Bart., viết ra đây những lời cuối cùng trước khi chết. Bởi sự phán xét của Thượng đế hoặc bởi một sự phản bội ghê tởm nào đó, tôi bị nhốt chặt trong nơi bí mật của riêng mình, từ đó không có lối thoát. Tôi đã nằm đây ba ngày ba đêm, và vì không thấy gì trước mắt ngoài cái chết vì đói, tôi quyết định kết thúc cuộc sống khốn khổ này bằng cách ăn những loại nhựa độc, mà tôi may mắn có một ít dự trữ. Nhưng trước tiên tôi sẽ thú nhận tội lỗi chết người đang đè nặng lên linh hồn mình, và sẽ đặt trách nhiệm nghiêm trọng lên người nào tìm thấy thi thể tôi và đọc được những dòng chữ này của tôi.

* * *

And if he who reads these my words shall fail to make such restitution as I have charged upon him, or shall reveal ever to mortal man this my deadly sin that I have here confessed, then shall my solemn curse rest upon him for ever, and my spirit shall dog him even to his grave. But if he shall do faithfully this my behest, then do I hereby freely give and bequeath to him such wealth as he will here find, hoping that he may use it to better purpose than I have done. And so may God have mercy on my soul.

RALPH FERNLEIGH."

* * *

How deeply we were affected by thus, in the very presence of his mortal remains, reading this strange message from the dead, may easily be imagined. Jack had picked up the wide-mouthed bottle, at the bottom of which still remained some dark-coloured resinous matter—evidently the "poisonous gums" of the writing; but on hearing of its terrible association he dashed it on the floor in horror, and it was broken into a thousand pieces. Nor could I censure him for the act, though I knew that it contained the perfume of Egypt that I had so long desired. (I may here mention that I afterwards recovered a few grains and subjected it to analysis; it proved to be the 7 Persian *lobhan*, but mixed with belladonna, Indian hemp, and some other vegetable ingredients whose exact nature I was unable to determine.)

Our next duty was the examination of the chests; but to perform this it was necessary first to remove the skeleton, and that we shrank from touching or even looking at. Still it had to be done, so we fetched a sheet from

Và nếu người đọc những dòng chữ này của tôi không thực hiện sự hoàn nguyên mà tôi đã giao phó cho y, hoặc tiết lộ tội lỗi chết người này của tôi cho bất kỳ người phàm nào, thì lời nguyền nghiêm trọng của tôi sẽ đè nặng lên y mãi mãi, và linh hồn tôi sẽ theo y đến tận mộ. Nhưng nếu y thực hiện trung thành mệnh lệnh này của tôi, thì tôi sẽ tự do trao tặng và để lại cho y tài sản mà y sẽ tìm thấy ở đây, hy vọng rằng y có thể sử dụng nó vào mục đích tốt hơn tôi đã làm. Và cầu mong Thượng đế thương xót linh hồn tôi.

RALPH FERNLEIGH."

Chúng tôi bị ảnh hưởng sâu sắc như thế nào khi đọc thông điệp kỳ lạ này từ người đã khuất, ngay trước sự hiện diện của hài cốt của ông, có thể dễ dàng tưởng tượng. Jack đã nhặt chiếc bình miệng rộng lên, dưới đáy vẫn còn một ít chất nhựa màu tối—rõ ràng là "những loại nhựa độc" trong bản viết; nhưng khi nghe về sự liên kết khủng khiếp của nó, anh ta ném nó xuống sàn trong kinh hoàng, và nó vỡ thành hàng nghìn mảnh. Tôi không thể trách anh ta vì hành động đó, mặc dù tôi biết rằng nó chứa hương thơm của Ai Cập mà tôi đã mong muốn từ lâu. (Tôi có thể nói thêm rằng sau đó tôi đã thu hồi được một vài hạt và tiến hành phân tích; nó được chứng minh là 7 Persian lobhan, nhưng trộn với belladonna, cần sa Ấn Độ, và một số thành phần thực vật khác mà tôi không thể xác định chính xác.)

Nhiệm vụ tiếp theo của chúng tôi là kiểm tra các chiếc rương; nhưng để thực hiện điều này, trước tiên cần phải di chuyển bộ xương, và chúng tôi ngại chạm vào hoặc thậm chí nhìn vào nó. Tuy nhiên, điều đó phải được thực

the bedroom, laid the ghastly relic reverently upon that, and so lifted it from the bed where it had lain so long. Then, not without a feeling of excitement, we opened the chests—a work of no difficulty, for the key that was in the lock of one fitted that of the other as well. The first was closely packed with bags and smaller boxes, the former of which, to our astonishment, we found to contain chiefly gold and silver coin of various countries; while the latter proved the truth of at least one of the popular rumours about Sir Ralph, for arranged carefully in them was a collection of gems, cut and uncut, some of which even our inexperienced eyes could tell to be almost priceless.

hiện, vì vậy chúng tôi lấy một tấm ga từ phòng ngủ, đặt di vật ghê rợn lên đó một cách kính cẩn, và nhấc nó ra khỏi giường nơi nó đã nằm lâu như vậy. Sau đó, không khỏi cảm giác hồi hộp, chúng tôi mở các chiếc rương—một công việc không khó khăn, vì chìa khóa trong ổ khóa của một chiếc cũng vừa với chiếc kia. Chiếc đầu tiên được đóng gói chặt chẽ với các túi và hộp nhỏ hơn, trong đó, đến sự ngạc nhiên của chúng tôi, chúng tôi phát hiện chứa chủ yếu là tiền vàng và bạc của nhiều quốc gia khác nhau; trong khi chiếc sau chứng minh sự thật của ít nhất một trong những tin đồn phổ biến về Sir Ralph, vì được sắp xếp cẩn thận trong đó là một bộ sưu tập đá quý, đã cắt và chưa cắt, một số trong đó ngay cả đôi mắt thiếu kinh nghiệm của chúng tôi cũng có thể nhận ra là gần như vô giá.

"Jack, my boy," said I grasping his hand (for not even the presence of the skeleton could altogether restrain my joy), "you shall soon wed your Lilian now! Even after carrying out Sir Ralph's wishes you will still be a rich man."

"Jack, chàng trai của tôi," tôi nói, nắm lấy tay anh ta (vì ngay cả sự hiện diện của bộ xương cũng không thể hoàn toàn kiềm chế niềm vui của tôi), "bây giờ cậu sẽ sớm cưới Lilian của mình! Ngay cả sau khi thực hiện mong muốn của Sir Ralph, cậu vẫn sẽ là một người giàu có."

"Yes, Tom," answered he; "but remember, half of this is yours; without you I should never have known of its existence."

"Vâng, Tom," anh ta trả lời; "nhưng nhớ rằng, một nửa số này là của cậu; nếu không có cậu, tôi sẽ không bao giờ biết đến sự tồn tại của nó."

"No, no," replied I; "not a penny will I touch; I have enough and to spare, and besides it is all yours by right, for you are Sir Ralph's heir."

"Không, không," tôi đáp; "tôi sẽ không chạm vào một xu nào; tôi có đủ và dư dả, và ngoài ra tất cả đều là của cậu theo đúng quyền, vì cậu là người thừa kế của Sir Ralph."

But he insisted, and at last to pacify him I had to consent to accept one or two of the larger jewels as mementos. The other chest contained a great quantity of family plate, some of it very rich and massive, and half a dozen small bars of gold, probably the basis of the wild myth that I mentioned before.

Nhưng anh ta khăng khăng, và cuối cùng để làm anh ta hài lòng, tôi phải đồng ý nhận một hoặc hai viên đá quý lớn hơn làm kỷ niệm. Chiếc rương khác chứa một lượng lớn đồ gia dụng của gia đình, một số rất giàu có và đồ sộ, và nửa tá thanh vàng nhỏ, có lẽ là cơ sở của huyền thoại hoang dã mà tôi đã đề cập trước đó.

By the time our investigations were finished

Khi cuộc điều tra của chúng tôi kết thúc, buổi

evening had come on; and, as may be supposed, we sat down to dinner with an appetite, and after it was over sat talking and planning far into the night. Very happily, though very quietly, we spent our Christmas day, and on the Thursday we dined at the rectory as arranged. Certainly Jack had not exaggerated the charms of his fair Lilian, and when in the course of the evening I saw them come out of the conservatory together, both looking greatly discomposed but deliciously happy, I knew that I might safely offer the dear fellow my congratulations.

tối đã đến; và, như có thể đoán được, chúng tôi ngồi xuống ăn tối với một sự thèm ăn, và sau khi kết thúc, chúng tôi ngồi nói chuyện và lên kế hoạch cho đến tận đêm khuya. Rất hạnh phúc, mặc dù rất yên tĩnh, chúng tôi đã trải qua ngày Giáng sinh của mình, và vào thứ Năm, chúng tôi đã ăn tối tại nhà thờ như đã sắp xếp. Chắc chắn Jack đã không phóng đại sự quyến rũ của Lilian xinh đẹp của mình, và khi trong buổi tối tôi thấy họ bước ra khỏi nhà kính cùng nhau, cả hai trông rất bối rối nhưng hạnh phúc tuyệt vời, tôi biết rằng tôi có thể an toàn chúc mừng người bạn thân yêu của mình.

I have little more to tell. The dying charge of Sir Ralph was scrupulously obeyed. Jack and I paid a visit to a somewhat out-of-the-way part of the Continent, and spent some time in searching through old records and unravelling forgotten genealogies; but after much toil we met with gratifying success, and at long last atonement was made—so far as in such cases atonement ever can be made—for the sin of the previous century, and the traditional hatred which certain families bore to the memory of a magic-working English lord was changed into a vivid and surprised gratitude. All was done that could be done; indeed, Jack was most lavishly generous, and we have every reason to hope that Sir Ralph was satisfied. At any rate, he has never since shown himself, either to praise or to blame us; so we trust that his long-tormented soul is at peace.

Tôi không còn nhiều điều để kể. Lời giao phó trước khi chết của Sir Ralph đã được tuân thủ một cách cẩn thận. Jack và tôi đã đến thăm một phần khá xa xôi của lục địa, và dành một thời gian để tìm kiếm qua các hồ sơ cũ và giải mã các phả hệ bị lãng quên; nhưng sau nhiều công sức, chúng tôi đã gặp được thành công đáng hài lòng, và cuối cùng sự chuộc lỗi đã được thực hiện—trong chừng mực mà trong những trường hợp như vậy sự chuộc lỗi có thể được thực hiện—cho tội lỗi của thế kỷ trước, và sự thù hận truyền thống mà một số gia đình dành cho ký ức của một lãnh chúa người Anh làm phép thuật đã được thay đổi thành lòng biết ơn sống động và ngạc nhiên. Tất cả những gì có thể làm đã được làm; thực sự, Jack đã rất hào phóng, và chúng tôi có mọi lý do để hy vọng rằng Sir Ralph đã hài lòng. Dù sao đi nữa, ông ta chưa bao giờ xuất hiện kể từ đó, để khen ngợi hay trách móc chúng tôi; vì vậy chúng tôi tin rằng linh hồn bị dày vò lâu dài của ông đã được yên nghỉ.

Three months later, in the sweet early spring-time, I went down to Fernleigh again to act as “best man” at a wedding, and as we passed down the churchyard the happy bridegroom silently pointed out to me a white marble cross bearing simply the words:

Ba tháng sau, vào đầu mùa xuân ngọt ngào, tôi lại xuống Fernleigh để làm “phù rể” trong một đám cưới, và khi chúng tôi đi qua nghĩa trang, chú rể hạnh phúc lặng lẽ chỉ cho tôi một cây thập giá bằng đá cẩm thạch trắng chỉ mang dòng chữ đơn giản:

* * *

Though not myself an eye-witness of the events of this story, I received them on unimpeachable testimony; in fact I may say that I had evidence for them such as would have satisfied any ordinary jury. With the narrator I had the pleasure of an intimate acquaintance of some years' duration. His friend Mr. Fernleigh I have seen only once, when he was in town for a few days; but on that occasion he fully and circumstantially corroborated Mr. Keston's account of these strange events, and gave me a warm and hearty invitation to come down and spend a fortnight at the Hall, so as to examine the theatre of their occurrence at my leisure; and further, as my engagements compelled me regretfully to forego the pleasure of this interesting visit, he was good enough to take the trouble to send up to Mr. Keston (for my inspection) the curious old memorandum-book and the torn leaf containing the cryptograph which occupies so prominent a place in the narrative.

Whether or not my friend is right in describing himself as not mediumistic in the ordinary sense of the word is uncertain. There are certain peculiarities in his character which may help to explain what seems to have puzzled him so much—the reason why Sir Ralph should have selected *him* to receive his communication. He is preeminently a man of deep feeling, of intense and ready sympathy, as indeed may be seen from the narrative; a man who reminds one of those lines of Beranger:

Son coeur est un luth suspendu;

SIR RALPH FERNLEIGH, BART.

1795.

Mặc dù bản thân tôi không phải là nhân chứng trực tiếp của các sự kiện trong câu chuyện này, tôi đã nhận được chúng từ một lời chứng không thể chối cãi; thực tế, tôi có thể nói rằng tôi đã có bằng chứng cho chúng mà sẽ làm hài lòng bất kỳ bồi thẩm đoàn thông thường nào. Với người kể chuyện, tôi đã có niềm vui của một mối quan hệ thân thiết kéo dài nhiều năm. Người bạn của ông, ông Fernleigh, tôi chỉ gặp một lần, khi ông ở thành phố vài ngày; nhưng vào dịp đó, ông đã hoàn toàn và chi tiết xác nhận câu chuyện của ông Keston về những sự kiện kỳ lạ này, và đã mời tôi một cách nồng nhiệt và chân thành đến thăm và ở lại hai tuần tại Hall, để có thể kiểm tra nơi diễn ra các sự kiện này theo ý thích của tôi; và hơn nữa, khi các cam kết của tôi buộc tôi phải từ bỏ niềm vui của chuyến thăm thú vị này, ông đã tốt bụng gửi lên cho ông Keston (để tôi kiểm tra) cuốn sổ ghi chép cũ kỳ lạ và trang giấy bị xé chứa mật mã chiếm một vị trí nổi bật trong câu chuyện.

Liệu bạn tôi có đúng khi mô tả bản thân mình là không có khả năng trung gian theo nghĩa thông thường của từ này hay không vẫn chưa chắc chắn. Có những đặc điểm nhất định trong tính cách của ông có thể giúp giải thích điều gì dường như đã làm ông bối rối rất nhiều—lý do tại sao Sir Ralph lại chọn ông để nhận thông điệp của mình. Ông là một người có cảm xúc sâu sắc, có sự đồng cảm mãnh liệt và sẵn sàng, như thực tế có thể thấy từ câu chuyện; một người khiến người ta nhớ đến những dòng thơ của Beranger:

Son coeur est un luth suspendu;

Sitot qu'on le touche il resonne.

Probably this capability of sympathy attracted Sir Ralph as a channel through which his purpose could be carried out.

The story seems to me to differ from other accounts of the visitations of "earthbound souls" only (1) in the appearance of the wraith in the first place at a distance from the scene of death and to a person in no way specially connected with it, and (2) in the foreknowledge which the dead man seems to have possessed of that person's visit to his former home—not only before the invitation was given, but even before the *idea* of the invitation (which, as far as we can see, was quite accidental) could possibly have existed in the mind of either host or guest. This latter is the point which seems to me most difficult to explain, since such foreknowledge would appear to indicate a power of prevision much more considerable than that with which men in such a condition can usually be credited. It is probable that Sir Ralph's attention was attracted to Mr. Keston in consequence of the bond of friendship existing between him and Mr. John Fernleigh, and that, finding him to be sufficiently impressionable to receive his communication, he endeavoured to deliver his message to him in his chambers; but, failing in that attempt, he influenced Mr. Fernleigh (as he might easily do) to invite him into his own peculiar domain, where his power was naturally greater. The fact that the strange rare and magical perfume of Egypt was known to both men must be regarded simply as a coincidence, though a dramatic one.

Sitot qu'on le touche il resonne.

Có lẽ khả năng đồng cảm này đã thu hút Sir Ralph như một kênh thông qua đó mục đích của ông có thể được thực hiện.

Câu chuyện dường như khác với các câu chuyện khác về sự viếng thăm của "các linh hồn bị ràng buộc với Trái Đất" chỉ (1) ở sự xuất hiện của bóng ma đầu tiên ở một khoảng cách xa nơi chết và với một người không có liên hệ đặc biệt nào với nó, và (2) ở sự tiên tri mà người chết dường như đã có về chuyến thăm của người đó đến ngôi nhà cũ của mình—không chỉ trước khi lời mời được đưa ra, mà thậm chí trước khi ý tưởng về lời mời (mà theo như chúng ta có thể thấy, hoàn toàn ngẫu nhiên) có thể tồn tại trong tâm trí của cả chủ nhà và khách. Đây là điểm mà tôi thấy khó giải thích nhất, vì sự tiên tri như vậy dường như chỉ ra một khả năng tiên đoán lớn hơn nhiều so với những gì mà người ta thường có thể tin tưởng ở những người trong tình trạng như vậy. Có lẽ sự chú ý của Sir Ralph đã bị thu hút đến ông Keston do mối quan hệ bạn bè tồn tại giữa ông và ông John Fernleigh, và khi thấy ông đủ nhạy cảm để nhận thông điệp của mình, ông đã cố gắng truyền tải thông điệp cho ông trong phòng của mình; nhưng, không thành công trong nỗ lực đó, ông đã ảnh hưởng đến ông Fernleigh (như ông có thể dễ dàng làm) để mời ông vào lãnh địa đặc biệt của mình, nơi quyền lực của ông tự nhiên lớn hơn. Thực tế là hương thơm kỳ lạ và hiếm có của Ai Cập đã được cả hai người biết đến phải được coi là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, mặc dù là một sự trùng hợp kịch tính.

2. The Forsaken Temple—Ngôi Đền Bị Bỏ Rơi

Many years ago I was living in a little village seven or eight miles from London—a quiet,

Nhiều năm trước, tôi sống trong một ngôi làng nhỏ cách London bảy hoặc tám dặm—một nơi

straggling, old-fashioned place that might from its appearance have been a hundred miles at least from any of the busy centres of commerce. *Now* it is a village no longer, for the giant city, in its steady, resistless expansion, has absorbed it into itself; the old coach-road, once an avenue of great elm-trees as fine as any in the kingdom, is now flanked by trim suburban villas; a new railway station has been opened, and cheap workmen's tickets are issued; and the dear old picturesque, draughty, wooden cottages have been pulled down to make way for model artisans' dwellings. Well, I suppose it is the march of improvement—the advance of civilisation; and yet, perhaps, an old inhabitant may be excused for doubting whether the people were not healthier and happier in the quiet village days.

yên tĩnh, rải rác, cổ kính mà từ vẻ ngoài của nó có thể cách xa ít nhất một trăm dặm từ bất kỳ trung tâm thương mại bận rộn nào. Bây giờ nó không còn là một ngôi làng nữa, vì thành phố khổng lồ, trong sự mở rộng ổn định và không thể cưỡng lại của nó, đã hấp thụ nó vào chính mình; con đường xe ngựa cũ, từng là một đại lộ của những cây du lớn như bất kỳ cây nào trong vương quốc, giờ đây được bao quanh bởi những biệt thự ngoại ô gọn gàng; một nhà ga đường sắt mới đã được mở, và vé công nhân giá rẻ được phát hành; và những ngôi nhà gỗ cổ kính, lộng gió đã bị phá bỏ để nhường chỗ cho các khu nhà mẫu cho thợ thủ công. Chà, tôi cho rằng đó là bước tiến của sự cải tiến—sự tiến bộ của nền văn minh; và tuy nhiên, có lẽ, một cư dân cũ có thể được tha thứ vì nghi ngờ liệu người dân có khỏe mạnh và hạnh phúc hơn trong những ngày làng quê yên tĩnh hay không.

I had not been long in the place before I made the acquaintance of the clergyman of the district, and offered him such assistance as lay in my power in his parish work. This he was kind enough to accept, and finding that I was fond of children, appointed me a teacher in, and eventually superintendent of, his Sunday schools. This of course brought me into very close relations with the youth of the village, and especially with those who had been selected as choristers for the church. Among these latter I found two brothers, Lionel and Edgar St. Aubyn, who so evidently showed signs of a special musical talent that I offered to give them occasional instruction at my house to encourage them to develop it. Needless to say, they eagerly accepted the offer, and thus in time quite an attachment sprang up between us.

Tôi không ở đó lâu trước khi làm quen với vị mục sư của khu vực, và đề nghị ông sự giúp đỡ trong khả năng của mình trong công việc giáo xứ của ông. Ông đã tử tế chấp nhận, và nhận thấy rằng tôi thích trẻ em, đã bổ nhiệm tôi làm giáo viên, và cuối cùng là giám thị của các trường Chủ nhật của ông. Điều này tất nhiên đã đưa tôi vào mối quan hệ rất gần gũi với thanh niên của làng, và đặc biệt là với những người đã được chọn làm ca viên cho nhà thờ. Trong số những người này, tôi tìm thấy hai anh em, Lionel và Edgar St. Aubyn, những người rõ ràng có dấu hiệu của một tài năng âm nhạc đặc biệt đến mức tôi đã đề nghị dạy họ thỉnh thoảng tại nhà của mình để khuyến khích họ phát triển nó. Không cần phải nói, họ đã háo hức chấp nhận lời đề nghị, và do đó theo thời gian một mối quan hệ khá thân thiết đã nảy sinh giữa chúng tôi.

At this period I was much interested in the study of spiritualistic phenomena; and as I accidentally discovered that these two boys

Trong giai đoạn này, tôi rất quan tâm đến việc nghiên cứu các hiện tượng thần linh học; và khi tôi tình cờ phát hiện ra rằng hai cậu bé này

were good physical mediums, I had occasional quiet seances at my own house after the music lesson was over. Very curious some of our experiences were, but it is not of those I wish to speak now. I should mention that after these evening sittings it was my custom to walk home with my two choristers, who lived perhaps a mile and a half from my house.

là những trung gian vật lý tốt, tôi đã có những buổi gọi hồn yên tĩnh tại nhà mình sau khi buổi học nhạc kết thúc. Một số trải nghiệm của chúng tôi rất kỳ lạ, nhưng đó không phải là điều tôi muốn nói bây giờ. Tôi nên đề cập rằng sau những buổi tối này, tôi thường đi bộ về nhà với hai ca viên của mình, những người sống cách nhà tôi khoảng một dặm rưỡi.

Once, after such an evening, I had occasion to sit up writing until a late hour in the library where the sitting had taken place. I always observed that after a seance the furniture had an unpleasant way of creaking (sometimes even moving slightly at intervals) for some hours; and on this particular night this was specially noticeable. However, I wrote away, little heeding it, until about two o'clock, when suddenly, with out being conscious of the slightest reason for doing so, I felt an uncontrollable impulse to go to my bedroom, which was close by. Wondering what this might mean, I laid down my pen, opened the door, and stepped out into the passage.

Một lần, sau một buổi tối như vậy, tôi có dịp ngồi viết đến khuya trong thư viện nơi buổi gọi hồn đã diễn ra. Tôi luôn nhận thấy rằng sau một buổi gọi hồn, đồ đạc có cách kêu cót két khó chịu (đôi khi thậm chí di chuyển nhẹ nhàng theo từng khoảng thời gian) trong vài giờ; và vào đêm đặc biệt này, điều này đặc biệt đáng chú ý. Tuy nhiên, tôi vẫn viết, ít chú ý đến nó, cho đến khoảng hai giờ sáng, khi đột nhiên, mà không có lý do rõ ràng nào, tôi cảm thấy một sự thôi thúc không thể cưỡng lại để đi đến phòng ngủ của mình, nơi gần đó. Tự hỏi điều này có thể có ý nghĩa gì, tôi đặt bút xuống, mở cửa, và bước ra hành lang.

What was my surprise to see the door of my bedroom ajar, and a light shining from it, where I knew that no light ought to be! I promptly went to the door, and without pushing it further open, looked cautiously round it. What I saw so far astonished me as to keep me in that position for some little time, staring helplessly. Although there was no apparent source of light—nothing like a lamp or a candle—the room was full of a soft silvery radiance that made every object clearly visible. Nothing unfamiliar met my hasty glance around the room until it fell upon the bed; but there—and as I write I can feel again the sudden chill which crept down my back at the sight—there lay the form of Lionel St. Aubyn, whom I had seen safely enter his mother's house five hours before!

Sự ngạc nhiên của tôi là thấy cửa phòng ngủ của mình hé mở, và một ánh sáng chiếu ra từ đó, nơi tôi biết rằng không nên có ánh sáng nào! Tôi nhanh chóng đi đến cửa, và không đẩy nó mở thêm, nhìn cẩn thận xung quanh. Những gì tôi thấy đã làm tôi kinh ngạc đến mức giữ tôi ở vị trí đó một lúc, nhìn chằm chằm không thể giúp đỡ. Mặc dù không có nguồn sáng rõ ràng nào—không có gì giống như một chiếc đèn hay một cây nến—căn phòng đầy ánh sáng bạc mềm mại làm cho mọi vật thể đều rõ ràng. Không có gì lạ lẫm gặp ánh mắt vội vàng của tôi xung quanh phòng cho đến khi nó rơi vào giường; nhưng ở đó—và khi tôi viết, tôi có thể cảm nhận lại cái lạnh đột ngột chạy dọc sống lưng khi nhìn thấy—ở đó nằm hình dáng của Lionel St. Aubyn, người mà tôi đã thấy an toàn bước vào nhà mẹ của mình năm giờ trước!

I am bound to admit that my first impulse was a most unheroic one—to slam the door and rush back headlong into my cosy library; however, I resisted it, mustered up my courage, pushed open the door a little further, and walked slowly to the foot of the bed. Yes, there he lay; unmistakably Lionel, and yet not looking in the least as I had ever seen him look before. His hands were crossed upon his breast, and his wide-open eyes looked full into mine, but with no ordinary expression; and though I had not till then seen it, I felt at once instinctively that their bright fixed gaze was that of supreme clairvoyant vision, and that the boy was in that highest state of ecstatic trance, which even great mesmerists can but rarely superinduce in their best subjects.

Tôi phải thừa nhận rằng phản ứng đầu tiên của tôi là một phản ứng rất không anh hùng—đóng sầm cửa lại và chạy thẳng vào thư viện ấm cúng của mình; tuy nhiên, tôi đã chống lại nó, lấy hết can đảm, đẩy cửa mở thêm một chút, và bước chậm rãi đến chân giường. Vâng, ở đó cậu ta nằm; không thể nhầm lẫn là Lionel, và tuy nhiên không nhìn giống như tôi từng thấy cậu ta trước đây. Tay cậu ta bắt chéo trên ngực, và đôi mắt mở to nhìn thẳng vào tôi, nhưng không có biểu hiện bình thường nào; và mặc dù tôi chưa từng thấy điều đó trước đây, tôi cảm thấy ngay lập tức theo bản năng rằng ánh nhìn sáng rực cố định đó là của tầm nhìn thông nhãn tối cao, và rằng cậu bé đang ở trong trạng thái xuất thần cao nhất, mà ngay cả những nhà thôi miên vĩ đại cũng hiếm khi có thể tạo ra ở những đối tượng tốt nhất của họ.

I thought I saw recognition come into his eyes, but there was not the slightest movement of face or limb; the spell seemed far too deep for that. He was dressed in a long white robe not unlike the ecclesiastical alb, and across his breast there was a broad crimson sash, edged and heavily embroidered with gold. The feelings with which I regarded this extraordinary apparition are more easily imagined than described; so prominent among them, I know, was the thought that surely I must be asleep, and dreaming all this, that I distinctly remember pinching my left arm, as men do in novels, to find out whether I was really awake. The result seemed to prove that I was, so I leaned my folded arms on the foot of the bedstead for a moment, trying to muster up courage to step forward and *touch* my unexpected guest.

Tôi nghĩ tôi thấy sự nhận ra trong mắt cậu ta, nhưng không có chuyển động nào của khuôn mặt hay chi; phép thuật dường như quá sâu để điều đó xảy ra. Cậu ta mặc một chiếc áo dài trắng không khác gì chiếc áo lễ của giáo hội, và trên ngực cậu ta có một dải băng đỏ rộng, viền và thêu nặng bằng vàng. Những cảm xúc mà tôi cảm nhận khi nhìn thấy hiện tượng phi thường này dễ tưởng tượng hơn là mô tả; nổi bật trong số đó, tôi biết, là suy nghĩ rằng chắc chắn tôi phải đang ngủ, và mơ thấy tất cả điều này, rằng tôi nhớ rõ đã véo cánh tay trái của mình, như người ta thường làm trong tiểu thuyết, để tìm hiểu xem tôi có thực sự tỉnh táo hay không. Kết quả dường như chứng minh rằng tôi đang tỉnh, vì vậy tôi tựa cánh tay gấp của mình lên chân giường trong một lúc, cố gắng lấy hết can đảm để bước tới và chạm vào vị khách bất ngờ của mình.

But as I paused, a change seemed to take place in my surroundings; the walls of my room appeared somehow to expand, and suddenly —though still leaning on the foot of the bed,

Nhưng khi tôi dừng lại, một sự thay đổi dường như xảy ra trong môi trường xung quanh tôi; các bức tường của phòng tôi dường như mở rộng ra, và đột nhiên—mặc dù vẫn tựa vào

and still closely watching its mysterious occupant—I found that we were in the centre of some vast, gloomy temple, such as those of ancient Egypt, whose massive pillars stretched away on all sides, while its roof was so lofty as to be scarcely discernible in the dim religious light. As I looked round in astonishment I could just distinguish that the walls were covered with huge paintings (some at least of the figures being considerably above life-size) though the light was not strong enough to show them clearly. We were quite alone, and my wandering glance soon fixed itself again on the incredible presence of my entranced companion.

chân giường, và vẫn theo dõi sát sao người bạn đồng hành bí ẩn của mình—tôi nhận ra rằng chúng tôi đang ở trung tâm của một ngôi đền rộng lớn, u ám, như những ngôi đền của Ai Cập cổ đại, với những cột trụ khổng lồ trải dài ra mọi phía, trong khi mái của nó cao đến mức khó có thể nhìn thấy trong ánh sáng tôn giáo mờ ảo. Khi tôi nhìn quanh trong sự ngạc nhiên, tôi chỉ có thể phân biệt rằng các bức tường được phủ đầy những bức tranh khổng lồ (một số ít nhất trong số các hình vẽ lớn hơn kích thước thực tế) mặc dù ánh sáng không đủ mạnh để cho thấy chúng rõ ràng. Chúng tôi hoàn toàn cô độc, và ánh mắt lang thang của tôi sớm quay trở lại với sự hiện diện không thể tin được của người bạn đồng hành xuất thần của tôi.

Now came an experience which I am aware it is difficult, if not impossible, for me to explain adequately. I can only say that I seemed to myself for the time being to have solved the problem of maintaining a conscious existence in two places at once; for while still gazing fixedly at Lionel inside the temple, I knew that I was also standing outside the same temple, in front of the grand entrance. A magnificent facade it was, apparently facing the west; for a great flight of broad black marble steps (fifty of them at least) which, extending the whole width of the building, led up to it from the plain, gleamed blood-red under the horizontal rays of the setting sun. I turned, and looked for surrounding habitations, but nothing was visible in any direction but one level unbroken desert of sand, save only three tall palm-trees in the distance on my right hand. Never till my dying day can I forget that weird, desolate picture—that limitless yellow desert, the solitary clump of palm-trees, and that huge forsaken temple bathed in blood-red light.

Bây giờ đến một trải nghiệm mà tôi nhận thức được rằng khó khăn, nếu không muốn nói là không thể, để tôi giải thích đầy đủ. Tôi chỉ có thể nói rằng tôi dường như đã giải quyết được vấn đề duy trì một sự tồn tại có ý thức ở hai nơi cùng một lúc; vì trong khi vẫn nhìn chằm chằm vào Lionel bên trong ngôi đền, tôi biết rằng tôi cũng đang đứng bên ngoài cùng ngôi đền đó, trước lối vào lớn. Một mặt tiền tuyệt đẹp, dường như hướng về phía tây; vì một bậc thang lớn bằng đá cẩm thạch đen (ít nhất là năm mươi bậc) trải rộng toàn bộ chiều rộng của tòa nhà, dẫn lên từ đồng bằng, lấp lánh màu đỏ máu dưới những tia nắng ngang của mặt trời lặn. Tôi quay lại, và tìm kiếm các ngôi nhà xung quanh, nhưng không có gì hiện ra trong bất kỳ hướng nào ngoài một sa mạc cát phẳng không bị gián đoạn, chỉ trừ ba cây cọ cao ở xa bên tay phải của tôi. Không bao giờ cho đến ngày tôi chết, tôi có thể quên được bức tranh kỳ lạ, hoang vắng đó—sa mạc vàng vô tận, cụm cây cọ đơn độc, và ngôi đền khổng lồ bị bỏ rơi đó tắm trong ánh sáng đỏ máu.

Quickly this scene faded away, and I was inside again, though still preserving that

Nhanh chóng cảnh tượng này mờ dần, và tôi lại ở bên trong, mặc dù vẫn duy trì ý thức kép

strange double consciousness; for while one part of me still remained in its original posture, the other saw the wonderful paintings on the walls pass before it like the dissolving views of a magic lantern. Unfortunately I have never been able to recall clearly the subject of those pictures, but I know that they were of a most exciting nature, and that the figures were remarkably spirited and life-like. This exhibition seemed to last for some time; and then, quite suddenly, my consciousness was no longer divided, but once more concentrated itself where the visible body had been all the time—leaning with my folded arms on the foot of the bedstead gazing fixedly on the face of the boy.

kỳ lạ đó; vì trong khi một phần của tôi vẫn giữ nguyên tư thế ban đầu, phần khác thấy những bức tranh tuyệt vời trên tường lướt qua trước mắt như những hình ảnh tan biến của một chiếc đèn ma thuật. Thật không may, tôi chưa bao giờ có thể nhớ rõ chủ đề của những bức tranh đó, nhưng tôi biết rằng chúng có tính chất rất kích thích, và các hình vẽ rất sống động và giống như thật. Cuộc triển lãm này dường như kéo dài một thời gian; và sau đó, đột ngột, ý thức của tôi không còn bị chia cắt nữa, mà một lần nữa tập trung vào nơi cơ thể hữu hình đã ở suốt thời gian—tựa cánh tay gấp của mình lên chân giường, nhìn chằm chằm vào khuôn mặt của cậu bé.

As I stood there, bewildered, awe-stricken, a voice fell upon my ear with startling suddenness—quite a natural, ordinary voice, though it spoke clearly and emphatically.

Khi tôi đứng đó, bối rối, kinh ngạc, một giọng nói vang lên bên tai tôi một cách đột ngột—một giọng nói hoàn toàn tự nhiên, bình thường, mặc dù nó nói rõ ràng và mạnh mẽ.

“Lionel must not be mesmerised,” it said; “it would kill him.”

“Lionel không được thôi miên,” nó nói; “nó sẽ giết cậu ta.”

I looked round hastily, but no one was visible, and no further remark was made. Once again I pinched my arm, hoping to find myself dreaming; but no—the result was the same as ever, and I felt that the awe which was upon me would develope into ignoble fear unless I did something to break the spell; so with an effort I pulled myself together, and moved slowly along the side of the bed.

Tôi nhìn quanh vội vàng, nhưng không ai hiện ra, và không có lời nhận xét nào thêm. Một lần nữa tôi véo cánh tay mình, hy vọng tìm thấy mình đang mơ; nhưng không—kết quả vẫn như cũ, và tôi cảm thấy rằng sự kinh ngạc đang đè nặng lên tôi sẽ phát triển thành nỗi sợ hãi hèn nhát trừ khi tôi làm điều gì đó để phá vỡ phép thuật; vì vậy với một nỗ lực, tôi tự kéo mình lại, và di chuyển chậm rãi dọc theo bên giường.

I stood directly over Lionel—I bent my head down till I was looking close into his face; but not a muscle moved, not a shadow of change came into the expression of those wonderful luminous eyes, and for some moments I remained spell-bound, breathless, my face within a few inches of his. Then by a mighty effort I shook off the controlling influence and

Tôi đứng ngay trên Lionel—tôi cúi đầu xuống cho đến khi tôi nhìn gần vào khuôn mặt cậu ta; nhưng không một cơ bắp nào di chuyển, không một bóng dáng thay đổi nào xuất hiện trong biểu hiện của đôi mắt sáng rực đó, và trong vài khoảnh khắc tôi vẫn bị phép thuật trói buộc, không thở nổi, khuôn mặt tôi chỉ cách cậu ta vài inch. Sau đó, bằng một nỗ lực

grasped wildly at the figure before me. In a moment the light vanished, and I found myself in total darkness kneeling beside my own bed, and tightly grasping the counterpane with both hands!

mạnh mẽ, tôi rũ bỏ ảnh hưởng kiểm soát và nắm lấy hình dáng trước mặt mình. Trong một khoảnh khắc, ánh sáng biến mất, và tôi thấy mình trong bóng tối hoàn toàn, quỳ bên cạnh giường của mình, và nắm chặt tấm trải giường bằng cả hai tay!

I rose, gathered my scattered wits, and tried to persuade myself that I must have fallen asleep in my chair, dreamed an extraordinarily vivid dream, and in the course of it walked into my bedroom. I cannot say that even then I felt at all satisfied with this explanation, because my common-sense assured me that it was all wrong; but at any rate I decided that I could do no more work that night, so I locked my desk, bathed my head with cold water, and went to bed.

Tôi đứng dậy, thu thập lại trí tuệ phân tán của mình, và cố gắng thuyết phục bản thân rằng tôi phải đã ngủ gật trên ghế, mơ một giấc mơ cực kỳ sống động, và trong quá trình đó đi vào phòng ngủ của mình. Tôi không thể nói rằng ngay cả khi đó tôi cảm thấy hài lòng với lời giải thích này, vì lẽ thường của tôi đảm bảo rằng nó hoàn toàn sai; nhưng dù sao đi nữa, tôi quyết định rằng tôi không thể làm thêm công việc nào trong đêm đó, vì vậy tôi khóa bàn làm việc của mình, rửa đầu bằng nước lạnh, và đi ngủ.

Though I rose late the next morning, I still felt extremely weak and fatigued, which I attributed to the influence of my dream; however, I decided to say nothing about it, lest it should alarm my mother. I remember looking curiously in the broad daylight at the black marks made on my left arm by the pinches I had given myself in my dream.

Mặc dù tôi dậy muộn vào sáng hôm sau, tôi vẫn cảm thấy cực kỳ yếu và mệt mỏi, mà tôi cho là do ảnh hưởng của giấc mơ của mình; tuy nhiên, tôi quyết định không nói gì về nó, sợ rằng nó sẽ làm mẹ tôi lo lắng. Tôi nhớ đã nhìn một cách tò mò trong ánh sáng ban ngày rõ ràng vào những vết đen trên cánh tay trái của mình do những cú véo mà tôi đã tự gây ra trong giấc mơ.

That evening it chanced that Lionel St. Aubyn had to call at my house again—I forget now for what purpose; but I remember very distinctly that in course of conversation he suddenly said:

Tối hôm đó, tình cờ Lionel St. Aubyn phải ghé qua nhà tôi một lần nữa—tôi quên mất bây giờ vì lý do gì; nhưng tôi nhớ rất rõ rằng trong cuộc trò chuyện, cậu ta đột nhiên nói:

"O, sir, I had *such* a curious dream last night!"

"Ô, thưa ngài, tối qua tôi có một giấc mơ kỳ lạ!"

A sort of electric shock ran through me at the words, but I retained sufficient presence of mind to say:

Một loại sốc điện chạy qua tôi khi nghe những lời đó, nhưng tôi vẫn giữ đủ sự bình tĩnh để nói:

"Had you? Well, I am just coming out, so you can tell me about it as we walk along."

"Cậu có à? Vậy thì tôi đang chuẩn bị ra ngoài, cậu có thể kể cho tôi nghe về nó khi chúng ta

đi bộ."

Even then I had some uneasy prevision of what was coming—enough at least to make me wish to get him out of earshot from my mother before he said any more. As soon as we were outside, I asked for particulars, and the cold thrill of last night ran down my spine when he began by saying:

Ngay cả khi đó, tôi đã có một dự cảm không thoải mái về những gì sắp xảy ra—đủ ít nhất để khiến tôi muốn đưa cậu ta ra khỏi tầm nghe của mẹ tôi trước khi cậu ta nói thêm. Ngay khi chúng tôi ra ngoài, tôi hỏi chi tiết, và cái lạnh của đêm qua chạy dọc sống lưng tôi khi cậu ta bắt đầu bằng cách nói:

"I dreamt, sir, that I was lying on a bed—not asleep, somehow, though I couldn't move hand or foot; but I could see quite well, and I had a strange feeling that I have never had before. I felt so wise, as though I could have answered any question in the world, if only some one had asked me."

"Tôi mơ, thưa ngài, rằng tôi đang nằm trên giường—không ngủ, bằng cách nào đó, mặc dù tôi không thể di chuyển tay hay chân; nhưng tôi có thể nhìn thấy rất rõ, và tôi có một cảm giác kỳ lạ mà tôi chưa từng có trước đây. Tôi cảm thấy rất thông thái, như thể tôi có thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào trên thế giới, nếu chỉ có ai đó hỏi tôi."

"How did you lie, Lionel?" I asked him; and I could feel my hair rise gently as he answered:

"Cậu nằm như thế nào, Lionel?" Tôi hỏi cậu ta; và tôi có thể cảm thấy tóc mình dựng lên nhẹ nhàng khi cậu ta trả lời:

"I lay on my back, with my hands crossed in front of me."

"Tôi nằm ngửa, với tay bắt chéo trước ngực."

"I suppose you were dressed just as you are now?"

"Tôi cho rằng cậu mặc quần áo giống như bây giờ?"

"O no, sir! I was dressed in a sort of long white gown, such as the priest wears under his chasuble; and across my breast and over one shoulder I had a broad band of red and gold; it looked so pretty, you can't think."

"Ô không, thưa ngài! Tôi mặc một loại áo dài trắng, giống như áo lễ của linh mục; và trên ngực tôi và qua một vai tôi có một dải băng rộng màu đỏ và vàng; nó trông rất đẹp, ngài không thể tưởng tượng được."

I knew only too well how it had looked, but I kept my thoughts to myself. Of course I saw by this time that my last night's expedition was more than an ordinary dream, and I felt that his experiences would prove to be the same as mine; but I had a wild feeling of struggling against fate which prompted me to make every effort to find some difference, some flaw which would give me a loophole of escape from that conclusion; so I went on:

Tôi biết quá rõ nó trông như thế nào, nhưng tôi giữ suy nghĩ của mình cho riêng mình. Tất nhiên tôi thấy rằng chuyến đi tối qua của tôi nhiều hơn một giấc mơ bình thường, và tôi cảm thấy rằng những trải nghiệm của cậu ta sẽ chứng minh là giống như của tôi; nhưng tôi có một cảm giác hoang dã của việc đấu tranh chống lại số phận khiến tôi cố gắng hết sức để tìm ra một sự khác biệt, một sai sót nào đó sẽ cho tôi một lối thoát khỏi kết luận đó; vì vậy

tôi tiếp tục:

"You were in your own bedroom, of course?"

"Cậu ở trong phòng ngủ của mình, tất nhiên?"

But he replied:

Nhưng cậu ta trả lời:

"No, sir; at first I was in a room that I thought I knew, and then suddenly it seemed to grow larger, and it was not a room at all, but a great strange temple, like the pictures I have seen in books, with great heavy pillars, and beautiful pictures painted on its walls."

"Không, thưa ngài; lúc đầu tôi ở trong một căn phòng mà tôi nghĩ mình biết, và sau đó đột nhiên nó dường như lớn hơn, và nó không phải là một căn phòng nữa, mà là một ngôi đền lớn kỳ lạ, giống như những bức tranh tôi đã thấy trong sách, với những cột trụ lớn nặng nề, và những bức tranh đẹp được vẽ trên tường của nó."

"This was a very interesting dream, Lionel; tell me in what sort of city this temple stood."

"Đây là một giấc mơ rất thú vị, Lionel; hãy kể cho tôi nghe ngôi đền này nằm trong loại thành phố nào."

It was quite useless; I could not mislead him. The inevitable answer came, as I knew it would:

Nó hoàn toàn vô ích; tôi không thể đánh lừa cậu ta. Câu trả lời không thể tránh khỏi đến, như tôi biết nó sẽ:

"Not in a city at all, sir; it was in the middle of a great plain of sand, like the Sahara desert in our geography books; and I could see nothing but sand all round, except far away on the right three nice tall trees with no branches, such as we see in the pictures of Palestine."

"Không phải trong một thành phố nào cả, thưa ngài; nó nằm giữa một đồng bằng cát lớn, giống như sa mạc Sahara trong sách địa lý của chúng ta; và tôi không thể thấy gì ngoài cát xung quanh, ngoại trừ xa xa bên phải ba cây cao đẹp không có cành, giống như chúng ta thấy trong các bức tranh về Palestine."

"And what was your temple built of?"

"Và ngôi đền của cậu được xây bằng gì?"

"Of shining black stone, sir; but the great flight of steps in front looked all red, like fire, because of the sun shining it."

"Bằng đá đen sáng bóng, thưa ngài; nhưng bậc thang lớn phía trước trông đỏ rực, như lửa, vì ánh mặt trời chiếu vào."

"But how could you see all this when you were inside, boy?"

"Nhưng làm sao cậu có thể thấy tất cả điều này khi cậu đang ở bên trong, cậu bé?"

"Well, sir, I don't know; it was odd, but I seemed somehow to be outside and inside too; and though I could not move all the time, yet I seemed to go and look at all the beautiful pictures on the walls, but I could not understand how it was."

"Chà, thưa ngài, tôi không biết; nó kỳ lạ, nhưng tôi dường như bằng cách nào đó ở cả bên ngoài và bên trong; và mặc dù tôi không thể di chuyển suốt thời gian, nhưng tôi dường như đi và nhìn tất cả những bức tranh đẹp trên tường, nhưng tôi không thể hiểu được nó như thế

nào."

And now at last I asked the question that had been in my mind from the first—which I longed, yet dreaded, to put:

Và bây giờ cuối cùng tôi hỏi câu hỏi đã ở trong tâm trí tôi từ đầu—mà tôi khao khát, nhưng sợ hãi, để đặt ra:

"Did you see any men in this strange dream, Lionel?"

"Cậu có thấy người nào trong giấc mơ kỳ lạ này không, Lionel?"

"Yes, sir" (looking up brightly) "I saw *you*; only you, no other men."

"Có, thưa ngài" (nhìn lên sáng sủa) "tôi thấy ngài; chỉ có ngài, không có người nào khác."

I tried to laugh, though I am conscious it must have been but a feeble attempt, and asked what I had appeared to be doing.

Tôi cố gắng cười, mặc dù tôi ý thức rằng đó phải là một nỗ lực yếu ớt, và hỏi tôi đã xuất hiện như thế nào.

"You came in sir, when I was in the room, you put your head round the door first and when you saw me you looked surprised, and stared at me ever so long; and then you came in, and walked slowly up to the foot of my bed. You took hold of your left arm with your right hand, and seemed to be pulling and pinching at it. Then you leaned your arms on the bedstead, and stood like that all the while we were in that strange temple, and while I saw the pictures. When they were gone you took hold of your arm again, and then you came slowly along the side of the bed towards me. You looked so wild and strange that I was quite frightened." (`I have no doubt I did,' thought I, `I certainly felt so'). "Then you came and stooped down till your face nearly touched mine, and still I could not move. Then suddenly you seemed to give a spring, and catch at me with your hands; and that woke me, and 1 found I was lying safe in my own bed at home."

"Ngài vào, thưa ngài, khi tôi đang ở trong phòng, ngài thò đầu qua cửa trước và khi ngài thấy tôi, ngài trông ngạc nhiên, và nhìn chằm chằm vào tôi rất lâu; và sau đó ngài vào, và đi chậm rãi đến chân giường của tôi. Ngài nắm lấy cánh tay trái của mình bằng tay phải, và dường như kéo và véo nó. Sau đó, ngài tựa cánh tay lên giường, và đứng như vậy suốt thời gian chúng ta ở trong ngôi đền kỳ lạ đó, và trong khi tôi thấy những bức tranh. Khi chúng biến mất, ngài lại nắm lấy cánh tay của mình, và sau đó ngài đi chậm rãi dọc theo bên giường về phía tôi. Ngài trông rất hoang dã và kỳ lạ đến mức tôi khá sợ hãi." (`Tôi không nghi ngờ gì về điều đó,' tôi nghĩ, `Tôi chắc chắn cảm thấy như vậy'). "Sau đó, ngài đến và cúi xuống cho đến khi khuôn mặt của ngài gần như chạm vào tôi, và tôi vẫn không thể di chuyển. Sau đó đột nhiên ngài dường như nhảy lên, và chộp lấy tôi bằng tay của ngài; và điều đó đánh thức tôi, và tôi thấy mình đang nằm an toàn trên giường của mình ở nhà."

As may readily be imagined, this exact confirmation of my own experience, and the strange way in which the boy had evidently seen me doing, even in the merest details, just what I seemed to myself to do, had a very eerie effect on my mind as it was poured out to me

Như có thể dễ dàng tưởng tượng, sự xác nhận chính xác này về trải nghiệm của tôi, và cách kỳ lạ mà cậu bé rõ ràng đã thấy tôi làm, ngay cả trong những chi tiết nhỏ nhất, chính xác những gì tôi dường như đã làm, đã có một tác động rất kỳ lạ lên tâm trí tôi khi nó được

in innocent childish frankness, while we passed through the weird moonlight and the deep shadows of the great trees on that lonely road; but I endeavoured to confine myself to ordinary expressions of astonishment and interest, and to this day Lionel St. Aubyn has no idea how remarkable an experience his `curious dream' really was.

truyền tải cho tôi với sự thẳng thắn trẻ con vô tội, trong khi chúng tôi đi qua ánh trăng kỳ lạ và những bóng tối sâu của những cây lớn trên con đường cô đơn đó; nhưng tôi cố gắng giới hạn bản thân vào những biểu hiện thông thường của sự ngạc nhiên và quan tâm, và cho đến ngày nay Lionel St. Aubyn không có ý tưởng nào về trải nghiệm đáng chú ý như thế nào mà giấc mơ `kỳ lạ' của cậu thực sự là.

I have stated these facts with scrupulous exactness just as they occurred. How are they to be explained? Two possibilities occur to me, but there are difficulties about both of them. The experience may be an instance of the phenomenon called double dreaming, wherein two persons have simultaneously exactly the same dream. It is probable that when that happens, only one of the persons really actively dreams, and the pictures which he sees or evokes are somehow reflected into the brain of the other, or even hypnotically impressed thereupon. In such cases the two partners in the experience usually see and do exactly the same things; but this time, though both saw the same objects and both had the singular experience of double consciousness, our actions were quite different, and each saw the other as that other imagined himself to be.

Tôi đã trình bày những sự kiện này với sự chính xác cẩn thận như chúng đã xảy ra. Làm thế nào để giải thích chúng? Hai khả năng xuất hiện với tôi, nhưng cả hai đều có những khó khăn. Trải nghiệm có thể là một ví dụ của hiện tượng gọi là giấc mơ đôi, trong đó hai người có cùng một giấc mơ chính xác cùng một lúc. Có khả năng rằng khi điều đó xảy ra, chỉ có một trong hai người thực sự chủ động mơ, và những hình ảnh mà người đó thấy hoặc gợi lên bằng cách nào đó được phản chiếu vào não của người kia, hoặc thậm chí được ấn tượng thôi miên lên đó. Trong những trường hợp như vậy, hai đối tác trong trải nghiệm thường thấy và làm chính xác những điều giống nhau; nhưng lần này, mặc dù cả hai đều thấy cùng một đối tượng và cả hai đều có trải nghiệm kỳ lạ của ý thức kép, hành động của chúng tôi hoàn toàn khác nhau, và mỗi người thấy người kia như người đó tưởng tượng mình là.

The other hypothesis is that Lionel was really in my room in his astral body, and that either he was materialised, or my sight was somehow temporarily opened so that I could see him; that we did actually somehow journey together in astral bodies through space to that forsaken temple in the far-off desert, and there go through together a very strange experience. This theory also presents difficulties, and to those who have never studied these matters it will appear far more improbable than the other; yet I myself believe it to be at least partially true. I believe

Giả thuyết khác là Lionel thực sự ở trong phòng của tôi trong thể cảm dục của mình, và rằng hoặc cậu ta đã được hiện hình, hoặc tầm nhìn của tôi bằng cách nào đó đã được mở tạm thời để tôi có thể thấy cậu ta; rằng chúng tôi thực sự đã bằng cách nào đó cùng nhau du hành trong thể cảm dục qua không gian đến ngôi đền bị bỏ rơi đó trong sa mạc xa xôi, và ở đó cùng nhau trải qua một trải nghiệm rất kỳ lạ. Lý thuyết này cũng có những khó khăn, và đối với những người chưa bao giờ nghiên cứu những vấn đề này, nó sẽ xuất hiện là không thể tin được hơn nhiều so với giả thuyết kia; tuy

that Lionel was brought astrally into my room, and that I really saw him there; though it is possible that the vision of the forsaken temple may then have been impressed upon us both by some will stronger than our own.

nhiên, bản thân tôi tin rằng nó ít nhất là một phần đúng. Tôi tin rằng Lionel đã được đưa vào phòng của tôi trong thể cảm dục, và rằng tôi thực sự đã thấy cậu ta ở đó; mặc dù có thể rằng tầm nhìn của ngôi đền bị bỏ rơi sau đó đã được ấn tượng lên cả hai chúng tôi bởi một ý chí mạnh mẽ hơn của chúng tôi.

I have always had a suspicion that a third will was concerned in the affair, and that the words spoken by the mysterious voice were the *raison d'etre of* the whole. For an adult member of the choir, who had heard of our successful seances, was keenly anxious to try his alleged mesmeric powers upon Lionel, asserting that so good a medium would probably be clairvoyant in trance. My instinct was strongly against this, though I had no reason to give for it, I should probably have yielded to persuasion; but after this curious occurrence I refused quite definitely to sanction any experiment of that kind, holding that after such a warning it would be the height of folly. Now, the giving of that warning may have been the object of the vision, and all the rest of the display may have been simply intended to impress the order strongly on our minds—as it certainly did.

Tôi luôn có một nghi ngờ rằng một ý chí thứ ba đã tham gia vào vụ việc, và rằng những lời nói của giọng nói bí ẩn là lý do tồn tại của toàn bộ. Vì một thành viên trưởng thành của dàn hợp xướng, người đã nghe về những buổi gọi hồn thành công của chúng tôi, rất muốn thử sức mạnh thôi miên được cho là của mình lên Lionel, khẳng định rằng một trung gian tốt như vậy có thể sẽ có khả năng thông nhãn trong trạng thái xuất thần. Bản năng của tôi mạnh mẽ chống lại điều này, mặc dù tôi không có lý do để đưa ra, tôi có thể đã nhượng bộ trước sự thuyết phục; nhưng sau sự kiện kỳ lạ này, tôi đã từ chối hoàn toàn việc cho phép bất kỳ thí nghiệm nào như vậy, cho rằng sau một lời cảnh báo như vậy, đó sẽ là đỉnh cao của sự ngu ngốc. Bây giờ, việc đưa ra lời cảnh báo đó có thể là mục đích của tầm nhìn, và tất cả phần còn lại của màn trình diễn có thể chỉ đơn giản là nhằm mục đích ấn tượng mạnh mẽ mệnh lệnh lên tâm trí của chúng tôi—như nó chắc chắn đã làm.

3. The Major's Promise—Lời Hứa của Thiếu Tá

The story which I am about to relate is one of my earliest recollections, for I heard it many years ago from my great-grandfather. Though at the time of which I write he had passed by eight or nine years that limit of fourscore winters which is scripturally announced as the extreme period of human existence, he was an erect, soldierly old man still, and displayed not only a perfect retention of all his faculties, but a degree of both mental and physical vigour very unusual at so advanced

Câu chuyện mà tôi sắp kể là một trong những ký ức sớm nhất của tôi, vì tôi đã nghe nó từ nhiều năm trước từ cụ cố của tôi. Mặc dù vào thời điểm tôi viết, ông đã qua tám hoặc chín năm cái giới hạn của tám mươi mùa đông mà Kinh Thánh tuyên bố là thời kỳ cực hạn của sự tồn tại của con người, ông vẫn là một người đàn ông đứng thẳng, có dáng vẻ quân nhân, và thể hiện không chỉ sự giữ lại hoàn hảo của tất cả các khả năng của mình, mà còn một mức độ cả về tinh thần và thể chất rất bất thường ở

an age--as may be inferred from the fact that he was in the habit of riding out daily until within three weeks of his death, which occurred at the age of ninety-two.

độ tuổi cao như vậy—như có thể suy ra từ thực tế rằng ông có thói quen cưỡi ngựa hàng ngày cho đến ba tuần trước khi qua đời, điều xảy ra ở tuổi chín mươi hai.

It will not, therefore, be open to the sceptic to dismiss my tale as distorted by the dreamy semi- recollection of dotage; nor, on the other hand, can he ignore it as exaggerated by the childish fancy of the listener. For I depend not on my own memory, but on a carefully-written account of the affair (dated in the year of its occurrence) found among the old man's papers after his death. It is fair to add that, though it was not until some twenty years later that I had an opportunity of perusing this paper, I found it to agree in every particular with my own vivid recollection of the story.

Do đó, sẽ không thể cho người hoài nghi bác bỏ câu chuyện của tôi như bị bóp méo bởi ký ức mơ hồ của tuổi già; cũng không thể bỏ qua nó như bị phóng đại bởi trí tưởng tượng trẻ con của người nghe. Vì tôi không phụ thuộc vào trí nhớ của mình, mà vào một bản ghi chép cẩn thận về vụ việc (được ghi vào năm xảy ra) được tìm thấy trong số các giấy tờ của ông già sau khi ông qua đời. Công bằng mà nói rằng, mặc dù không phải cho đến khoảng hai mươi năm sau tôi mới có cơ hội đọc bản ghi chép này, tôi thấy nó hoàn toàn phù hợp với ký ức sống động của tôi về câu chuyện.

That written account I reproduce almost literally, supplying from my memory only some few details of the conversations, and of course altering the names of all the actors. I remember that my great-grandfather used to tell us that some author (he forgot the name) called upon one of the friends who shared this experience with him, and begged to be allowed to take down his deposition to the facts of the case. It must have been in this way that the story came to be included in Mrs. Catherine Crowe's remarkable book *The Night Side of Nature*. It appears there in a much curtailed form, omitting many of the phenomena here related. This, then, was the old man's tale:

Bản ghi chép đó tôi tái hiện gần như nguyên văn, chỉ bổ sung từ trí nhớ của mình một vài chi tiết về các cuộc trò chuyện, và tất nhiên thay đổi tên của tất cả các nhân vật. Tôi nhớ rằng cụ cố của tôi thường nói với chúng tôi rằng một tác giả nào đó (ông quên tên) đã đến thăm một trong những người bạn đã chia sẻ trải nghiệm này với ông, và xin phép được ghi lại lời khai của ông về các sự kiện của vụ việc. Có lẽ theo cách này mà câu chuyện đã được đưa vào cuốn sách đáng chú ý của bà Catherine Crowe, The Night Side of Nature. Nó xuất hiện ở đó dưới dạng rút gọn nhiều, bỏ qua nhiều hiện tượng được kể ở đây. Đây, sau đó, là câu chuyện của ông già:

When I was a youngster I entered as a cadet into the service of the Honourable East India Company, and set sail from Plymouth one fine morning in the good ship *Somerset*, with several other young fellows who were eastward bound on the same errand as myself. Those were stirring times, and many a vision

Khi tôi còn trẻ, tôi đã gia nhập làm học viên trong dịch vụ của Công ty Đông Ấn Độ Danh Dự, và khởi hành từ Plymouth một buổi sáng đẹp trời trên con tàu Somerset tốt, cùng với một số chàng trai trẻ khác đang đi về phía đông với cùng mục đích như tôi. Đó là những thời kỳ sôi động, và nhiều hình ảnh vinh

of glory to be won on the battle-field floated before our youthful eyes. A merry company we were, for they were good fellows all--gay, light-hearted, and careless; and so with story, jest, and song we did our best to make the long hours of that tedious voyage pass as rapidly as we could.

quang để giành được trên chiến trường đã trôi qua trước mắt trẻ trung của chúng tôi. Chúng tôi là một nhóm vui vẻ, vì tất cả đều là những chàng trai tốt—vui vẻ, vô tư, và không lo lắng; và vì vậy với câu chuyện, trò đùa, và bài hát, chúng tôi đã cố gắng hết sức để làm cho những giờ dài của chuyến đi tẻ nhạt đó trôi qua nhanh nhất có thể.

One among my comrades had a peculiar attraction for me, perhaps because he alone of all the party seemed to have occasional fits of sadness--spells of serious thought, during which he withdrew into himself, and almost repelled the advances of his companions. He was a young Highlander named Cameron, handsome, dark, and tall, a well-read man, but one who shrank from displaying his knowledge; a man somewhat out of the ordinary run, one felt instinctively-- a man, perhaps, with a history.

Một trong những người bạn đồng hành của tôi có một sức hút đặc biệt đối với tôi, có lẽ vì anh ta là người duy nhất trong nhóm dường như thỉnh thoảng có những cơn buồn bã—những khoảng thời gian suy nghĩ nghiêm túc, trong đó anh ta rút lui vào bản thân, và gần như đẩy lùi sự tiếp cận của các bạn đồng hành. Anh ta là một người Scotland trẻ tên là Cameron, đẹp trai, tóc đen, và cao, một người đọc nhiều, nhưng là người tránh thể hiện kiến thức của mình; một người có phần khác thường, người ta cảm thấy theo bản năng—một người, có lẽ, có một câu chuyện.

As I said, he had a peculiar attraction for me, and though he was reserved at first, we ultimately became firm friends; and in his more melancholy moods, when he avoided the society of others, he yet seemed to find a sort of passive pleasure in mine. At such times he would say but little, but would sit for an hour gazing steadily at the horizon, with a strange faraway look in his deep, earnest eyes. So would a man look (I often thought) whom some terrible sorrow, some ghastly experience, had marked off for ever from the rest of his kind; but I asked no questions. I waited patiently till the time should come when our ripening friendship would reveal the secret.

Như tôi đã nói, anh ta có một sức hút đặc biệt đối với tôi, và mặc dù lúc đầu anh ta dè dặt, cuối cùng chúng tôi trở thành bạn thân; và trong những lúc buồn bã hơn của mình, khi anh ta tránh xa xã hội của người khác, anh ta vẫn dường như tìm thấy một loại niềm vui thụ động trong sự hiện diện của tôi. Vào những lúc như vậy, anh ta sẽ nói rất ít, nhưng sẽ ngồi hàng giờ nhìn chằm chằm vào chân trời, với một cái nhìn xa xăm kỳ lạ trong đôi mắt sâu thẳm, chân thành của mình. Như một người đàn ông sẽ nhìn (tôi thường nghĩ) người mà một nỗi đau khủng khiếp nào đó, một trải nghiệm ghê rợn nào đó, đã đánh dấu mãi mãi khỏi phần còn lại của loài người; nhưng tôi không hỏi gì. Tôi kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi thời gian chín muồi khi tình bạn đang phát triển của chúng tôi sẽ tiết lộ bí mật.

One thing more I noticed; that whenever the conversation turned, as it did several times

Một điều nữa tôi nhận thấy; rằng bất cứ khi nào cuộc trò chuyện chuyển sang, như đã xảy

during the voyage, upon what is commonly called the supernatural (a subject upon which most of us were derisively sceptical, as was the fashion in those days) my friend not only expressed no opinion whatever, but invariably withdrew himself from the party or contrived to change the subject. No one else, however, appeared to notice this, and I said nothing about it.

ra vài lần trong chuyến đi, về những gì thường được gọi là siêu nhiên (một chủ đề mà hầu hết chúng tôi đều hoài nghi chế giễu, như là mốt thời đó) bạn tôi không chỉ không bày tỏ ý kiến nào, mà còn luôn rút lui khỏi nhóm hoặc tìm cách thay đổi chủ đề. Tuy nhiên, không ai khác dường như nhận thấy điều này, và tôi không nói gì về nó.

Well, in due course we arrived at Madras, and, after staying there about a fortnight, five of us, including my friend Cameron and myself, received orders to join our regiment at an up-country station. Our party was under the charge of a certain Major Rivers, whom, during the short time we had known him, we had all learnt to like very much. He was a small, spare man, with short- sighted grey eyes and a peculiarly pleasant smile; a man of extreme punctuality in trifles, but frank, kindly, and genial; a thorough soldier and a thorough sportsman. Indeed, his devotion to sport had left its mark upon him in the shape of a very perceptible limp, the result of an accident in the hunting-field.

Chà, cuối cùng chúng tôi đến Madras, và sau khi ở đó khoảng hai tuần, năm người trong chúng tôi, bao gồm bạn tôi Cameron và tôi, nhận được lệnh gia nhập trung đoàn của chúng tôi tại một trạm trên đất liền. Nhóm của chúng tôi dưới sự chỉ huy của một Thiếu tá Rivers nào đó, người mà trong thời gian ngắn chúng tôi đã biết, tất cả chúng tôi đều rất thích. Ông là một người đàn ông nhỏ nhắn, gầy gò, với đôi mắt xám cận thị và một nụ cười đặc biệt dễ chịu; một người cực kỳ đúng giờ trong những việc nhỏ nhặt, nhưng thẳng thắn, thân thiện, và hòa nhã; một người lính thực thụ và một người yêu thể thao thực thụ. Thực tế, sự tận tụy của ông với thể thao đã để lại dấu ấn trên ông dưới hình thức một cái chân khập khiễng rất rõ rệt, kết quả của một tai nạn trong trường săn.

A considerable part of our journey had to be performed by water, so a kind of barge was put into requisition for us, and we started at day-break one morning. It soon grew insufferably hot, the country was flat, and our progress extremely slow, so you will not be surprised to hear that we found the time hang somewhat heavily upon our hands. Sometimes we got out and walked s few yards to stretch our legs, but the beat of the sun soon drove us under our awning again. By the evening of the second day we were in a state of *ennui* bordering on desperation, when the Major suddenly said with a smile:

Một phần đáng kể của hành trình của chúng tôi phải được thực hiện bằng đường thủy, vì vậy một loại xà lan đã được huy động cho chúng tôi, và chúng tôi khởi hành vào lúc bình minh một buổi sáng. Trời nhanh chóng trở nên nóng không thể chịu nổi, đất nước bằng phẳng, và tiến độ của chúng tôi cực kỳ chậm, vì vậy bạn sẽ không ngạc nhiên khi nghe rằng chúng tôi cảm thấy thời gian trôi qua khá nặng nề. Đôi khi chúng tôi ra ngoài và đi bộ vài bước để duỗi chân, nhưng cái nóng của mặt trời nhanh chóng đẩy chúng tôi trở lại dưới mái che. Đến tối ngày thứ hai, chúng tôi ở trong trạng thái chán nản gần như tuyệt vọng, khi Thiếu tá đột nhiên nói với một nụ cười:

"Gentlemen, I have a proposal to make."

"Thưa các quý ông, tôi có một đề xuất."

"Hear, hear!" we all shouted; "anything to vary this detestable monotony!"

"Nghe, nghe!" tất cả chúng tôi hét lên; "bất cứ điều gì để thay đổi sự đơn điệu đáng ghét này!"

"My idea," said the Major, "is this. You see that little hill over there to the right? Well, I know this part of the country thoroughly, and I know that the river passes just on the other side of that hill. Now though it is, as you see, only a few miles off in a straight line, it is at least four times that distance by water, in consequence of the windings of the river. We are now about to stop for the night, and I thought that if we left the boat here to-morrow morning, arranging to meet it again in the evening at the base of that hill, we might relieve the tedium of the journey by a little shooting in those jungles, where I know from experience there is good sport to be had."

"Ý tưởng của tôi," Thiếu tá nói, "là thế này. Các bạn thấy ngọn đồi nhỏ kia bên phải không? Chà, tôi biết rõ phần này của đất nước, và tôi biết rằng con sông đi qua ngay phía bên kia của ngọn đồi đó. Bây giờ mặc dù nó, như các bạn thấy, chỉ cách vài dặm theo đường thẳng, nhưng ít nhất là bốn lần khoảng cách đó bằng đường thủy, do những khúc quanh của con sông. Chúng ta hiện đang chuẩn bị dừng lại qua đêm, và tôi nghĩ rằng nếu chúng ta rời khỏi thuyền ở đây vào sáng mai, sắp xếp để gặp lại nó vào buổi tối tại chân ngọn đồi đó, chúng ta có thể làm giảm sự tẻ nhạt của hành trình bằng một chút săn bắn trong những khu rừng đó, nơi tôi biết từ kinh nghiệm có thể có được những cuộc săn bắn tốt."

Of course we hailed the suggestion with acclamation, and at an early hour the next morning we took our guns and leapt ashore, accompanied by a large dog which belonged to one of the party--a fine, intelligent animal, and a general favourite. The Major had created some amusement by appearing in an enormous pair of top-boots, many sizes too large for him; but when some one suggested that he seemed more prepared for fishing than shooting, he only laughed good-naturedly and said that before the day was over we might perhaps wish that we had been as well protected as he was. In sooth he was right, for we found the ground for some distance decidedly marshy, and in many places, to obtain a footing at all, we had to spring from bush to bush and stone to stone in a way that, encumbered as we were with our guns, soon made us most unpleasantly warm. At last our difficulties culminated in a muddy stream or ditch which looked about twelve feet broad.

Tất nhiên chúng tôi hoan nghênh đề xuất này với sự hoan hô, và vào một giờ sớm hôm sau, chúng tôi mang theo súng và nhảy lên bờ, đi cùng với một con chó lớn thuộc về một trong những người trong nhóm—một con vật thông minh, và được mọi người yêu thích. Thiếu tá đã tạo ra một số tiếng cười khi xuất hiện trong một đôi ủng cao khổng lồ, lớn hơn nhiều so với kích cỡ của ông; nhưng khi có người gợi ý rằng ông dường như chuẩn bị cho việc câu cá hơn là săn bắn, ông chỉ cười một cách dễ chịu và nói rằng trước khi ngày kết thúc, có lẽ chúng tôi sẽ ước rằng chúng tôi đã được bảo vệ tốt như ông. Thực sự ông đã đúng, vì chúng tôi thấy mặt đất ở một số nơi khá lầy lội, và ở nhiều nơi, để có được chỗ đứng, chúng tôi phải nhảy từ bụi cây này sang bụi cây khác và từ đá này sang đá khác theo cách mà, bị cản trở bởi súng của mình, nhanh chóng làm chúng tôi cảm thấy rất nóng bức. Cuối cùng, khó khăn của chúng tôi lên đến đỉnh điểm trong một dòng suối bùn hoặc mương rộng khoảng mười hai feet.

"Rather a long jump for a man with a heavy gun!" I said.

"Một cú nhảy khá dài cho một người đàn ông mang súng nặng!" Tôi nói.

"Oh," replied the Major, "I think we can manage it; at any rate I am going to try, and if I get over with my game leg, it ought to be easy enough for you young fellows."

"Ồ," Thiếu tá trả lời, "tôi nghĩ chúng ta có thể làm được; dù sao tôi cũng sẽ thử, và nếu tôi vượt qua với cái chân bị thương của mình, thì nó phải dễ dàng cho các bạn trẻ."

He took a short run, and sprang, just clearing the ditch; but unluckily the slimy edge of the bank gave way under his feet, and he slipped back into the water. In a moment the rest of us took the leap, all getting safely across, and rushed to his assistance. He was quite unhurt, and, thanks to the enormous top-boots, not even wet; but his gun was choked with mud, and required a thorough cleaning. He threw himself down with a laugh under the nearest tree, and began fanning himself with his hat, saying:

Ông chạy một đoạn ngắn, và nhảy, vừa đủ vượt qua mương; nhưng không may, mép bờ trơn trượt dưới chân ông, và ông trượt trở lại vào nước. Trong một khoảnh khắc, tất cả chúng tôi nhảy qua, tất cả đều an toàn, và chạy đến giúp ông. Ông hoàn toàn không bị thương, và nhờ đôi ủng cao khổng lồ, thậm chí không bị ướt; nhưng súng của ông bị nghẹt bùn, và cần được làm sạch kỹ lưỡng. Ông ném mình xuống dưới cái cây gần nhất với một tiếng cười, và bắt đầu quạt mình bằng mũ, nói:

"You will have to go on without me for awhile."

"Các bạn sẽ phải đi tiếp mà không có tôi một lúc."

We protested against leaving him, objecting that we did not know the country, and offered to stop and help him; but this he refused to permit.

Chúng tôi phản đối việc rời bỏ ông, cho rằng chúng tôi không biết đất nước, và đề nghị dừng lại và giúp ông; nhưng ông từ chối cho phép điều này.

"No, no," he said, "you must push on, and see what you can find; I shall follow in half an hour or so. We cannot miss one another, and at the worst there is always the hill as a landmark, so you have only to climb a tree and you will get the direction at once. But in any case do not fail to be at the boat at five o'clock, for whether I overtake you in the meantime or not, *I promise you I will be there to meet you.*"

"Không, không," ông nói, "các bạn phải tiếp tục, và xem các bạn có thể tìm thấy gì; tôi sẽ theo sau trong nửa giờ hoặc lâu hơn. Chúng ta không thể lạc nhau, và trong trường hợp xấu nhất, luôn có ngọn đồi làm mốc, vì vậy các bạn chỉ cần trèo lên một cái cây và các bạn sẽ có được hướng đi ngay lập tức. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, đừng quên có mặt ở thuyền lúc năm giờ, vì dù tôi có đuổi kịp các bạn trong thời gian đó hay không, tôi hứa với các bạn tôi sẽ có mặt ở đó để gặp các bạn."

Somewhat reluctantly we obeyed, and plunged into the jungle, leaving him still lying fanning himself under the tree. We had walked on for about an hour without much

Một cách miễn cưỡng, chúng tôi tuân theo, và lao vào rừng, để lại ông vẫn nằm quạt mình dưới cái cây. Chúng tôi đã đi bộ khoảng một giờ mà không có nhiều thành công, và chỉ mới bắt

success, and were just beginning to wonder when the Major would join us, when Cameron, who happened to be next to me, stopped suddenly, turned pale as death, and pointing straight before him cried in accents of horror:

đầu tự hỏi khi nào Thiếu tá sẽ tham gia cùng chúng tôi, khi Cameron, người tình cờ đứng cạnh tôi, đột ngột dừng lại, tái nhợt như tử thần, và chỉ thẳng về phía trước kêu lên trong giọng nói kinh hoàng:

"See! see! merciful heaven, look there!"

"Nhìn kìa! nhìn kìa! trời ơi, nhìn kìa!"

"Where? what? what is it?" we all shouted confusedly, as we rushed up to him and looked round in expectation of encountering a tiger, a cobra, we hardly knew what, but assuredly something terrible, since it had been sufficient to cause such evident emotion in our usually self- contained comrade. But neither tiger nor cobra was visible; nothing but Cameron, pointing with ghastly haggard face and starting eyeballs at *something we could not see*.

"Ở đâu? cái gì? cái gì vậy?" tất cả chúng tôi hét lên một cách lộn xộn, khi chúng tôi chạy đến bên anh ta và nhìn quanh với hy vọng gặp phải một con hổ, một con rắn hổ mang, chúng tôi hầu như không biết cái gì, nhưng chắc chắn là điều gì đó khủng khiếp, vì nó đã đủ để gây ra sự xúc động rõ ràng như vậy ở người bạn đồng hành thường tự chủ của chúng tôi. Nhưng không có con hổ hay rắn hổ mang nào hiện ra; không có gì ngoài Cameron, chỉ với khuôn mặt nhợt nhạt ghê rợn và đôi mắt lồi ra vào một thứ mà chúng tôi không thể thấy.

"Cameron! Cameron!" cried I, seizing his arm, "for heaven's sake, speak! what is the matter?"

"Cameron! Cameron!" tôi kêu lên, nắm lấy cánh tay anh ta, "vì trời, hãy nói đi! chuyện gì vậy?"

Scarcely were the words out of my mouth when a low but very peculiar sound struck on my ear, and Cameron, dropping his pointing hand, said in a hoarse strained voice:

Chưa kịp nói hết câu thì một âm thanh thấp nhưng rất đặc biệt vang lên trong tai tôi, và Cameron, buông tay chỉ, nói bằng giọng khàn khàn căng thẳng:

"There! you heard it? Thank God it's over!"

"Đó! bạn nghe thấy không? Cảm ơn Chúa, nó đã qua!"

Even as he spoke he fell to the ground insensible. There was a momentary confusion while we unfastened his collar, and I dashed in his face some water which I fortunately had in my flask, while another tried to pour brandy between his clenched teeth; and under cover of it I whispered to the man next me (one of our greatest sceptics, by the way):

Ngay khi anh ta nói, anh ta ngã xuống đất bất tỉnh. Có một sự hỗn loạn trong giây lát khi chúng tôi tháo cổ áo anh ta, và tôi dội nước lên mặt anh ta mà tôi may mắn có trong bình, trong khi người khác cố gắng đổ rượu mạnh vào giữa hàm răng nghiến chặt của anh ta; và dưới sự che đậy của nó, tôi thì thầm với người bên cạnh tôi (một trong những người hoài nghi lớn nhất của chúng tôi, nhân tiện):

"Beauchamp, did *you* hear anything?"

"Beauchamp, bạn có nghe thấy gì không?"

"Why, yes," he replied, "a curious sound, very; a sort of crash or rattle far away in the distance, yet very distinct; if the thing were not utterly impossible I could have sworn it was the rattle of musketry."

"Tại sao, có," anh ta trả lời, "một âm thanh kỳ lạ, rất; một loại tiếng nổ hoặc tiếng rít xa xa, nhưng rất rõ ràng; nếu điều đó không hoàn toàn không thể, tôi có thể thề rằng đó là tiếng súng trường."

"Just my impression," murmured I; "but hush; he is recovering."

"Chính xác là ấn tượng của tôi," tôi thì thầm; "nhưng im lặng; anh ta đang hồi phục."

In a minute or two he was able to speak feebly, and began to thank us and apologize for giving trouble; and soon he sat up, leaning against a tree, and in a firm though still low voice said

Trong một hoặc hai phút, anh ta có thể nói yếu ớt, và bắt đầu cảm ơn chúng tôi và xin lỗi vì đã gây rắc rối; và chẳng bao lâu anh ta ngồi dậy, tựa vào một cái cây, và bằng giọng nói vững chắc mặc dù vẫn thấp, nói

"My dear friends, I feel I owe you an explanation of my extraordinary behaviour. It is an explanation that I would fain avoid giving; but it must come some time, and so may as well be given now.

"Các bạn thân mến, tôi cảm thấy tôi nợ các bạn một lời giải thích về hành vi kỳ lạ của mình. Đó là một lời giải thích mà tôi muốn tránh đưa ra; nhưng nó phải đến một lúc nào đó, và vì vậy có thể cũng nên được đưa ra bây giờ.

You may perhaps have noticed that when during the voyage you all joined in scoffing at dreams, portents, and visions, I invariably avoided giving any opinion on the subject. I did so because, while I had no desire to court ridicule or provoke discussion, I was unable to agree with you, knowing only too well from my own dread experience that the world which men agree to call that of the supernatural is just as real as this world we see about us--perhaps even far more so. In other words, I, like many of my countrymen, am cursed with the gift of second-sight--that awful faculty which foretells in vision calamities that are shortly to occur.

Các bạn có thể đã nhận thấy rằng khi trong chuyến đi, tất cả các bạn tham gia chế giễu giấc mơ, điềm báo, và tầm nhìn, tôi luôn tránh bày tỏ ý kiến nào về chủ đề này. Tôi đã làm như vậy vì, trong khi tôi không muốn tìm kiếm sự chế giễu hoặc kích động thảo luận, tôi không thể đồng ý với các bạn, biết quá rõ từ kinh nghiệm đáng sợ của mình rằng thế giới mà con người đồng ý gọi là siêu nhiên cũng thực như thế giới này mà chúng ta thấy xung quanh—có lẽ thậm chí còn thực hơn nhiều. Nói cách khác, tôi, giống như nhiều người đồng hương của mình, bị nguyền rủa với món quà của tầm nhìn thứ hai—khả năng khủng khiếp đó mà tiên đoán trong tầm nhìn những tai họa sắp xảy ra.

Such a vision I had just now, and its exceptional horror moved me as you have seen. I saw before me a corpse--not that of one who has died a peaceful, natural death, but that of the victim of some terrible accident--a ghastly, shapeless mass, with a face swollen, crushed, unrecognisable. I saw this dreadful object placed in a coffin, and the funeral

Một tầm nhìn như vậy tôi vừa có, và sự kinh hoàng đặc biệt của nó đã làm tôi xúc động như các bạn đã thấy. Tôi thấy trước mặt mình một xác chết—không phải của một người đã chết một cái chết tự nhiên, yên bình, mà là của nạn nhân của một tai nạn khủng khiếp nào đó—một khối ghê rợn, không có hình dạng, với khuôn mặt sưng phồng, nghiền nát, không thể

service performed over it; I saw the burial-ground, I saw the clergyman; and though I had never seen either before, I can picture both perfectly in my mind's eye now. I saw you, myself, Beauchamp, all of us and many more, standing round as mourners; I saw the soldiers raise their muskets after the service was over; I heard the volley they fired--and then I knew no more."

nhận ra. Tôi thấy vật thể khủng khiếp này được đặt trong một quan tài, và lễ tang được thực hiện trên nó; tôi thấy nghĩa trang, tôi thấy linh mục; và mặc dù tôi chưa bao giờ thấy cả hai trước đây, tôi có thể hình dung cả hai hoàn hảo trong tâm trí của mình bây giờ. Tôi thấy các bạn, bản thân tôi, Beauchamp, tất cả chúng ta và nhiều người khác, đứng xung quanh như những người đưa tang; tôi thấy những người lính nâng súng trường của họ sau khi lễ tang kết thúc; tôi nghe thấy loạt súng mà họ bắn—và sau đó tôi không biết gì nữa."

As he spoke of that volley of musketry I glanced across with a shudder at Beauchamp, and the look of stony horror on that handsome sceptic's face was one not to be forgotten. The spell of the vision was upon us all, and no one liked to be the first to speak; and for a long minute, which could be felt--that silence of tropical noon which is so far deeper than that of perhaps two minutes, there was a silence midnight.

Khi anh ta nói về loạt súng trường đó, tôi liếc qua với một cái rùng mình về phía Beauchamp, và cái nhìn kinh hoàng trên khuôn mặt đẹp trai của người hoài nghi đó là một điều không thể quên. Phép thuật của tầm nhìn đã bao trùm chúng tôi tất cả, và không ai muốn là người đầu tiên nói; và trong một phút dài, có thể cảm nhận được—sự im lặng của buổi trưa nhiệt đới sâu hơn nhiều so với sự im lặng của nửa đêm.

And then--it was broken. Broken, not by any of the ordinary sounds of the forest, but by one which under the circumstances startled us far more than the growl of the tiger or the hiss of the serpent would have done--the deep solemn `clang!' of a great church-bell.

Và sau đó—nó đã bị phá vỡ. Bị phá vỡ, không phải bởi bất kỳ âm thanh thông thường nào của rừng, mà bởi một âm thanh mà trong hoàn cảnh đó đã làm chúng tôi giật mình hơn nhiều so với tiếng gầm của hổ hay tiếng rít của rắn—tiếng `keng!' sâu sắc của một chiếc chuông nhà thờ lớn.

"Good God, what is that?" cried Beauchamp, thoroughly unnerved, as we all sprang to our feet, while the dog threw up his head and howled.

"Trời ơi, đó là gì?" Beauchamp kêu lên, hoàn toàn mất bình tĩnh, khi tất cả chúng tôi nhảy dựng lên, trong khi con chó ngẩng đầu lên và tru.

"It's the bell tolling for that funeral of Cameron's," said Granville, the wit of our party, trying to smile with a very white face; but I doubt if ever a joke fell flatter, for we were in no mood for laughter. While we still stood awe-stricken, gazing at one another,

"Đó là tiếng chuông đang rung cho lễ tang của Cameron," Granville, người hài hước trong nhóm của chúng tôi, cố gắng mỉm cười với khuôn mặt rất trắng; nhưng tôi nghi ngờ liệu một trò đùa có bao giờ rơi vào tình trạng tồi tệ hơn, vì chúng tôi không có tâm trạng để cười.

again the unmistakable sonorous `clang!' rang out in our ears--not borne by the wind and mellowed by distance, but in the very midst of us, close over our heads--so close that we felt the ground vibrate in response to its stroke.

Trong khi chúng tôi vẫn đứng kinh ngạc, nhìn nhau, một lần nữa tiếng `keng!' không thể nhầm lẫn vang lên trong tai chúng tôi—không phải do gió mang đến và làm dịu bởi khoảng cách, mà ngay giữa chúng tôi, ngay trên đầu chúng tôi—gần đến mức chúng tôi cảm thấy mặt đất rung lên theo nhịp của nó.

"Let us leave this accursed spot!" cried I, seizing Cameron's arm. Beauchamp caught him by the other, and between us we half supported, half dragged him along. The others followed; but we had not gone ten yards before that hollow knell sounded once more in our midst, adding wings to our speed; and again the dog howled dismally.

"Hãy rời khỏi nơi bị nguyền rủa này!" tôi kêu lên, nắm lấy cánh tay của Cameron. Beauchamp nắm lấy cánh tay kia của anh ta, và giữa chúng tôi, chúng tôi nửa đỡ, nửa kéo anh ta đi. Những người khác theo sau; nhưng chúng tôi chưa đi được mười thước trước khi tiếng chuông rỗng đó lại vang lên giữa chúng tôi, thêm cánh cho tốc độ của chúng tôi; và một lần nữa con chó tru lên một cách thảm thiết.

Nothing else happened, however, and for a mile or more we hurried along in silence, until we came upon a beautiful grassy dell through which meandered a clear silvery streamlet. On its edge we threw ourselves down to rest; indeed Cameron, not yet thoroughly recovered, seemed incapable of going further. After a long draught of the cool water we became more composed, and began seriously to review our late remarkable experience.

Tuy nhiên, không có gì khác xảy ra, và trong hơn một dặm, chúng tôi vội vã đi trong im lặng, cho đến khi chúng tôi đến một thung lũng cỏ đẹp, nơi có một dòng suối bạc trong vắt chảy qua. Trên bờ của nó, chúng tôi ném mình xuống để nghỉ ngơi; thực sự Cameron, chưa hoàn toàn hồi phục, dường như không thể đi xa hơn. Sau một ngụm nước mát dài, chúng tôi trở nên bình tĩnh hơn, và bắt đầu nghiêm túc xem xét lại trải nghiệm đáng chú ý vừa qua.

As to Cameron's vision, after witnessing his intense and painful agitation it was impossible to doubt that it was sufficiently real to *him*, and (the phenomenon being a purely subjective one) there was little more to be said. More difficult to deal with was the faint, distant, yet surprisingly distinct sound of a volley of musketry which Beauchamp and I had both heard. Granville in our heated imagination, excited as we and Johnson, who had heard nothing, declared that the sound had existed only naturally were by Cameron's strange condition; and, when reminded of its singular agreement with the termination of

Về tầm nhìn của Cameron, sau khi chứng kiến sự xúc động mãnh liệt và đau đớn của anh ta, không thể nghi ngờ rằng nó đủ thực đối với anh ta, và (hiện tượng là một hiện tượng hoàn toàn chủ quan) không có nhiều điều để nói thêm. Khó khăn hơn để xử lý là âm thanh yếu ớt, xa xăm, nhưng đáng ngạc nhiên rõ ràng của một loạt súng trường mà Beauchamp và tôi đều đã nghe thấy. Granville trong trí tưởng tượng nóng bỏng của chúng tôi, bị kích thích như chúng tôi và Johnson, người không nghe thấy gì, tuyên bố rằng âm thanh chỉ tồn tại tự nhiên bởi tình trạng kỳ lạ của Cameron; và, khi được nhắc nhở về sự đồng nhất kỳ lạ của nó với

his vision, attributed that fact to mere coincidence.

kết thúc của tầm nhìn của anh ta, đã gán điều đó cho sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Neither Beauchamp nor I were at all satisfied with this; we had heard the sound, and we *knew* that this theory was not the true explanation; but as we were entirely unable to suggest a more rational one, it was useless to argue. But then that weird church-bell! No one dreamt of suggesting imagination in that case; we had all alike heard it-all felt the vibration of the earth which it caused--all agreed exactly in the description of its sound, and in locating it in the very midst of us.

Cả Beauchamp và tôi đều không hài lòng với điều này; chúng tôi đã nghe thấy âm thanh, và chúng tôi biết rằng lý thuyết này không phải là lời giải thích đúng; nhưng vì chúng tôi hoàn toàn không thể đề xuất một lời giải thích hợp lý hơn, nên không có ích gì để tranh luận. Nhưng sau đó là tiếng chuông nhà thờ kỳ lạ đó! Không ai mơ tưởng đến việc gợi ý tưởng tượng trong trường hợp đó; tất cả chúng tôi đều nghe thấy nó—tất cả đều cảm thấy sự rung động của mặt đất mà nó gây ra—tất cả đều đồng ý chính xác trong mô tả về âm thanh của nó, và trong việc định vị nó ngay giữa chúng tôi.

"Still," said Granville, "of course there *must* be some means of accounting for it naturally. Even if there were such things as spirits, it would be absurd to suppose them capable of producing a noise such as that. I have read of cases in which some unusual description of echo has been found capable of reproducing a sound with startling fidelity even at an almost incredible distance."

"Tuy nhiên," Granville nói, "tất nhiên phải có một cách nào đó để giải thích nó một cách tự nhiên. Ngay cả khi có những thứ như linh hồn, thì cũng thật vô lý khi cho rằng chúng có khả năng tạo ra một âm thanh như vậy. Tôi đã đọc về những trường hợp trong đó một loại tiếng vọng đặc biệt nào đó đã được phát hiện có khả năng tái tạo một âm thanh với độ trung thực đáng kinh ngạc ngay cả ở một khoảng cách gần như không thể tin được."

"An echo!" replied Cameron scornfully; "there is not a church-bell within fifty miles of us--not such an one as that, probably, in the whole of India, for it sounded like the Great Bell of Moscow."

"Một tiếng vọng!" Cameron trả lời một cách khinh miệt; "không có một chiếc chuông nhà thờ nào trong vòng năm mươi dặm quanh đây—không có một chiếc nào như vậy, có lẽ, trong toàn bộ Ấn Độ, vì nó nghe như tiếng Chuông Lớn của Moscow."

"Yes, that sound had certainly not travelled fifty miles," remarked Beauchamp reflectively. "You have heard, I suppose, of the *campanero* of South America?"

"Vâng, âm thanh đó chắc chắn không phải đã đi được năm mươi dặm," Beauchamp nhận xét một cách suy tư. "Bạn đã nghe nói, tôi cho rằng, về campanero của Nam Mỹ?"

We had all read of this lovely bird and its wonderful bell-like note, but we had no reason to believe that any such creature existed in India; besides, we all agreed that no specimen of the feathered tribe was ever hatched which

Tất cả chúng tôi đã đọc về loài chim tuyệt đẹp này và âm thanh giống chuông tuyệt vời của nó, nhưng chúng tôi không có lý do để tin rằng bất kỳ sinh vật nào như vậy tồn tại ở Ấn Độ; ngoài ra, tất cả chúng tôi đều đồng ý rằng

could have produced that tremendous metallic clang.

không có loài chim nào từng được sinh ra có thể tạo ra tiếng `keng' kim loại khủng khiếp đó.

"I wish the Major had been with us," said Granville; "he knows the country, and perhaps he might be able to suggest something. Ha! I have it! I see the explanation of the mystery! How absurd of us not to have thought of it before! Of course the Major, who stayed behind, has been playing some trick upon us, and is now having a good laugh somewhere or other at the recollection of our foolish fright!"

"Tôi ước gì Thiếu tá đã ở cùng chúng tôi," Granville nói; "ông ấy biết rõ đất nước, và có lẽ ông ấy có thể gợi ý điều gì đó. Ha! Tôi đã hiểu! Tôi thấy lời giải thích của bí ẩn! Thật vô lý khi chúng tôi không nghĩ đến điều đó trước! Tất nhiên Thiếu tá, người đã ở lại phía sau, đã chơi một trò đùa nào đó với chúng tôi, và bây giờ đang cười thầm ở đâu đó khi nhớ lại sự sợ hãi ngớ ngẩn của chúng tôi!"

"A bright idea! that must be it!" exclaimed Beauchamp and Johnson together.

"Một ý tưởng sáng suốt! chắc chắn đó phải là nó!" Beauchamp và Johnson cùng kêu lên.

"But stay," interposed I, "*how* could he have done it? He can hardly have been carrying a bell weighing two or three tons or so in his coat-pocket."

"Nhưng chờ đã," tôi xen vào, "làm sao ông ấy có thể làm điều đó? Ông ấy không thể mang theo một chiếc chuông nặng hai hoặc ba tấn trong túi áo khoác của mình."

"Oh, no doubt he found some method or other," answered Granville; "for example, I have heard that a properly prepared bar of iron will when struck give out a very fair imitation of a bell sound."

"Ồ, không nghi ngờ gì ông ấy đã tìm ra một phương pháp nào đó," Granville trả lời; "ví dụ, tôi đã nghe nói rằng một thanh sắt được chuẩn bị đúng cách sẽ khi bị đánh phát ra một âm thanh giống chuông khá tốt."

"Perhaps so, but then properly prepared bars of iron are not usually to be found lying about in an Indian jungle, and he certainly brought nothing with him from the boat."

"Có thể là vậy, nhưng những thanh sắt được chuẩn bị đúng cách thường không nằm rải rác trong một khu rừng Ấn Độ, và ông ấy chắc chắn không mang theo gì từ thuyền."

"Well, possibly the barrel of his gun might be made--" but here a general smile checked the speaker, and Cameron quietly remarked:

"Chà, có thể là nòng súng của ông ấy có thể được làm—" nhưng ở đây một nụ cười chung đã ngăn chặn người nói, và Cameron lặng lẽ nhận xét:

"No, Granville, I do not think that will quite answer as an explanation; besides, how do you account for the sound coming from a point close above our heads?"

"Không, Granville, tôi không nghĩ rằng điều đó sẽ hoàn toàn trả lời như một lời giải thích; ngoài ra, làm thế nào bạn giải thích âm thanh phát ra từ một điểm ngay trên đầu chúng ta?"

"Much may be done by skilful management of ventriloquism," replied Granville.

"Nhiều điều có thể được thực hiện bằng cách quản lý khéo léo của thuật nói tiếng bụng,"

Granville trả lời.

"Ventriloquism! my dear fellow, can you seriously suppose that such a sound as that ever proceeded from any human throat?"

"Thuật nói tiếng bụng! bạn thân mến, bạn có thực sự cho rằng một âm thanh như vậy từng phát ra từ bất kỳ cổ họng con người nào không?"

"Well," answered Granville, "I cannot say; but until you can find me a better, I cling to my hypothesis that the Major is responsible for our fright in some way or other."

"Chà," Granville trả lời, "tôi không thể nói; nhưng cho đến khi bạn tìm cho tôi một lời giải thích tốt hơn, tôi bám vào giả thuyết của mình rằng Thiếu tá chịu trách nhiệm cho sự sợ hãi của chúng ta bằng cách nào đó."

To this Beauchamp and Johnson somewhat hesitatingly agreed; Cameron smiled sadly and shook his head, but said no more; as for myself, I knew not what to think, for my scepticism was considerably shaken by the strange events of the morning.

Với điều này, Beauchamp và Johnson có phần do dự đồng ý; Cameron mỉm cười buồn bã và lắc đầu, nhưng không nói thêm gì; còn tôi, tôi không biết nghĩ gì, vì sự hoài nghi của tôi đã bị lung lay đáng kể bởi những sự kiện kỳ lạ của buổi sáng.

We lay there by that pleasant stream for some hours, each ransacking his memory in turn for some half-forgotten story of the supernatural, of goblin, ghost, or fairy, told perhaps by some old nurse in happy childish days. The only tale that dwells in my recollection is a short one told by Cameron in answer to a question as to his first experience of the faculty of second-sight.

Chúng tôi nằm đó bên dòng suối dễ chịu đó trong vài giờ, mỗi người lần lượt lục lọi trí nhớ của mình để tìm một câu chuyện nào đó về siêu nhiên, về yêu tinh, ma quỷ, hoặc tiên nữ, có lẽ được kể bởi một bà vú già trong những ngày thơ ấu hạnh phúc. Câu chuyện duy nhất còn lại trong ký ức của tôi là một câu chuyện ngắn được Cameron kể để trả lời một câu hỏi về trải nghiệm đầu tiên của anh ta với khả năng nhìn thấy thứ hai.

"The first experience I well remember," he said; "I was a little lad of six or seven, and one evening when my father and I were out walking together, we stood to watch the fishermen of our little village push off their boats and start for their night's work. Among them were two fine lads, Alec and Donald, who were particular favourites of mine, and used frequently to bring strange fish for "the little laird" (as they called me) to see; and once I had even been out in their boat. So I waved my hand to them as they set sail, and then we continued our ramble, ascending the cliffs so that we could watch the boats as they stood

"Trải nghiệm đầu tiên mà tôi nhớ rõ," anh ta nói; "tôi là một cậu bé nhỏ khoảng sáu hoặc bảy tuổi, và một buổi tối khi cha tôi và tôi đang đi dạo cùng nhau, chúng tôi dừng lại để xem những người đánh cá của ngôi làng nhỏ của chúng tôi đẩy thuyền của họ ra khơi và bắt đầu công việc ban đêm của họ. Trong số đó có hai chàng trai tốt, Alec và Donald, những người đặc biệt yêu thích tôi, và thường mang những con cá lạ cho `cậu chủ nhỏ' (như họ gọi tôi) xem; và một lần tôi thậm chí đã ra khơi trên thuyền của họ. Vì vậy, tôi vẫy tay chào họ khi họ ra khơi, và sau đó chúng tôi tiếp tục đi dạo, leo lên vách đá để có thể xem thuyền khi

far out to sea.

chúng đi xa ra biển.

We were nearly at home again, when, coming round an angle of the grey old castle wall, I was much surprised to see Alec and Donald leaning against it. I was about to speak to them, when the sudden tightening of my father's grasp upon my hand caused me to look up in his face, and the stern, set expression that I saw there diverted my attention for the moment from the lads, though I noticed that they did not give us the customary salute--in fact, did not seem to see us at all. `Father,' I asked, `what can Alec and Donald be doing there?'

Chúng tôi gần như đã về đến nhà, khi, đi vòng qua một góc của bức tường lâu đài xám cũ, tôi rất ngạc nhiên khi thấy Alec và Donald tựa vào đó. Tôi định nói chuyện với họ, khi sự siết chặt đột ngột của cha tôi trên tay tôi khiến tôi nhìn lên khuôn mặt ông, và biểu hiện nghiêm nghị, cứng rắn mà tôi thấy ở đó đã làm tôi tạm thời quên đi các chàng trai, mặc dù tôi nhận thấy rằng họ không chào chúng tôi như thường lệ—thực tế, dường như không thấy chúng tôi chút nào. `Cha,' tôi hỏi, `Alec và Donald có thể đang làm gì ở đó?'

He looked down on me with deep compassion, and said:

Ông nhìn xuống tôi với sự thương cảm sâu sắc, và nói:

`And did ye see them too? Eh! my lad, my lad!'

`Và con cũng thấy họ à? Ôi! con trai của ta, con trai của ta!'

After that he took no notice of my questions, and spoke no more till we reached home. He retired to his room, while I ran down to the beach to see why my young friends' boat had returned; but to my astonishment there was no boat there, and an old woman, who had been sitting spinning at her door close by the whole time, assured me that there certainly had been none since the whole fleet set sail together two hours before. I was puzzled, but still I never doubted that somehow my friends had been there in real flesh and blood; even the great storm which woke me in the night suggested nothing, and it was only when in the early morning I saw men reverently bearing two bodies into the house where Alec and Donald had lived, that I had any idea of the true nature of what I had seen."

Sau đó, ông không chú ý đến các câu hỏi của tôi nữa, và không nói gì thêm cho đến khi chúng tôi về đến nhà. Ông rút lui vào phòng của mình, trong khi tôi chạy xuống bãi biển để xem tại sao thuyền của các bạn trẻ của tôi đã trở về; nhưng đến sự ngạc nhiên của tôi, không có thuyền nào ở đó, và một bà già, người đã ngồi quay sợi ở cửa nhà gần đó suốt thời gian, đảm bảo với tôi rằng chắc chắn không có thuyền nào kể từ khi toàn bộ đội thuyền ra khơi cùng nhau hai giờ trước. Tôi bối rối, nhưng vẫn không nghi ngờ rằng bằng cách nào đó các bạn của tôi đã ở đó bằng xương bằng thịt; ngay cả cơn bão lớn đánh thức tôi trong đêm cũng không gợi ý gì, và chỉ khi vào buổi sáng sớm tôi thấy người ta kính cẩn mang hai thi thể vào ngôi nhà nơi Alec và Donald đã sống, tôi mới có ý tưởng về bản chất thực sự của những gì tôi đã thấy."

Thus time passed on, till the declining rays of the sun warned us that we must think of returning to the boat. We had not far to go, for

Thời gian trôi qua như vậy, cho đến khi những tia nắng chiều tà nhắc nhở chúng tôi rằng chúng tôi phải nghĩ đến việc trở về thuyền.

the hill at whose foot we were to meet was full in sight, and we had only to pass through a wood which skirted its base. By this time we had somewhat recovered our normal tone, and were laughing and chatting gaily, wondering where we should find the Major, and thinking what an incredible story we had to tell him. Beauchamp, who was leading, called out:

Chúng tôi không phải đi xa, vì ngọn đồi mà chúng tôi phải gặp đã hiện rõ trước mắt, và chúng tôi chỉ cần đi qua một khu rừng bao quanh chân đồi. Đến lúc này, chúng tôi đã phần nào hồi phục lại tâm trạng bình thường, và đang cười đùa vui vẻ, tự hỏi chúng tôi sẽ tìm thấy Thiếu tá ở đâu, và nghĩ về câu chuyện không thể tin được mà chúng tôi phải kể cho ông. Beauchamp, người đang dẫn đầu, gọi lớn:

"Here is the end of the wood at last!"

"Đây là cuối khu rừng rồi!"

Suddenly his dog, which had been roaming about in advance, came flying back and cowered down among us with every sign of excessive fear. We had no time to wonder at this unusual behaviour before again in our midst sounded that solemn sonorous `clang!' just as before, and again the trembling dog threw up his head and howled.

Đột nhiên con chó của anh ta, con chó đã đi lang thang phía trước, quay lại và cúi xuống giữa chúng tôi với mọi dấu hiệu của sự sợ hãi quá mức. Chúng tôi không có thời gian để ngạc nhiên về hành vi bất thường này trước khi một lần nữa giữa chúng tôi vang lên tiếng `keng!' trang nghiêm như trước, và một lần nữa con chó run rẩy ngẩng đầu lên và tru.

"Ha!" exclaiming Cameron, quickly turning upon Granville; "echo? ventriloquism? an iron bar? a musket-barrel? which hypothesis do you prefer now?"

"Ha!" Cameron kêu lên, nhanh chóng quay về phía Granville; "tiếng vọng? thuật nói tiếng bụng? một thanh sắt? một nòng súng? giả thuyết nào bây giờ anh thích hơn?"

And as his voice ceased the dread unearthly knell again crashed forth. With one consent we sprang towards the open ground at the end of the wood, but before we could reach it the spectral bell rang once more in our very ears--almost in our very brains, as it seemed--amid the frantic howls of the dog. We rushed out in great disorder into the broad meadow sloping down to the river, and it was with an unutterable sense of relief that we saw our boat, already moored, waiting to receive us, and the Major some distance in front of us limping hastily towards it.

Và khi giọng nói của anh ta ngừng lại, tiếng chuông kỳ bí lại vang lên. Chúng tôi đồng loạt lao về phía khoảng đất trống ở cuối rừng, nhưng trước khi chúng tôi có thể đến đó, tiếng chuông ma quái lại vang lên ngay bên tai chúng tôi - gần như trong chính bộ não của chúng tôi, như thể - giữa những tiếng hú điên cuồng của con chó. Chúng tôi lao ra trong tình trạng hỗn loạn vào cánh đồng rộng dốc xuống sông, và với một cảm giác nhẹ nhõm không thể tả, chúng tôi thấy chiếc thuyền của mình, đã neo sẵn, đang chờ đón chúng tôi, và Thiếu tá cách chúng tôi một khoảng xa đang khập khiễng vội vã tiến về phía đó.

"Major! Major!" we shouted.

"Thiếu tá! Thiếu tá!" chúng tôi hét lên.

But he did not turn his head, sharp though his ears were generally; he only hurried on

Nhưng ông không quay đầu lại, dù tai ông thường rất thính; ông chỉ vội vã tiến về phía

towards the boat, so we all started in pursuit, running as hard as we could. To our surprise the dog, instead of accompanying us, uttered one final dismal yelp and dashed back into the haunted wood; but no one thought of following him, for our attention was fixed on the Major. Fast as we ran we were unable to overtake him, and we were still some fifty yards from the boat when he hurried across the plank that the boatmen had just put down as a gangway. He went down the stairs, still in the same hurried manner, and we rushed after him, but to our intense surprise were unable to find him anywhere. The door of his cabin stood wide open, but it was empty; and though we searched the whole barge, not a trace of him could we find.

thuyền, vì vậy tất cả chúng tôi bắt đầu đuổi theo, chạy nhanh hết sức có thể. Ngạc nhiên thay, con chó, thay vì đi cùng chúng tôi, lại phát ra một tiếng rên rỉ cuối cùng và lao trở lại vào khu rừng ma ám; nhưng không ai nghĩ đến việc đuổi theo nó, vì sự chú ý của chúng tôi tập trung vào Thiếu tá. Dù chúng tôi chạy nhanh đến đâu, chúng tôi cũng không thể bắt kịp ông, và chúng tôi vẫn còn cách thuyền khoảng năm mươi thước khi ông vội vã băng qua tấm ván mà những người chèo thuyền vừa đặt xuống làm lối đi. Ông đi xuống cầu thang, vẫn trong tư thế vội vã như vậy, và chúng tôi lao theo ông, nhưng ngạc nhiên thay, không thể tìm thấy ông ở đâu cả. Cửa cabin của ông mở toang, nhưng trống rỗng; và dù chúng tôi tìm kiếm khắp chiếc xà lan, không một dấu vết nào của ông mà chúng tôi có thể tìm thấy.

"Well," cried Granville, "this is the strangest trick of all."

"Thật kỳ lạ," Granville kêu lên, "đây là trò lừa kỳ lạ nhất trong tất cả."

Cameron and I exchanged glances, but Granville, not observing us, rushed on deck and demanded of the head boatman where the Major was.

Cameron và tôi trao đổi ánh mắt, nhưng Granville, không để ý đến chúng tôi, lao lên boong và hỏi người chèo thuyền chính Thiếu tá đang ở đâu.

"Sahib," replied the man, "I have not seen him since he left with you this morning."

"Sahib," người đàn ông trả lời, "tôi không thấy ông ấy kể từ khi ông rời đi cùng các ông sáng nay."

"Why, what do you mean?" roared Granville; "he came on board this barge not a minute before we did, and I saw you put down a plank for him to cross with your own hands!"

"Tại sao, ý anh là gì?" Granville gầm lên; "ông ấy đã lên xà lan này không đầy một phút trước khi chúng tôi làm, và tôi thấy anh đặt một tấm ván cho ông ấy băng qua bằng chính tay mình!"

"Sir," answered the man, exhibiting the greatest astonishment, "you certainly mistake; you were yourself the first person to come on board, and I laid down the plank because I saw you coming; as for the Major Sahib, I have not set eyes upon him since morning."

"Thưa ông," người đàn ông trả lời, tỏ ra vô cùng ngạc nhiên, "chắc chắn ông nhầm; chính ông là người đầu tiên lên xà lan, và tôi đã đặt tấm ván xuống vì tôi thấy ông đang đến; còn về Thiếu tá Sahib, tôi không thấy ông ấy kể từ sáng."

We could do nothing but stare at one another in blank amazement, not unmingled with awe; and I heard Cameron mutter as if to himself:

Chúng tôi không thể làm gì ngoài việc nhìn nhau trong sự kinh ngạc trống rỗng, không thiếu phần kinh hãi; và tôi nghe Cameron lẩm bẩm như thể với chính mình:

"He *is* dead, then, as I feared, and the vision was for him after all."

"Vậy là ông ấy đã chết, như tôi lo sợ, và thị kiến là dành cho ông ấy sau cùng."

"There is something very strange about all this," said Beauchamp, "something which I cannot at all understand; but one thing is clear. We must at once go back to the place where we left the Major this morning, and search for him. Some accident may have happened."

"Có điều gì đó rất kỳ lạ về tất cả chuyện này," Beauchamp nói, "điều gì đó mà tôi hoàn toàn không thể hiểu được; nhưng có một điều rõ ràng. Chúng ta phải ngay lập tức quay lại nơi chúng ta đã rời Thiếu tá sáng nay, và tìm kiếm ông ấy. Có thể đã xảy ra tai nạn."

We explained to the head boatman where we had parted from the Major, and found that he at once shared our worst fears.

Chúng tôi giải thích cho người chèo thuyền chính nơi chúng tôi đã chia tay với Thiếu tá, và nhận thấy rằng ông ngay lập tức chia sẻ những lo ngại tồi tệ nhất của chúng tôi.

"That is a very dangerous place, Sahib," be said; "there was once a village there, and there are two or three deep wells whose mouths are entirely over-grown by bushes and weeds; and the Major Sahib, being so short-sighted, would be very likely to fall into one of them."

"Đó là một nơi rất nguy hiểm, Sahib," ông nói; "đã từng có một ngôi làng ở đó, và có hai hoặc ba giếng sâu mà miệng của chúng hoàn toàn bị che phủ bởi bụi cây và cỏ dại; và Thiếu tá Sahib, vì thị lực kém, rất có thể sẽ rơi vào một trong số chúng."

This intelligence naturally increased our apprehensions tenfold, and we lost no time in setting off, taking with us three of the boatmen and a coil of stout rope. As may be imagined, it was not without a shudder that we plunged again into the wood where we had heard those mysterious sounds which we had now so much reason to fear might have been in some inexplicable way intended as warnings to us of a calamity impending, or perhaps even then taking place. But the conversation turned chiefly on the latest marvel--the appearance and disappearance of what we could hardly help calling the Major's ghost.

Thông tin này tự nhiên làm tăng gấp mười lần nỗi lo sợ của chúng tôi, và chúng tôi không mất thời gian để lên đường, mang theo ba người chèo thuyền và một cuộn dây thừng chắc chắn. Như có thể tưởng tượng, không phải không có một cơn rùng mình mà chúng tôi lại lao vào khu rừng nơi chúng tôi đã nghe thấy những âm thanh bí ẩn mà bây giờ chúng tôi có rất nhiều lý do để sợ rằng có thể đã được dùng như những lời cảnh báo cho chúng tôi về một thảm họa sắp xảy ra, hoặc có lẽ thậm chí đang diễn ra. Nhưng cuộc trò chuyện chủ yếu xoay quanh điều kỳ diệu mới nhất - sự xuất hiện và biến mất của những gì chúng tôi khó có thể không gọi là hồn ma của Thiếu tá.

We carefully compared notes, and ascertained

Chúng tôi cẩn thận so sánh ghi chú, và xác

beyond a doubt that all five of us had clearly seen him. We had all observed his hurried manner; we had all noticed that, though still wearing the top-boots, he had no hat upon his head and was no longer carrying his gun; we had all seen him descend the stairs on board the boat, and we were all perfectly certain that it would have been impossible for him, if a man in the flesh, to escape us unobserved. Sceptics though some of us had been as to supernatural visitations, I think none of us now ventured to hope that we should find him alive; and perhaps it is no discredit to our prowess as soldiers to confess that we kept very close together as we retraced our steps through those woods, and that we spoke chiefly in whispers, except when at intervals we stopped, let off our pieces, and all shouted together, so that if the Major were lying disabled anywhere in the neighbourhood he would be aware of our approach.

định rõ ràng rằng cả năm người chúng tôi đều đã thấy ông ấy rõ ràng. Chúng tôi đều nhận thấy cách ông ấy vội vã; chúng tôi đều nhận thấy rằng, dù vẫn mang đôi ủng cao cổ, ông ấy không đội mũ trên đầu và không còn mang súng; chúng tôi đều thấy ông ấy đi xuống cầu thang trên thuyền, và chúng tôi hoàn toàn chắc chắn rằng sẽ là không thể cho ông ấy, nếu là một người bằng xương bằng thịt, thoát khỏi chúng tôi mà không bị phát hiện. Dù một số người trong chúng tôi đã từng hoài nghi về những cuộc viếng thăm siêu nhiên, tôi nghĩ không ai trong chúng tôi bây giờ dám hy vọng rằng chúng tôi sẽ tìm thấy ông ấy còn sống; và có lẽ không phải là điều đáng xấu hổ cho sự dũng cảm của chúng tôi với tư cách là những người lính khi thú nhận rằng chúng tôi giữ rất gần nhau khi chúng tôi quay lại qua những khu rừng đó, và rằng chúng tôi chủ yếu nói chuyện thì thầm, ngoại trừ khi thỉnh thoảng chúng tôi dừng lại, bắn súng, và tất cả cùng hét lên, để nếu Thiếu tá đang nằm bất động ở đâu đó trong khu vực lân cận, ông ấy sẽ biết về sự tiếp cận của chúng tôi.

However, we met with nothing unusual on our way, and found without difficulty the place where we had crossed the ditch, and the tree under which we had left the Major. From this spot the boatmen easily tracked his footsteps for a few hundred yards, till one of them, running forward, picked up the hat and gun of the missing man--"the very articles," whispered Cameron to me, "which he had not when we saw him just now." We now felt certain that some terrible accident had occurred--probably close to the very spot where we stood; and sure enough the natives pointed out to us only a few yards off the concealed mouth of one of those old wells of which they had warned us. Alas! at its edge there were the unmistakable marks of slipping feet; and from the blackness of the depth into which we looked, we could hardly

Tuy nhiên, chúng tôi không gặp điều gì bất thường trên đường đi, và dễ dàng tìm thấy nơi chúng tôi đã băng qua con mương, và cái cây dưới đó chúng tôi đã để lại Thiếu tá. Từ điểm này, những người chèo thuyền dễ dàng theo dõi dấu chân của ông ấy trong vài trăm thước, cho đến khi một trong số họ, chạy về phía trước, nhặt được chiếc mũ và khẩu súng của người mất tích - "chính những vật dụng," Cameron thì thầm với tôi, "mà ông ấy không có khi chúng tôi vừa thấy ông ấy." Bây giờ chúng tôi cảm thấy chắc chắn rằng một tai nạn khủng khiếp đã xảy ra - có lẽ ngay gần nơi chúng tôi đang đứng; và chắc chắn những người bản địa chỉ cho chúng tôi thấy chỉ cách đó vài thước miệng giếng cũ bị che giấu mà họ đã cảnh báo chúng tôi. Than ôi! ở mép giếng có những dấu vết không thể nhầm lẫn của những bước chân trượt; và từ độ sâu đen tối mà chúng

doubt that our poor friend must have been fatally injured, even if not at once killed, by the fall.

tôi nhìn vào, chúng tôi khó có thể nghi ngờ rằng người bạn tội nghiệp của chúng tôi phải đã bị thương nặng, ngay cả khi không bị giết ngay lập tức, bởi cú ngã.

The sun was already setting, and night comes on so rapidly in the tropics that we had but little time to lose; so, as no answer came to our shouts, we hastily passed our rope round the branch of a tree which hung over the mouth of the well, and by its means one of the boatmen descended. Soon from an immense depth a shout came up; the man had reached the bottom, and had discovered a body, but was unable to tell us whether it was the Major's or not. We directed him to attach it to the rope, and with fast-beating hearts drew it to the surface of the earth.

Mặt trời đã lặn, và đêm đến rất nhanh ở vùng nhiệt đới nên chúng tôi không có nhiều thời gian để mất; vì vậy, khi không có câu trả lời nào đến từ những tiếng hét của chúng tôi, chúng tôi vội vàng quấn dây thừng quanh cành cây treo trên miệng giếng, và nhờ đó một trong những người chèo thuyền đã xuống. Chẳng mấy chốc từ một độ sâu khổng lồ, một tiếng hét vang lên; người đàn ông đã đến đáy, và đã phát hiện ra một thi thể, nhưng không thể nói cho chúng tôi biết đó có phải là của Thiếu tá hay không. Chúng tôi chỉ đạo anh ta buộc nó vào dây thừng, và với trái tim đập nhanh, chúng tôi kéo nó lên mặt đất.

Never shall I forget the ghastly sight that met our eyes in the rapidly-fading light. The corpse was indeed the Major's, but it was only by the clothes and the top-boots that we could identify it; scarcely anything of human shape was left in it, and the face was swollen and crushed past all recognition, as Cameron had seen it in his vision. Death must have been instantaneous, for evidently as he fell down the well, the head must have struck more than once against the rough rocky projections which we could see as we peered into it. Horrible to relate, entangled in the rope which had been so hurriedly tied round the corpse was also the mangled, but yet warm and palpitating body of Beauchamp's dog, which had rushed so madly into the jungle but an hour before! Sick with horror, we twined together a rude litter of branches, laid the Major's remains upon it with averted eyes, and bore it silently back to our boat.

Tôi sẽ không bao giờ quên cảnh tượng kinh hoàng mà chúng tôi nhìn thấy trong ánh sáng đang tắt dần nhanh chóng. Thi thể quả thực là của Thiếu tá, nhưng chỉ có thể nhận ra qua quần áo và đôi ủng cao cổ; hầu như không còn gì của hình dạng con người trong đó, và khuôn mặt bị sưng và nghiền nát không thể nhận ra, như Cameron đã thấy trong thị kiến của mình. Cái chết chắc chắn đã xảy ra ngay lập tức, vì rõ ràng khi ông ấy ngã xuống giếng, đầu phải đã va đập nhiều lần vào những mỏm đá gồ ghề mà chúng tôi có thể thấy khi nhìn vào đó. Kinh khủng hơn nữa, quấn quanh dây thừng đã được buộc vội vàng quanh thi thể cũng có thân thể bị nghiền nát, nhưng vẫn còn ấm và đập của con chó của Beauchamp, con chó đã lao điên cuồng vào rừng chỉ một giờ trước! Bệnh hoạn với nỗi kinh hoàng, chúng tôi quấn lại một cái cáng thô sơ từ cành cây, đặt thi thể của Thiếu tá lên đó với ánh mắt quay đi, và lặng lẽ mang nó trở lại thuyền của chúng tôi.

So ends my gruesome story, and few will wonder that a permanent effect was produced

Vậy là kết thúc câu chuyện rùng rợn của tôi, và ít ai ngạc nhiên rằng một ảnh hưởng lâu dài đã

upon the life of each one of its witnesses. Since then I have borne my part in many a battle-field, and faced death calmly enough in its most dreadful forms (for familiarity breeds contempt); but yet there are times when that unearthly bell, that spectral figure, that awful corpse rise once more before my mind, and a great horror falls upon me, and I dread to be alone.

One more fact I ought to mention to make my tale complete. When, on the following evening, we arrived at our destination, and our melancholy deposition had been taken down by the proper authorities, Cameron and I went out for a quiet walk, to endeavour with the assistance of the soothing influence of nature to shake off something of the gloom which paralysed our spirits. Suddenly he clutched my arm, and pointing through some rude railings, said in a trembling voice:

"Yes, there it is! that is the burial-ground I saw yesterday."

And when later on we were introduced to the chaplain of the post, I noticed, though my friends did not, the irrepressible shudder with which Cameron took his hand, and I knew that he had recognised the clergyman of his vision.

* * *

Such is my great-grandfather's story. As for its occult rationale, I presume Cameron's vision to have been a pure case of second-sight, and if so, the fact that the two men who were evidently nearest to him (certainly one and probably both actually *touching* him) participated in it to the limited extent of hearing the concluding volley, while the others who were not so close did not, would show that the intensity with which the vision

được tạo ra đối với cuộc sống của mỗi nhân chứng của nó. Kể từ đó, tôi đã tham gia vào nhiều trận chiến, và đối mặt với cái chết một cách bình tĩnh trong những hình thức đáng sợ nhất của nó (vì quen thuộc sinh ra sự khinh thường); nhưng vẫn có những lúc tiếng chuông không thuộc về thế gian đó, hình bóng ma quái đó, thi thể kinh hoàng đó lại hiện lên trong tâm trí tôi, và một nỗi kinh hoàng lớn ập đến với tôi, và tôi sợ phải ở một mình.

Một sự kiện nữa tôi nên đề cập để hoàn thành câu chuyện của mình. Khi, vào buổi tối hôm sau, chúng tôi đến đích, và lời khai buồn bã của chúng tôi đã được ghi lại bởi các cơ quan có thẩm quyền, Cameron và tôi đi ra ngoài để đi dạo yên tĩnh, cố gắng với sự trợ giúp của ảnh hưởng êm dịu của thiên nhiên để rũ bỏ phần nào sự u ám đang làm tê liệt tinh thần của chúng tôi. Đột nhiên anh ta nắm lấy cánh tay tôi, và chỉ qua một số hàng rào thô sơ, nói bằng giọng run rẩy:

"Vâng, đó là nó! đó là nghĩa trang mà tôi đã thấy hôm qua."

Và khi sau đó chúng tôi được giới thiệu với tuyên úy của đồn, tôi nhận thấy, dù bạn bè tôi không nhận ra, sự rùng mình không thể kìm nén khi Cameron bắt tay ông ta, và tôi biết rằng anh ta đã nhận ra vị linh mục trong thị kiến của mình.

* * *

Đó là câu chuyện của cụ cố tôi. Về lý do huyền bí của nó, tôi cho rằng thị kiến của Cameron là một trường hợp thuần túy của khả năng nhìn xa, và nếu vậy, việc hai người đàn ông rõ ràng gần gũi nhất với anh ta (chắc chắn một và có lẽ cả hai thực sự chạm vào anh ta) tham gia vào nó đến mức độ hạn chế của việc nghe thấy loạt đạn cuối cùng, trong khi những người khác không gần gũi như vậy thì không, sẽ cho thấy rằng cường độ mà thị kiến ấn tượng lên người

impressed itself upon the seer occasioned a disturbance in his aura which was communicated to that of each person in contact with him, as in ordinary thought-transference.

nhìn đã gây ra một sự xáo trộn trong hào quang của anh ta, điều này đã được truyền đến hào quang của mỗi người tiếp xúc với anh ta, như trong việc chuyển giao tư tưởng thông thường.

The bell sounds seem to have been an exceedingly powerful manifestation, probably produced by the dead Major, as an attempt to apprise his friends of the accident which had befallen him. It frequently happens that a dead man, unaccustomed to his new surroundings and unacquainted with the methods of wielding super-physical forces, plunges wildly about in his desperate efforts to communicate somehow with the world that he has left, and in doing so produces results as unexpected to himself as to his friends on earth. I have not heard of another instance of their taking exactly this form, but I have heard of others quite as tremendous; so I agree with Granville in holding the Major responsible for that weird signal, though I do not know exactly how he caused it.

Âm thanh chuông dường như là một biểu hiện cực kỳ mạnh mẽ, có lẽ được tạo ra bởi Thiếu tá đã chết, như một nỗ lực để thông báo cho bạn bè của ông về tai nạn đã xảy ra với ông. Thường xảy ra rằng một người chết, không quen với môi trường mới của mình và không quen với các phương pháp sử dụng các lực siêu vật lý, lao vào một cách điên cuồng trong nỗ lực tuyệt vọng để giao tiếp bằng cách nào đó với thế giới mà ông đã rời bỏ, và trong khi làm như vậy tạo ra những kết quả bất ngờ cho chính ông cũng như cho bạn bè của ông trên trái đất. Tôi chưa nghe nói về một trường hợp nào khác mà chúng có hình thức chính xác như vậy, nhưng tôi đã nghe nói về những trường hợp khác cũng đáng sợ không kém; vì vậy tôi đồng ý với Granville trong việc cho rằng Thiếu tá chịu trách nhiệm cho tín hiệu kỳ lạ đó, mặc dù tôi không biết chính xác ông đã gây ra nó như thế nào.

From what we hear of the Major's extreme punctuality, it is probable that the idea of keeping his promise to reach the boat at the time arranged may have been prominent in his mind immediately before death, and that prominent idea is enough to account for the apparition. The fact that the officers all saw it, and the boatmen did not, might be attributed to the intense excitement under which the former were laboring, in addition to the fact that they, as constant companions, would be much more *en rapport* with the deceased. The dog, as often happens, realised the character of the appearance sooner than the men did; but perhaps the most extraordinary point of the whole story is the discovery of its body along with the Major's. I can only suppose that

Từ những gì chúng tôi nghe về sự đúng giờ cực độ của Thiếu tá, có lẽ ý tưởng giữ lời hứa đến thuyền vào thời gian đã sắp xếp có thể đã nổi bật trong tâm trí ông ngay trước khi chết, và ý tưởng nổi bật đó đủ để giải thích cho sự xuất hiện. Việc các sĩ quan đều thấy nó, và những người chèo thuyền thì không, có thể được quy cho sự kích động mãnh liệt mà những người trước đó đang chịu đựng, ngoài việc họ, với tư cách là những người bạn đồng hành thường xuyên, sẽ có nhiều mối liên hệ hơn với người đã khuất. Con chó, như thường xảy ra, nhận ra tính chất của sự xuất hiện sớm hơn những người đàn ông; nhưng có lẽ điểm đặc biệt nhất của toàn bộ câu chuyện là việc phát hiện ra thi thể của nó cùng với Thiếu tá. Tôi chỉ có thể giả định rằng trong một nỗ lực bổ sung để hướng

in an additional attempt to turn the attention of his friends in the right direction, the Major may have drawn *it* back to the scene of the accident, though he could not draw *them*, and being unable to check itself in its headlong rush, it met with its death as he had done; but I offer this only as a conjecture.

sự chú ý của bạn bè mình theo hướng đúng, Thiếu tá có thể đã kéo nó trở lại hiện trường tai nạn, mặc dù ông không thể kéo họ, và không thể kiểm soát bản thân trong cuộc lao tới điên cuồng của mình, nó đã gặp cái chết như ông đã làm; nhưng tôi chỉ đưa ra điều này như một giả thuyết.

4. A Test of Courage—Một Thử Thách Can Đảm

How long I had slept I cannot say; but in a moment, with the suddenness of a flash of lightning, I passed from unconsciousness to complete and vivid consciousness. I gave a quick glance round my chamber; everything was visible clearly enough in the subdued light of my lamp, turned low for the night. All seemed as usual—nothing out of place, nothing to account in any way for that sudden awakening.

Tôi không thể nói mình đã ngủ bao lâu; nhưng trong một khoảnh khắc, với sự đột ngột của một tia chớp, tôi chuyển từ trạng thái vô thức sang trạng thái ý thức hoàn toàn và sống động. Tôi liếc nhanh quanh phòng mình; mọi thứ đều rõ ràng trong ánh sáng dịu của chiếc đèn của tôi, được vặn nhỏ cho ban đêm. Tất cả dường như bình thường - không có gì sai chỗ, không có gì để giải thích cho sự thức tỉnh đột ngột đó.

But the next moment there thrilled through my soul the well-known voice of that Teacher whom I revere and love above all else in the world. That voice uttered but one word:

Nhưng ngay sau đó, một giọng nói quen thuộc của vị Huấn Sư mà tôi tôn kính và yêu quý hơn tất cả mọi thứ trên thế giới vang lên trong tâm hồn tôi. Giọng nói đó chỉ thốt ra một từ:

"Come!"

"Đến!"

Ere I could spring from my couch[3] in glad obedience I was seized with a feeling which it would be hopeless to attempt to describe so as to give any one else an adequate conception of it. Every nerve in my body seemed strained to the breaking-point by some hitherto-unsuspected force within; after a moment of excruciating pain this sensation focussed itself in the upper part of the head, something there seemed to burst, and—I found myself floating in the air! One glance I cast behind me, and saw myself—or my body rather—lying soundly asleep upon the bed; and then I soared out into the open air.

Trước khi tôi có thể nhảy khỏi giường trong sự vâng lời vui mừng, tôi bị một cảm giác mà không thể nào mô tả được để người khác có thể hiểu đầy đủ về nó. Mọi dây thần kinh trong cơ thể tôi dường như căng đến mức đứt bởi một lực lượng chưa từng được phát hiện trước đây; sau một khoảnh khắc đau đớn tột cùng, cảm giác này tập trung vào phần trên của đầu, có gì đó dường như nổ tung, và - tôi thấy mình đang trôi nổi trong không trung! Tôi liếc nhìn lại phía sau, và thấy mình - hay đúng hơn là cơ thể của tôi - đang nằm ngủ say trên giường; và rồi tôi bay ra ngoài không trung.

It was a dark tempestuous[4] night, and

Đó là một đêm bão tố tối tăm, và những đám

lowering clouds were driving rapidly across the sky; and it seemed to me as if the whole air were full of living creatures, shadowy and indistinctly seen through the darkness—creatures like wreaths of mist or smoke, and yet somehow living and powerful—creatures which seemed perpetually rushing towards me and yet retired before me; but I swept on unheeding.

mây thấp đang trôi nhanh qua bầu trời; và dường như với tôi như thể cả không khí đầy những sinh vật sống, mờ ảo và không rõ ràng trong bóng tối - những sinh vật như những vòng khói hoặc sương mù, nhưng bằng cách nào đó sống động và mạnh mẽ - những sinh vật dường như liên tục lao về phía tôi nhưng lại rút lui trước tôi; nhưng tôi vẫn tiếp tục bay mà không để ý.

The room in which I had been sleeping is on the bank of a river, and across this my flight tended. At this point there is in the centre of the stream a small islet[5]—little more than a sandbank, half-covered when the water is high; and on this islet I alighted. Suddenly I found standing beside me the form of my mother, who had passed from this life some six years before.

Phòng mà tôi đã ngủ nằm trên bờ sông, và chuyến bay của tôi hướng qua đó. Tại điểm này, có một hòn đảo nhỏ ở giữa dòng sông - chỉ là một bãi cát, nửa bị ngập khi nước dâng cao; và trên hòn đảo này tôi đã hạ cánh. Đột nhiên tôi thấy hình dáng của mẹ tôi, người đã qua đời cách đây sáu năm, đứng bên cạnh tôi.

"What is this?"—I cried in amazement.

"Đây là gì?" - tôi kêu lên trong sự kinh ngạc.

"Hush," said she, "*look there!*"

"Suỵt," bà nói, "nhìn kìa!"

She pointed to the river whose waves washed almost to our feet. I looked, and saw a sight that might well have made the boldest tremble. Approaching us along the river was a vast army of enormous creatures such as man's wildest imagination could never conceive. I quite despair of giving any idea of the appearance of this huge mass of advancing horrors; perhaps the prevailing types might be described as resembling the pictures we see of the gigantic monsters of the so-called antediluvian era, and yet were far more fearful than they. Dark as the night was, I could see the hellish host clearly enough, for they had a light of their own; a strange unearthly luminosity seemed to emanate from each of them.

Bà chỉ về phía dòng sông mà những con sóng gần như chạm đến chân chúng tôi. Tôi nhìn, và thấy một cảnh tượng có thể khiến người dũng cảm nhất cũng phải run sợ. Đang tiến về phía chúng tôi dọc theo dòng sông là một đội quân khổng lồ của những sinh vật khổng lồ mà trí tưởng tượng hoang dã nhất của con người cũng không thể hình dung ra. Tôi hoàn toàn tuyệt vọng trong việc đưa ra bất kỳ ý tưởng nào về hình dáng của khối lượng khổng lồ đang tiến tới này; có lẽ các loại hình chủ yếu có thể được mô tả như giống với những bức tranh chúng ta thấy về những con quái vật khổng lồ của cái gọi là kỷ nguyên tiền sử, và thậm chí còn đáng sợ hơn chúng. Dù đêm tối đến đâu, tôi vẫn có thể thấy rõ ràng đội quân địa ngục đó, vì chúng có ánh sáng riêng; một ánh sáng kỳ lạ không thuộc về thế gian dường như phát ra từ mỗi con trong số chúng.

"Do you know what those are?" asked my

"Con có biết đó là gì không?" mẹ tôi hỏi với

mother in a voice of terror.

giọng sợ hãi.

"Elementals, are they not?" said I.

"Có phải là hành khí không?" tôi nói.

"Yes," she replied, "terrible elementals of deadly power! Let us fly!"

"Đúng," bà trả lời, "những hành khí khủng khiếp với sức mạnh chết người! Hãy chạy trốn!"

But even in this crisis of horror I did not forget my Teacher's instructions, so I answered:

Nhưng ngay cả trong cuộc khủng hoảng kinh hoàng này, tôi không quên những chỉ dẫn của Huấn Sư, vì vậy tôi trả lời:

"No; I will never fly from an elemental; besides, it would be quite useless."

"Không; con sẽ không bao giờ chạy trốn khỏi một hành khí; hơn nữa, điều đó sẽ hoàn toàn vô ích."

"Come with me," she cried; "better die a thousand deaths than fall into their power!"

"Hãy đi cùng mẹ," bà kêu lên; "thà chết ngàn lần còn hơn rơi vào tay chúng!"

"I will not fly," I repeated; and she rose hurriedly into the air and vanished.

"Con sẽ không chạy trốn," tôi lặp lại; và bà vội vã bay lên không trung và biến mất.

To say that I was not abjectly[6] frightened would be an untruth, but I certainly had not the courage to turn my back on that appalling army, and moreover I felt that flight from such power would be hopeless; my one chance was to endeavour to stand firm. By this time the advancing host was close at hand; but the first rank, instead of springing upon me as I expected, writhed[7] slowly along in front of me in hideous procession. No such sight, assuredly, has ever been seen by man's physical eye; delirium[8] itself could never give birth to horrors so unutterable as these.

Nói rằng tôi không sợ hãi đến mức tột cùng sẽ là một điều không đúng sự thật, nhưng tôi chắc chắn không có can đảm để quay lưng lại với đội quân kinh hoàng đó, và hơn nữa tôi cảm thấy rằng chạy trốn khỏi sức mạnh như vậy sẽ vô vọng; cơ hội duy nhất của tôi là cố gắng đứng vững. Đến lúc này, đội quân đang tiến tới đã đến gần; nhưng hàng đầu tiên, thay vì nhảy vào tôi như tôi mong đợi, lại bò chậm rãi trước mặt tôi trong một cuộc diễu hành kinh khủng. Chắc chắn không có cảnh tượng nào như vậy từng được nhìn thấy bằng mắt thường của con người; chính sự mê sảng cũng không thể sinh ra những nỗi kinh hoàng không thể tả như thế này.

Ichthyosauri, plesiosauri, prodigious batrachians, gigantic cuttlefish, sea-spiders twenty feet high, cobras of the size of the mythical sea-serpent, monsters shaped almost like some huge bird, yet obviously

Ichthyosauri, plesiosauri, những con ếch khổng lồ, mực khổng lồ, nhện biển cao hai mươi feet, rắn hổ mang có kích thước của con rắn biển huyền thoại, những con quái vật có hình dáng gần giống như một con chim khổng

reptilian in character, ghastly bloodless creatures like enormously magnified animalculae[9]—all these and many more nameless variants defiled[10] before my eyes; and yet no two of the obscene host were alike, and none seemed perfect; each had some peculiar and awful deformity[11] of its own. But through all these diversities of form, each more inconceivably loathsome[12] than the last, there ran a still more frightful likeness; and I soon realised that this likeness was in their *eyes*.

lồ, nhưng rõ ràng là loài bò sát, những sinh vật ghê tởm không có máu như những động vật cực nhỏ được phóng đại khổng lồ - tất cả những thứ này và nhiều biến thể vô danh khác đã đi qua trước mắt tôi; và không có hai con nào trong đội quân ghê tởm đó giống nhau, và không con nào có vẻ hoàn hảo; mỗi con có một sự biến dạng đặc biệt và khủng khiếp của riêng mình. Nhưng qua tất cả những sự đa dạng về hình dạng này, mỗi con đều không thể tưởng tượng được ghê tởm hơn con trước, có một sự giống nhau còn đáng sợ hơn; và tôi sớm nhận ra rằng sự giống nhau này nằm ở đôi mắt của chúng.

No matter what unclean shape each hateful monstrosity[13] might bear, all alike had fiery, malignant eyes; and in every case in these baleful orbs there dwelt an awful demoniac power of fascination—an expression of bitter unrelenting hostility to the human race. Each noisome[14] abomination[15], as it writhed slowly past, fixed its fearful eyes on mine, and seemed to be exerting some formidable power against me. How my reason retained its throne under these terrible conditions I shall never know; I felt somehow certain that if I once gave way to my fears I should instantly fall a victim to this demon host, and I concentrated all my being in the one faculty of stubborn resistance.

Bất kể hình dạng bẩn thỉu nào mà mỗi con quái vật đáng ghét có thể mang, tất cả đều có đôi mắt rực lửa, ác độc; và trong mọi trường hợp, trong những con mắt độc ác này có một sức mạnh ma quỷ khủng khiếp của sự mê hoặc - một biểu hiện của sự thù địch cay đắng không ngừng nghỉ đối với loài người. Mỗi sự ghê tởm bẩn thỉu, khi nó bò chậm rãi qua, đều nhìn chằm chằm vào mắt tôi, và dường như đang sử dụng một sức mạnh đáng sợ nào đó chống lại tôi. Làm thế nào mà lý trí của tôi vẫn giữ được ngôi vị của nó dưới những điều kiện khủng khiếp này, tôi sẽ không bao giờ biết; tôi cảm thấy bằng cách nào đó chắc chắn rằng nếu tôi một lần nhượng bộ nỗi sợ hãi của mình, tôi sẽ ngay lập tức trở thành nạn nhân của đội quân quỷ này, và tôi tập trung toàn bộ bản thân vào một khả năng duy nhất của sự kháng cự cứng đầu.

How long that terrific procession took to pass me I know not, but last of the loathly legion came a *something* which wore partly the semblance of a three-headed snake, though immeasurably greater than any earthly ophidian[16], and yet—oh horror! its heads and eyes seemed somehow human, or rather diabolical[17]. And this dreadful misshapen THING, instead of gliding slowly past as the

Tôi không biết cuộc diễu hành kinh hoàng đó kéo dài bao lâu, nhưng cuối cùng của đội quân ghê tởm đó là một thứ gì đó mang một phần hình dáng của một con rắn ba đầu, mặc dù lớn hơn bất kỳ con rắn nào trên trái đất, và - ôi kinh hoàng! đầu và mắt của nó dường như bằng cách nào đó là con người, hay đúng hơn là ma quỷ. Và THỨ kinh khủng, biến dạng này, thay vì lướt chậm qua như những con khác đã

others had done, turned aside, and with raised crests and open mouths made straight at me! On it came, its blazing eyes fixed on mine, and blood-red slime or foam dropping from its enormous wide-open jaws, while I summoned up all my willpower for one last stupendous effort.

làm, lại quay sang một bên, và với những cái mào dựng lên và miệng mở rộng lao thẳng vào tôi! Nó tiến tới, đôi mắt rực lửa của nó nhìn chằm chằm vào mắt tôi, và chất nhờn hoặc bọt màu đỏ máu nhỏ giọt từ những hàm răng khổng lồ mở rộng của nó, trong khi tôi triệu tập tất cả sức mạnh ý chí của mình cho một nỗ lực cuối cùng vĩ đại.

But that I clenched my hands and set my teeth hard, I moved no muscle, although the pestilent[18] effluvium[19] of its burning breath came full in my face—although in its onward rush it splashed the water over my feet, and even dropped its loathsome slime[20] upon them; for I felt that life, and more than life, depended upon the strength of my will. How long that tremendous strain lasted I cannot say; but just as it seemed that I could hold out no longer I felt the resistance weaken; the fire died out of the fiendish eyes that were held so close to mine, and with a horrible roar of baffled rage the unclean monster fell back into the water! The whole troop had vanished, and I was alone in the dark night as at first.

Nhưng dù tôi có nắm chặt tay và nghiến răng chặt đến đâu, tôi không di chuyển một cơ bắp nào, mặc dù hơi thở nóng bỏng của nó phả vào mặt tôi - mặc dù trong cuộc lao tới của nó, nó đã làm nước bắn lên chân tôi, và thậm chí nhỏ giọt chất nhờn ghê tởm của nó lên chúng; vì tôi cảm thấy rằng cuộc sống, và hơn cả cuộc sống, phụ thuộc vào sức mạnh của ý chí của tôi. Tôi không biết sự căng thẳng khủng khiếp đó kéo dài bao lâu; nhưng ngay khi dường như tôi không thể chịu đựng được nữa, tôi cảm thấy sự kháng cự yếu đi; ngọn lửa tắt dần trong đôi mắt quỷ dữ đang giữ chặt vào mắt tôi, và với một tiếng gầm kinh khủng của sự tức giận bị đánh bại, con quái vật bẩn thỉu rơi trở lại vào nước! Toàn bộ đội quân đã biến mất, và tôi lại một mình trong đêm tối như lúc đầu.

But before the revulsion[21] of feeling had time to set in, clear and sweet above my head rang the well-known astral bell, and I felt myself rising and moving swiftly through the air. In a moment I was back again in my own room, saw my body still lying in the same position, and with a sort of shock found myself one with it once more. But as I raised myself on my couch, I saw laid upon my bosom a lovely white lotus-blossom freshly plucked, with the dew still on the petals.

Nhưng trước khi cảm giác hồi phục kịp thời xuất hiện, tiếng chuông cảm dục quen thuộc vang lên rõ ràng và ngọt ngào trên đầu tôi, và tôi cảm thấy mình đang bay lên và di chuyển nhanh chóng qua không trung. Trong một khoảnh khắc, tôi đã trở lại phòng của mình, thấy cơ thể của tôi vẫn nằm ở vị trí cũ, và với một cú sốc, tôi lại thấy mình hòa nhập với nó một lần nữa. Nhưng khi tôi ngồi dậy trên giường, tôi thấy trên ngực mình một bông hoa sen trắng tuyệt đẹp mới hái, với những giọt sương vẫn còn trên cánh hoa.

With heart throbbing with delight I turned towards the light to examine it more closely, when a puff of cold air drew my attention to the fact that my feet were wet, and looking

Với trái tim đập rộn ràng vì vui sướng, tôi quay về phía ánh sáng để xem xét nó kỹ hơn, khi một luồng không khí lạnh làm tôi chú ý đến thực tế rằng chân tôi đang ướt, và nhìn xuống

down at them, I was horror-stricken to see that they were covered with splashes of some viscous red liquid! Instantly I rushed out to the bathroom and washed them again and again, finding it very difficult to get rid of the filthy treacly[22] fluid, and when at last I was satisfied I went back to my room and sat down to admire my lotus-blossom, marvelling greatly.

chúng, tôi kinh hoàng khi thấy chúng bị phủ đầy những vết bắn của một chất lỏng đỏ nhớt! Ngay lập tức tôi lao ra phòng tắm và rửa chúng đi đi lại lại, cảm thấy rất khó khăn để loại bỏ chất lỏng nhầy nhụa bẩn thỉu đó, và khi cuối cùng tôi hài lòng, tôi quay trở lại phòng và ngồi xuống để chiêm ngưỡng bông hoa sen của mình, ngạc nhiên vô cùng.

Now, before lying down again to sleep, I have thus written this account of what happened to me, lest tomorrow I should fail to recollect any of the points clearly, though indeed there seems little fear of that, for they are burnt into my brain.

Bây giờ, trước khi nằm xuống ngủ lại, tôi đã viết ra câu chuyện này về những gì đã xảy ra với tôi, để ngày mai tôi không quên bất kỳ điểm nào rõ ràng, mặc dù thực sự dường như ít có khả năng điều đó xảy ra, vì chúng đã được khắc sâu vào não tôi.

* * * *

* * * *

Later. My wonderful story is not yet quite finished. After writing thus far I lay down and slept, and was so weary that, contrary to my custom, I did not wake until after sunrise. The first object on which my eye fell was my lotus-blossom in the cup of water in which I had placed it before writing; and by the clearer light of day I discerned some reddish stains at the foot of the sheet on which I had lain. Rising, I determined to plunge into the river and swim across, so as to view by the morning light the scene of this strange nocturnal adventure. There lay the islet—there were the low level banks, just as I had seen them then; and yet by the clear morning sunshine it was difficult to put upon this stage the ghastly *dramatis personoe* that occupied it last night.

Sau đó. Câu chuyện tuyệt vời của tôi chưa hoàn toàn kết thúc. Sau khi viết đến đây, tôi nằm xuống và ngủ, và mệt mỏi đến mức, trái với thói quen của tôi, tôi không thức dậy cho đến sau khi mặt trời mọc. Vật đầu tiên mà mắt tôi nhìn thấy là bông hoa sen của tôi trong cốc nước mà tôi đã đặt nó trước khi viết; và dưới ánh sáng rõ ràng hơn của ban ngày, tôi nhận ra một số vết bẩn đỏ ở chân tấm ga mà tôi đã nằm. Đứng dậy, tôi quyết định lao xuống sông và bơi qua, để xem xét dưới ánh sáng ban mai cảnh tượng của cuộc phiêu lưu kỳ lạ ban đêm này. Đó là hòn đảo nhỏ - đó là những bờ thấp, như tôi đã thấy chúng khi đó; và dù dưới ánh sáng mặt trời ban mai rõ ràng, thật khó để đặt lên sân khấu này những nhân vật kinh dị đã chiếm giữ nó đêm qua.

I swam out to the sandbank, for it seemed to me that I could identify the very spot where I stood during that terrible trial. Yes, here surely it must be, and—powers above us! what is this? Here are *footprints* in the sand—two deep footprints, side by side, made evidently by one who stood long and firmly in one

Tôi bơi ra bãi cát, vì dường như tôi có thể xác định chính xác vị trí mà tôi đã đứng trong thử thách khủng khiếp đó. Vâng, chắc chắn đây phải là nó, và - quyền lực trên cao! đây là gì? Đây là những dấu chân trên cát - hai dấu chân sâu, đứng cạnh nhau, rõ ràng được tạo ra bởi một người đã đứng lâu và vững chắc ở một vị

position; no others leading up to them either from the water or from the other side of the islet only just those two footprints—my footprints undoubtedly, for I try them and they fit exactly. And once more—what is this? Here on the sand, close by the footprints, I find traces still left of the horrible viscous liquid—the foul red slime that fell from the jaws of that elemental dragon!

trí; không có dấu chân nào khác dẫn đến chúng từ nước hoặc từ phía bên kia của hòn đảo chỉ có hai dấu chân đó - chắc chắn là dấu chân của tôi, vì tôi thử chúng và chúng vừa khít. Và một lần nữa - đây là gì? Ở đây trên cát, gần dấu chân, tôi tìm thấy những dấu vết vẫn còn lại của chất lỏng nhớt kinh khủng - chất nhờn đỏ bẩn thỉu đã rơi từ hàm của con rồng hành khí đó!

To the reader: this is posted so that you'll know that someone has stolen this story from another source. I have thought over every possible hypothesis, and I cannot escape the conclusion that my experience was a real one. I did not walk in my sleep to make those footprints, for to reach the islet I must have swum some distance, and then not my feet only, but my whole body and clothes, must have been wet; and besides, that theory would hardly account for the slime and the lotus. But what of the female figure which I saw? I can only suppose it to have been a nature-spirit who had either, seized upon the shell of my departed relative or for some reason had assumed her appearance.

Đối với độc giả: điều này được đăng để bạn biết rằng ai đó đã đánh cắp câu chuyện này từ một nguồn khác. Tôi đã suy nghĩ về mọi giả thuyết có thể, và tôi không thể thoát khỏi kết luận rằng trải nghiệm của tôi là có thật. Tôi không đi bộ trong giấc ngủ để tạo ra những dấu chân đó, vì để đến được hòn đảo, tôi phải bơi một quãng, và sau đó không chỉ chân tôi, mà cả cơ thể và quần áo của tôi, phải bị ướt; và ngoài ra, lý thuyết đó khó có thể giải thích cho chất nhờn và hoa sen. Nhưng còn hình dáng nữ mà tôi đã thấy thì sao? Tôi chỉ có thể giả định rằng đó là một linh hồn tự nhiên đã chiếm lấy vỏ của người thân đã qua đời của tôi hoặc vì lý do nào đó đã giả dạng bà.

Now, immediately on my return from the swim, I have made this addition to my narrative.

Bây giờ, ngay khi trở về từ cuộc bơi, tôi đã thực hiện bổ sung này vào câu chuyện của mình.

5. An Astral Murder—Một Vụ Án Giết Người trên cõi Cảm Dục

What the Old Station-Master Told Me

Những Gì Người Quản Lý Ga Cũ Kể Cho Tôi Nghe

Curious things, sir? Indeed, you're right there; I've heard and seen many of them in my time. There's not a man who has been in railway work for forty years, as I have, but could tell you tales—aye, and every word of them true, too—which beat anything you ever read in print. But railway men mostly work hard and say little, so the world rarely hears of them.

Những điều kỳ lạ, thưa ông? Thật vậy, ông nói đúng; tôi đã nghe và thấy nhiều điều trong thời gian của mình. Không có người nào đã làm việc trong ngành đường sắt bốn mươi năm, như tôi đã làm, mà không thể kể cho ông nghe những câu chuyện - vâng, và mọi từ trong đó đều là sự thật - mà vượt qua bất cứ điều gì ông từng đọc trong sách in. Nhưng

Ghost stories? Yes, we know something about *them* too, but I don't greatly care to talk about them, for folks who think they know everything are apt to laugh, and that annoys me. Do I believe in them? Well, sir, since you ask me a plain question I'll give you a plain answer—I do; and that you may not think me a foolish fellow, if you have a few minutes to spare I'll tell you a story that will show why I do.

những người làm đường sắt thường làm việc chăm chỉ và ít nói, vì vậy thế giới hiếm khi nghe về họ. Những câu chuyện ma? Vâng, chúng tôi cũng biết một chút về chúng, nhưng tôi không thích nói về chúng, vì những người nghĩ rằng họ biết mọi thứ thường cười, và điều đó làm tôi khó chịu. Tôi có tin vào chúng không? Vâng, thưa ông, vì ông hỏi tôi một câu hỏi thẳng thắn, tôi sẽ cho ông một câu trả lời thẳng thắn - tôi tin; và để ông không nghĩ tôi là một người ngốc nghếch, nếu ông có vài phút rảnh rỗi, tôi sẽ kể cho ông một câu chuyện sẽ cho thấy tại sao tôi tin.

You remember that dreadful accident some years ago at Keysborough, two stations down the line? Ah, I forgot, it was before you came into this neighbourhood; but still you must have read of it in the papers; a sad affair it was, to be sure. It is of the day on which that happened that I have to speak. The third of July it was, I remember, and as lovely a morning as ever I saw in my life; little I thought as I stood at this door and enjoyed it, what a black day it would turn out for so many.

Ông nhớ vụ tai nạn khủng khiếp vài năm trước ở Keysborough, hai ga xuống đường không? À, tôi quên, đó là trước khi ông đến khu vực này; nhưng chắc chắn ông phải đã đọc về nó trên báo; một vụ việc buồn, chắc chắn là vậy. Đó là ngày mà điều đó đã xảy ra mà tôi phải nói. Ngày ba tháng bảy, tôi nhớ, và là một buổi sáng đẹp nhất mà tôi từng thấy trong đời; ít ai nghĩ khi tôi đứng ở cửa này và tận hưởng nó, rằng đó sẽ là một ngày đen tối cho nhiều người như vậy.

Well, you must know, sir, that shortly before that time there was on this part of the line an express driver named Tom Price, who drove the *Fire Queen*—oneof the finest engines our company owned. You know a driver makes his way up gradually as he learns his work. First he drives a shunting engine, then a goods train, then a slow passenger train, then a fast train; and last of all, if he proves himself a thoroughly good man for the work, they put him in charge of one of the express engines. Very proud some of the men are of their engines, too; they seem to look upon them almost like living creatures; and in his own way I believe Tom Price was deeply attached to his *Fire Queen*, and would have felt any harm that occurred to her as though it had

Vâng, ông phải biết, thưa ông, rằng ngay trước thời điểm đó có một người lái tàu tốc hành tên là Tom Price, người lái chiếc Fire Queen - một trong những đầu máy tốt nhất mà công ty chúng tôi sở hữu. Ông biết một người lái tàu tiến lên dần dần khi ông học việc. Đầu tiên ông lái một đầu máy chuyển hướng, sau đó là một đoàn tàu hàng hóa, sau đó là một đoàn tàu chở khách chậm, sau đó là một đoàn tàu nhanh; và cuối cùng, nếu ông chứng tỏ mình là một người thực sự giỏi trong công việc, họ sẽ giao cho ông một trong những đầu máy tốc hành. Một số người rất tự hào về đầu máy của họ; họ dường như coi chúng gần như là những sinh vật sống; và theo cách riêng của mình, tôi tin rằng Tom Price rất gắn bó với chiếc Fire Queen của mình, và sẽ cảm thấy bất kỳ tổn hại nào

happened to himself.

xảy ra với nó như thể nó đã xảy ra với chính ông.

A tall, dark, heavy fellow was Tom, stern and moody-looking; unsociable, a man of few word and one who made no friends, though no one had any complaint against him; but a steady and careful man, always reliable where his work was concerned. It was said in the yard that, though not easily roused, his temper was terrible when once excited, and that he never forgave those who offended him. There was a story told of his lying in wait for three days for a man who had seriously annoyed him in some way, and being with difficulty prevented from killing him by those who stood round; but I can't say how much of it was true.

Tom là một người cao lớn, đen tối, nặng nề, trông nghiêm nghị và u ám; không hòa đồng, một người ít nói và không kết bạn, mặc dù không ai có bất kỳ phàn nàn nào về ông; nhưng là một người đàn ông ổn định và cẩn thận, luôn đáng tin cậy khi công việc của ông được đề cập. Người ta nói trong sân rằng, mặc dù không dễ bị kích động, tính khí của ông rất khủng khiếp khi một lần bị kích động, và ông không bao giờ tha thứ cho những người đã xúc phạm ông. Có một câu chuyện kể về việc ông nằm chờ ba ngày để một người đàn ông đã làm ông khó chịu nghiêm trọng theo cách nào đó, và bị ngăn cản khó khăn khỏi việc giết ông ta bởi những người đứng xung quanh; nhưng tôi không thể nói bao nhiêu phần trong đó là sự thật.

It was little enough I knew of him, yet perhaps I was as much his friend as anybody, for each day I used to say a few cheery words to him as he stopped here, till presently he got to give me a smile and a word or two in return; and when I heard he was courting black-eyed Hefty Hawkins, whose father kept the level crossing a few miles down the line, just this side of Keysborough, I ventured to joke him about it, which I don't think any one else dared to do. Presently he was promoted to the express engine, and then I saw less of him than ever—or rather spoke less to him, for I was generally on the platform each morning to give him a wave of the hand as he ran the first quick train down; and sometimes I saw him again for a moment as he returned at night.

Tôi biết rất ít về ông, nhưng có lẽ tôi là bạn của ông nhiều nhất, vì mỗi ngày tôi thường nói vài lời vui vẻ với ông khi ông dừng lại đây, cho đến khi ông bắt đầu mỉm cười và nói vài lời đáp lại; và khi tôi nghe nói ông đang tán tỉnh cô gái mắt đen Hefty Hawkins, người mà cha cô giữ cổng ngang cách đây vài dặm xuống đường, ngay phía bên này của Keysborough, tôi đã mạo hiểm đùa với ông về điều đó, điều mà tôi không nghĩ ai khác dám làm. Cuối cùng ông được thăng chức lên đầu máy tốc hành, và sau đó tôi thấy ông ít hơn bao giờ hết - hoặc đúng hơn là nói chuyện ít hơn với ông, vì tôi thường có mặt trên sân ga mỗi sáng để vẫy tay chào ông khi ông chạy chuyến tàu nhanh đầu tiên xuống; và đôi khi tôi thấy ông một lần nữa trong một khoảnh khắc khi ông trở về vào ban đêm.

He had not been many months at his new work when there began to be some talk of pretty Hetty Hawkins having another suitor—a young carpenter named Joe Brown. I heard it

Ông không làm công việc mới của mình được bao lâu thì bắt đầu có một số lời đồn về việc cô gái xinh đẹp Hetty Hawkins có một người cầu hôn khác - một thợ mộc trẻ tên là Joe Brown.

first from one of the goods guards one morning, while his train was waiting on the siding for Tom's express to go by; and from the black look on Tom's face as he went through, we both thought that he had perhaps heard it too. This Joe Brown was generally held to be a worthless sort of young fellow; but then he was young and good-looking, and naturally his work gave him many more opportunities of hanging about after a girl than an engine-driver's did, so I felt it was rather hard on my poor friend Tom; for though it may he all very well to sing "Absence makes the heart grow fonder," as far as *my* experience goes I've found a deal more truth in the old proverb "Out of sight, out of mind."

Tôi nghe điều đó lần đầu tiên từ một trong những người bảo vệ hàng hóa một buổi sáng, trong khi đoàn tàu của ông đang chờ trên đường nhánh để tàu tốc hành của Tom đi qua; và từ cái nhìn đen tối trên khuôn mặt của Tom khi ông đi qua, chúng tôi đều nghĩ rằng có lẽ ông cũng đã nghe điều đó. Joe Brown này thường được coi là một loại thanh niên vô dụng; nhưng sau đó ông trẻ và đẹp trai, và tự nhiên công việc của ông cho ông nhiều cơ hội hơn để lảng vảng sau một cô gái hơn là một người lái tàu, vì vậy tôi cảm thấy điều đó khá khó khăn cho người bạn tội nghiệp của tôi Tom; vì mặc dù có thể rất tốt để hát "Xa cách làm trái tim thêm yêu thương," theo kinh nghiệm của tôi, tôi đã tìm thấy nhiều sự thật hơn trong câu tục ngữ cũ "Xa mặt cách lòng."

One trick of Joe's I must mention specially, since my story partly turns upon it. Hetty had been what is called strictly brought up—always kept steadily to school and church as a child; and even now she went regularly to a bible-class that the Rector of Keysborough held every Sunday morning for the young people of the parish—he taking the lads, and his wife the girls. Well, what does graceless Joe do—he who was not seen in a place of worship once in three months—but suddenly become extremely religious and join the Rector's bible-class! Of course his motives may have been perfectly pure, but gossips did sometimes whisper that the pleasure of walking through the dewy fields to the Rectory and back with pretty Hetty Hawkins might perhaps have something to do with his sudden conversion.

Một trò của Joe mà tôi phải đề cập đặc biệt, vì câu chuyện của tôi phần nào xoay quanh nó. Hetty đã được nuôi dạy nghiêm khắc - luôn được giữ vững chắc đến trường và nhà thờ khi còn nhỏ; và thậm chí bây giờ cô vẫn đi đều đặn đến một lớp học kinh thánh mà Mục sư của Keysborough tổ chức mỗi sáng Chủ nhật cho những người trẻ trong giáo xứ - ông ấy dạy các chàng trai, và vợ ông ấy dạy các cô gái. Vâng, Joe vô đạo đức đã làm gì - người không được thấy trong một nơi thờ phượng một lần trong ba tháng - nhưng đột nhiên trở nên cực kỳ tôn giáo và tham gia lớp học kinh thánh của Mục sư! Tất nhiên động cơ của ông ấy có thể hoàn toàn trong sáng, nhưng những người buôn chuyện đôi khi thì thầm rằng niềm vui khi đi bộ qua những cánh đồng sương sớm đến Nhà thờ và trở lại với cô gái xinh đẹp Hetty Hawkins có thể có liên quan đến sự chuyển đổi đột ngột của ông ấy.

Meanwhile I wondered what Tom Price thought of all this; but I had no chance to speak to him until one morning, owing to some delay in shunting, it happened that the signals were against him, and he had to draw

Trong khi đó, tôi tự hỏi Tom Price nghĩ gì về tất cả điều này; nhưng tôi không có cơ hội nói chuyện với ông ấy cho đến một buổi sáng, do một số sự chậm trễ trong việc chuyển hướng, xảy ra rằng các tín hiệu chống lại ông ấy, và

up for a few moments at the platform.

ông ấy phải dừng lại một lúc trên sân ga.

"Tom," said I, "is this true that I hear about Joe Brown courting your Hetty?"

"Tom," tôi nói, "có đúng là tôi nghe nói về việc Joe Brown đang tán tỉnh Hetty của ông không?"

"Aye," he replied with an oath and a frown, "it's true enough, I'm afraid; but if ever I catch the fellow near her he had better take care of himself, I can tell him."

"Đúng," ông ấy trả lời với một lời thề và một cái cau mày, "điều đó đủ đúng, tôi sợ; nhưng nếu tôi bắt gặp gã đó gần cô ấy, tốt hơn là hắn nên cẩn thận với bản thân, tôi có thể nói với hắn."

The signal dropped, and the train started without another word being said; but remembering the look on his face, I felt that if they chanced to meet, Joe's danger might be a very real one; and when in a few hours came the dreadful news of Tom's sudden death, almost my first thought was whether he had passed away with his heart still filled with that black jealousy. I got the particulars of the sad event from his fireman that same evening, and found that it was even worse than I thought. It seems that after leaving here the line was clear for them straight through to Keysborough, and by the time they reached Hawkins' crossing they had got up a good speed, and were bowling along merrily; when, as fate would have it, who should they see but that ne'er-do- well Joe Brown, with his bag of tools on his back, leaning on the gate and talking to Hetty as she gathered flowers in the cottage garden!

Tín hiệu hạ xuống, và đoàn tàu khởi hành mà không có lời nào khác được nói; nhưng nhớ lại cái nhìn trên khuôn mặt của ông ấy, tôi cảm thấy rằng nếu họ tình cờ gặp nhau, nguy hiểm của Joe có thể là một điều rất thực tế; và khi trong vài giờ sau đó đến tin tức khủng khiếp về cái chết đột ngột của Tom, gần như suy nghĩ đầu tiên của tôi là liệu ông ấy có ra đi với trái tim vẫn đầy sự ghen tuông đen tối đó không. Tôi đã nhận được chi tiết của sự kiện buồn từ người đốt lửa của ông ấy vào tối hôm đó, và nhận thấy rằng nó thậm chí còn tồi tệ hơn tôi nghĩ. Có vẻ như sau khi rời khỏi đây, đường đã thông cho họ đi thẳng đến Keysborough, và khi họ đến cổng của Hawkins, họ đã đạt được tốc độ tốt, và đang chạy vui vẻ; khi, như số phận đã định, ai mà họ thấy không phải là Joe Brown vô dụng đó, với túi công cụ trên lưng, đang tựa vào cổng và nói chuyện với Hetty khi cô hái hoa trong vườn nhà!

The stoker told me that Tom's face was frightful to see; the veins on his forehead swelled as though they would burst, and for the moment he seemed too much choked with rage to speak a word. But he soon found his voice, and broke out into a storm of oaths and curses; and, reckless of all danger, he leaned far out over the side of the engine to look back and shake his fist towards them, though the rise of the bank had already hidden them from

Người đốt lửa nói với tôi rằng khuôn mặt của Tom thật đáng sợ khi nhìn thấy; các tĩnh mạch trên trán ông ấy phồng lên như thể chúng sẽ nổ tung, và trong giây lát ông ấy dường như quá nghẹn ngào với cơn thịnh nộ để nói một lời. Nhưng ông ấy sớm tìm thấy giọng nói của mình, và bùng nổ trong một cơn bão lời thề và lời nguyền; và, bất chấp mọi nguy hiểm, ông ấy nghiêng người ra xa khỏi đầu máy để nhìn lại và giơ nắm đấm về phía họ, mặc dù độ dốc

sight.

của bờ đã che khuất họ khỏi tầm nhìn.

You have guessed how it happened, sir; whilst he in his mad fury was blind to everything, the train dashed under the little wooden foot-bridge, his head struck one of the piers, and he was hurled to the ground. The horrified stoker stopped the train, and went back with one of the guards to pick him up, but they saw at once that the case was a hopeless one, for he was bathed in blood from a terrible cut in the face; indeed the right side of the head, they told me, was regularly beaten in by the force of the blow. They drew up at Keysborough, and the village doctor was fetched, but he pronounced at once that life was extinct.

Ông đã đoán được chuyện gì xảy ra, thưa ông; trong khi ông ấy trong cơn giận dữ điên cuồng của mình đã mù quáng với mọi thứ, đoàn tàu lao qua cây cầu gỗ nhỏ, đầu của ông ấy đập vào một trong những trụ, và ông ấy bị ném xuống đất. Người đốt lửa kinh hoàng dừng đoàn tàu, và quay lại với một trong những người bảo vệ để nhặt ông ấy lên, nhưng họ thấy ngay rằng trường hợp này là vô vọng, vì ông ấy đã tắm trong máu từ một vết cắt khủng khiếp trên mặt; thực sự bên phải của đầu, họ nói với tôi, đã bị đánh bẹp bởi lực của cú đập. Họ dừng lại ở Keysborough, và bác sĩ làng được gọi đến, nhưng ông ấy tuyên bố ngay rằng sự sống đã tắt.

"No man could have lived for a moment," he said, "after receiving such a stroke as that must have been."

"Không người nào có thể sống sót trong một khoảnh khắc," ông ấy nói, "sau khi nhận một cú đập như vậy."

You can imagine how I felt when I heard all this; I don't profess to be better than my neighbours, but it did shock me to think of a man's dying in that way with rage in his heart and curses on his lips. Mercifully Hetty Hawkins never heard the whole truth; she had looked up in time to see a black scowl on Tom's face, and she knew that his death must have happened but a few moments afterwards, but she never had the horror of knowing that she, however innocently, was the cause of it. Of course she was grieved to hear of his terrible end, but she had never really returned his love, and I suppose it made no serious impression on her.

Ông có thể tưởng tượng tôi cảm thấy thế nào khi nghe tất cả điều này; tôi không tự nhận mình tốt hơn những người hàng xóm của mình, nhưng điều đó thực sự làm tôi sốc khi nghĩ về một người chết theo cách đó với cơn thịnh nộ trong tim và lời nguyền trên môi. May mắn thay Hetty Hawkins không bao giờ nghe toàn bộ sự thật; cô ấy đã nhìn lên kịp thời để thấy một cái cau mày đen tối trên khuôn mặt của Tom, và cô ấy biết rằng cái chết của ông ấy phải đã xảy ra chỉ vài khoảnh khắc sau đó, nhưng cô ấy không bao giờ có nỗi kinh hoàng khi biết rằng cô ấy, dù vô tình, là nguyên nhân của nó. Tất nhiên cô ấy rất buồn khi nghe về cái kết khủng khiếp của ông ấy, nhưng cô ấy chưa bao giờ thực sự đáp lại tình yêu của ông ấy, và tôi cho rằng điều đó không gây ấn tượng nghiêm trọng với cô ấy.

It was the topic of conversation among the railway men for a few days; but presently something else took its place, Jack Wilkinson

Đó là chủ đề của cuộc trò chuyện giữa những người làm đường sắt trong vài ngày; nhưng rồi điều gì đó khác đã thay thế nó, Jack Wilkinson

was put in charge of the *Fire Queen*, and Tom Price was almost forgotten. It was whispered at Keysborough that his ghost had been seen once or twice on dark nights, but nobody would admit that he believed the rumour.

It was about the end of May, I think, that this happened; and now I must take my story on to the day of the great accident—the memorable third of July. But before I relate my own experience on that dreadful occasion, I must give you what I myself did not get until the afternoon—an account of what happened in the yard up at the terminus that morning. When Jack Wilkinson came on duty, as he generally did, about an hour before his train was timed to start, his engine, the Fire Queen, was not in her usual shed. (Railway men always call their engines "she", you know, sir, just as sailors do their ships). He looked all over the yard for her, but she was not to be found anywhere, so he went in search of the turner to make enquiries. He, too, was not in his usual box, but presently Jack saw him among a little crowd of others who were gathered round a man lying on the ground, apparently in a swoon. On reaching the group he found that it was one of the pit-sweepers, a man whom he had known for some time. The sufferer was soon able to speak, but seemed greatly terrified, and when asked what had been the matter, could only say in a trembling voice:

"Tom Price! Tom Price!"

"What's that he says?" cried the turner greatly excited; "has he seen him too?"

Then, in answer to eager enquiries:

"Yes, mates, I swear to you that not half an hour since, when I took the *Fire Queen* into the

được giao phụ trách chiếc Fire Queen, và Tom Price gần như bị lãng quên. Có lời đồn ở Keysborough rằng hồn ma của ông ấy đã được nhìn thấy một hoặc hai lần vào những đêm tối, nhưng không ai thừa nhận rằng họ tin vào tin đồn đó.

Khoảng cuối tháng Năm, tôi nghĩ, điều này đã xảy ra; và bây giờ tôi phải đưa câu chuyện của mình đến ngày của vụ tai nạn lớn - ngày ba tháng bảy đáng nhớ. Nhưng trước khi tôi kể lại trải nghiệm của mình trong dịp khủng khiếp đó, tôi phải kể cho ông những gì tôi không tự mình biết cho đến buổi chiều - một câu chuyện về những gì đã xảy ra trong sân ga ở đầu mối sáng hôm đó. Khi Jack Wilkinson đến làm việc, như ông thường làm, khoảng một giờ trước khi đoàn tàu của ông được lên lịch khởi hành, đầu máy của ông, chiếc Fire Queen, không có trong nhà kho thường lệ của nó. (Những người làm đường sắt luôn gọi đầu máy của họ là "cô ấy", ông biết đấy, thưa ông, giống như các thủy thủ gọi tàu của họ). Ông ấy tìm khắp sân ga để tìm nó, nhưng không thấy nó ở đâu cả, vì vậy ông ấy đi tìm người quay để hỏi thăm. Ông ấy cũng không có trong hộp thường lệ của mình, nhưng ngay sau đó Jack thấy ông ấy giữa một đám đông nhỏ khác đang tụ tập quanh một người đàn ông nằm trên mặt đất, dường như trong cơn ngất. Khi đến nhóm, ông ấy phát hiện ra đó là một trong những người quét hố, một người mà ông ấy đã biết một thời gian. Người bị nạn sớm có thể nói, nhưng dường như rất sợ hãi, và khi được hỏi chuyện gì đã xảy ra, chỉ có thể nói bằng giọng run rẩy:

"Tom Price! Tom Price!"

"Ông ấy nói gì vậy?" người quay hỏi rất kích động; "ông ấy cũng đã thấy ông ấy sao?"

Sau đó, trả lời những câu hỏi háo hức:

"Vâng, các bạn, tôi thề với các bạn rằng không đầy nửa giờ trước, khi tôi đưa chiếc Fire Queen

shed, there I saw Tom Price standing by where I stopped the engine, as plain as ever I saw him in my life; and a frightful object he looked—all covered with blood, and with a great red gash down the right side of his face—so frightful that I jumped right off the other side of the engine, and I have not felt like myself since.

vào nhà kho, tôi đã thấy Tom Price đứng bên cạnh nơi tôi dừng đầu máy, rõ ràng như tôi từng thấy ông ấy trong đời; và ông ấy trông thật đáng sợ - toàn thân đầy máu, và với một vết cắt lớn màu đỏ xuống bên phải khuôn mặt của ông ấy - thật đáng sợ đến mức tôi nhảy ngay khỏi phía bên kia của đầu máy, và tôi không cảm thấy như mình kể từ đó.

"Yes, yes!" said the shivering pit-sweeper, "that was just how he looked when I saw him; only he came right up to me, so I struck at him with a bar I had in my band, and it went clear through him as though there was nothing there; and then I went off in a faint, and I don't know what became of him."

"Vâng, vâng!" người quét hố run rẩy nói, "đó chính là cách ông ấy trông khi tôi thấy ông ấy; chỉ có điều ông ấy tiến thẳng đến tôi, vì vậy tôi đã đánh vào ông ấy bằng một thanh sắt tôi có trong tay, và nó xuyên qua ông ấy như thể không có gì ở đó; và sau đó tôi ngất đi, và tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với ông ấy."

No one knew what to make of this story; it was difficult to put it all down to imagination when there were two separate witnesses, and the general opinion was that some trick had been played, though no one could guess how or by whom. When everybody had had their say in the matter, Jack called out:

Không ai biết phải làm gì với câu chuyện này; thật khó để đổ tất cả cho trí tưởng tượng khi có hai nhân chứng riêng biệt, và ý kiến chung là có một trò lừa nào đó đã được thực hiện, mặc dù không ai có thể đoán được bằng cách nào hoặc bởi ai. Khi mọi người đã nói xong về vấn đề này, Jack gọi ra:

"Meantime, Mr. Turner, where have you put my engine?"

"Trong khi đó, ông Turner, ông đã đặt đầu máy của tôi ở đâu?"

"You'll find her in the shed, my boy, just where I left her when I saw Tom Price," replied the turner.

"Ông sẽ tìm thấy nó trong nhà kho, chàng trai của tôi, ngay nơi tôi đã để nó khi tôi thấy Tom Price," người quay trả lời.

"But she's *not* there," said Jack, "and I can't find her anywhere in the yard."

"Nhưng nó không có ở đó," Jack nói, "và tôi không thể tìm thấy nó ở đâu trong sân ga."

"Perhaps Tom has taken her," said one of the doubters with a laugh.

"Có lẽ Tom đã lấy nó," một trong những người nghi ngờ nói với một nụ cười.

"Oh, nonsense," replied the turner; "she *must* be there; no one would move her without asking me first."

"Ồ, vô lý," người quay trả lời; "nó phải ở đó; không ai sẽ di chuyển nó mà không hỏi tôi trước."

Off he went to look, and the others after him; but when they got to the shed, sure enough the engine was not there, nor could they find

Ông ấy đi tìm, và những người khác theo sau ông ấy; nhưng khi họ đến nhà kho, chắc chắn đầu máy không có ở đó, và họ không thể tìm

her anywhere, though they searched the whole yard.

thấy nó ở đâu, mặc dù họ đã tìm kiếm khắp sân ga.

"Well; this is queer," said the turner; "she must have run away; let us go and ask the signalman whether he has seen her."

"Vâng; điều này thật kỳ lạ," người quay nói; "nó phải đã chạy đi; hãy đi hỏi người tín hiệu xem ông ấy có thấy nó không."

No, he knew nothing of her, he said; certainly some one had taken an engine down the line rather more than half an hour ago, and he had not noticed her come back; but he supposed they were getting up her steam, and thought nothing of it.

Không, ông ấy không biết gì về nó, ông ấy nói; chắc chắn ai đó đã lấy một đầu máy xuống đường hơn nửa giờ trước, và ông ấy không để ý thấy nó quay lại; nhưng ông ấy cho rằng họ đang tăng hơi nước của nó, và không nghĩ gì về điều đó.

"She's gone, and no mistake about it," said the turner; "fetch the superintendent and tell him." The superintendent was fetched, and at once decided to telegraph to the junction and enquire whether anything had been seen of the missing engine. Back came the answer:

"Nó đã đi, và không có gì sai về điều đó," người quay nói; "gọi người giám sát và nói với ông ấy." Người giám sát được gọi đến, và ngay lập tức quyết định gửi điện tín đến điểm giao nhau và hỏi xem có thấy gì về đầu máy bị mất tích không. Câu trả lời trở lại:

"Yes; single engine passed down the main line at tremendous speed."

"Vâng; đầu máy đơn đã đi qua đường chính với tốc độ khủng khiếp."

"Then she *has* run away, and there is no one on her," said the superintendent; and the men all hooked at one another, fearing a terrible accident.

"Vậy thì nó đã chạy đi, và không có ai trên đó," người giám sát nói; và những người đàn ông đều nhìn nhau, lo sợ một tai nạn khủng khiếp.

You understand, sir, I knew nothing of all this that I have told you until afterwards; but the morning was so beautiful that I was out and about early to enjoy it, and I was just doing a little in my bit of garden here, when I thought I heard the sound of something coming down the line. I knew there was nothing due for an hour and more, so you may imagine I was surprised, and I thought at first I must be wrong, especially as it did not seem heavy enough for a train.

Ông hiểu đấy, thưa ông, tôi không biết gì về tất cả những điều này mà tôi đã kể cho ông cho đến sau đó; nhưng buổi sáng đẹp đến mức tôi ra ngoài và đi dạo sớm để tận hưởng nó, và tôi đang làm một chút trong khu vườn nhỏ của mình ở đây, khi tôi nghĩ rằng tôi nghe thấy âm thanh của một cái gì đó đang đi xuống đường. Tôi biết không có gì đến hạn trong một giờ và hơn nữa, vì vậy ông có thể tưởng tượng tôi đã ngạc nhiên như thế nào, và tôi nghĩ lúc đầu tôi phải sai, đặc biệt là vì nó không có vẻ nặng như một đoàn tàu.

I stepped out on the platform, and my doubts were soon set at rest, for in a few moments a single engine came into sight round the curve.

Tôi bước ra sân ga, và những nghi ngờ của tôi sớm được giải tỏa, vì trong vài khoảnh khắc một đầu máy đơn xuất hiện quanh khúc cua.

She was coming along at a very high speed, but as you see this is a steepish incline (a bank, railway men call it) leading up to the station, and that checked her a good deal, so that she swept through not much faster than ordinary. As she approached I recognised her as the *Fire Queen*, but I saw there was only one man on her, and as sure as there is a heaven above us *that man was Tom Price*.

Nó đang đi với tốc độ rất cao, nhưng như ông thấy đây là một dốc khá dốc (một bờ, những người làm đường sắt gọi nó) dẫn lên ga, và điều đó đã làm chậm nó khá nhiều, vì vậy nó lướt qua không nhanh hơn nhiều so với bình thường. Khi nó tiến đến, tôi nhận ra nó là chiếc Fire Queen, nhưng tôi thấy chỉ có một người trên đó, và chắc chắn như có một thiên đường trên chúng ta, người đó là Tom Price.

I saw him, sir, I solemnly assure you, as plainly as I see you now, and had no more possibility of making a mistake as to his identity than I have now as to yours. As he passed he turned to look at me, and such a face as I saw then I had never seen before, and I pray God I may never see again. The black scowl of hatred and jealousy was there, and stronger than ever; but with it there was something quite new and much more dreadful—a horrible look of intense, gloating, fiendish triumph that no words can describe. And yet all this terrible,devilish expression was in half the face only, for as he turned in passing I saw that the right side of his head was streaming with blood, and beaten out of all shape and form!

Tôi đã thấy ông ấy, thưa ông, tôi trịnh trọng đảm bảo với ông, rõ ràng như tôi thấy ông bây giờ, và không có khả năng nào để nhầm lẫn về danh tính của ông ấy hơn tôi có bây giờ về ông. Khi ông ấy đi qua, ông ấy quay lại nhìn tôi, và một khuôn mặt như tôi đã thấy khi đó tôi chưa bao giờ thấy trước đây, và tôi cầu nguyện Chúa rằng tôi không bao giờ thấy lại. Cái cau mày đen tối của sự thù hận và ghen tuông vẫn còn đó, và mạnh mẽ hơn bao giờ hết; nhưng với nó có một cái gì đó hoàn toàn mới và đáng sợ hơn nhiều - một cái nhìn kinh khủng của sự chiến thắng ác quỷ, hả hê mà không từ ngữ nào có thể mô tả. Và tuy nhiên tất cả biểu hiện khủng khiếp, ma quỷ này chỉ có ở một nửa khuôn mặt, vì khi ông ấy quay lại khi đi qua, tôi thấy rằng bên phải đầu của ông ấy đang chảy máu, và bị đánh bẹp ra khỏi mọi hình dạng và hình thức!

What I felt at the sight of this awful apparition, seen thus in broad daylight on that lovely summer morning, I can never tell you or anyone. How long I stood like one paralysed, staring after it, I do not know; but at last I was roused by the ringing of my telegraph bell. Mechanically I went to the instrument and answered the call from the terminus. The message was to tell me that an engine had run away with no one on her, and that I was to try to throw her off the line to prevent accidents. Then for the first time I saw it all, and it seemed like a great light flashing in upon me and blinding me.

Những gì tôi cảm thấy khi nhìn thấy hiện tượng kinh hoàng này, được nhìn thấy như vậy trong ánh sáng ban ngày trên buổi sáng mùa hè tuyệt đẹp đó, tôi không bao giờ có thể kể cho ông hoặc bất kỳ ai. Tôi đã đứng như một người bị tê liệt, nhìn chằm chằm theo nó bao lâu, tôi không biết; nhưng cuối cùng tôi đã bị đánh thức bởi tiếng chuông điện tín của tôi. Một cách máy móc, tôi đi đến thiết bị và trả lời cuộc gọi từ đầu mối. Tin nhắn là để nói với tôi rằng một đầu máy đã chạy đi mà không có ai trên đó, và rằng tôi phải cố gắng ném nó ra khỏi đường để ngăn ngừa tai nạn. Sau đó, lần đầu tiên tôi thấy tất cả, và dường như như một

ánh sáng lớn lóe lên trong tôi và làm tôi mù.

I knew now what that fierce look of joy meant, and my hands shook so I could scarcely send the sad message to tell them that their warning had come too late. I begged them to warn Keysborough, but I felt as I did so that it was useless. I knew that even at that very moment an early market train would be just about leaving Keysborough station; I remembered that the Rector of Keysborough had arranged to take his bible-class out for a picnic among the ruins at Carston, and that, to make the day as long as possible, they were to start by that train; and I knew therefore that pretty Hetty Hawkins and careless Joe Brown, all unconscious of their danger, were in the very track along which that pitiless spectre was hurling fifty tons of iron at seventy miles an hour.

Bây giờ tôi biết ý nghĩa của cái nhìn vui mừng dữ dội đó, và tay tôi run rẩy đến mức tôi khó có thể gửi tin nhắn buồn để nói với họ rằng cảnh báo của họ đã đến quá muộn. Tôi cầu xin họ cảnh báo Keysborough, nhưng tôi cảm thấy khi tôi làm như vậy rằng điều đó vô ích. Tôi biết rằng ngay tại thời điểm đó một đoàn tàu chợ sớm sẽ chỉ vừa rời khỏi ga Keysborough; tôi nhớ rằng Mục sư của Keysborough đã sắp xếp để đưa lớp học kinh thánh của mình đi dã ngoại giữa những tàn tích ở Carston, và rằng, để làm cho ngày dài nhất có thể, họ sẽ khởi hành bằng đoàn tàu đó; và do đó tôi biết rằng cô gái xinh đẹp Hetty Hawkins và Joe Brown bất cẩn, hoàn toàn không biết về nguy hiểm của họ, đang ở ngay trên đường mà bóng ma không thương tiếc đó đang ném năm mươi tấn sắt với tốc độ bảy mươi dặm một giờ.

If you read the newspapers at the time you'll know what the result was as well as I do. You don't remember it? Well, it will take but few words to tell you, though it is a dreadful tale. There was the train, crowded as usual with farmers and their wives on their way to the market, and there were the two extra carriages put on behind on purpose for the Rector's party. Everybody was in the highest spirits at the prospect of a glorious day, and the guard was just making ready to start the train, when suddenly, without a minute's warning, the whole bright and busy scene was changed into one of suffering and death.

Nếu ông đọc báo vào thời điểm đó, ông sẽ biết kết quả cũng như tôi. Ông không nhớ nó? Vâng, sẽ chỉ mất vài lời để kể cho ông, mặc dù đó là một câu chuyện khủng khiếp. Đó là đoàn tàu, đông đúc như thường lệ với những người nông dân và vợ của họ trên đường đến chợ, và có hai toa xe bổ sung được đặt phía sau đặc biệt cho nhóm của Mục sư. Mọi người đều trong tinh thần cao nhất với triển vọng của một ngày tuyệt vời, và người bảo vệ chỉ đang chuẩn bị để khởi hành đoàn tàu, khi đột nhiên, không có một phút cảnh báo, toàn bộ cảnh sáng sủa và bận rộn đã biến thành một cảnh của đau khổ và cái chết.

The heavy engine, coming at that tremendous speed, simply wrecked the train; nearly every carriage was thrown off the metals, and the last three, together with the brake-van, were absolutely reduced to splinters; shattered planks, panels, wheels, axles, door-frames, seats, roofs, were driven about like the chaff from a threshing-floor, and they tell me that

Đầu máy nặng, đến với tốc độ khủng khiếp đó, đã phá hủy đoàn tàu; gần như mọi toa xe đều bị ném ra khỏi đường ray, và ba toa cuối cùng, cùng với xe phanh, đã bị giảm thành mảnh vụn; những tấm ván vỡ, các tấm, bánh xe, trục, khung cửa, ghế ngồi, mái nhà, bị đẩy đi như trấu từ một sàn đập, và họ nói với tôi rằng đống gỗ vỡ và sắt xoắn và xác chết bị nghiền

the pile of broken wood and twisted iron and mangled corpses was full twenty feet in height.

nát cao tới hai mươi feet.

Many were killed on the spot, and many more —some terribly wounded, some almost unhurt—were imprisoned under that dreadful pile. I suppose only one thing more was wanting to make the horror complete, and in a few moments that thing came, for some of the red-hot ashes had been thrown out of the furnace of the engine in the collision, and the heap of ruins caught fire!

Nhiều người đã chết ngay tại chỗ, và nhiều người khác - một số bị thương nặng, một số gần như không bị thương - đã bị mắc kẹt dưới đống đổ nát khủng khiếp đó. Tôi cho rằng chỉ có một điều nữa là cần thiết để làm cho nỗi kinh hoàng hoàn chỉnh, và trong vài khoảnh khắc điều đó đã đến, vì một số tro nóng đỏ đã bị ném ra khỏi lò của đầu máy trong vụ va chạm, và đống đổ nát đã bốc cháy!

An awful sight it must have been; thank heaven I did not see it, though I have dreamt of it often. Station-master, porters, neighbours, all worked like heroes trying to get the victims out; but the wood was dry and the fire spread rapidly, and I fear many a poor creature must have died the worst of all deaths. The shrieks and cries were piteous to hear, until the good old Rector, who was lying entangled in a heap of woodwork, with an arm and shoulder badly broken, called out in his cheery, commanding voice:

Một cảnh tượng kinh hoàng phải đã xảy ra; cảm ơn trời tôi đã không thấy nó, mặc dù tôi đã mơ về nó thường xuyên. Người quản lý ga, các nhân viên, hàng xóm, tất cả đã làm việc như những anh hùng cố gắng cứu các nạn nhân ra ngoài; nhưng gỗ khô và lửa lan nhanh, và tôi sợ rằng nhiều người tội nghiệp phải đã chết cái chết tồi tệ nhất trong tất cả. Những tiếng hét và tiếng khóc thật đáng thương để nghe, cho đến khi Mục sư già tốt bụng, người đang nằm bị mắc kẹt trong một đống gỗ, với một cánh tay và vai bị gãy nặng, gọi ra với giọng vui vẻ, chỉ huy của mình:

“Hush, boys and girls! Let us bear our pain nobly; all who can, join with me.”

“Im lặng, các chàng trai và cô gái! Hãy chịu đựng nỗi đau của chúng ta một cách cao quý; tất cả những ai có thể, hãy cùng tôi.”

And he began to sing a well-known children’s hymn. I suppose his noble courage and the instinct of obedience to the voice they were used to follow strengthened them, for one and another joined in, till from that burning pile there rose a ringing chorus:

Và ông bắt đầu hát một bài thánh ca trẻ em nổi tiếng. Tôi cho rằng lòng dũng cảm cao quý của ông và bản năng tuân theo giọng nói mà họ đã quen theo đã củng cố họ, vì từng người một đã tham gia, cho đến khi từ đống cháy đó vang lên một điệp khúc vang dội:

O, we shall happy be,

Ôi, chúng ta sẽ hạnh phúc,

When from pain and sorrow free,

Khi thoát khỏi đau đớn và buồn phiền,

Lord, we shall dwell with Thee,

Chúa ơi, chúng ta sẽ sống với Ngài,

Blest, blest for aye.

The band of workers increased every moment, and presently the fire was got under and the heap of wreckage torn down, and all were saved who were not already past saving. Many, as I have said, were killed, and many more were crippled, and a pretty penny the Company had to pay for compensation; but I think no amount of money can make up to a young man or a young woman for the loss of health or strength just as they are starting in life. The brave old Rector was badly burnt, besides his broken arm; but he slowly recovered, and was able to get about a little in a few weeks' time. Hetty Hawkins by a sort of miracle was almost unhurt, escaping with a scorched hand and arm and a few slight cuts; but Joe Brown must have been killed on the spot, for his body was found at the very bottom of all, crushed by the weight of half the train: so Tom Price had his revenge.

The Board of Directors held a great enquiry into the cause of the accident, and of course they would not believe the story that Tom had been seen. They could make nothing out of it, except that the engine had certainly run away, and that no one connected with the line or sheds could have been on her; so they decided that one of the cleaning-boys must have been playing with her (as they sometimes will do, if they have chance) before she made steam, and must have left the regulator open. Two boys were discharged on suspicion, but they declared they were innocent, and I believe quite truly; for I saw Tom Price on that engine, I saw the look on his face; and the decision of a hundred Boards could never persuade me out of that.

Besides, the turner and the pit-sweeper saw him; were *they* both deceived too? People have suggested that there was some one else on the

Phúc, phúc mãi mãi.

Nhóm công nhân tăng lên từng phút, và chẳng mấy chốc lửa đã được dập tắt và đống đổ nát bị xé xuống, và tất cả đã được cứu trừ những người đã không còn có thể cứu được. Nhiều người, như tôi đã nói, đã chết, và nhiều người khác đã bị tàn tật, và một số tiền lớn mà Công ty phải trả cho bồi thường; nhưng tôi nghĩ không có số tiền nào có thể bù đắp cho một chàng trai trẻ hoặc một cô gái trẻ cho sự mất mát sức khỏe hoặc sức mạnh ngay khi họ bắt đầu cuộc sống. Mục sư già dũng cảm đã bị bỏng nặng, ngoài cánh tay bị gãy; nhưng ông từ từ hồi phục, và có thể đi lại một chút trong vài tuần. Hetty Hawkins bằng một phép lạ nào đó gần như không bị thương, chỉ bị bỏng tay và cánh tay và một vài vết cắt nhẹ; nhưng Joe Brown phải đã chết ngay tại chỗ, vì thi thể của ông được tìm thấy ở đáy của tất cả, bị nghiền nát bởi trọng lượng của nửa đoàn tàu: vì vậy Tom Price đã có sự trả thù của mình.

Hội đồng quản trị đã tổ chức một cuộc điều tra lớn về nguyên nhân của vụ tai nạn, và tất nhiên họ không tin vào câu chuyện rằng Tom đã được nhìn thấy. Họ không thể làm gì với nó, ngoại trừ việc đầu máy chắc chắn đã chạy đi, và không ai liên quan đến đường hoặc nhà kho có thể đã ở trên đó; vì vậy họ quyết định rằng một trong những cậu bé làm sạch phải đã chơi với nó (như họ đôi khi sẽ làm, nếu họ có cơ hội) trước khi nó tạo ra hơi nước, và phải đã để bộ điều chỉnh mở. Hai cậu bé đã bị sa thải vì nghi ngờ, nhưng họ tuyên bố rằng họ vô tội, và tôi tin là hoàn toàn đúng; vì tôi đã thấy Tom Price trên đầu máy đó, tôi đã thấy cái nhìn trên khuôn mặt của ông ấy; và quyết định của một trăm Hội đồng không thể thuyết phục tôi ra khỏi điều đó.

Ngoài ra, người quay và người quét hố đã thấy ông ấy; họ cũng bị lừa sao? Mọi người đã gợi ý rằng có ai đó khác trên đầu máy, và rằng trí

engine, and that our imagination made us take it for Tom; but this I deny. I knew him as well as I do you; I saw him as close and as clearly as I see you; what is the use of telling me I took some one else for him? Besides, if the engine was driven by a human being, where was his body? It must have been found among the victims after the accident, whereas the most careful search revealed no sign of any such person. No, sir; as sure as we stand here now, Tom Price came back from the grave to take his revenge, and an awful revenge he had; I would not have the blood on my soul that he has, for all the gold in the world.

tưởng tượng của chúng tôi đã khiến chúng tôi nhầm lẫn với Tom; nhưng điều này tôi phủ nhận. Tôi biết ông ấy cũng như tôi biết ông; tôi đã thấy ông ấy gần và rõ ràng như tôi thấy ông; có ích gì khi nói với tôi rằng tôi đã nhầm lẫn ai đó khác với ông ấy? Ngoài ra, nếu đầu máy được điều khiển bởi một con người, thì thi thể của ông ấy đâu? Nó phải đã được tìm thấy trong số các nạn nhân sau vụ tai nạn, trong khi cuộc tìm kiếm cẩn thận nhất không tiết lộ dấu hiệu nào của bất kỳ người nào như vậy. Không, thưa ông; chắc chắn như chúng ta đứng đây bây giờ, Tom Price đã trở lại từ ngôi mộ để trả thù, và một sự trả thù khủng khiếp ông ấy đã có; tôi sẽ không có máu trên linh hồn của mình như ông ấy có, vì tất cả vàng trên thế giới.

That is my story, sir; I hope it has not wearied you; you understand now why I told you that I believe in ghosts.

Đó là câu chuyện của tôi, thưa ông; tôi hy vọng nó không làm ông mệt mỏi; ông hiểu bây giờ tại sao tôi đã nói với ông rằng tôi tin vào ma.

* * *

* * *

The above narrative will, I think, be of interest to the student of psychology. It tells its own story, and requires but little comment. A wicked man dies suddenly with an intense ungratified desire for vengeance: that vengeance he proceeds to take at the earliest opportunity, employing a method which would naturally have been suggested by his previous life. Quite possibly the members of the commission were right in their opinion that the regulator was left open by a boy, since it may have been easier for the dead man to influence the boy to do it than to apply force directly to the handle.

Câu chuyện trên, tôi nghĩ, sẽ thú vị đối với sinh viên tâm lý học. Nó tự kể câu chuyện của mình, và chỉ cần ít bình luận. Một người đàn ông xấu xa chết đột ngột với một mong muốn mãnh liệt chưa được thỏa mãn về sự trả thù: sự trả thù đó ông ấy tiến hành thực hiện vào cơ hội sớm nhất, sử dụng một phương pháp mà tự nhiên đã được gợi ý bởi cuộc sống trước đây của ông ấy. Rất có thể các thành viên của ủy ban đã đúng trong ý kiến của họ rằng bộ điều chỉnh đã được để mở bởi một cậu bé, vì có thể dễ dàng hơn cho người chết ảnh hưởng đến cậu bé để làm điều đó hơn là áp dụng lực trực tiếp vào tay cầm.

6. A Triple Warning—Một Cảnh Báo Tam Phân

It was at the dinner table of one of the highest dignitaries of the Church—a man whose name, were I at liberty to mention it, would command recognition and respect wherever

Đó là tại bàn ăn tối của một trong những chức sắc cao nhất của Giáo hội - một người mà tên tuổi, nếu tôi được phép đề cập, sẽ được công nhận và tôn trọng ở bất cứ nơi nào tiếng Anh

the English language is spoken—that I heard the two stories which I shall next relate. I am aware that to give the name of the narrator would add greatly to the value of the account with many minds, and indeed, I have no reason to suppose that there would be any objection to my mentioning it; but I did not ask permission to do so (having at the time not the slightest idea of ever publishing the tales) and therefore I refrain.

được nói - mà tôi đã nghe hai câu chuyện mà tôi sẽ kể tiếp theo. Tôi nhận thức rằng việc đưa ra tên của người kể chuyện sẽ tăng giá trị của câu chuyện với nhiều người, và thực sự, tôi không có lý do gì để cho rằng sẽ có bất kỳ sự phản đối nào đối với việc tôi đề cập đến nó; nhưng tôi đã không xin phép làm như vậy (vì lúc đó tôi không có ý định xuất bản những câu chuyện) và do đó tôi kiềm chế.

Whether the stories have been given to the public before by any other writer, and if so where and in what form, I cannot say; the distinguished narrator was of opinion that they had become the theme of common talk, and seemed much surprised that no one present had heard them; but since they were entirely new to the forty or fifty persons gathered round that table, and since I myself have never seen them in print, though I have read most of the extant collections of such stories, I run the risk of repeating what may, perhaps, be to some people an oft-told tale. For the sake of clearness I shall in each case call the chief actor in the story 'the bishop,' though, of course, in the first of the cases related, his episcopal honours were far in the future.

Liệu những câu chuyện này đã được công bố trước đó bởi bất kỳ nhà văn nào khác, và nếu có thì ở đâu và dưới hình thức nào, tôi không thể nói; người kể chuyện nổi tiếng đã cho rằng chúng đã trở thành chủ đề của cuộc trò chuyện phổ biến, và dường như rất ngạc nhiên khi không ai có mặt đã nghe chúng; nhưng vì chúng hoàn toàn mới đối với bốn mươi hoặc năm mươi người tụ tập quanh bàn đó, và vì chính tôi chưa bao giờ thấy chúng được in, mặc dù tôi đã đọc hầu hết các bộ sưu tập hiện có của những câu chuyện như vậy, tôi mạo hiểm lặp lại những gì có thể, có lẽ, là một câu chuyện đã được kể nhiều lần đối với một số người. Vì sự rõ ràng, tôi sẽ trong mỗi trường hợp gọi nhân vật chính trong câu chuyện là 'giám mục', mặc dù, tất nhiên, trong trường hợp đầu tiên được kể, danh hiệu giám mục của ông ấy còn xa trong tương lai.

The first of his ghostly experiences occurred while 'the bishop' was still at college. It seems that one night he had retired to bed somewhat earlier than usual, having locked the outer door of his sitting-room, but leaving that between the latter apartment and his bed-room standing open. In the sitting-room a large fire was blazing brightly, flooding the place with its cheerful light, and rendering every object almost as distinctly visible as at noon-day. It was half-past ten, and the bishop had just laid himself down in blissful expectation of long and uninterrupted sleep,

Trải nghiệm ma quái đầu tiên của ông ấy xảy ra khi 'giám mục' vẫn còn ở trường đại học. Có vẻ như một đêm ông ấy đã đi ngủ sớm hơn thường lệ, đã khóa cửa ngoài của phòng khách của mình, nhưng để cửa giữa căn phòng đó và phòng ngủ của mình mở. Trong phòng khách, một ngọn lửa lớn đang cháy sáng, tràn ngập nơi đó với ánh sáng vui vẻ của nó, và làm cho mọi vật thể gần như rõ ràng như ban ngày. Đó là mười giờ rưỡi, và giám mục vừa nằm xuống với hy vọng hạnh phúc về một giấc ngủ dài và không bị gián đoạn, khi ông thấy hình dáng của cha mình đứng ở cửa giữa hai phòng,

when he saw the figure of his father standing in the doorway between the two rooms, in the full glare of the light. Surprise held him motionless for a few seconds; he even thinks that he must have watched the play of the firelight upon the sad, earnest face for a whole minute, before the figure raised its hand and beckoned him to come. This dissolved the spell which seemed to hold him in its grasp, and he sprang from the bed and rushed towards the door, but before he could reach it the figure had vanished!

trong ánh sáng rực rỡ. Sự ngạc nhiên giữ ông bất động trong vài giây; ông thậm chí nghĩ rằng ông phải đã quan sát ánh sáng của ngọn lửa trên khuôn mặt buồn bã, nghiêm túc trong cả một phút, trước khi hình dáng đó giơ tay và ra hiệu cho ông đến. Điều này đã giải tỏa bùa chú dường như giữ ông trong sự kìm kẹp của nó, và ông nhảy ra khỏi giường và lao về phía cửa, nhưng trước khi ông có thể đến đó, hình dáng đó đã biến mất!

Startled beyond expression, he searched both sitting-room and bed-room thoroughly, and easily convinced himself that he was entirely alone; there was nowhere for an intruder to hide, and the outer door was securely locked, as he had left it. Besides, the figure had been distinctly and unmistakably that of his father, looking—except for the intense yearning expressed in his face—exactly as when he had last seen him only a few weeks before; and he was quite convinced that no college joker could have deceived him on this point. He was at last forced to conclude that he must have been the victim of an illusion, hard though it was to bring himself to such an opinion when he recollected the natural appearance of the figure and the play of the firelight on its face; so he once again composed himself to rest.

Bị kinh ngạc không thể diễn tả, ông tìm kiếm cả phòng khách và phòng ngủ một cách kỹ lưỡng, và dễ dàng thuyết phục bản thân rằng ông hoàn toàn ở một mình; không có nơi nào để một kẻ xâm nhập ẩn náu, và cửa ngoài đã được khóa chặt, như ông đã để lại. Ngoài ra, hình dáng đó rõ ràng và không thể nhầm lẫn là của cha ông, trông - ngoại trừ sự khao khát mãnh liệt được thể hiện trên khuôn mặt - chính xác như khi ông đã thấy ông ấy lần cuối chỉ vài tuần trước; và ông hoàn toàn tin rằng không có trò đùa nào của trường đại học có thể lừa dối ông về điểm này. Cuối cùng ông buộc phải kết luận rằng ông phải đã là nạn nhân của một ảo giác, mặc dù khó khăn để tự mình chấp nhận một ý kiến như vậy khi ông nhớ lại vẻ tự nhiên của hình dáng đó và ánh sáng của ngọn lửa trên khuôn mặt của nó; vì vậy ông một lần nữa tự mình nghỉ ngơi.

The shock, however, had banished sleep for the time, and he lay watching the flickering shadows on the wall for more than an hour before he felt himself sinking again into unconsciousness. Whether he had actually fallen into a doze, or was only on the point of doing so, he was unable to say; but he was suddenly startled into complete wakefulness by the reappearance of the figure in the doorway, with the same intense expression on its face, and beckoning to him, if possible,

Tuy nhiên, cú sốc đã xua tan giấc ngủ trong thời gian đó, và ông nằm nhìn những bóng đổ nhấp nháy trên tường hơn một giờ trước khi ông cảm thấy mình đang chìm vào trạng thái vô thức. Liệu ông đã thực sự rơi vào giấc ngủ, hay chỉ đang trên bờ vực của việc làm như vậy, ông không thể nói; nhưng ông đột ngột bị đánh thức hoàn toàn bởi sự tái xuất hiện của hình dáng đó ở cửa, với cùng một biểu hiện mãnh liệt trên khuôn mặt, và ra hiệu cho ông, nếu có thể, thậm chí còn khẩn thiết hơn trước.

even more earnestly than before. Determined that this time, at least, it should not elude him, he sprang with one bound from his bed to the door, and clutched violently at the apparition; but he was again doomed to disappointment; the appearance seemed exactly the same even when he was within a yard of it, yet his outstretched hands grasped only the empty air, and once more the strictest search only confirmed what was already certain—that it was utterly impossible for any bodily presence to have either escaped from the rooms or concealed itself in them.

Quyết tâm rằng lần này, ít nhất, nó sẽ không thoát khỏi ông, ông nhảy một bước từ giường đến cửa, và nắm chặt vào hiện tượng; nhưng ông lại bị định đoạt thất vọng; sự xuất hiện dường như hoàn toàn giống nhau ngay cả khi ông chỉ cách nó một thước, nhưng đôi tay dang rộng của ông chỉ nắm lấy không khí trống rỗng, và một lần nữa cuộc tìm kiếm nghiêm ngặt chỉ xác nhận điều đã chắc chắn - rằng hoàn toàn không thể có sự hiện diện vật lý nào đã thoát khỏi các phòng hoặc ẩn náu trong chúng.

Like most young men, he had been more or less sceptical upon the subject of apparitions, and, though seriously startled by what he had seen, he endeavoured to reason himself into the belief that it was due to a mere trick of the imagination, arising perhaps from some unsuspected bodily ailment. After bathing his forehead with cold water, he therefore retired to rest once more, firmly resolved not to allow his mind to dwell upon what he considered the dream of a distempered brain. As he lay down the various college clocks chimed midnight, and, with visions of early chapel in his mind, he made the most strenuous efforts to obtain the sleep of which he felt so much need.

Giống như hầu hết những người trẻ tuổi, ông đã ít nhiều hoài nghi về chủ đề của các hiện tượng, và, mặc dù bị kinh ngạc nghiêm trọng bởi những gì ông đã thấy, ông cố gắng lý luận bản thân vào niềm tin rằng đó là do một trò chơi của trí tưởng tượng, có thể phát sinh từ một số bệnh tật cơ thể chưa được phát hiện. Sau khi rửa trán bằng nước lạnh, ông do đó một lần nữa nghỉ ngơi, kiên quyết không để tâm trí của mình tập trung vào những gì ông coi là giấc mơ của một bộ não bị rối loạn. Khi ông nằm xuống, các đồng hồ của trường đại học vang lên nửa đêm, và, với những hình ảnh của nhà nguyện sớm trong tâm trí, ông đã nỗ lực hết sức để có được giấc ngủ mà ông cảm thấy rất cần.

At last he was successful, but it seemed to him that he could have been but a few moments unconscious when he awoke with a start, with that feeling of causeless terror at his heart which so often overcomes persons of highly nervous organisation when suddenly roused from deep slumber. The fire in the sitting-room had burnt low, and instead of the cheerful dancing light he had seen as he fell asleep, there was now only a dull red glow upon wall and ceiling; but there in the doorway, clearly defined in the midst of that glow, stood his father's figure once more! This

Cuối cùng ông đã thành công, nhưng dường như với ông rằng ông chỉ có thể đã vô thức trong vài khoảnh khắc khi ông tỉnh dậy với một cú giật mình, với cảm giác sợ hãi vô cớ trong tim mà thường xuyên vượt qua những người có tổ chức thần kinh cao khi đột ngột bị đánh thức từ giấc ngủ sâu. Ngọn lửa trong phòng khách đã cháy thấp, và thay vì ánh sáng nhảy múa vui vẻ mà ông đã thấy khi ông ngủ, bây giờ chỉ có một ánh sáng đỏ mờ trên tường và trần nhà; nhưng ở đó trong cửa, rõ ràng được xác định trong ánh sáng mờ đó, đứng hình dáng của cha ông một lần nữa! Lần này,

time, however, there was a distinct difference in both its expression and its action; instead of the intense yearning which had been so clearly visible before, there was a look of deep though resigned regret, and the raised hand no longer eagerly beckoned him to approach, but slowly and sorrowfully waved him back as he fixed his horror-stricken gaze upon the vision. Instead, too, of vanishing instantly, as before, its outlines became indistinct and it seemed to fade gradually away into the dull red glow upon the wall.

tuy nhiên, có một sự khác biệt rõ ràng trong cả biểu hiện và hành động của nó; thay vì sự khao khát mãnh liệt đã rõ ràng trước đó, có một cái nhìn của sự hối tiếc sâu sắc nhưng chấp nhận, và bàn tay giơ lên không còn ra hiệu cho ông tiếp cận, mà chậm rãi và buồn bã vẫy ông lùi lại khi ông nhìn chằm chằm vào hình ảnh với ánh mắt kinh hoàng. Thay vì biến mất ngay lập tức, như trước, các đường nét của nó trở nên không rõ ràng và dường như mờ dần vào ánh sáng đỏ mờ trên tường.

Only upon its disappearance did our young friend recover the power of motion, and his first act was to draw forth his watch and look at the time. It was ten minutes to two—far too early either to arouse any one else or to obtain any sort of conveyance for his homeward journey—for home he at once resolved to go. His father, the rector of a distant country parish, had been perfectly well when he left him a few weeks before, nor had he since heard anything to alarm him in any way; but, profoundly impressed as he was by the recurrence of the vision, and convinced at last that there was in the matter something of what is usually called the supernatural, he felt that it would be impossible for him to rest until he had satisfied himself by ocular demonstration that his father was alive and well. He made no further attempt to sleep, and at the very earliest moment when he thought such an application possible, he sought an interview with the head of his college, explained his fears to him, and set out for home without delay.

Chỉ khi bóng tối biến mất, người bạn trẻ của chúng ta mới hồi phục khả năng di chuyển, và hành động đầu tiên của anh là rút đồng hồ ra và xem giờ. Đã mười phút đến hai giờ—quá sớm để đánh thức bất kỳ ai khác hoặc để có được bất kỳ phương tiện nào cho hành trình về nhà của anh—vì anh ngay lập tức quyết định trở về nhà. Cha anh, mục sư của một giáo xứ nông thôn xa xôi, đã hoàn toàn khỏe mạnh khi anh rời ông vài tuần trước, và kể từ đó anh không nghe thấy điều gì khiến anh lo lắng; nhưng, bị ấn tượng sâu sắc bởi sự tái hiện của thị kiến, và cuối cùng bị thuyết phục rằng có điều gì đó thường được gọi là siêu nhiên trong vấn đề này, anh cảm thấy rằng sẽ không thể nào yên tâm cho đến khi anh tự mình chứng kiến rằng cha anh vẫn còn sống và khỏe mạnh. Anh không cố gắng ngủ thêm nữa, và ngay khi có thể, anh đã tìm gặp người đứng đầu trường đại học của mình, giải thích nỗi sợ hãi của mình với ông, và lên đường về nhà mà không chậm trễ.

The day of rapid travel somewhat weakened the impression that the events of the night had produced upon him, and when, as the shades of evening were beginning to fall, he drove up the well-known lane leading to the rectory, it was scarcely more than a latent

Ngày đi lại nhanh chóng đã làm giảm bớt ấn tượng mà các sự kiện trong đêm đã gây ra cho anh, và khi bóng tối bắt đầu buông xuống, anh lái xe lên con đường quen thuộc dẫn đến nhà thờ, chỉ còn lại một sự lo lắng tiềm ẩn làm mờ đi những dự đoán vui vẻ về sự chào đón ngạc

uneasiness which clouded his pleasant anticipations of the astonished greeting of the home circle. It gave him a sudden shock, on coming within sight of the house, to see that all the blinds were drawn closely down; true, it was already growing dusk, but he knew that his father loved the twilight hour, and would never admit candles until they were absolutely necessary; and a nervous apprehension of he hardly knew what, overpowered him so completely that for some moments he was unable to knock at the door. When at last he summoned courage to do so it was opened by the butler—one who had served in the family for many years—whom he had known since childhood; but the first glimpse of this old retainer's face revived in a moment all his worst apprehensions.

nhiên của gia đình. Anh cảm thấy một cú sốc đột ngột khi nhìn thấy ngôi nhà, thấy rằng tất cả các rèm cửa đều được kéo kín; đúng là trời đã tối dần, nhưng anh biết rằng cha anh yêu thích giờ hoàng hôn, và sẽ không bao giờ thắp nến cho đến khi thực sự cần thiết; và một nỗi lo lắng thần kinh về điều gì đó mà anh không biết rõ đã áp đảo anh hoàn toàn đến mức trong vài phút anh không thể gõ cửa. Cuối cùng khi anh lấy hết can đảm để làm điều đó, cửa được mở bởi quản gia—người đã phục vụ trong gia đình nhiều năm—người mà anh đã biết từ khi còn nhỏ; nhưng cái nhìn đầu tiên vào khuôn mặt của người hầu già này đã làm sống lại trong giây lát tất cả những lo lắng tồi tệ nhất của anh.

"Ôi! thưa ngài," người đàn ông nói, "ngài đã đến quá muộn! Nếu ngài chỉ có thể đến tối qua! Vâng," (trả lời những câu hỏi kinh hoàng của anh), "vâng, chủ nhân đã đi rồi; và gần như những lời duy nhất ông nói sau khi bị bệnh là nói rằng ông rất mong được gặp ngài. Đó là mười giờ tối qua khi cơn đau ập đến ông, và nửa giờ sau đó, ngay khi ông có thể nói, điều đầu tiên ông nói là:

"Ah! sir," said the man, "you are too late! If you could only have come last night! Yes," (in answer to his horrified enquiries), "yes, the master is gone; and almost the only words he spoke after he was taken ill were to say how he longed to see you. It was ten o'clock last night when the fit took him, and half an hour afterwards, as soon as he was able to speak, the first thing he said was:

'Gửi cho con trai tôi; tôi phải gặp con trai tôi một lần nữa.'

'Send for my son; I must see my son once more.'

"Chúng tôi đã nói với ông rằng một người đưa tin sẽ được gửi đi ngay khi bình minh, nhưng ông hầu như không nghe thấy chúng tôi, vì ông đã rơi vào một trạng thái giống như xuất thần. Sau đó vào lúc mười hai giờ kém mười lăm, ông tỉnh dậy trong vài phút, nhưng tất cả những gì ông nói là:

"We told him that a messenger should be sent with the first dawn of day, but he scarcely seemed to hear us, for he had fallen back into a kind of trance, like. Then at a quarter to twelve he roused up for a few moments, but all he said was:

'Tôi ước gì con trai tôi ở đây!'

'How I wish my son were here!'

"Và một lần nữa ngay trước khi ông qua đời—đó là mười phút đến hai giờ—ông mở mắt và dường như nhận ra tất cả chúng tôi, mặc dù

"And again just the moment before he died—ten minutes to two it was—he opened his eyes and seemed to know us all, though he was too

weak to say much; but he just whispered:

ông quá yếu để nói nhiều; nhưng ông chỉ thì thầm:

'I am going; I should like to have spoken to my dear son once more, but I shall not live to see him now.'

'Tôi đang đi; tôi muốn được nói chuyện với con trai yêu quý của tôi một lần nữa, nhưng tôi sẽ không sống để gặp nó bây giờ.'

"And then he passed away so peacefully, it seemed as though he had but fallen asleep."

"Và sau đó ông ra đi một cách yên bình, dường như như thể ông chỉ vừa mới ngủ thiếp đi."

Such was the bishop's first experience of life on the super-physical plane—one of a class by no means uncommon, though perhaps an unusually perfect and striking example of its kind. At any rate it is not difficult to believe the remark of the narrator, that it produced on him an impression which time was powerless to obliterate—an impression which coloured his whole after-life.

Đó là trải nghiệm đầu tiên của vị giám mục về cuộc sống trên cõi siêu vật lý—một trong những loại không phải là hiếm, mặc dù có lẽ là một ví dụ hoàn hảo và nổi bật hơn bình thường của loại này. Dù sao đi nữa, không khó để tin vào nhận xét của người kể chuyện rằng nó đã tạo ra cho anh một ấn tượng mà thời gian không thể xóa nhòa—một ấn tượng đã tô màu cho toàn bộ cuộc sống sau này của anh.

How many there are among us who have been profoundly affected—whose entire characters even have been changed—by one short glimpse of that world which is ever close around us, though commonly veiled from our eyes! Few people care to speak of such things in this blind and sceptical age, but anyone who takes the trouble to make quiet and earnest enquiries among his friends will be surprised to discover how much more common than he supposed such experiences are.

Có bao nhiêu người trong chúng ta đã bị ảnh hưởng sâu sắc—thậm chí toàn bộ tính cách của họ đã thay đổi—bởi một cái nhìn thoáng qua ngắn ngủi về thế giới luôn gần gũi xung quanh chúng ta, mặc dù thường bị che khuất khỏi mắt chúng ta! Ít người quan tâm nói về những điều như vậy trong thời đại mù quáng và hoài nghi này, nhưng bất kỳ ai chịu khó thực hiện những cuộc điều tra yên tĩnh và chân thành giữa bạn bè của mình sẽ ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng những trải nghiệm như vậy phổ biến hơn nhiều so với anh ta tưởng.

7. The Concealed Confession—Lời Thú Tội Ẩn Giấu

The second story which the bishop related to us was of a different character, and its events took place at a much later period of his life, when he was already in charge of a diocese. It appears that on the day on which its events occurred he had accepted an invitation to dinner at a certain country-house in one of the midland counties. Happening to arrive

Câu chuyện thứ hai mà vị giám mục kể cho chúng tôi có tính chất khác, và các sự kiện của nó diễn ra vào một giai đoạn muộn hơn nhiều trong cuộc đời của ông, khi ông đã phụ trách một giáo phận. Có vẻ như vào ngày mà các sự kiện của nó xảy ra, ông đã chấp nhận một lời mời ăn tối tại một ngôi nhà nông thôn nào đó ở một trong những quận miền trung. Tình cờ

somewhat earlier than usual, he found, on being shown into the drawing-room, that the hostess was not yet down, the only occupant of the room being a Roman Catholic priest, a complete stranger to him, who was seated upon a sofa intently reading a large book. As the bishop entered the priest raised his eyes, made him a courteous but silent bow, and again resumed his reading. He was a strongly built, active- looking man—apparently rather a muscular Christian; but there was in his face an expression of weariness and anxiety that attracted the bishop's attention, and he wondered much within himself who he could be, and how he came to be invited to that house. Soon other guests appeared, and the hostess came down so full of apologies for not being in readiness to receive her principal guest on his arrival, that the questions he had intended to ask about the stranger-priest were forgotten for the time. When seated next to his hostess at the dinner-table, however, they recurred to his memory, and turning to her he remarked:

đến sớm hơn thường lệ, ông phát hiện ra, khi được dẫn vào phòng khách, rằng bà chủ nhà chưa xuống, người duy nhất trong phòng là một linh mục Công giáo La Mã, hoàn toàn xa lạ với ông, đang ngồi trên ghế sofa chăm chú đọc một cuốn sách lớn. Khi vị giám mục bước vào, linh mục ngẩng đầu lên, cúi chào ông một cách lịch sự nhưng im lặng, và lại tiếp tục đọc. Ông là một người đàn ông có vóc dáng mạnh mẽ, trông hoạt bát—có vẻ là một tín đồ Cơ đốc giáo cơ bắp; nhưng trên khuôn mặt ông có một biểu hiện mệt mỏi và lo lắng thu hút sự chú ý của vị giám mục, và ông tự hỏi nhiều trong lòng ông có thể là ai, và làm thế nào ông lại được mời đến ngôi nhà đó. Chẳng mấy chốc những vị khách khác xuất hiện, và bà chủ nhà xuống với đầy lời xin lỗi vì không sẵn sàng tiếp đón vị khách chính của mình khi ông đến, đến nỗi những câu hỏi mà ông định hỏi về linh mục lạ mặt đã bị quên lãng trong thời gian đó. Khi ngồi cạnh bà chủ nhà tại bàn ăn tối, tuy nhiên, chúng lại trở về trong trí nhớ của ông, và quay sang bà, ông nhận xét:

"By the way, you did not introduce me to that interesting-looking priest whom I found in the drawing-room; who is he?"

"Nhân tiện, bà chưa giới thiệu tôi với vị linh mục trông thú vị mà tôi đã gặp trong phòng khách; ông ấy là ai?"

Then, looking along the table, he continued with some surprise:

Sau đó, nhìn dọc theo bàn, ông tiếp tục với một chút ngạc nhiên:

"He does not seem to have come in to dinner."

"Ông ấy dường như không có mặt trong bữa tối."

A very strange look passed over the hostess's face as she said hurriedly, almost in a whisper:

Một cái nhìn rất kỳ lạ lướt qua khuôn mặt của bà chủ nhà khi bà nói vội vàng, gần như thì thầm:

"What, did you actually see him, then?"

"Gì, ông thực sự đã thấy ông ấy, phải không?"

"Certainly I did;" replied the bishop; "but I beg your pardon; I fear I have unintentionally mentioned a subject which is unpleasant to you—perhaps intruded upon some family

"Chắc chắn là tôi đã thấy," vị giám mục trả lời; "nhưng tôi xin lỗi; tôi sợ rằng tôi đã vô tình đề cập đến một chủ đề không thoải mái với bà—có lẽ đã xâm phạm vào một bí mật gia đình nào

secret. I had no idea but that the priest was a simple guest here, like myself, and his appearance interested me so much that I wished to ask for an introduction; but if you are anxious for some reason that his presence here should be concealed, I need hardly assure you that you may depend upon my silence."

đó. Tôi không có ý tưởng nào khác ngoài việc linh mục là một vị khách đơn giản ở đây, giống như tôi, và sự xuất hiện của ông ấy đã khiến tôi rất quan tâm đến mức tôi muốn yêu cầu được giới thiệu; nhưng nếu bà lo lắng vì lý do nào đó rằng sự hiện diện của ông ấy ở đây nên được giấu kín, tôi không cần phải đảm bảo với bà rằng bà có thể tin tưởng vào sự im lặng của tôi."

"No, no, my lord," answered the hostess still in a low tone, "you misunderstand me entirely; there is nothing which I wish to conceal, though this is a subject which my husband does not like to have mentioned. I was surprised to hear that the priest had shown himself to you, because until now this has never happened except to a member of our own family. What you saw was no visitor, but an apparition."

"Không, không, thưa ngài," bà chủ nhà trả lời vẫn với giọng thấp, "ông hoàn toàn hiểu lầm tôi; không có gì mà tôi muốn giấu, mặc dù đây là một chủ đề mà chồng tôi không thích được đề cập. Tôi đã ngạc nhiên khi nghe rằng linh mục đã tự mình xuất hiện với ông, vì cho đến bây giờ điều này chưa bao giờ xảy ra ngoại trừ với một thành viên trong gia đình chúng tôi. Những gì ông thấy không phải là một vị khách, mà là một hiện tượng."

"An apparition?" ejaculated the bishop.

"Một hiện tượng?" vị giám mục thốt lên.

"Yes," continued the hostess, "and one whose supernatural character it is impossible to doubt, for during the two years we have lived in this house it has shown itself perhaps a dozen times to my husband and myself under circumstances in which either self-deception or imposition were quite out of the question. Since we cannot explain it, and are well assured that it is due to no natural causes, we have decided not to speak of it to any one. But since you have seen it—my lord, will you do me a favour?"

"Vâng," bà chủ nhà tiếp tục, "và một hiện tượng có tính chất siêu nhiên mà không thể nghi ngờ, vì trong suốt hai năm chúng tôi sống trong ngôi nhà này, nó đã tự xuất hiện có lẽ một tá lần với chồng tôi và tôi trong những hoàn cảnh mà sự tự lừa dối hoặc sự lừa đảo hoàn toàn không thể xảy ra. Vì chúng tôi không thể giải thích nó, và chắc chắn rằng nó không phải do nguyên nhân tự nhiên nào, chúng tôi đã quyết định không nói về nó với bất kỳ ai. Nhưng vì ông đã thấy nó—thưa ngài, ông có thể làm ơn giúp tôi một việc không?"

"Most certainly, if it be within my power," replied he.

"Chắc chắn rồi, nếu điều đó nằm trong khả năng của tôi," ông trả lời.

"I have often thought," she resumed, "that if any one could be found who had the courage to address it, we might perhaps be relieved from its presence. I have always feared that some day the children may see it, or that the servants may be terrified and insist upon

"Tôi đã thường nghĩ," bà tiếp tục, "rằng nếu có ai đó có đủ can đảm để nói chuyện với nó, chúng tôi có thể được giải thoát khỏi sự hiện diện của nó. Tôi luôn lo sợ rằng một ngày nào đó bọn trẻ có thể thấy nó, hoặc rằng những người hầu có thể bị kinh hoàng và khăng

leaving the house. Can you—will you—make some trivial excuse for going back into the drawing-room for a few minutes, see if the priest be still there, and, if he be, speak to him—adjure him to depart from this house—exorcise him, in fact?"

khăng rời khỏi ngôi nhà. Ông có thể—ông sẽ—tìm một lý do nhỏ để quay lại phòng khách trong vài phút, xem liệu linh mục có còn ở đó không, và nếu ông ấy có, hãy nói chuyện với ông ấy—khẩn cầu ông ấy rời khỏi ngôi nhà này—trừ tà ông ấy, thực tế là vậy?"

After some hesitation the bishop agreed to make the proposed experiment. His low-toned conversation with the hostess having been apparently unobserved, he excused himself to her in a louder voice for a few moments' absence, and left the room, waving back the servant who would have attended him. It was with a strange thrill of awe that, on entering the drawing room, he perceived the figure of the priest still seated in the same spot—still diligently perusing his great breviary, if such it was; but with unshaken resolution be walked slowly forward, and stood directly in front of the apparition. As before, the priest greeted him with a courteous inclination of the head, but this time instead of immediately returning to the book his eyes rested, with a look of infinite weariness, and yet with a kind of suppressed eagerness also, upon the bishop's face. After a moment's pause, the latter said slowly and solemnly:

Sau một chút do dự, vị giám mục đồng ý thực hiện thí nghiệm được đề xuất. Cuộc trò chuyện với bà chủ nhà của ông dường như không bị ai chú ý, ông xin lỗi bà với giọng lớn hơn trong vài phút vắng mặt, và rời khỏi phòng, vẫy tay từ chối người hầu sẽ đi theo ông. Với một cảm giác kỳ lạ của sự kính sợ, khi bước vào phòng khách, ông nhận thấy hình ảnh của linh mục vẫn ngồi ở cùng một chỗ—vẫn chăm chú đọc cuốn sách lớn của mình, nếu đó là như vậy; nhưng với quyết tâm không lay chuyển, ông bước chậm rãi về phía trước, và đứng trực tiếp trước hiện tượng. Như trước đây, linh mục chào ông với một cái cúi đầu lịch sự, nhưng lần này thay vì ngay lập tức quay lại cuốn sách, ánh mắt của ông dừng lại, với một cái nhìn mệt mỏi vô hạn, và đồng thời với một sự háo hức bị kìm nén, trên khuôn mặt của vị giám mục. Sau một khoảnh khắc dừng lại, người sau nói chậm rãi và trang trọng:

"In the name of God, who are you and what do you want?"

"Nhân danh Thượng đế, ông là ai và ông muốn gì?"

The apparition closed its book, rose from its seat, stood confronting him, and after a slight hesitation, spoke in a low but clear and measured voice:

Hiện tượng đóng cuốn sách của mình, đứng dậy từ chỗ ngồi, đứng đối diện với ông, và sau một chút do dự, nói bằng giọng thấp nhưng rõ ràng và đo lường:

"I have never been so adjured before; I will tell you who I am and what I want. As you see, I am a priest of the Catholic Church. Eighty years ago, this house in which we now stand was mine. I was a good rider, and was extremely fond of hunting when opportunity offered; and one day I was just about to start

"Tôi chưa bao giờ bị khẩn cầu như vậy trước đây; tôi sẽ nói cho ông biết tôi là ai và tôi muốn gì. Như ông thấy, tôi là một linh mục của Giáo hội Công giáo. Tám mươi năm trước, ngôi nhà này mà chúng ta đang đứng là của tôi. Tôi là một người cưỡi ngựa giỏi, và rất thích săn bắn khi có cơ hội; và một ngày nọ, tôi vừa chuẩn bị

for the neighbouring meet, when a young lady of very high family indeed called upon me for the purpose of making a confession. What she said, of course, I may not repeat, but it affected very closely the honour of one of the noblest houses of England; and it appeared to me of such supreme importance that (there being certain complications in the case) I committed the grave indiscretion—the sin even, for it is strictly forbidden by our Church—of making notes of the confession as I heard it.

khởi hành đến cuộc gặp gỡ gần đó, khi một cô gái trẻ thuộc gia đình rất cao quý đến gặp tôi để xưng tội. Những gì cô ấy nói, tất nhiên, tôi không thể lặp lại, nhưng nó ảnh hưởng rất gần đến danh dự của một trong những gia đình quý tộc nhất của Anh; và nó dường như quan trọng đến mức (vì có những phức tạp nhất định trong trường hợp) tôi đã phạm phải sự bất cẩn nghiêm trọng—thậm chí là tội lỗi, vì nó bị nghiêm cấm nghiêm ngặt bởi Giáo hội của chúng tôi—là ghi chép lại lời xưng tội khi tôi nghe nó.

When I had absolved and dismissed her, I found that it was only barely possible for me to reach the *rendezvous* in time, but even in my haste I did not forget the supreme importance of guarding carefully my notes of the terrible secret just committed to me. For purposes which I need not now detail, I had had a few bricks loosened in the wall of one of the lower passages of this house and a small recess made—just the place, I thought, in which my notes would be perfectly safe from any conceivable accident until my return, when I intended to master the intricacies of the case at my leisure, and then at once destroy the dangerous paper. Meantime I hurriedly shut it between the leaves of the book I had held in my hand, ran downstairs, thrust the book into the recess, replaced the bricks, sprang upon my horse, and rode off at full speed.

Khi tôi đã tha thứ và tiễn cô ấy đi, tôi nhận thấy rằng chỉ còn rất ít thời gian để tôi đến điểm hẹn kịp thời, nhưng ngay cả trong sự vội vàng của mình, tôi không quên tầm quan trọng tối cao của việc bảo vệ cẩn thận những ghi chú của mình về bí mật khủng khiếp vừa được giao phó cho tôi. Vì những mục đích mà tôi không cần chi tiết bây giờ, tôi đã có một vài viên gạch được nới lỏng trong bức tường của một trong những hành lang dưới của ngôi nhà này và một hốc nhỏ được tạo ra—chỉ là nơi, tôi nghĩ, mà những ghi chú của tôi sẽ hoàn toàn an toàn khỏi bất kỳ tai nạn nào có thể xảy ra cho đến khi tôi trở về, khi tôi dự định nắm vững những phức tạp của vụ việc vào lúc rảnh rỗi, và sau đó ngay lập tức tiêu hủy tờ giấy nguy hiểm. Trong khi đó, tôi vội vàng nhét nó giữa các trang của cuốn sách mà tôi đã cầm trong tay, chạy xuống cầu thang, nhét cuốn sách vào hốc, thay thế các viên gạch, nhảy lên ngựa của mình, và phi nước đại.

That day in the hunting field I was thrown from my horse and killed on the spot; and ever since it has been my dreary fate to haunt this earthly home of mine and try to avert the consequences of my sin—try to guard from any possibility of discovery the fatal notes which I so rashly and wrongly made. Never until now has any human being dared to speak to me boldly as you have done; never until

Ngày hôm đó trong trường săn bắn, tôi bị ngã ngựa và chết ngay tại chỗ; và kể từ đó, số phận ảm đạm của tôi là ám ảnh ngôi nhà trần gian này của tôi và cố gắng ngăn chặn hậu quả của sự bất cẩn của tôi—cố gắng bảo vệ khỏi bất kỳ khả năng phát hiện nào những ghi chú chết người mà tôi đã tạo ra một cách liều lĩnh và sai lầm. Chưa bao giờ cho đến bây giờ có bất kỳ con người nào dám nói chuyện với tôi một cách táo

now has there seemed aught of help for me or hope of deliverance from this weary task; but now—will you save me? If I show you where my book is hidden, will you swear by all that you hold most sacred to destroy the paper that it contains without reading it—without letting any human eye see even one word of its contents? Will you pledge your word to do this?"

bạo như ông đã làm; chưa bao giờ cho đến bây giờ có vẻ như có sự giúp đỡ nào cho tôi hoặc hy vọng giải thoát khỏi nhiệm vụ mệt mỏi này; nhưng bây giờ—ông sẽ cứu tôi chứ? Nếu tôi chỉ cho ông nơi cuốn sách của tôi được giấu, ông có thể bằng tất cả những gì ông coi là thiêng liêng nhất để tiêu hủy tờ giấy mà nó chứa mà không đọc nó—mà không để bất kỳ con mắt con người nào nhìn thấy dù chỉ một từ của nội dung của nó không?"

"I pledge my word to obey your wish to the letter," said the bishop with solemnity.

"Tôi thề sẽ tuân theo ý muốn của ông từng chữ," vị giám mục nói với sự trang trọng.

The gaze of the priest's eyes was so intense that they seemed to pierce his very soul, but apparently the result of the scrutiny was satisfactory, for the phantom turned away with a deep sigh of relief, saying:

Ánh mắt của linh mục mãnh liệt đến mức dường như xuyên thấu tâm hồn ông, nhưng dường như kết quả của sự kiểm tra là thỏa đáng, vì bóng ma quay đi với một tiếng thở dài nhẹ nhõm sâu sắc, nói:

"Then follow me."

"Vậy thì hãy theo tôi."

With a strange sense of unreality the bishop found himself following the apparition down the broad staircase to the ground floor, and then down a narrower one of stone that seemed to lead to some cellars or vaults. Suddenly the priest stopped and turned towards him.

Với một cảm giác kỳ lạ của sự không thực tế, vị giám mục thấy mình đang theo dõi hiện tượng xuống cầu thang rộng đến tầng trệt, và sau đó xuống một cầu thang hẹp hơn bằng đá dường như dẫn đến một số hầm rượu hoặc hầm mộ. Đột nhiên linh mục dừng lại và quay về phía ông.

"This is the place," he said, placing his hand on the wall; "remove this plaster, loosen the bricks, and you will find behind them the recess of which I spoke. Mark the spot well, and—remember your promise."

"Đây là nơi," ông nói, đặt tay lên tường; "gỡ bỏ lớp vữa này, nới lỏng các viên gạch, và ông sẽ tìm thấy phía sau chúng hốc mà tôi đã nói. Đánh dấu vị trí này thật kỹ, và—nhớ lời hứa của ông."

Following the pointing hand and the apparent wish of the spectre, the bishop closely examined the wall at the spot indicated, and then turned to the priest to ask another question; but to his intense astonishment there was no one there—he was absolutely alone in the dimly-lighted passage! Perhaps he ought to have been prepared for this sudden disappearance, but it startled him more than

Theo tay chỉ và ý muốn rõ ràng của bóng ma, vị giám mục kiểm tra kỹ lưỡng bức tường tại vị trí được chỉ định, và sau đó quay sang linh mục để hỏi một câu hỏi khác; nhưng đến sự ngạc nhiên tột độ của ông, không có ai ở đó—ông hoàn toàn cô đơn trong hành lang mờ ánh sáng! Có lẽ ông nên chuẩn bị cho sự biến mất đột ngột này, nhưng nó đã làm ông giật mình hơn ông muốn thừa nhận ngay cả với chính

he cared to admit even to himself. He retained sufficient presence of mind to draw a penknife from his pocket and make a scratch upon the wall, and also to leave the knife itself at the foot of the wall to guide him to the spot; then he hurried up the stairs, and presented himself, still breathless with surprise, in the dining-room.

mình. Ông giữ đủ sự hiện diện của tâm trí để rút một con dao bấm từ túi của mình và làm một vết xước trên tường, và cũng để lại con dao ở chân tường để dẫn ông đến vị trí; sau đó ông vội vàng lên cầu thang, và xuất hiện, vẫn thở hổn hển vì ngạc nhiên, trong phòng ăn.

His prolonged absence had caused some comment, and now his agitated appearance excited general attention. Unable for the moment to speak coherently, his only answer to the earnest questions of his host was a sign which referred him to the hostess for explanation. With some hesitation she confessed the errand upon which her request had despatched his lordship, and as may easily be imagined, intense interest and excitement were at once created. As soon as the bishop had recovered his voice, he found himself compelled to relate the story before the entire party, concealment being now out of the question.

Sự vắng mặt kéo dài của ông đã gây ra một số bình luận, và bây giờ sự xuất hiện kích động của ông đã thu hút sự chú ý chung. Không thể nói một cách mạch lạc trong giây lát, câu trả lời duy nhất của ông cho những câu hỏi nhiệt tình của chủ nhà là một dấu hiệu chỉ ông đến bà chủ nhà để giải thích. Với một chút do dự, bà thú nhận nhiệm vụ mà yêu cầu của bà đã gửi ông đi, và như có thể dễ dàng tưởng tượng, sự quan tâm và kích động mãnh liệt đã ngay lập tức được tạo ra. Ngay khi vị giám mục đã hồi phục giọng nói của mình, ông thấy mình buộc phải kể lại câu chuyện trước toàn bộ bữa tiệc, việc che giấu bây giờ là không thể.

Celebrated as was his eloquence, it is probable that no speech he ever made was followed with closer attention than this; and at its conclusion there was no voice to oppose the unanimous demand that a mason be at once sent for to break down the wall and search for confirmation of this weird yet dramatically circumstantial tale. After a short delay the man arrived, and the whole company trooped eagerly downstairs under the bishop's guidance to watch the result of his labours. He could hardly repress a shudder as he found himself once more in the passage where his ghostly companion had vanished so unceremoniously; but he indicated the exact spot which had been pointed out to him, and the mason began to work upon it forthwith.

Nổi tiếng như là sự hùng biện của ông, có lẽ không có bài phát biểu nào ông từng thực hiện được theo dõi với sự chú ý chặt chẽ hơn điều này; và khi kết thúc, không có giọng nói nào phản đối yêu cầu nhất trí rằng một thợ xây ngay lập tức được gọi đến để phá vỡ bức tường và tìm kiếm sự xác nhận của câu chuyện kỳ lạ nhưng đầy kịch tính này. Sau một thời gian ngắn trì hoãn, người đàn ông đến, và toàn bộ công ty kéo nhau xuống cầu thang dưới sự hướng dẫn của vị giám mục để quan sát kết quả của công việc của ông. Ông khó có thể kìm nén một cơn rùng mình khi thấy mình một lần nữa trong hành lang nơi người bạn đồng hành ma quái của ông đã biến mất một cách không chính thức; nhưng ông chỉ ra chính xác vị trí đã được chỉ ra cho ông, và thợ xây bắt đầu làm việc ngay lập tức.

“The plaster seems very hard and firm,” remarked some one.

"Lớp vữa dường như rất cứng và chắc," ai đó nhận xét.

“Yes,” replied the host, “it is of excellent quality, and comparatively new; these “vaults had been long disused, I am told, until my predecessor had the old brickwork repaired and plastered over only a few years ago.”

"Vâng," chủ nhà trả lời, "nó có chất lượng tuyệt vời, và tương đối mới; những hầm này đã bị bỏ hoang từ lâu, tôi được cho biết, cho đến khi người tiền nhiệm của tôi đã sửa chữa lại bức tường cũ và trát lại chỉ vài năm trước đây."

By this time the mason had succeeded in breaking away the plaster and loosening a brick or two at the point indicated, and though perhaps no one was actually surprised, yet there was a very perceptible stir of excitement among the guests when be announced the existence of a cupboard or cavity about two feet square and eighteen inches deep in the thickness of the wall. The host pressed forward to look in, but instantly recollecting himself, drew back and made way for the bishop, saying:

Đến lúc này, thợ xây đã thành công trong việc phá vỡ lớp vữa và nới lỏng một hoặc hai viên gạch tại điểm được chỉ định, và mặc dù có lẽ không ai thực sự ngạc nhiên, nhưng có một sự khuấy động rất rõ rệt của sự kích động trong số các vị khách khi ông thông báo sự tồn tại của một tủ hoặc hốc khoảng hai feet vuông và sâu mười tám inch trong độ dày của bức tường. Chủ nhà tiến lên để nhìn vào, nhưng ngay lập tức nhớ lại mình, lùi lại và nhường chỗ cho vị giám mục, nói:

“I was forgetting your promise for the moment; to you alone belongs the right of the first investigation here.”

"Tôi đã quên lời hứa của ông trong giây lát; chỉ có ông mới có quyền điều tra đầu tiên ở đây."

Pale, but collected, the bishop stepped up to the cavity, and after one glance put in his hand and drew forth a heavily bound, old-fashioned book, thickly covered with dust or mould. A thrill ran through the assembled guests at the sight, but no words broke the silence of awe-stricken expectation while he reverently opened the volume, and, turning over a few leaves, drew from between the pages apiece of writing paper, yellow with age, on which were some irregular, hastily-written lines. As soon as he was certain that he had found what he sought, he averted he eyes from it, and, the others falling back to make way for him, bore it carefully up the stairs and into the nearest room and cast it reverently into the fire burning on the hearth, almost as though he were laying a sacred offering upon some

Nhợt nhạt, nhưng bình tĩnh, vị giám mục bước lên hốc, và sau một cái nhìn, đưa tay vào và rút ra một cuốn sách cũ nặng nề, bìa dày, phủ đầy bụi hoặc mốc. Một cảm giác rùng mình chạy qua các vị khách tập trung khi nhìn thấy nó, nhưng không có lời nào phá vỡ sự im lặng của sự mong đợi kinh ngạc khi ông kính cẩn mở cuốn sách, và, lật qua vài trang, rút ra từ giữa các trang một mảnh giấy viết, vàng úa theo thời gian, trên đó có một số dòng chữ viết tay không đều, viết vội vàng. Ngay khi ông chắc chắn rằng mình đã tìm thấy những gì mình tìm kiếm, ông quay mắt đi khỏi nó, và những người khác lùi lại để nhường đường cho ông, mang nó cẩn thận lên cầu thang và vào phòng gần nhất và ném nó kính cẩn vào lửa đang cháy trên lò sưởi, gần như thể ông đang đặt một lễ vật thiêng liêng lên một bàn thờ

ancient Zoroastrian altar.

Zoroastrian cổ đại nào đó.

Until the last scrap of the mysteriously found document was reduced to cinder, no one spoke; and even then, though a few disjointed exclamations of “Marvellous! wonderful indeed! who could have believed it?” broke forth, the majority were far too deeply impressed for words. The bishop felt that none who were present on that occasion could ever forget its lessons—he himself least of all, and indeed he could never tell the story, even after years had passed, without the profoundest emotion. The figure of the priest, he added, was never seen again in the house where he had so long guarded his guilty secret.

Cho đến khi mảnh tài liệu được tìm thấy một cách bí ẩn cuối cùng bị thiêu rụi thành tro, không ai nói; và ngay cả khi đó, mặc dù một vài tiếng thốt rời rạc như "Kỳ diệu! Thật tuyệt vời! Ai có thể tin được điều đó?" vang lên, phần lớn quá ấn tượng để nói thành lời. Vị giám mục cảm thấy rằng không ai có mặt trong dịp đó có thể quên được những bài học của nó—bản thân ông ít nhất là không, và thực sự ông không bao giờ có thể kể lại câu chuyện, ngay cả sau nhiều năm đã trôi qua, mà không có cảm xúc sâu sắc nhất. Hình ảnh của linh mục, ông nói thêm, không bao giờ được nhìn thấy nữa trong ngôi nhà nơi ông đã bảo vệ bí mật tội lỗi của mình trong thời gian dài như vậy.

We can readily realise what that priest’s feelings must have been when the accident threw him suddenly out of his physical body, and he knew that he would be unable to repair the consequences of his indiscretion. An added difficulty was that the very nature of his secret was such that there was scarcely anyone to whom he could trust it; and he must have had perpetual anxiety lest it should be discovered by the wrong person, while he was waiting for the right one to whom he could entrust its destruction.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra cảm giác của linh mục đó khi tai nạn đột ngột đẩy ông ra khỏi thể xác của mình, và ông biết rằng mình sẽ không thể sửa chữa hậu quả của sự bất cẩn của mình. Một khó khăn bổ sung là bản chất của bí mật của ông là như vậy mà hầu như không có ai mà ông có thể tin tưởng vào nó; và ông phải có sự lo lắng liên tục rằng nó có thể bị phát hiện bởi người sai, trong khi ông đang chờ đợi người đúng mà ông có thể giao phó việc tiêu hủy nó.

This again, like the previous story, is an example of a well-attested and not infrequent class of phenomena, and is specially remarkable only from the high position of the principal actor, and, perhaps, for a certain perfection of detail—an artistic finish, as it were—which, if this account were a fiction, would be supposed to do credit to the conceptive powers of the writer. The person from whom, and the circumstances under which, I heard it, precluded, however, the slightest possibility of its having acquired a romantic tinge, as might be the case had it

Điều này một lần nữa, giống như câu chuyện trước đó, là một ví dụ về một loại hiện tượng được chứng thực tốt và không thường xuyên, và đặc biệt đáng chú ý chỉ từ vị trí cao của nhân vật chính, và, có lẽ, cho một sự hoàn thiện chi tiết nhất định—một sự hoàn thiện nghệ thuật, như thể, mà nếu tài khoản này là một hư cấu, sẽ được cho là làm vinh danh khả năng sáng tạo của người viết. Người từ đó, và hoàn cảnh mà tôi nghe nó, tuy nhiên, loại trừ khả năng nhỏ nhất của việc nó đã có được một sắc thái lãng mạn, như có thể là trường hợp nếu nó đã qua tay nhiều người thay vì đến trực tiếp từ

passed through many bands instead of coming direct from the fountain head; and for my part I can only say that I have been, as ever, scrupulously exact in its reproduction, using in many cases, I believe, even the exact words in which it was originally told.

nguồn gốc; và về phần tôi, tôi chỉ có thể nói rằng tôi đã, như mọi khi, cẩn thận chính xác trong việc tái tạo nó, sử dụng trong nhiều trường hợp, tôi tin rằng, ngay cả những từ chính xác mà nó đã được kể ban đầu.

8 JAGANNATH, A TALE OF HIDDEN INDIA— JAGANNATH, MỘT CÂU CHUYỆN VỀ ẤN ĐỘ ẨN GIẤU

"You Europeans know nothing of Jagannath," said my friend Mr. T. Subba Rao, as we lay in our long chairs on the flat roof at Adyar, in the glorious tropical moonlight.

"Các bạn người châu Âu không biết gì về Jagannath," bạn tôi, ông T. Subba Rao, nói khi chúng tôi nằm trên những chiếc ghế dài trên mái nhà phẳng ở Adyar, dưới ánh trăng nhiệt đới rực rỡ.

"Your travellers and missionaries have allowed themselves to be deceived by the statements of the priests and devotees of that horrible worship—statements which were doubtless intentionally misleading. Why, I have actually seen in one of your books the remark that the cult in question is merely a variety of that of Vishnu! Perhaps long ago it was, but for centuries it has been simply the worship of an earth-spirit of the most bloodthirsty description.

"Những du khách và nhà truyền giáo của các bạn đã để mình bị lừa bởi những tuyên bố của các linh mục và tín đồ của sự thờ phụng kinh khủng đó—những tuyên bố mà chắc chắn đã cố ý gây hiểu lầm. Tại sao, tôi thực sự đã thấy trong một trong những cuốn sách của các bạn nhận xét rằng giáo phái được đề cập chỉ là một biến thể của giáo phái Vishnu! Có lẽ từ lâu nó đã như vậy, nhưng trong nhiều thế kỷ nó chỉ đơn giản là sự thờ phụng của một linh hồn đất đai có tính chất khát máu nhất.

I will tell you the true story of the matter. There will be no harm in my doing so, for if you repeat it no one will believe you—unless, indeed, it be a man who already knows all about it, and *he* will at once deny its truth, lest the ghastly horror of it should come to the knowledge of the Government, from which it has always been (and always will be) hidden with such elaborate care. Wildly incredible as it may seem to the Occidental unbeliever, it is nevertheless terribly true, as I have good cause to know.

Tôi sẽ kể cho bạn câu chuyện thực sự về vấn đề này. Sẽ không có hại gì khi tôi làm như vậy, vì nếu bạn lặp lại nó, không ai sẽ tin bạn—trừ khi, thực sự, đó là một người đã biết tất cả về nó, và anh ta sẽ ngay lập tức phủ nhận sự thật của nó, kẻo nỗi kinh hoàng ghê rợn của nó sẽ đến tai Chính phủ, từ đó nó luôn được (và sẽ luôn được) giấu kín với sự cẩn thận tỉ mỉ như vậy. Dù có vẻ không thể tin nổi đối với người không tin phương Tây, nhưng nó vẫn là sự thật đáng sợ, như tôi có lý do chính đáng để biết.

To make my story intelligible I must begin at

Để làm cho câu chuyện của tôi dễ hiểu, tôi phải

the beginning. Long ago—long before what you acknowledge as history begins—a mighty convulsion in a far-distant continent drove away from their home some of the priests of the old Nature-religion, and after weary wandering they at last settled down at the spot now called Jagannath. Their power over the elements, which for many years they used only for good, gained them respect and fear among the inhabitants; but as the ages passed on their successors degenerated into utter selfishness, and their college became a mere school of evil magic.

bắt đầu từ đầu. Từ lâu—trước khi những gì bạn công nhận là lịch sử bắt đầu—một cuộc biến động mạnh mẽ ở một lục địa xa xôi đã đẩy một số linh mục của tôn giáo Tự nhiên cũ ra khỏi quê hương của họ, và sau khi lang thang mệt mỏi, cuối cùng họ định cư tại địa điểm hiện được gọi là Jagannath. Quyền lực của họ đối với các yếu tố, mà trong nhiều năm họ chỉ sử dụng cho điều tốt, đã giành được sự tôn trọng và sợ hãi từ cư dân; nhưng khi các thời đại trôi qua, những người kế vị của họ đã suy đồi thành sự ích kỷ hoàn toàn, và trường học của họ trở thành một trường học của ma thuật xấu xa.

At last a leader, more unscrupulous or more daring than his predecessors, succeeded in invoking and partially subjugating a malignant earth-spirit of terrible power, by whose assistance he committed so abominable that even his abandoned followers rose against him and assassinated him. But though they could slay him they could not dismiss the demon he had raised, and it carried destruction far and wide throughout the district, so that the affrighted priests knew not what to do.

Cuối cùng, một lãnh đạo, không có lương tâm hoặc táo bạo hơn những người tiền nhiệm của mình, đã thành công trong việc triệu hồi và phần nào khuất phục một linh hồn đất đai độc ác có sức mạnh khủng khiếp, nhờ sự trợ giúp của nó, ông đã phạm phải những tội ác ghê tởm đến mức ngay cả những người theo ông cũng nổi dậy chống lại ông và ám sát ông. Nhưng mặc dù họ có thể giết ông, họ không thể giải thoát con quỷ mà ông đã triệu hồi, và nó đã gây ra sự hủy diệt rộng khắp trong khu vực, đến nỗi các linh mục sợ hãi không biết phải làm gì.

Eventually they bethought them of applying for aid to a celebrated magician of the north, whose power was used always for purer and nobler purposes than theirs had been. After much persuasion he consented, not for their sake but for that of the helpless populace around, to do what was now possible to restrain the evil influence so recklessly invoked. But bad was the best that could be done; for strange as it may appear to your ideas, the laws of magic require that strict justice shall be shown even to such an entity as this. All that was found possible was to limit the evil—so to arrange matters that the priests might make a kind of agreement with

Cuối cùng, họ nghĩ đến việc xin sự giúp đỡ từ một pháp sư nổi tiếng ở phương bắc, người mà quyền lực luôn được sử dụng cho những mục đích trong sạch và cao quý hơn so với những gì họ đã làm. Sau nhiều thuyết phục, ông đồng ý, không phải vì lợi ích của họ mà vì lợi ích của dân chúng vô tội xung quanh, làm những gì có thể để kiềm chế ảnh hưởng xấu đã được triệu hồi một cách liều lĩnh. Nhưng điều tốt nhất có thể làm được là hạn chế cái ác—sắp xếp mọi việc sao cho các linh mục có thể thực hiện một loại thỏa thuận với con quỷ rằng, thay vì thỏa mãn sự hủy diệt bừa bãi, nó sẽ hài lòng với việc lấy đi những mạng sống được tự nguyện dâng hiến cho nó; và suốt qua các thế kỷ kể từ đó,

the fiend that, instead of indulging in promiscuous destruction, it should be satisfied with taking such lives as were voluntarily yielded to it; and all through the centuries since, the strange wild covenant then made has been duly fulfilled.

giao ước kỳ lạ và hoang dã được thực hiện đã được thực hiện đầy đủ.

The terms of the treaty will be unfolded as I relate to you what it is that really happens at each of the great septennial festivals which have ever since been regularly held in honour of the so-called god. First comes what is known as “The Day of the Wood”. On a certain morning a vast but silent crowd assembles before daybreak on the seashore. On the beach the priests of the temple are grouped round their chief; and a little in advance of them, nearest to the water, stand two doomed men —the priest and the carpenter—doomed by the terms of that terrible compact.

Các điều khoản của hiệp ước sẽ được tiết lộ khi tôi kể cho bạn những gì thực sự xảy ra tại mỗi lễ hội bảy năm lớn được tổ chức thường xuyên kể từ đó để tôn vinh vị thần được gọi là. Đầu tiên là cái được gọi là "Ngày của Gỗ". Vào một buổi sáng nhất định, một đám đông lớn nhưng im lặng tập trung trước khi bình minh trên bờ biển. Trên bãi biển, các linh mục của đền thờ tụ tập quanh người đứng đầu của họ; và một chút phía trước họ, gần nhất với nước, đứng hai người đàn ông bị định đoạt—linh mục và thợ mộc—bị định đoạt bởi các điều khoản của giao ước khủng khiếp đó.

For, when first that unholy agreement was made, seven families of the hereditary priesthood and seven families of carpenters (you know that trades also are hereditary with us) vowed in return for a promise of temporal prosperity—which has always been honourably kept—to devote, each in turn, a representative to the service of the deity at the septennial festivals. So the two who have been chosen for the dread honour on this occasion stand apart, regarded with awe as already half-belonging to the realms of the supernatural.

Vì, khi giao ước không thánh thiện đó được thực hiện lần đầu tiên, bảy gia đình của linh mục thừa kế và bảy gia đình thợ mộc (bạn biết rằng các nghề cũng được thừa kế với chúng tôi) đã thề để đổi lấy một lời hứa về sự thịnh vượng tạm thời—điều đã luôn được giữ một cách danh dự—để dâng hiến, mỗi lần, một đại diện cho sự phục vụ của vị thần tại các lễ hội bảy năm. Vì vậy, hai người đã được chọn cho vinh dự đáng sợ trong dịp này đứng riêng, được coi là đã thuộc về một nửa cõi siêu nhiên.

As the sun rises from the ocean all eyes are eagerly strained towards the eastern horizon, and a proud man is he who first catches sight of a tiny black speck far out at sea drawing steadily nearer and nearer to the awe-stricken crowd on shore. When the object approaches it is seen to consist of three logs of wood, floating side by side, though not fastened together—moving with undeviating course,

Khi mặt trời mọc từ đại dương, tất cả ánh mắt đều chăm chú nhìn về phía chân trời phía đông, và một người tự hào là người đầu tiên nhìn thấy một đốm đen nhỏ từ xa trên biển đang tiến gần hơn và gần hơn đến đám đông kinh ngạc trên bờ. Khi đối tượng tiếp cận, nó được thấy bao gồm ba khúc gỗ, nổi bên cạnh nhau, mặc dù không được buộc lại với nhau—di chuyển với một hướng đi không đổi, mặc dù

though without any apparent motive power. A trick of the priests, you think? You would not say so if you had seen it, my friend! Possibly your boasted western science might succeed in imitating the phenomenon by the aid of elaborate and costly machinery; but how could it be done by these priests who know nothing of such means, and are besides in the midst of a multitude who watch their every movement?

không có bất kỳ động lực rõ ràng nào. Một trò lừa của các linh mục, bạn nghĩ? Bạn sẽ không nói như vậy nếu bạn đã thấy nó, bạn của tôi! Có thể khoa học phương Tây tự hào của bạn có thể thành công trong việc bắt chước hiện tượng này bằng sự trợ giúp của máy móc phức tạp và đắt tiền; nhưng làm thế nào nó có thể được thực hiện bởi những linh mục này, những người không biết gì về những phương tiện như vậy, và ngoài ra đang ở giữa một đám đông đang theo dõi từng động thái của họ?

Be that as it may, the logs at last reach the shore, and are reverently lifted by the priests and borne away to a hut in the temple enclosure, where the chosen carpenter is to do his work. Eagerly he sets about his task, which is to carve from these mysterious logs three images in exact imitation of those already standing in the innermost shrine of the temple; and day after day he labour, on with an ardent devotion to his object, which leaves him hardly time for food or sleep. First the two attendant figures or supporters are finished; then he commences upon the central image—the representation of the deity himself. And the neighbours tell with bated, breath how at this period of his arduous labour he is always encouraged by the apparition of the “god” himself—an apparition visible to him only, but thence forward never absent from his consciousness, whether waking or sleeping, and ever drawing steadily nearer and nearer to him as his work approaches completion.

Dù sao đi nữa, các khúc gỗ cuối cùng cũng đến bờ, và được các linh mục nâng lên một cách kính cẩn và mang đi đến một túp lều trong khuôn viên đền thờ, nơi người thợ mộc được chọn sẽ thực hiện công việc của mình. Anh ta bắt đầu công việc của mình một cách háo hức, đó là chạm khắc từ những khúc gỗ bí ẩn này ba hình ảnh giống hệt như những hình ảnh đã đứng trong điện thờ sâu nhất của đền thờ; và ngày qua ngày anh ta làm việc, với một sự tận tâm mãnh liệt đối với mục tiêu của mình, điều này khiến anh ta hầu như không có thời gian cho ăn uống hoặc ngủ. Đầu tiên là hai hình tượng phụ hoặc người hỗ trợ được hoàn thành; sau đó anh ta bắt đầu làm hình ảnh trung tâm —hình ảnh của vị thần. Và những người hàng xóm kể lại với hơi thở bị kìm nén rằng vào giai đoạn này của công việc khó khăn của mình, anh ta luôn được khuyến khích bởi sự xuất hiện của chính "vị thần"—một sự xuất hiện chỉ có anh ta nhìn thấy, nhưng từ đó không bao giờ vắng mặt trong ý thức của anh ta, dù là khi thức hay ngủ, và luôn tiến gần hơn và gần hơn đến anh ta khi công việc của anh ta tiến gần đến hoàn thành.

At last the image is finished, and the workman who has spent so much loving care and devoted energy upon it lies down beside it, and resigns himself altogether to the dread apparition. Nearer and nearer it comes, and more and more rapid becomes the action of

Cuối cùng, hình ảnh được hoàn thành, và người thợ đã dành rất nhiều tình yêu và năng lượng tận tụy cho nó nằm xuống bên cạnh nó, và hoàn toàn đầu hàng trước sự xuất hiện đáng sợ. Gần hơn và gần hơn nó đến, và hành động của sự hấp dẫn từ tính mãnh liệt đó ngày

that intense magnetic attraction that is draining the man's life away. The effect of imagination, you say? Perhaps; but the result is the same; in no case has the carpenter survived the accomplishment of his task by as much as twelve hours.

càng trở nên nhanh chóng hơn, hút cạn sinh lực của người đàn ông. Hiệu ứng của trí tưởng tượng, bạn nói? Có lẽ; nhưng kết quả là như nhau; trong không trường hợp nào người thợ mộc sống sót sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình quá mười hai giờ.

Almost immediately after this comes "The Day of Procession", the culminating point of the festival; and it is on this occasion that the doomed priest performs his share of the terrible contract. Early on the day appointed, in the presence of an immense gathering, the new images are reverently borne by the priests into the innermost sanctuary, and there laid on the ground before the platform on which their three predecessors have stood for the last seven years. All but the chosen priest then retire from the sanctuary, and the great doors which shut it off from the body of the temple are closed, leaving the especial minister of the "god" alone to perform the mystic rites which no human eye but his may see.

Gần như ngay sau đó là "Ngày Diễu Hành", điểm cao nhất của lễ hội; và vào dịp này, linh mục bị định đoạt thực hiện phần của mình trong hợp đồng khủng khiếp. Sớm vào ngày được chỉ định, trước sự hiện diện của một đám đông lớn, những hình ảnh mới được các linh mục kính cẩn mang vào điện thờ sâu nhất, và đặt trên mặt đất trước bệ mà ba người tiền nhiệm của chúng đã đứng trong bảy năm qua. Tất cả trừ linh mục được chọn sau đó rời khỏi điện thờ, và những cánh cửa lớn ngăn cách nó với thân đền thờ được đóng lại, để lại người phục vụ đặc biệt của "vị thần" một mình thực hiện các nghi lễ huyền bí mà không có con mắt con người nào ngoài ông có thể thấy.

Exactly what takes place within those closed doors no one has ever known—no one will ever know; for none of those who alone could tell ever live long enough to lift the veil from the awful mystery. The priests lie prostrate in adoration outside the doors as a guard of honour to prevent any possibility of disturbance; but their office is a sinecure, for no native of India could be bribed to enter that sanctuary during the Hour of Silence, even by all the fabled jewels of Golconda. The vast crowd in the body of the temple remains wrapped in the most profound stillness until the hour is over; when the high priest rises from the ground and with reverent awe opens the great doors once more.

Chính xác những gì diễn ra sau những cánh cửa đóng kín đó không ai từng biết—không ai sẽ bao giờ biết; vì không ai trong số những người duy nhất có thể kể lại từng sống đủ lâu để vén bức màn khỏi bí ẩn khủng khiếp. Các linh mục nằm phủ phục trong sự tôn thờ bên ngoài cửa như một đội danh dự để ngăn chặn bất kỳ khả năng nào của sự xáo trộn; nhưng chức vụ của họ là một công việc nhàn rỗi, vì không có người Ấn Độ nào có thể bị hối lộ để vào điện thờ đó trong Giờ Im Lặng, ngay cả với tất cả những viên ngọc huyền thoại của Golconda. Đám đông lớn trong thân đền thờ vẫn chìm trong sự im lặng sâu sắc nhất cho đến khi giờ kết thúc; khi linh mục cao cấp đứng dậy từ mặt đất và với sự kính cẩn mở cửa lớn một lần nữa.

Not the faintest sound has reached the

Không có âm thanh nhỏ nhất nào đã đến tai

listening ears without, but the heavy images have changed places; the new ones are in position on the platform, while the older ones are cast aside on the ground, and beside them lies the priest, speechless—dying. It is recorded that he expires always within a few minutes of the opening of the doors, and never yet has any victim been able to indicate by word or sign the nature of the ordeal through which he has passed.

người nghe bên ngoài, nhưng những hình ảnh nặng nề đã thay đổi vị trí; những hình ảnh mới đang ở vị trí trên bệ, trong khi những hình ảnh cũ hơn bị vứt bỏ trên mặt đất, và bên cạnh chúng là linh mục, không nói nên lời—đang hấp hối. Người ta ghi nhận rằng ông luôn qua đời trong vòng vài phút sau khi mở cửa, và chưa bao giờ có nạn nhân nào có thể chỉ ra bằng lời nói hoặc dấu hiệu bản chất của thử thách mà ông đã trải qua.

This much is known—that the carpenter is instructed when making the idols to drill a long cylindrical hole of a certain given diameter in each figure, roughly corresponding in location to the spinal column in a human being, and tradition whispers that one of the duties of the doomed priest is to remove something—something that none may see and live—from this strange receptacle in the old images to a corresponding place in the new ones. For the rest the will of the deity is said to impress upon the mind of its devoted servant the ceremonial which has to he carried out.

Điều này được biết đến—rằng người thợ mộc được hướng dẫn khi làm các thần tượng để khoan một lỗ hình trụ dài với đường kính nhất định trong mỗi hình, tương ứng một cách thô sơ với cột sống trong một con người, và truyền thuyết thì thầm rằng một trong những nhiệm vụ của linh mục bị định đoạt là loại bỏ một thứ gì đó—một thứ mà không ai có thể nhìn thấy và sống sót—từ ngăn chứa kỳ lạ này trong các hình ảnh cũ đến một vị trí tương ứng trong các hình ảnh mới. Đối với phần còn lại, ý chí của vị thần được cho là in sâu vào tâm trí của người phục vụ tận tụy của mình các nghi lễ phải được thực hiện.

Meanwhile, outside the temple, all has been prepared for the great procession, and the huge wooden car of the deity has been dragged to the door. This vehicle is a curious one, and rather difficult to describe without the aid of a picture or a model. The lower part of it may be said to resemble an immense oblong chest richly carved round the sides with figures of the Gods, each in its separate shrine, deeply recessed and protected by beautifully moulded pillars; and upon this as a platform, or pedestal, stands a colossal statue of a rampant lion, bearing on its back a sort of canopied pulpit.

Trong khi đó, bên ngoài đền thờ, tất cả đã được chuẩn bị cho cuộc diễu hành lớn, và chiếc xe gỗ khổng lồ của vị thần đã được kéo đến cửa. Phương tiện này là một chiếc xe kỳ lạ, và khá khó để mô tả mà không có sự trợ giúp của một bức tranh hoặc mô hình. Phần dưới của nó có thể được nói là giống như một chiếc rương hình chữ nhật khổng lồ được chạm khắc tinh xảo xung quanh các cạnh với các hình ảnh của các vị thần, mỗi vị trong điện thờ riêng của mình, được bảo vệ sâu và được bảo vệ bởi các cột trụ được đúc đẹp mắt; và trên đó như một bệ, hoặc bệ đỡ, đứng một bức tượng khổng lồ của một con sư tử đang đứng, mang trên lưng một loại bục có mái che.

When the hour arrives the chief priest, bending low before the new image, hangs

Khi giờ đến, linh mục chính, cúi thấp trước hình ảnh mới, treo vòng hoa quanh cổ nó theo

garlands of flowers round its neck in the usual Hindu fashion, and fastens round its waist a magnificently jewelled belt. And now by the strength which it has absorbed front its victims, this demon favours its faithful votaries with a marvellous exhibition of its uncanny powers. A piece of thin silk cord about twenty feet long is passed through the idol's belt, and its ends are held by two priests, who are thus some ten feet in advance of the image, though not directly in its path. The central passage of the temple is cleared, and the two priests gently pull the cord. On receiving this signal the heavy wooden idol *advances by a series of bounds* down the path left for it, the priests retiring before it, and, apparently, initiating each leap by the same gentle pull. Quite impossible, you say? or if actually done, then a trick of the priests. Think so, if you will; but *how* is it done? The pull given by the priests is a mere movement of the finger and thumb, scarcely strong enough even to tighten the cord, and it is certain that no other mechanical force is employed.

phong cách Hindu thông thường, và buộc quanh eo nó một chiếc thắt lưng được trang trí bằng đá quý lộng lẫy. Và bây giờ, nhờ sức mạnh mà nó đã hấp thụ từ các nạn nhân của mình, con quỷ này ban cho những tín đồ trung thành của mình một màn trình diễn kỳ diệu về sức mạnh kỳ lạ của nó. Một sợi dây lụa mỏng dài khoảng hai mươi feet được luồn qua thắt lưng của thần tượng, và hai đầu của nó được giữ bởi hai linh mục, những người do đó đứng cách hình ảnh khoảng mười feet, mặc dù không trực tiếp trên đường đi của nó. Lối đi trung tâm của đền thờ được dọn sạch, và hai linh mục nhẹ nhàng kéo sợi dây. Khi nhận được tín hiệu này, thần tượng gỗ nặng nề tiến lên bằng một loạt các bước nhảy dọc theo con đường được để lại cho nó, các linh mục rút lui trước nó, và, dường như, khởi đầu mỗi bước nhảy bằng cùng một cú kéo nhẹ nhàng. Hoàn toàn không thể, bạn nói? hoặc nếu thực sự được thực hiện, thì là một trò lừa của các linh mục. Nghĩ như vậy, nếu bạn muốn; nhưng làm thế nào nó được thực hiện? Cú kéo được thực hiện bởi các linh mục chỉ là một chuyển động của ngón tay và ngón cái, hầu như không đủ mạnh để thắt chặt sợi dây, và chắc chắn rằng không có lực cơ học nào khác được sử dụng.

But a still greater wonder is to come. When the idol, in the manner described, has reached the door where its car awaits it, the two priests climb upon the platform, still holding the ends of their line. At their next pull the image springs upon the platform beside them, and then, without waiting for any further guidance, makes another leap into its pulpit, and turns itself half round so as to face the front of the car! Incredible, is it? Yet there are thousands who can bear testimony to it. And after all, *why* incredible? If a heavy table can jump about in the West, as some of your greatest scientists have seen that it can, why may not a heavy image do the same in the East? "There are more things in heaven and

Nhưng một điều kỳ diệu lớn hơn vẫn đang đến. Khi thần tượng, theo cách đã mô tả, đã đến cửa nơi chiếc xe của nó đang chờ, hai linh mục leo lên bệ, vẫn giữ các đầu của sợi dây của họ. Với cú kéo tiếp theo của họ, hình ảnh nhảy lên bệ bên cạnh họ, và sau đó, không chờ đợi bất kỳ hướng dẫn nào khác, thực hiện một bước nhảy khác vào bục của nó, và tự quay nửa vòng để đối mặt với phía trước của chiếc xe! Không thể tin được, phải không? Tuy nhiên, có hàng ngàn người có thể làm chứng cho điều đó. Và sau tất cả, tại sao không thể tin được? Nếu một chiếc bàn nặng có thể nhảy múa ở phương Tây, như một số nhà khoa học vĩ đại của bạn đã thấy rằng nó có thể, tại sao một hình ảnh nặng không thể làm điều tương tự ở phương Đông?

earth than are dreamt of in your philosophy", and one fact is worth many theories.

"Có nhiều điều trên trời và dưới đất hơn là những gì được mơ ước trong triết lý của bạn", và một sự thật đáng giá hơn nhiều lý thuyết.

After this astonishing display of power, the great procession starts and the image is carried in triumph about the town, offerings of all kinds being thrown upon the car as it moves along, while the many little bells which are hung about it tinkle joyously, and the thronging multitudes shout in adoration. It was during this progress that devotees used sometimes to throw themselves under the wheels of the car, holding it an honour to yield up the life so crushed out of them as a willing sacrifice to their sanguinary deity. Your Government thinks it has put an end to all that; but devotion is not to be wiped out by an edict, and perhaps, in one way or another, Jagannath gains about as many lives as he ever did. The covenant which binds him not to slay promiscuously in no way precludes him from accepting life voluntarily offered to him, or even from endeavouring to influence weak-minded worshippers to immolate themselves at his shrine, and no doubt he does so whenever it is possible."

Sau màn trình diễn sức mạnh đáng kinh ngạc này, cuộc diễu hành lớn bắt đầu và hình ảnh được mang đi trong chiến thắng quanh thị trấn, các lễ vật đủ loại được ném lên xe khi nó di chuyển, trong khi nhiều chiếc chuông nhỏ được treo quanh nó kêu leng keng vui vẻ, và đám đông hò reo trong sự tôn thờ. Chính trong quá trình này, những tín đồ đôi khi đã ném mình dưới bánh xe của chiếc xe, coi đó là một vinh dự để dâng hiến cuộc sống bị nghiền nát của họ như một sự hy sinh tự nguyện cho vị thần khát máu của họ. Chính phủ của bạn nghĩ rằng nó đã chấm dứt tất cả điều đó; nhưng sự tận tâm không thể bị xóa bỏ bằng một sắc lệnh, và có lẽ, theo một cách nào đó, Jagannath có được số mạng sống như trước đây. Giao ước ràng buộc ông không giết bừa bãi không ngăn cản ông chấp nhận cuộc sống được tự nguyện dâng hiến cho ông, hoặc thậm chí cố gắng ảnh hưởng đến những tín đồ yếu đuối để tự hiến mình tại điện thờ của ông, và không nghi ngờ gì ông làm như vậy bất cứ khi nào có thể."

A weird and terrible story, is it not? But many strange things happen in remote corners of India which are entirely unsuspected by the ruling race—things which would be to them quite as inconceivable as is this studiously accurate account of the festival of Jagannath.

Một câu chuyện kỳ lạ và đáng sợ, phải không? Nhưng nhiều điều kỳ lạ xảy ra ở những góc xa xôi của Ấn Độ mà hoàn toàn không được biết đến bởi chủng tộc cai trị—những điều mà đối với họ sẽ hoàn toàn không thể tưởng tượng được như là tài khoản chính xác được nghiên cứu này về lễ hội của Jagannath.

9. The Baron's Room—Phòng của Nam tước

Madame Helena Petrovna Blavatsky was a many-sided genius--the most remarkable personality I have ever met. Her followers naturally think of her as the great occult teacher to whom we all owe so much, but to us who had the privilege of knowing her in the

Bà Helena Petrovna Blavatsky là một thiên tài đa diện—nhân cách đáng chú ý nhất mà tôi từng gặp. Những người theo bà tự nhiên nghĩ về bà như là huấn sư huyền bí vĩ đại mà tất cả chúng tôi đều nợ rất nhiều, nhưng đối với chúng tôi, những người có đặc quyền biết bà

flesh she is very much more than that, and we have in our minds pictures of her as filling many and various parts. She was, for example, a weirdly brilliant performer on the piano on the very rare occasions when she chose to exhibit that talent. Though she hated conventionality, and often went out of her way quite unnecessarily to outrage it (or so we used to think in those days), I have never seen anyone who could better play the part of the great aristocrat when she chose to do so. On any and all subjects she was an exceptionally brilliant conversationalist; but that which more than all others she made her own was the domain of the occult. All her narrations were witty and dramatic, but she was at her best when telling a ghost-story.

bằng xương bằng thịt, bà còn nhiều hơn thế, và chúng tôi có trong tâm trí những hình ảnh của bà khi đóng nhiều vai trò khác nhau. Ví dụ, Bà là một nghệ sĩ biểu diễn piano kỳ lạ và rực rỡ trong những dịp rất hiếm khi bà chọn để thể hiện tài năng đó. Mặc dù bà ghét sự thông thường, và thường đi ra khỏi con đường của mình một cách không cần thiết để xúc phạm nó (hoặc chúng tôi đã từng nghĩ như vậy trong những ngày đó), tôi chưa bao giờ thấy ai có thể đóng vai trò của một quý tộc vĩ đại tốt hơn khi bà chọn làm như vậy. Trên bất kỳ và tất cả các chủ đề, bà là một người nói chuyện đặc biệt xuất sắc; nhưng điều mà hơn tất cả những người khác bà đã làm cho riêng mình là lĩnh vực của huyền bí. Tất cả các câu chuyện của bà đều dí dỏm và kịch tính, nhưng bà ở đỉnh cao nhất khi kể một câu chuyện ma.

I shall never forget the evenings we used to spend in listening to her on the deck of the s.s. *Navarino*, when I was travelling with her from Egypt to India in the year 1884. The missionary element was strong in the motley gathering of our fellow passengers, and some of its representatives were of the coarsely ignorant and blatantly aggressive type which was perhaps commoner then than now. Passages of arms were frequent, and to us intensely amusing, for Madame Blavatsky knew the Christian scriptures and the Christian faith very much better than these self-appointed exponents of them. But even the crossest of the missionaries had to succumb to her charm when she began to tell ghost-stories on the deck after dinner in the evenings. She held her audience spell-bound, she played on them as on an instrument and made their hair rise at pleasure, and I have often noticed how careful they were to go about in couples after one of her stories, and to avoid being alone even for a moment!

Tôi sẽ không bao giờ quên những buổi tối mà chúng tôi đã từng dành để lắng nghe bà trên boong tàu S.S. Navarino, khi tôi đi du lịch với bà từ Ai Cập đến Ấn Độ vào năm 1884. Yếu tố truyền giáo rất mạnh mẽ trong đám đông đa dạng của các hành khách đồng hành của chúng tôi, và một số đại diện của nó thuộc loại thô lỗ và hung hăng, có lẽ phổ biến hơn khi đó so với bây giờ. Những cuộc tranh luận thường xuyên xảy ra, và đối với chúng tôi rất thú vị, vì bà Blavatsky biết các kinh thánh Cơ đốc và đức tin Cơ đốc rất tốt hơn nhiều so với những người tự bổ nhiệm làm người giải thích chúng. Nhưng ngay cả những nhà truyền giáo khó tính nhất cũng phải khuất phục trước sự quyến rũ của bà khi bà bắt đầu kể những câu chuyện ma trên boong tàu sau bữa tối vào buổi tối. Bà giữ khán giả của mình bị mê hoặc, bà chơi trên họ như trên một nhạc cụ và làm cho tóc của họ dựng đứng theo ý muốn, và tôi đã thường nhận thấy họ cẩn thận đi lại theo cặp sau một trong những câu chuyện của bà, và tránh ở một mình ngay cả trong một khoảnh khắc!

Under these circumstances we heard “The Cave of the Echoes,” “The Bewitched Life,” and other legends which all who will may read in her *Nightmare Tales*. One striking tale I remember, which does not appear in that collection. If I could hope to tell it as she told it, my readers might perhaps share something of the feeling with which we heard it; but I know that cannot be. I told it once, as well as I could, to a friend who is a well-known novelist; she did her best with it, altering it in various particulars to make it more effective and dramatic, and adding many picturesque touches; but even that best could not reproduce the magical charm with which Madame Blavatsky’s narration invested it. I cannot hope to do even as well as the novelist; but anyhow I shall try, and I shall adhere as closely as possible to my recollection of the original form as Madame Blavatsky gave it.

Trong những hoàn cảnh này, chúng tôi đã nghe "Hang Động của Những Tiếng Vang," "Cuộc Sống Bị Phù Phép," và những truyền thuyết khác mà tất cả những ai muốn có thể đọc trong *Những Câu Chuyện Ác Mộng* của bà. Một câu chuyện nổi bật mà tôi nhớ, không xuất hiện trong bộ sưu tập đó. Nếu tôi có thể hy vọng kể lại nó như bà đã kể, có lẽ độc giả của tôi có thể chia sẻ một phần cảm giác mà chúng tôi đã nghe nó; nhưng tôi biết điều đó không thể. Tôi đã kể nó một lần, tốt nhất có thể, cho một người bạn là một tiểu thuyết gia nổi tiếng; bà đã cố gắng hết sức với nó, thay đổi nó trong nhiều chi tiết để làm cho nó hiệu quả và kịch tính hơn, và thêm nhiều chi tiết đẹp mắt; nhưng ngay cả điều tốt nhất đó cũng không thể tái tạo sự quyến rũ kỳ diệu mà câu chuyện của bà Blavatsky đã đầu tư vào nó. Tôi không thể hy vọng làm tốt như tiểu thuyết gia; nhưng dù sao tôi sẽ cố gắng, và tôi sẽ tuân thủ càng gần càng tốt với ký ức của tôi về hình thức ban đầu như bà Blavatsky đã đưa ra.

* * *

* * *

Two young men (let us call them Charles and Henri) were on a walking tour in one of the most picturesquely beautiful parts of the pleasant land of France. One day, as evening was drawing on, they found themselves approaching a pretty little town which lies in a secluded valley, its inns, its shops and its smaller houses clustering round a little stream, while the larger dwellings of the more important inhabitants are situated on the gentle slopes of the surrounding bills. The two friends expected to pass the night at the principal inn of the place, and one of them, Monsieur Charles, had an acquaintance living on the outskirts of the town upon whom he wished to call.

Hai chàng trai trẻ (chúng ta hãy gọi họ là Charles và Henri) đang trong một chuyến đi bộ ở một trong những phần đẹp nhất của vùng đất Pháp dễ chịu. Một ngày nọ, khi buổi tối đang dần buông xuống, họ thấy mình đang tiến gần đến một thị trấn nhỏ xinh đẹp nằm trong một thung lũng hẻo lánh, các quán trọ, cửa hàng và những ngôi nhà nhỏ hơn của nó tụ tập quanh một con suối nhỏ, trong khi những ngôi nhà lớn hơn của những cư dân quan trọng hơn nằm trên những sườn đồi xung quanh. Hai người bạn dự định qua đêm tại quán trọ chính của nơi này, và một trong số họ, Monsieur Charles, có một người quen sống ở ngoại ô thị trấn mà anh muốn ghé thăm.

Just as the road began to slope down into the village, they came in sight of a specially

Ngay khi con đường bắt đầu dốc xuống vào làng, họ nhìn thấy một ngôi nhà cổ đặc biệt

picturesque old house, almost covered with ivy and creepers. It stood back some little distance from the road, and both the house itself and its extensive grounds bore an air of neglect which showed quite clearly that it was unoccupied, and indeed, that it must have been so for a long series of years. The friends were much struck by its appearance and the beauty of its situation, and Henri, who was an enthusiastic collector of old-fashioned furniture, began at once to speculate upon the treasures which might lie concealed there. Since the place was so obviously unoccupied, it was natural that the idea should suggest itself that possibly they might persuade its custodian to let them look over it; so they directed their steps towards a little lodge which, though it partook of the general air of neglect and was almost overgrown with luxurious vegetation, was still evidently inhabited.

đẹp mắt, gần như bị che phủ bởi cây thường xuân và cây leo. Nó đứng lùi lại một chút từ con đường, và cả ngôi nhà và khuôn viên rộng lớn của nó đều mang một không khí bỏ bê cho thấy rõ ràng rằng nó không có người ở, và thực sự, rằng nó phải đã như vậy trong một loạt năm dài. Các bạn rất ấn tượng bởi vẻ ngoài của nó và vẻ đẹp của vị trí của nó, và Henri, người là một nhà sưu tập nhiệt tình của đồ nội thất cổ, bắt đầu ngay lập tức suy đoán về những kho báu có thể nằm ẩn giấu ở đó. Vì nơi này rõ ràng không có người ở, ý tưởng có thể nảy ra rằng có thể họ có thể thuyết phục người quản lý cho phép họ xem qua nó; vì vậy họ hướng bước chân của mình về phía một ngôi nhà nhỏ, mặc dù nó cũng mang không khí bỏ bê chung và gần như bị che phủ bởi thảm thực vật xa hoa, nhưng vẫn rõ ràng là có người ở.

In answer to their knock a very old man came to the door. They asked for permission to look through the house, but the old man told them with polite regrets that it was not allowed. They fell into conversation with this old care-taker, who indeed had the air of one who leads a lonely life, and is glad of an opportunity to talk with his fellow-men. Henri at once enquired about the furniture, and when he heard that it was old--very old--and that everything remained untouched, precisely as it had been many years ago when the house was inhabited, he was seized with an irresistible desire to see it, and he intimated to the old man, as delicately as possible, that he was prepared to offer a substantial present for the privilege. But the old man only replied:

Đáp lại tiếng gõ cửa của họ, một người đàn ông rất già ra mở cửa. Họ xin phép được xem qua ngôi nhà, nhưng người đàn ông già nói với họ với lời xin lỗi lịch sự rằng điều đó không được phép. Họ rơi vào cuộc trò chuyện với người quản lý già này, người thực sự có vẻ như là một người sống một cuộc sống cô đơn, và vui mừng khi có cơ hội nói chuyện với đồng loại của mình. Henri ngay lập tức hỏi về đồ nội thất, và khi nghe rằng nó cũ—rất cũ—và rằng mọi thứ vẫn còn nguyên vẹn, chính xác như nó đã từng nhiều năm trước khi ngôi nhà có người ở, anh bị cuốn hút bởi một mong muốn không thể cưỡng lại để xem nó, và anh gợi ý với người đàn ông già, một cách tế nhị nhất có thể, rằng anh sẵn sàng đưa ra một món quà đáng kể để có được đặc quyền này. Nhưng người đàn ông già chỉ trả lời:

“No, monsieur, I am sorry, but it is impossible; I should be glad enough to avail of your generosity, for I am a poor man, as you see,

"Không, monsieur, tôi xin lỗi, nhưng điều đó là không thể; tôi rất vui lòng tận dụng sự hào phóng của ông, vì tôi là một người nghèo, như

and times are hard with me. But it is quite impossible."

ông thấy, và thời gian khó khăn với tôi. Nhưng điều đó hoàn toàn không thể."

"But, after all," said Henri, "why impossible? The place has evidently been unoccupied for years; this is a lonely road; no one is passing; no one will ever know; why should you not gratify us by allowing us to see the rooms, and at the same time profit yourself?"

"Nhưng, sau tất cả," Henri nói, "tại sao không thể? Nơi này rõ ràng đã không có người ở trong nhiều năm; đây là một con đường vắng vẻ; không ai đi qua; không ai sẽ bao giờ biết; tại sao ông không làm hài lòng chúng tôi bằng cách cho phép chúng tôi xem các phòng, và đồng thời có lợi cho bản thân?"

"Ah, monsieur, I dare not," said the old man. "It is not because of the owner or the agent; as you say, they would never know. It is far more than that, far worse than that! Indeed, I dare not do it."

"Ôi, monsieur, tôi không dám," người đàn ông già nói. "Không phải vì chủ sở hữu hay đại lý; như ông nói, họ sẽ không bao giờ biết. Đó là nhiều hơn thế, tệ hơn thế! Thực sự, tôi không dám làm điều đó."

Scenting a mystery here, the friends pressed the old man to reveal his real reason, and at last with much difficulty and persuasion they drew from him the admission that the house bore an evil reputation, that terrible things had happened there, and that for twenty years at least no one had entered it except when at long intervals the agent came down and made some sort of inspection of it. If Henri was an enthusiast for old furniture, he was even more deeply interested in matters psychical. At once he suspected here an interesting story, so he enquired:

Ngửi thấy một bí ẩn ở đây, các bạn thúc ép người đàn ông già tiết lộ lý do thực sự của mình, và cuối cùng với nhiều khó khăn và thuyết phục, họ rút ra từ ông sự thừa nhận rằng ngôi nhà mang một danh tiếng xấu, rằng những điều khủng khiếp đã xảy ra ở đó, và rằng trong ít nhất hai mươi năm không ai đã vào nó ngoại trừ khi thỉnh thoảng đại lý đến và thực hiện một số loại kiểm tra. Nếu Henri là một người đam mê đồ nội thất cổ, anh còn quan tâm sâu sắc hơn đến các vấn đề tâm linh. Ngay lập tức anh nghi ngờ ở đây có một câu chuyện thú vị, vì vậy anh hỏi:

"You say the house bears a bad reputation. Do you mean that it is said to be haunted?"

"Ông nói ngôi nhà mang một danh tiếng xấu. Ông có ý nói rằng nó được cho là bị ma ám?"

"Alas! yes, monsieur," replied the old man, "but it is no mere rumour; it is terribly true."

"Ôi, vâng, monsieur," người đàn ông già trả lời, "nhưng đó không chỉ là tin đồn; đó là sự thật đáng sợ."

Of course after this our friends would not be satisfied until they had heard the whole story, though they had much difficulty in extracting it from the old man, who seemed very reluctant to speak of it, and crossed himself repeatedly while telling the tale. It was simple enough; the last owner had been a man of dark

Tất nhiên sau đó các bạn sẽ không hài lòng cho đến khi họ đã nghe toàn bộ câu chuyện, mặc dù họ gặp nhiều khó khăn trong việc rút ra từ người đàn ông già, người dường như rất miễn cưỡng nói về nó, và liên tục làm dấu thánh giá khi kể câu chuyện. Nó đơn giản thôi; chủ sở hữu cuối cùng là một người đàn ông có cuộc

and evil life--a man who had the reputation of indulging in orgies of wild debauchery, of being a monster of cruelty, selfishness and lust. The old man knew no details; but in some way or other, the Baron's sins had been found out, and his affairs came to some sort of terrible crisis, from which he had escaped (or thought he had escaped) by suicide. He had come down quite unexpectedly from Paris one evening, and the next morning he was found sitting in his great chair with his throat cut.

sống đen tối và xấu xa—một người đàn ông có danh tiếng là tham gia vào những cuộc ăn chơi trác táng hoang dã, là một quái vật của sự tàn ác, ích kỷ và dục vọng. Người đàn ông già không biết chi tiết; nhưng bằng cách nào đó, tội lỗi của Nam tước đã bị phát hiện, và công việc của ông đã đến một cuộc khủng hoảng khủng khiếp nào đó, từ đó ông đã trốn thoát (hoặc nghĩ rằng ông đã trốn thoát) bằng cách tự tử. Ông đã đến bất ngờ từ Paris một buổi tối, và sáng hôm sau ông được tìm thấy ngồi trong chiếc ghế lớn của mình với cổ họng bị cắt.

After this there had been a terrible exposure of some sort, the old man said, and all kinds of dreadful stories had come out. He knew little of their nature; it was all many years ago, and he had never really understood it. There was some litigation, he thought, and all the riches of the family were somehow swallowed up, and the house passed into the hands of a distant branch of the family. It was, he said, many years after the Baron's death before the legal business was settled, and the new owner came into possession. Even then the house was not touched in any way; it was to be left for the inspection of the new master, but an army of gardeners was sent in, and the grounds were all put into order. The new master came down with his wife and some servants, but after one night in the house they returned to Paris, declaring that nothing would induce them to enter the place again.

Sau đó đã có một sự phơi bày khủng khiếp nào đó, người đàn ông già nói, và tất cả các loại câu chuyện đáng sợ đã xuất hiện. Ông biết rất ít về bản chất của chúng; tất cả đã xảy ra nhiều năm trước, và ông chưa bao giờ thực sự hiểu nó. Có một số vụ kiện tụng, ông nghĩ, và tất cả sự giàu có của gia đình bằng cách nào đó đã bị nuốt chửng, và ngôi nhà đã chuyển vào tay một nhánh xa của gia đình. Ông nói, nhiều năm sau cái chết của Nam tước, công việc pháp lý mới được giải quyết, và chủ sở hữu mới đã tiếp quản. Ngay cả khi đó, ngôi nhà không bị động đến theo bất kỳ cách nào; nó được để lại cho sự kiểm tra của chủ nhân mới, nhưng một đội quân làm vườn đã được gửi vào, và khuôn viên đã được dọn dẹp. Chủ nhân mới đến với vợ và một số người hầu, nhưng sau một đêm trong ngôi nhà, họ trở về Paris, tuyên bố rằng không có gì có thể khiến họ vào nơi đó một lần nữa.

"What happened to them," said Henri eagerly; "what did they see?"

"Điều gì đã xảy ra với họ," Henri nói háo hức; "họ đã thấy gì?"

"That I do not know, monsieur," replied the old man; "there were many stories, but I never really knew which was true. Then the owners tried to let the house. Twice tenants came, but neither of them stopped more than the one night. In the second case there was a scandal; a lady in the family was so terrified that she

"Điều đó tôi không biết, monsieur," người đàn ông già trả lời; "có nhiều câu chuyện, nhưng tôi chưa bao giờ thực sự biết cái nào là đúng. Sau đó, các chủ sở hữu đã cố gắng cho thuê ngôi nhà. Hai lần có người thuê đến, nhưng không ai trong số họ dừng lại hơn một đêm. Trong trường hợp thứ hai, có một vụ bê bối;

fell into a series of fits. They tell me that she went mad afterwards and died; and since then no further effort has been made to let the place. But on four occasions strangers have arrived with a note from the owner, giving them permission to sleep in the house, and in every case frightful evil has followed. One of them cut his throat, like Monsieur le Baron; another was found dead in a fit, and the other two were driven mad by terror. So the reputation of the place has grown worse and worse."

một quý bà trong gia đình đã bị kinh hoàng đến mức bà rơi vào một loạt các cơn co giật. Họ nói với tôi rằng bà đã phát điên sau đó và chết; và kể từ đó không có nỗ lực nào khác được thực hiện để cho thuê nơi này. Nhưng trong bốn lần, những người lạ đã đến với một lá thư từ chủ sở hữu, cho phép họ ngủ trong ngôi nhà, và trong mọi trường hợp, điều ác khủng khiếp đã xảy ra. Một trong số họ đã cắt cổ họng của mình, giống như Monsieur le Baron; một người khác được tìm thấy chết trong một cơn co giật, và hai người kia đã bị điên vì sợ hãi. Vì vậy, danh tiếng của nơi này ngày càng tồi tệ hơn."

"Now my good friend, see here," said Henri, "and pay particular attention to what I am going to say. I told you that I was interested in old furniture, and I was willing to give you a napoleon to let me see what you had in the *chateau*. But I am a hundred times more interested in haunted houses, and after what you have told me I positively must and will spend a night in this one, and I will give you a hundred francs if you will let me do so."

"Bây giờ bạn tốt của tôi, hãy xem đây," Henri nói, "và chú ý đặc biệt đến những gì tôi sắp nói. Tôi đã nói với bạn rằng tôi quan tâm đến đồ nội thất cổ, và tôi sẵn sàng đưa cho bạn một đồng napoleon để cho tôi xem những gì bạn có trong lâu đài. Nhưng tôi quan tâm gấp trăm lần đến những ngôi nhà bị ma ám, và sau những gì bạn đã nói với tôi, tôi nhất định phải và sẽ qua đêm trong ngôi nhà này, và tôi sẽ đưa cho bạn một trăm franc nếu bạn cho phép tôi làm như vậy."

"Indeed, sir," replied the old man, "I do assure you that it is quite impossible; you would die without doubt, and I should be your murderer. Indeed, I wish I could, but it is useless to ask me."

"Thực sự, thưa ngài," người đàn ông già trả lời, "tôi đảm bảo với bạn rằng điều đó hoàn toàn không thể; bạn sẽ chết mà không nghi ngờ gì, và tôi sẽ là kẻ giết người của bạn. Thực sự, tôi ước gì tôi có thể, nhưng vô ích khi yêu cầu tôi."

But all this protestation only made Henri more determined, and he steadily increased his offer, assuring the old man that whatever might happen he should be held entirely guiltless, and that if he preferred it, he might shut himself up in his own cottage and have no part whatever in the affair beyond leaving open the door. The care-taker was in an agony of indecision. The heavy bribe offered was unquestionably a great consideration to him, and still more his kindly French courtesy could not bear to disappoint the persuasive

Nhưng tất cả những lời phản đối này chỉ khiến Henri quyết tâm hơn, và anh kiên trì tăng cường đề nghị của mình, đảm bảo với người đàn ông già rằng dù có chuyện gì xảy ra, ông sẽ hoàn toàn vô tội, và nếu ông thích, ông có thể tự nhốt mình trong ngôi nhà nhỏ của mình và không có phần nào trong vụ việc ngoài việc để cửa mở. Người quản lý rơi vào một cơn đau khổ của sự do dự. Món hối lộ nặng nề được đưa ra chắc chắn là một sự cân nhắc lớn đối với ông, và hơn nữa, sự lịch sự Pháp thân thiện của ông không thể chịu đựng được việc làm thất vọng

stranger, who had so evidently set his heart upon trying this experiment. Yet his superstitious fear was stronger than his greed, and it took the best part of an hour's talk to win from him a reluctant and tearful consent.

người lạ thuyết phục, người rõ ràng đã đặt trái tim của mình vào việc thử nghiệm này. Tuy nhiên, nỗi sợ mê tín của ông mạnh hơn lòng tham của ông, và phải mất phần lớn một giờ nói chuyện để giành được từ ông một sự đồng ý miễn cưỡng và đầy nước mắt.

He agreed to take them over the house now in the daylight, and to point out to them the haunted room of Monsieur le Baron; and when they came again in the darkness of night, since come they must, (and he wrung his hands in despair) he would give them the key, yes, if they would call for it at his little gate-house, but on no account must they expect him then to come outside his own door, or go any nearer to the haunted building. And even so, over and over again, he asserted that he washed his hands of all responsibility, that their doom was certain, and he could but commend their souls to God.

Ông đồng ý dẫn họ đi qua ngôi nhà bây giờ trong ánh sáng ban ngày, và chỉ cho họ căn phòng bị ma ám của Monsieur le Baron; và khi họ trở lại trong bóng tối của đêm, vì họ phải đến, (và ông vặn tay trong tuyệt vọng) ông sẽ đưa cho họ chìa khóa, vâng, nếu họ gọi nó tại ngôi nhà nhỏ của ông, nhưng không có trường hợp nào họ mong đợi ông ra ngoài cửa của mình, hoặc đi gần hơn đến tòa nhà bị ma ám. Và ngay cả như vậy, ông lặp đi lặp lại rằng ông rửa tay khỏi mọi trách nhiệm, rằng số phận của họ là chắc chắn, và ông chỉ có thể giao phó linh hồn của họ cho Chúa.

They spoke heartily to him, they clapped him on the shoulder, they assured him that to-morrow morning he should drink a bottle of wine with them, and laugh over all his presentiments; but nothing that they could say moved him in the least from his melancholy certainty of their immediate destruction. He showed them over the house, in which Henri went into raptures over splendid specimens of wonderful old furniture; be directed their attention to the Baron's portrait in the drawing room; he pointed out to them the long room on the ground floor which had been the Baron's special study, and indicated to them the identical arm-chair in which he had committed suicide.

Họ nói chuyện thân thiện với ông, họ vỗ vai ông, họ đảm bảo với ông rằng sáng mai ông sẽ uống một chai rượu với họ, và cười nhạo tất cả những điềm báo của ông; nhưng không có gì họ có thể nói đã làm ông lay chuyển khỏi sự chắc chắn u ám của mình về sự hủy diệt ngay lập tức của họ. Ông dẫn họ đi qua ngôi nhà, trong đó Henri đã phát cuồng về những mẫu đồ nội thất cổ tuyệt vời; ông chỉ cho họ bức chân dung của Nam tước trong phòng khách; ông chỉ cho họ căn phòng dài trên tầng trệt đã từng là phòng làm việc đặc biệt của Nam tước, và chỉ cho họ chiếc ghế bành mà ông đã tự tử.

Before they left they pressed upon him the money which they had promised him; yet, badly as he obviously needed it, he took it with manifest reluctance, saying:

Trước khi họ rời đi, họ đã đưa cho ông số tiền mà họ đã hứa với ông; tuy nhiên, mặc dù ông rõ ràng cần nó, ông nhận nó với sự miễn cưỡng rõ ràng, nói:

“Messieurs, this is a fortune for me, and yet I feel as though I could not take it, for I believe that it is the price of your lives; and who knows but that it may be the price of your immortal souls as well? Monsieur the Baron was an evil man, and who knows what happens to his victims?”

"Messieurs, đây là một gia tài đối với tôi, và tuy nhiên tôi cảm thấy như thể tôi không thể nhận nó, vì tôi tin rằng đó là giá của cuộc sống của các ông; và ai biết được nhưng rằng nó có thể là giá của linh hồn bất tử của các ông cũng vậy? Monsieur le Baron là một người đàn ông xấu xa, và ai biết điều gì xảy ra với các nạn nhân của ông?"

So they left him, impressed in spite of themselves by his invincible gloom and his despairful attitude, even though they smiled to themselves at it while they talked over the adventure that lay before them. So they went their way into the charming little town and sat themselves down to such refreshment as the bright little inn could give them. They had covenanted to be back at the haunted house at half-past ten, and now it was hardly six.

Vì vậy, họ rời ông, ấn tượng mặc dù bản thân họ bởi sự u ám không thể lay chuyển của ông và thái độ tuyệt vọng của ông, mặc dù họ mỉm cười với nhau về điều đó trong khi họ nói về cuộc phiêu lưu đang chờ đợi họ. Vì vậy, họ đi theo con đường của mình vào thị trấn nhỏ quyến rũ và ngồi xuống để thưởng thức những món ăn mà quán trọ nhỏ sáng sủa có thể cung cấp cho họ. Họ đã hẹn trở lại ngôi nhà bị ma ám lúc mười giờ rưỡi, và bây giờ mới chỉ sáu giờ.

Charles, as we have said, had some friends in the neighbourhood whom he wished to visit; he had pointed out their house to Henri as they descended the hill into the town. These friends were unknown to Henri, and as he had some urgent letters to write he excused himself from accompanying Charles in his visit. Presently the latter reappeared, bearing a most cordial invitation to dinner from his friends for both the tourists; but Henri had not finished his letters, so he begged Charles to go alone and to make his excuses, but promised to call for him at his friend’s house at half-past ten, since that house lay in the general direction of the haunted *chateau* and would be but little out of his way as he walked there from the hotel. This understood, Charles started off once more to his friend’s, while Henri ordered for himself a little dinner at the hotel, and sat down again to his writing.

Charles, như chúng tôi đã nói, có một số bạn bè trong khu vực mà anh muốn thăm; anh đã chỉ cho Henri ngôi nhà của họ khi họ đi xuống đồi vào thị trấn. Những người bạn này không quen biết với Henri, và vì anh có một số bức thư khẩn cấp cần viết, anh đã xin lỗi không đi cùng Charles trong chuyến thăm của mình. Chẳng mấy chốc, người sau xuất hiện trở lại, mang theo một lời mời ăn tối rất thân thiện từ bạn bè của mình cho cả hai du khách; nhưng Henri chưa hoàn thành các bức thư của mình, vì vậy anh đã yêu cầu Charles đi một mình và xin lỗi, nhưng hứa sẽ đến đón anh tại nhà bạn của mình lúc mười giờ rưỡi, vì ngôi nhà đó nằm theo hướng chung của lâu đài bị ma ám và sẽ chỉ hơi lệch khỏi đường đi của anh khi anh đi bộ từ khách sạn. Điều này đã được hiểu, Charles lại khởi hành đến nhà bạn của mình, trong khi Henri gọi một bữa tối nhỏ cho mình tại khách sạn, và ngồi xuống viết tiếp.

In due course of time he had his dinner and finished his letters. Having posted them, he

Đúng lúc, anh đã ăn tối và hoàn thành các bức thư của mình. Sau khi gửi chúng, anh khởi

started a few minutes before half-past ten for the house which Charles had pointed out to him. While he had been writing his thoughts were fully occupied with his work, but now that he was free from that, the adventure upon which he was about to embark loomed large on his horizon, and he could not but admit to himself that on the whole it looked distinctly less pleasant and heroic, now that night had fallen, than it had done in the warm glow of the summer afternoon.

hành vài phút trước mười giờ rưỡi đến ngôi nhà mà Charles đã chỉ cho anh. Trong khi anh đang viết, suy nghĩ của anh hoàn toàn bị chiếm đóng với công việc của mình, nhưng bây giờ khi anh đã thoát khỏi điều đó, cuộc phiêu lưu mà anh sắp tham gia hiện lên lớn trên chân trời của anh, và anh không thể không thừa nhận với bản thân rằng nhìn chung nó trông rõ ràng ít dễ chịu và anh hùng hơn, bây giờ khi đêm đã buông xuống, so với khi nó đã làm trong ánh sáng ấm áp của buổi chiều mùa hè.

He was even conscious of a half-formed desire to escape from it all and go snugly to bed in that clean little hotel; but he put away these craven thoughts from him, asking himself how he could miss so splendid an opportunity, and still more how he could be so selfish as to think of disappointing Charles, who in his quieter way was just as eager for the adventure as he had previously been himself. He owned to himself quite cynically that he felt distinctly nervous, and that if he were there alone, be should instantly abandon the undertaking, but he thought that with the encouragement and support of his more phlegmatic friend's presence, he might contrive to get through the affair creditably. But his thoughts would return uncomfortably to the grim fate of those four predecessors, and he wondered whether any of them had felt as nervous as he did.

Anh thậm chí còn nhận thức được một mong muốn nửa hình thành để thoát khỏi tất cả và đi ngủ ấm cúng trong khách sạn nhỏ sạch sẽ đó; nhưng anh đã gạt bỏ những suy nghĩ hèn nhát này khỏi mình, tự hỏi làm thế nào anh có thể bỏ lỡ một cơ hội tuyệt vời như vậy, và hơn nữa làm thế nào anh có thể ích kỷ đến mức nghĩ đến việc làm thất vọng Charles, người trong cách yên tĩnh của mình cũng háo hức cho cuộc phiêu lưu như anh đã từng trước đây. Anh thừa nhận với bản thân một cách khá cười nhạo rằng anh cảm thấy rõ ràng lo lắng, và rằng nếu anh ở đó một mình, anh sẽ ngay lập tức từ bỏ nhiệm vụ, nhưng anh nghĩ rằng với sự khuyến khích và hỗ trợ của sự hiện diện của người bạn điềm tĩnh hơn của mình, anh có thể xoay sở để vượt qua vụ việc một cách đáng khen ngợi. Nhưng suy nghĩ của anh sẽ trở lại một cách không thoải mái với số phận nghiệt ngã của bốn người tiền nhiệm đó, và anh tự hỏi liệu có ai trong số họ đã cảm thấy lo lắng như anh không.

Presently he arrived at the appointed house, and there, in the shadow of a little porch at the top of the Steps which led up to the front door, he saw Charles already expecting him--evidently punctual to the minute and eager to waste no time, since instead of waiting to be called for, he had already finished his leave-taking and shut the door behind him. Henri

Chẳng mấy chốc, anh đã đến ngôi nhà đã hẹn, và ở đó, trong bóng tối của một mái hiên nhỏ ở đầu các bậc thang dẫn lên cửa trước, anh thấy Charles đã chờ đợi anh—rõ ràng đúng giờ và háo hức không muốn lãng phí thời gian, vì thay vì chờ đợi để được gọi, anh đã hoàn thành việc từ biệt và đóng cửa sau lưng mình. Henri gọi một lời chào thân thiện đến anh, nhưng

called out a hearty word of greeting to him, but it seemed to him that Charles scarcely answered him, as he descended the steps. The night was not a very dark one, but still he could not see his friend's face at all clearly when he tried to peer into it. Though he could see so little, it seemed to him that Charles was hardly himself; he appeared to be *distrait*, preoccupied, almost sullen in the short answers which he gave to his friend's questions.

dường như Charles hầu như không trả lời anh, khi anh đi xuống các bậc thang. Đêm không phải là một đêm rất tối, nhưng vẫn anh không thể nhìn thấy khuôn mặt của bạn mình rõ ràng khi anh cố gắng nhìn vào nó. Mặc dù anh có thể thấy rất ít, dường như với anh rằng Charles không phải là chính mình; anh dường như bị phân tâm, bận tâm, gần như cau có trong những câu trả lời ngắn gọn mà anh đưa ra cho các câu hỏi của bạn mình.

After a few unavailing attempts to draw him into cheery conversation, Henri tactfully let him alone, making only now and then some casual remark on indifferent subjects, which did not call for reply. He thought that perhaps some unfortunate *contretemps* at his friend's house had annoyed Charles, or perhaps that he had heard some bad news. But he did not ask further what was the matter, feeling sure that his friend would confide in him in his own good time. His own sensations, meantime, were far from pleasant. His nervousness seemed to be increasing, and he felt as though something was steadily, slowly but relentlessly sucking away his strength, his courage, his very life. Never had he been so strangely, so uncomfortably affected before.

Sau một vài nỗ lực không thành công để kéo anh vào cuộc trò chuyện vui vẻ, Henri khéo léo để anh một mình, chỉ thỉnh thoảng đưa ra một nhận xét ngẫu nhiên về các chủ đề không quan trọng, không yêu cầu trả lời. Anh nghĩ rằng có lẽ một sự cố không may nào đó tại nhà bạn của mình đã làm phiền Charles, hoặc có lẽ anh đã nghe thấy một tin xấu. Nhưng anh không hỏi thêm điều gì đã xảy ra, cảm thấy chắc chắn rằng bạn của mình sẽ tâm sự với anh vào thời điểm thích hợp của mình. Cảm giác của chính anh, trong khi đó, không hề dễ chịu. Sự lo lắng của anh dường như đang gia tăng, và anh cảm thấy như thể có điều gì đó đang từ từ, nhưng không ngừng hút cạn sức mạnh, lòng can đảm, và thậm chí cả cuộc sống của anh. Chưa bao giờ anh bị ảnh hưởng một cách kỳ lạ và khó chịu như vậy trước đây.

Thus their walk to the haunted house was a somewhat silent one. When they knocked at the door of the old care-taker's cottage, he met them with fresh outbursts of protestations and lamentations, telling them that the more he thought over this project of theirs the more he felt that he could not possibly be a party to it. He even went the length of offering to return their money to them, declaring that he could not reconcile it to his conscience to accept it. Henri, however pressed it upon him with kindly and cheering words, averring that all would be well, and that when they met safe

Vì vậy, cuộc đi bộ của họ đến ngôi nhà bị ma ám là một cuộc đi bộ khá im lặng. Khi họ gõ cửa ngôi nhà nhỏ của người quản lý già, ông gặp họ với những lời phản đối và than vãn mới, nói với họ rằng càng suy nghĩ về dự án này của họ, ông càng cảm thấy rằng ông không thể tham gia vào nó. Ông thậm chí còn đi xa đến mức đề nghị trả lại tiền cho họ, tuyên bố rằng ông không thể hòa giải nó với lương tâm của mình để chấp nhận nó. Tuy nhiên, Henri đã nhấn mạnh với ông bằng những lời tử tế và vui vẻ, khẳng định rằng mọi thứ sẽ ổn, và rằng khi họ gặp nhau an toàn và lành mạnh vào buổi

and sound in the morning, he would even add a trifle extra to the very handsome present that he had already made.

sáng, ông thậm chí sẽ thêm một chút vào món quà rất hào phóng mà ông đã đưa ra.

The old care-taker made a dignified protest against this, assuring them that he was already much overpaid, and that if indeed they were so fortunate as to escape with their lives and their reason, it would be sufficient joy to him to see them safe and in good health when the morning dawned. Henri was really moved at the old man's solicitude, and pressed his hand heartily in bidding him good-night. Charles had all this time remained in the background saying practically nothing--nothing at any rate that was not absolutely necessary. Evidently his dark humour had not yet been completely shaken off, and Henri wondered much what could be the cause which in those few short hours had so entirely changed the mood of his friend.

Người quản lý già đã đưa ra một lời phản đối đầy phẩm giá chống lại điều này, đảm bảo với họ rằng ông đã được trả quá nhiều, và rằng nếu thực sự họ may mắn thoát khỏi với cuộc sống và lý trí của mình, đó sẽ là niềm vui đủ cho ông khi thấy họ an toàn và khỏe mạnh khi bình minh. Henri thực sự cảm động trước sự quan tâm của người đàn ông già, và nắm chặt tay ông một cách thân thiện khi chào tạm biệt. Charles trong suốt thời gian này vẫn ở phía sau, hầu như không nói gì—không nói gì ít nhất là không cần thiết. Rõ ràng là tâm trạng u ám của anh vẫn chưa hoàn toàn bị lay chuyển, và Henri tự hỏi nhiều điều gì có thể là nguyên nhân đã thay đổi hoàn toàn tâm trạng của bạn mình trong vài giờ ngắn ngủi đó.

They unlocked the door, they entered the great forsaken house, and, having provided themselves with a dark lantern, they made their way without difficulty to the study of the late Baron. A curious room it was, built out into the garden at one side of the house, as a billiard room sometimes is, suggesting that it had been added at some later period and was no part of the original design. It was a long and narrow room, with many French windows opening down to the floor at each side along its length; but each end of the room was almost entirely occupied by a huge pier-glass. This produced a remarkable effect, for as one looked along the room, it gave the illusion of extending to infinity in both directions, everything in it being repeated again and again in a seemingly endless vista. There was a good deal of furniture of one sort and another, and in each of the four corners a suit of armour was arranged precisely as though there was a figure inside it. In the centre of the

Họ mở khóa cửa, họ bước vào ngôi nhà lớn bị bỏ hoang, và, đã chuẩn bị sẵn một chiếc đèn lồng tối, họ không gặp khó khăn gì trong việc tìm đường đến phòng làm việc của Nam tước quá cố. Đó là một căn phòng kỳ lạ, được xây dựng ra ngoài vườn ở một bên của ngôi nhà, như một phòng bi-a đôi khi là, gợi ý rằng nó đã được thêm vào một thời điểm sau này và không phải là một phần của thiết kế ban đầu. Đó là một căn phòng dài và hẹp, với nhiều cửa sổ kiểu Pháp mở xuống sàn ở mỗi bên dọc theo chiều dài của nó; nhưng mỗi đầu của căn phòng gần như hoàn toàn bị chiếm bởi một chiếc gương lớn. Điều này tạo ra một hiệu ứng đáng chú ý, vì khi nhìn dọc theo căn phòng, nó tạo ra ảo giác rằng nó kéo dài đến vô tận theo cả hai hướng, mọi thứ trong đó được lặp lại nhiều lần trong một cảnh quan dường như vô tận. Có khá nhiều đồ nội thất thuộc một loại hoặc loại khác, và ở mỗi góc của bốn góc, một bộ áo giáp được sắp xếp chính xác như thể có một hình người bên trong nó. Ở trung tâm của

room was a large and well-appointed writing-table, in front of which stood the Baron's chair--the chair in which he had committed suicide.

Our friends had bargained that the old man should leave a lamp ready trimmed for them, and they soon had it alight. So large a room, however, would have needed twenty lamps to make it really cheerful, and the far-away corners were still suggestively gloomy. A curious and eerie effect was produced by the indefinite reproduction of the light in the great mirrors at each end of the room. The place had the close musty smell which always haunts a room that has long been closed; and altogether Henri was acutely conscious of a sense of discomfort and of a yearning for the comfortable, prosaic, nineteenth-century bedroom at the hotel.

Besides, he was growing weaker and weaker; he felt exactly as a living fly might feel when a spider was slowly sucking away his life-blood, and leaving him a mere empty shell. Clearly it would never do to admit this, so he tried to conceal his qualms by light and easy conversation, and attempted to rally Charles upon his taciturnity and apparent lowness of spirits. He received only the briefest of replies, and it was evident that Charles was still in the same strange mood; indeed, it would seem that if anything he had sunk into it more deeply than ever. Now that Henri could see him clearly in the brilliant light of the lamp, he became still more impressed with the oddity of his friend's appearance and behaviour. It would seem that Charles himself was to some extent conscious of this, and tried to avoid the light. He had thrown himself upon a settee, and for a long time he remained there motionless, answering only in surly monosyllables the sprightly observations of his friend.

căn phòng là một bàn viết lớn và được trang bị tốt, trước đó là chiếc ghế của Nam tước—chiếc ghế mà ông đã tự tử.

Các bạn đã thương lượng rằng người đàn ông già sẽ để lại một chiếc đèn đã được chuẩn bị sẵn cho họ, và họ sớm thắp sáng nó. Tuy nhiên, một căn phòng lớn như vậy sẽ cần hai mươi chiếc đèn để làm cho nó thực sự vui vẻ, và các góc xa vẫn còn gợi ý u ám. Một hiệu ứng kỳ lạ và đáng sợ được tạo ra bởi sự tái tạo không xác định của ánh sáng trong những chiếc gương lớn ở mỗi đầu của căn phòng. Nơi này có mùi mốc đặc trưng của một căn phòng đã lâu không được mở; và tổng thể Henri cảm thấy rõ ràng một cảm giác khó chịu và một khao khát cho phòng ngủ thế kỷ mười chín thoải mái, tầm thường tại khách sạn.

Ngoài ra, anh đang ngày càng yếu đi; anh cảm thấy chính xác như một con ruồi sống có thể cảm thấy khi một con nhện đang từ từ hút cạn máu của mình, và để lại anh chỉ là một cái vỏ rỗng. Rõ ràng là không bao giờ nên thừa nhận điều này, vì vậy anh cố gắng che giấu những lo lắng của mình bằng cuộc trò chuyện nhẹ nhàng và dễ dàng, và cố gắng trêu chọc Charles về sự im lặng và tâm trạng u ám rõ ràng của anh. Anh chỉ nhận được những câu trả lời ngắn gọn nhất, và rõ ràng là Charles vẫn còn trong tâm trạng kỳ lạ đó; thực sự, dường như nếu có điều gì đó, anh đã chìm sâu hơn vào nó. Bây giờ khi Henri có thể nhìn thấy anh rõ ràng trong ánh sáng rực rỡ của chiếc đèn, anh càng ấn tượng hơn với sự kỳ lạ của vẻ ngoài và hành

After a time, however, this strange inertia was replaced by an equally strange disquiet, for he sprung up suddenly from the settee and began to walk up and down the long room like a wild animal marching up and down his cage. And it seemed to Henri, unless his imagination was playing tricks with him, that this suggestion of a wild beast was more than a mere simile; it was not only the restless marching up and down, but a curious air of repressed ferocity which somehow permeated the usual gentle and pacific bearing of his friend. Henri could not understand his own feelings, and tried to throw them off as ridiculous; but the persistent march up and down got upon his weakened nerves at last to such an extent that he was compelled to beg his friend to desist. The latter seemed scarcely to understand him--at least not until he had repeated his words more than once; and then with a curious, half-impatient exclamation he once more threw himself down upon the settee--no longer, however, to remain lethargic, for it was evident that his restlessness was still upon him, and that he could not retain the same position for more than a few seconds.

Sau một thời gian, tuy nhiên, sự trì trệ kỳ lạ này được thay thế bằng một sự bất an kỳ lạ không kém, vì anh ta đột ngột bật dậy khỏi ghế dài và bắt đầu đi đi lại lại trong căn phòng dài như một con thú hoang đi đi lại lại trong lồng của mình. Và dường như đối với Henri, trừ khi trí tưởng tượng của anh đang đánh lừa anh, rằng gợi ý về một con thú hoang không chỉ là một phép so sánh đơn thuần; không chỉ là sự đi đi lại lại không ngừng nghỉ, mà còn là một không khí kỳ lạ của sự hung dữ bị kìm nén mà bằng cách nào đó thấm vào dáng vẻ dịu dàng và hòa bình thường ngày của bạn anh. Henri không thể hiểu được cảm giác của chính mình, và cố gắng gạt bỏ chúng như là vô lý; nhưng sự đi đi lại lại dai dẳng cuối cùng đã ảnh hưởng đến thần kinh yếu ớt của anh đến mức anh buộc phải cầu xin bạn mình dừng lại. Người bạn dường như hầu như không hiểu anh - ít nhất là cho đến khi anh đã lặp lại lời nói của mình nhiều lần; và sau đó với một tiếng kêu kỳ lạ, nửa như thiếu kiên nhẫn, anh ta một lần nữa ném mình xuống ghế dài - tuy nhiên không còn để lại trạng thái lờ đờ, vì rõ ràng là sự bồn chồn của anh ta vẫn còn, và anh ta không thể giữ nguyên vị trí trong hơn vài giây.

All this began to make Henri decidedly uncomfortable; he felt that no ordinary pre-occupation could fully account for this change, and he began to fear that some illness was falling upon his friend. He began also very heartily to wish that he had not been so eager to enter upon this adventure, for, as has already been said, it was upon the presence amid upon the assistance of his friend that he had relied to carry it through to a successful conclusion; and now in some strange way this seemed to be failing him. However, the hour of midnight, at which the Baron was supposed to appear, was now rapidly drawing near, and he determined that, as soon as it was decently possible after that witching hour was past, he would get his friend safely back to the hotel

Tất cả điều này bắt đầu khiến Henri cảm thấy không thoải mái rõ rệt; anh cảm thấy rằng không có sự bận tâm thông thường nào có thể hoàn toàn giải thích cho sự thay đổi này, và anh bắt đầu lo sợ rằng một căn bệnh nào đó đang ập đến với bạn mình. Anh cũng bắt đầu rất mong muốn rằng anh đã không quá háo hức tham gia vào cuộc phiêu lưu này, vì, như đã nói, chính sự hiện diện và sự hỗ trợ của bạn anh mà anh đã dựa vào để hoàn thành nó một cách thành công; và bây giờ bằng một cách kỳ lạ nào đó điều này dường như đang thất bại anh. Tuy nhiên, giờ khắc nửa đêm, khi mà Nam tước được cho là sẽ xuất hiện, đang nhanh chóng đến gần, và anh quyết định rằng, ngay khi có thể sau khi giờ khắc đó qua đi, anh sẽ đưa bạn mình trở lại khách sạn và lên

and into bed, and if there was not a distinct for the better by the next morning, he would consult the village doctor.

giường an toàn, và nếu không có sự cải thiện rõ rệt vào sáng hôm sau, anh sẽ tham khảo ý kiến của bác sĩ làng.

Meantime Charles's agitation appeared to have become uncontrollable; once more he sprang to his feet and resumed the strange, stealthy and subtly-threatening march backwards and forwards. And now he altogether disregarded his friend's remarks, seeming not even to hear them, but throwing all his energy into that weird and ceaseless promenade. It seemed to Henri, as he watched him, that his very face was changing, and inapposite reminiscences came to his mind of the way in which at a spiritualistic seance he had sometimes seen the face of a medium change, when some control took possession. His own nervousness and anxiety were becoming intolerable, and though the curiously surly attitude of his friend certainly did not invite further interference, he felt that he actually must try to relieve the tension by one more remonstrance. But just as he had made up his mind to speak, Charles suddenly sat down, not upon the settee which he had formerly chosen, but upon the Baron's chair in front of the table, and there he sat sluggish and irresponsive as ever, shading his eyes from the light.

Trong khi đó, sự kích động của Charles dường như đã trở nên không thể kiểm soát; một lần nữa anh ta bật dậy và tiếp tục cuộc diễu hành kỳ lạ, lén lút và ngầm đe dọa tiến lên và lùi lại. Và bây giờ anh ta hoàn toàn không để ý đến những lời nhận xét của bạn mình, dường như không nghe thấy chúng, mà dồn hết năng lượng vào cuộc diễu hành kỳ quái và không ngừng đó. Dường như đối với Henri, khi anh quan sát anh ta, rằng khuôn mặt của anh ta đang thay đổi, và những hồi tưởng không thích hợp đến với tâm trí anh về cách mà trong một buổi gọi hồn anh đã đôi khi thấy khuôn mặt của một đồng tử thay đổi, khi một sự kiểm soát nào đó chiếm hữu. Sự lo lắng và lo âu của chính anh đang trở nên không thể chịu đựng nổi, và mặc dù thái độ kỳ lạ của bạn anh chắc chắn không mời gọi sự can thiệp thêm, anh cảm thấy rằng anh thực sự phải cố gắng giảm bớt căng thẳng bằng một lời khuyên nhủ nữa. Nhưng ngay khi anh đã quyết định nói, Charles đột nhiên ngồi xuống, không phải trên ghế dài mà anh đã chọn trước đó, mà trên ghế của Nam tước trước bàn, và ở đó anh ngồi lờ đờ và không phản ứng như trước, che mắt khỏi ánh sáng.

"Get up, man, get up!" cried Henri. "Don't you know that that is the very chair in which it is said that the Baron sits? And," looking at his watch, "it is within a few moments of his time too!" But Charles took no notice, and remained immovable. Uncontrollably excited, Henri rushed up to him and shook him by the shoulder, calling loudly to him:

"Đứng dậy, anh bạn, đứng dậy!" Henri kêu lên. "Anh không biết rằng đó là chiếc ghế mà người ta nói rằng Nam tước ngồi sao? Và," nhìn đồng hồ, "cũng chỉ còn vài phút nữa là đến giờ của ông ta!" Nhưng Charles không để ý, và vẫn bất động. Quá kích động, Henri lao đến anh ta và lắc vai anh ta, gọi lớn:

"Wake up, wake up! what is the matter with you?"

"Tỉnh dậy, tỉnh dậy! Có chuyện gì với anh vậy?"

Even as he was speaking the great clock in the

Ngay khi anh đang nói, chiếc đồng hồ lớn

turret outside began to strike the hour of midnight. A sudden sound--a sort of subdued crash for which he could not account--drew his attention towards one end of the room, and as his eye fell upon the great mirror, he saw reflected in it the little group of Charles and himself, strongly illuminated by the light of the great lamp on the table close to them. He saw his own startled visage, and Charles with his face shaded by his hand; but even as he watched the mirror, the other figure raised its head, and with a shock of horror he realised that the countenance reflected was not his friend's at all! It was the face of the Baron, just as they had seen it in his portrait, and he was in the very act of drawing the razor across his throat once more.

trong tháp bên ngoài bắt đầu điểm giờ nửa đêm. Một âm thanh đột ngột - một loại tiếng va chạm nhẹ mà anh không thể giải thích - thu hút sự chú ý của anh về một đầu của căn phòng, và khi mắt anh rơi vào chiếc gương lớn, anh thấy phản chiếu trong đó nhóm nhỏ của Charles và chính mình, được chiếu sáng mạnh mẽ bởi ánh sáng của chiếc đèn lớn trên bàn gần họ. Anh thấy khuôn mặt kinh ngạc của chính mình, và Charles với khuôn mặt được che bởi tay; nhưng ngay khi anh quan sát gương, hình ảnh khác ngẩng đầu lên, và với một cú sốc kinh hoàng anh nhận ra rằng khuôn mặt phản chiếu không phải là của bạn anh chút nào! Đó là khuôn mặt của Nam tước, giống như họ đã thấy trong bức chân dung của ông ta, và ông ta đang trong hành động cắt cổ họng mình một lần nữa.

With a shout of terror Henri tore away his eyes from the mirror and looked down on the figure under his hand, to see unmistakably not his friend's face but the Baron's looking up at him with a diabolical grin of triumphant malice, even as he felt a torrent of blood flow down upon his hand. It seemed to Henri as though something gave way inside his brain, and he fell to the ground unconscious.

Với một tiếng thét kinh hoàng Henri xé mắt khỏi gương và nhìn xuống hình ảnh dưới tay mình, để thấy rõ ràng không phải khuôn mặt của bạn mình mà là của Nam tước đang nhìn lên anh với một nụ cười ác quỷ của sự ác ý chiến thắng, ngay cả khi anh cảm thấy một dòng máu chảy xuống tay mình. Dường như đối với Henri như thể có điều gì đó đã nhường chỗ bên trong não anh, và anh ngã xuống đất bất tỉnh.

He was aroused at length by a hand upon his shoulder--a tremulous hand--and by an anxious voice asking him:

Cuối cùng anh được đánh thức bởi một bàn tay đặt lên vai - một bàn tay run rẩy - và bởi một giọng nói lo lắng hỏi anh:

"Where is your friend?"

"Bạn của anh đâu?"

For a few moments he felt too confused to be capable of answering; but after a while he collected his scattered wits and realised his position. He found himself lying on the floor of the Baron's room, close to the central table, and the old care-taker bending over him with a face full of agitation and anguish.

Trong vài khoảnh khắc anh cảm thấy quá bối rối để có thể trả lời; nhưng sau một lúc anh thu thập lại trí tuệ rải rác của mình và nhận ra vị trí của mình. Anh thấy mình nằm trên sàn của phòng Nam tước, gần bàn trung tâm, và người chăm sóc già cúi xuống anh với khuôn mặt đầy lo lắng và đau khổ.

"Where is your friend, monsieur?" he asked

"Bạn của anh đâu, monsieur?" ông ta hỏi lại,

again, “where is the other gentleman?”

“người quý ông khác đâu?”

The horrible events of the previous night came back to his mind with a rush, and he sat up and looked about him. Truly Charles was not to be seen, nor was there any trace of the ghastly figure which had repeated the Baron’s suicide. He could give no answer to the old man’s question, but after a time he became collected enough to tell his story. The old caretaker was full of lamentations, and wrung his hands as though distracted; declaring over and over again that he had known from the first that evil would come from this mad adventure, and blaming himself most severely for having ever allowed himself to become a party to it, even in the most indirect manner.

Những sự kiện kinh hoàng của đêm trước trở lại trong tâm trí anh như một cơn lũ, và anh ngồi dậy và nhìn quanh. Thực sự Charles không thấy đâu, cũng không có dấu vết nào của hình ảnh ghê rợn đã lặp lại vụ tự sát của Nam tước. Anh không thể trả lời câu hỏi của người đàn ông già, nhưng sau một thời gian anh trở nên đủ tỉnh táo để kể câu chuyện của mình. Người chăm sóc già đầy những lời than vãn, và vặn tay như thể bị phân tâm; tuyên bố đi tuyên bố lại rằng ông đã biết từ đầu rằng điều xấu sẽ đến từ cuộc phiêu lưu điên rồ này, và tự trách mình rất nặng nề vì đã từng cho phép mình trở thành một phần của nó, ngay cả theo cách gián tiếp nhất.

“It is strange and terrible that your friend should thus have disappeared,” he cried.

“Thật kỳ lạ và khủng khiếp khi bạn của anh lại biến mất như vậy,” ông ta kêu lên.

“Yes,” said Henri; “we must search the house for him. He may have been smitten by terror; he may have fled and concealed himself; he may have fainted just as I did, but in some other room. Let us go and search.”

“Đúng vậy,” Henri nói; “chúng ta phải tìm kiếm anh ta trong nhà. Anh ta có thể đã bị kinh hoàng; anh ta có thể đã chạy trốn và ẩn náu; anh ta có thể đã ngất đi như tôi, nhưng ở một phòng khác. Hãy đi tìm kiếm.”

“But you yourself, monsieur--you are wounded, are you not?” queried the old man.

“Nhưng chính anh, monsieur - anh không bị thương sao?” người đàn ông già hỏi.

“No,” replied Henri, “I think not; I feel nothing but great weakness and trembling.”

“Không,” Henri trả lời, “tôi nghĩ không; tôi chỉ cảm thấy yếu và run rẩy.”

“But,” said the old man, “look at your hand; it is covered with blood!”

“Nhưng,” người đàn ông già nói, “nhìn tay anh; nó đầy máu!”

To his great horror Henri saw that this was so. The blood of the Baron or of Charles (for he knew not what was the truth of it) had flowed over his hand as the suicide was repeated, and that blood remained--a ghastly witness of the reality of that awful scene!

Với sự kinh hoàng lớn, Henri thấy rằng điều này là đúng. Máu của Nam tước hoặc của Charles (vì anh không biết sự thật của nó) đã chảy qua tay anh khi vụ tự sát được lặp lại, và máu đó vẫn còn - một chứng nhân ghê rợn của thực tế của cảnh tượng kinh khủng đó!

“Bring me water,” he cried to the old man,

“Đem nước cho tôi,” anh kêu lên với người đàn

"bring me water at once, or I shall cut my hand off."

ông già, "đem nước ngay lập tức, nếu không tôi sẽ cắt tay mình đi."

The old man quickly fetched him a bowl of water from a well close by, and he soon removed those ill-omened stains; yet though they yielded to the water in the ordinary way, though to the sight they had disappeared, he felt as though they were still there, as though his hand could never be clean again. Slowly, because he was very weak, they passed from room to room of the old house, seeking for any trace of Charles, but in vain. They saw their own foot-marks in the dust, the foot-marks which they had made when they went over the house the day before; but they saw no others, and found no trace of any sort of the missing man.

Người đàn ông già nhanh chóng mang cho anh một bát nước từ một cái giếng gần đó, và anh nhanh chóng loại bỏ những vết bẩn xấu điềm đó; mặc dù chúng đã biến mất dưới nước theo cách thông thường, mặc dù nhìn thấy chúng đã biến mất, anh cảm thấy như thể chúng vẫn còn đó, như thể tay anh không bao giờ có thể sạch lại. Chậm rãi, vì anh rất yếu, họ đi từ phòng này sang phòng khác của ngôi nhà cũ, tìm kiếm bất kỳ dấu vết nào của Charles, nhưng vô ích. Họ thấy dấu chân của chính mình trong bụi, dấu chân mà họ đã tạo ra khi họ đi qua ngôi nhà ngày hôm trước; nhưng họ không thấy dấu chân nào khác, và không tìm thấy dấu vết nào của người đàn ông mất tích.

"He must have been carried away by the devil!" cried the old care-taker.

"Anh ta chắc chắn đã bị quỷ mang đi!" người chăm sóc già kêu lên.

They searched the nearest part of the gardens also; but Henri's strength failed him, and this work was left uncompleted, for he resolved first to return to the town and to make certain enquiries. But before leaving him, he turned to the old man and said to him impressively:

Họ cũng tìm kiếm phần gần nhất của khu vườn; nhưng sức lực của Henri đã cạn kiệt, và công việc này bị bỏ dở, vì anh quyết định trước tiên trở về thị trấn và thực hiện một số cuộc điều tra nhất định. Nhưng trước khi rời đi, anh quay sang người đàn ông già và nói với ông ta một cách ấn tượng:

"Do not grieve; you have done nothing but what is right. All through, you did your very best to persuade us not to undertake this mad experiment, but we would not be warned. You are in no way responsible if any harm has come from it. I do not know where my friend is; I do not understand at all the events of last night; but I decline altogether to believe that my friend has been carried off by the devil, as you think. If he saw what I saw--but how could he have seen it when it was he himself? I do not understand; but he may have been frightened, he may have rushed away. I may yet find him; I hope so; but in any case be

"Đừng buồn; ông không làm gì sai cả. Suốt thời gian qua, ông đã cố gắng hết sức để thuyết phục chúng tôi không thực hiện cuộc thí nghiệm điên rồ này, nhưng chúng tôi đã không nghe lời cảnh báo. Ông không chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ tổn hại nào xảy ra từ nó. Tôi không biết bạn tôi đang ở đâu; tôi hoàn toàn không hiểu các sự kiện của đêm qua; nhưng tôi hoàn toàn từ chối tin rằng bạn tôi đã bị quỷ mang đi, như ông nghĩ. Nếu anh ta thấy những gì tôi thấy - nhưng làm sao anh ta có thể thấy khi chính anh ta là người đó? Tôi không hiểu; nhưng anh ta có thể đã bị kinh hoàng, anh ta có thể đã chạy trốn. Tôi có thể

assured of this. You at least have nothing with which to reproach yourself, and I shall never reproach you; nor shall I ever say anything of the occurrence of last night unless I am compelled to do so in my friend's interest. I shall go into the village now; before I leave it I will see you again if I have any news to give."

vẫn tìm thấy anh ta; tôi hy vọng vậy; nhưng trong bất kỳ trường hợp nào hãy yên tâm về điều này. Ít nhất ông không có gì để tự trách mình, và tôi sẽ không bao giờ trách ông; cũng như tôi sẽ không bao giờ nói gì về sự việc của đêm qua trừ khi tôi bị buộc phải làm vậy vì lợi ích của bạn tôi. Tôi sẽ vào làng bây giờ; trước khi rời đi tôi sẽ gặp lại ông nếu tôi có tin tức gì để thông báo."

And so, shaking hands with the old man, he left him somewhat comforted.

Và vì vậy, bắt tay với người đàn ông già, anh rời ông ta có phần được an ủi.

As he walked slowly townwards his mind was filled with agitated reflections. He felt scarcely yet capable of connected thought or of reasoning, and indeed this thing was a nightmare which seemed to defy reason. He could not even think what he ought to do, or whether he should give notice to the authorities of the disappearance of his friend.

Khi anh đi chậm rãi về phía thị trấn, tâm trí anh đầy những suy nghĩ xáo trộn. Anh cảm thấy hầu như chưa có khả năng suy nghĩ liên kết hoặc lý luận, và thực sự điều này là một cơn ác mộng dường như thách thức lý trí. Anh không thể thậm chí nghĩ xem mình nên làm gì, hoặc liệu anh có nên thông báo cho chính quyền về sự biến mất của bạn mình hay không.

Before he had come to any decision he found himself approaching the hotel, and he made his way to his room without attracting attention. He went to Charles's room, but there was no sign of him, nor had his bed been slept in. Henri returned to his own room and threw himself upon a couch, for it seemed to him that most of all he needed rest--that he must sleep before he would be capable of facing this strange and terrible emergency. He felt that something should be done, and done at once, and yet he could do nothing, nor did he even know what should be done. He knew he needed sleep, and yet his anxiety would not let him sleep. And so he lay for awhile, wondering vaguely what would come of it all.

Trước khi anh đưa ra bất kỳ quyết định nào, anh thấy mình đang tiến gần khách sạn, và anh đi vào phòng mình mà không thu hút sự chú ý. Anh đi đến phòng của Charles, nhưng không có dấu hiệu của anh ta, cũng như giường của anh ta chưa được ngủ. Henri trở về phòng mình và ném mình lên ghế dài, vì dường như đối với anh rằng điều anh cần nhất là nghỉ ngơi - rằng anh phải ngủ trước khi có thể đối mặt với tình huống kỳ lạ và khủng khiếp này. Anh cảm thấy rằng cần phải làm gì đó, và làm ngay lập tức, nhưng anh không thể làm gì, cũng như anh không biết nên làm gì. Anh biết mình cần ngủ, nhưng sự lo lắng không cho phép anh ngủ. Và vì vậy anh nằm một lúc, tự hỏi mơ hồ điều gì sẽ xảy ra.

His wearied body was almost yielding to slumber, when suddenly the door was thrown open and there before him stood Charles in his ordinary dress, looking precisely as though

Cơ thể mệt mỏi của anh gần như sắp chìm vào giấc ngủ, khi đột nhiên cửa bị mở tung và trước mặt anh là Charles trong trang phục bình thường, trông chính xác như thể không

nothing had happened!

có gì xảy ra!

Henri sprang to his feet, crying something wildly and incoherently, rushed up to the astonished Charles and grasped his arm to see if indeed it was he or only an hallucination of his half-maddened brain.

Henri bật dậy, kêu lên điều gì đó một cách hoang dại và không rõ ràng, lao đến Charles đang ngạc nhiên và nắm lấy cánh tay anh để xem liệu thực sự đó có phải là anh hay chỉ là một ảo giác của bộ não nửa điên của mình.

"My dear fellow, what in the world is the matter with you?" said Charles. "What has happened?"

"Anh bạn thân mến của tôi, có chuyện gì với anh vậy?" Charles nói. "Có chuyện gì đã xảy ra?"

"Thank God, it is you," said Henri, "and that you look quite well again; but surely I should rather ask *you* what happened and where you went last night, when you so mysteriously disappeared."

"Tạ ơn Chúa, đó là anh," Henri nói, "và rằng anh trông hoàn toàn khỏe mạnh trở lại; nhưng chắc chắn tôi nên hỏi anh điều gì đã xảy ra và anh đã đi đâu đêm qua, khi anh biến mất một cách bí ẩn như vậy."

"Disappeared!" said Charles. "What do you mean? I left you at about six o'clock, you know, and you were to call at my friend's house at half-past ten, but you never came, and I was really anxious about you.

"Biến mất!" Charles nói. "Anh nói gì? Tôi rời anh vào khoảng sáu giờ, anh biết đấy, và anh đã định đến nhà bạn tôi vào lúc mười giờ rưỡi, nhưng anh không bao giờ đến, và tôi thực sự lo lắng về anh.

"Never came!" said Henri. "What do you mean? Certainly I came; I met you--"

"Không bao giờ đến!" Henri nói. "Anh nói gì? Chắc chắn tôi đã đến; tôi đã gặp anh -"

"What!" interrupted Charles, "You met me? But I have never seen you since I left this hotel at six o'clock. There is some mystery here, and you look as though it had been a terrible one. Sit down now, and tell me all about it."

"Gì!" Charles ngắt lời, "Anh đã gặp tôi? Nhưng tôi chưa bao giờ gặp anh kể từ khi tôi rời khách sạn này vào lúc sáu giờ. Có một bí ẩn nào đó ở đây, và anh trông như thể nó đã là một điều khủng khiếp. Ngồi xuống bây giờ, và kể cho tôi tất cả về nó."

"I will," said Henri; "but first tell me where you have spent the night."

"Tôi sẽ," Henri nói; "nhưng trước tiên hãy kể cho tôi biết anh đã ở đâu suốt đêm."

"At my friend's house, of course," said Charles. "I dined with my friend as I intended, but unfortunately after dinner a slight faintness came over me. Nothing serious--no; but it lasted some time, and left me feeling weak and tottering, and my friends insisted that I should not think under such circumstances of attempting our adventure, nor even of trying

"Tại nhà bạn tôi, tất nhiên," Charles nói. "Tôi đã ăn tối với bạn tôi như dự định, nhưng không may sau bữa tối tôi cảm thấy hơi choáng váng. Không có gì nghiêm trọng - không; nhưng nó kéo dài một thời gian, và để lại cho tôi cảm giác yếu và loạng choạng, và bạn bè của tôi khăng khăng rằng tôi không nên nghĩ đến việc thực hiện cuộc phiêu lưu của

to make my way back to the hotel until after a night's rest. They seized upon me with kindly fussiness, they put me to bed in their spare room, and administered cordials to me, assuring me that when you called they would explain everything to you and, if I were still awake, would bring you up to my bedside. But long before you were due, I had fallen asleep under the influence of their medicine. I slept until this morning, and awoke feeling perfectly refreshed and strong and well again. Having heard that you had not come after all, I was anxious to see what was the matter, so I came to the hotel as soon as possible, and here I am! I am all impatience to hear your story."

chúng ta trong hoàn cảnh như vậy, thậm chí không nên cố gắng quay lại khách sạn cho đến sau một đêm nghỉ ngơi. Họ đã nắm lấy tôi với sự quan tâm ân cần, họ đặt tôi lên giường trong phòng trống của họ, và cho tôi uống thuốc bổ, đảm bảo với tôi rằng khi anh đến họ sẽ giải thích mọi thứ cho anh và, nếu tôi vẫn còn thức, sẽ đưa anh lên giường tôi. Nhưng lâu trước khi anh đến, tôi đã ngủ thiếp đi dưới ảnh hưởng của thuốc của họ. Tôi ngủ cho đến sáng nay, và tỉnh dậy cảm thấy hoàn toàn sảng khoái và khỏe mạnh trở lại. Nghe nói rằng anh không đến sau tất cả, tôi lo lắng muốn biết chuyện gì đã xảy ra, vì vậy tôi đến khách sạn càng sớm càng tốt, và đây tôi đang ở đây! Tôi rất nóng lòng muốn nghe câu chuyện của anh."

Henri told it as well as he could, to the accompaniment of many exclamations of wonder from Charles, and then they began gradually to try to construct some sort of a theory as to what had really happened. One thing at least seemed clear; that terrible Baron had somehow or other foreseen their intention, perhaps had invisibly accompanied them during their examination of his house in the afternoon, and then had resolved to lure Henri to what might very well have been his destruction, by taking the place of his friend, upon whose company and assistance he was depending for the due carrying out of his plan. Perhaps, indeed, the Baron may somehow or other have caused Charles's indisposition; at any rate he unquestionably decided to take advantage of it by personating him; and it is equally certain that he kept up his materialisation for so long a time by draining away Henri's strength.

Henri kể lại câu chuyện của mình tốt nhất có thể, kèm theo nhiều tiếng kêu ngạc nhiên từ Charles, và sau đó họ bắt đầu dần dần cố gắng xây dựng một lý thuyết nào đó về những gì thực sự đã xảy ra. Một điều ít nhất dường như rõ ràng; rằng Nam tước khủng khiếp đó đã bằng cách nào đó dự đoán ý định của họ, có lẽ đã vô hình đi cùng họ trong cuộc kiểm tra ngôi nhà của ông ta vào buổi chiều, và sau đó đã quyết định dụ dỗ Henri đến điều có thể rất dễ dàng là sự hủy diệt của anh, bằng cách thay thế vị trí của bạn mình, người mà anh đang dựa vào để thực hiện kế hoạch của mình một cách đúng đắn. Có lẽ, thực sự, Nam tước có thể bằng cách nào đó đã gây ra sự khó chịu của Charles; dù sao đi nữa ông ta chắc chắn đã quyết định lợi dụng điều đó bằng cách đóng giả anh ta; và cũng chắc chắn rằng ông ta đã duy trì sự hiện hình của mình trong một thời gian dài như vậy bằng cách rút cạn sức mạnh của Henri.

In this very fact lay the peculiar horror of the situation--that Henri himself had felt unusually nervous, and certainly would not have undertaken the investigation but for the

Chính trong thực tế này nằm sự kinh hoàng đặc biệt của tình huống - rằng chính Henri đã cảm thấy bất thường lo lắng, và chắc chắn sẽ không thực hiện cuộc điều tra nếu không có sự

presence and support of his friend; and yet at the critical moment, when above all things support was needed, that friend himself proved to be the apparition! They talked over the matter for hours, but they could make nothing more of it than this. On one point at least they both heartily agreed, that they desired to make no further investigations into the mystery of the Baron's room.

hiện diện và hỗ trợ của bạn mình; và tuy nhiên vào thời điểm quan trọng, khi trên hết mọi thứ cần sự hỗ trợ, người bạn đó lại chính là hiện hình! Họ đã nói chuyện về vấn đề này trong nhiều giờ, nhưng họ không thể làm gì hơn ngoài điều này. Ít nhất họ đều đồng ý một cách chân thành rằng họ không muốn thực hiện thêm bất kỳ cuộc điều tra nào về bí ẩn của phòng Nam tước.

Nevertheless, they felt that they owed it to their good old friend, the care-taker, to pay one more visit to his cottage, and to relieve his mind as to the consequences of their strange adventure. But they took care to make that visit at high noon, and nothing would have induced either of them to enter that fatal house again. The old caretaker had been sunk in the blackest despair; but when he saw them both safe and well, he blessed God fervently and declared that a great weight was lifted from his heart, for he had been feeling all morning that he should never forgive himself for his share in the events of the previous night.

Tuy nhiên, họ cảm thấy rằng họ nợ người bạn già tốt của mình, người chăm sóc, một chuyến thăm nữa đến ngôi nhà của ông ta, và để giải tỏa tâm trí ông ta về hậu quả của cuộc phiêu lưu kỳ lạ của họ. Nhưng họ cẩn thận thực hiện chuyến thăm đó vào giữa trưa, và không có gì có thể khiến họ bước vào ngôi nhà định mệnh đó lần nữa. Người chăm sóc già đã chìm trong sự tuyệt vọng đen tối nhất; nhưng khi ông thấy cả hai an toàn và khỏe mạnh, ông cảm tạ Chúa một cách nồng nhiệt và tuyên bố rằng một gánh nặng lớn đã được nhấc khỏi trái tim ông, vì ông đã cảm thấy suốt buổi sáng rằng ông sẽ không bao giờ tha thứ cho mình vì phần của mình trong các sự kiện của đêm trước.

They told him their story, for they felt that that at least was due to him. They asked particularly whether he had seen Monsieur Charles the night before, and whether he had detected any difference in him, but the old man said:

Họ kể cho ông câu chuyện của mình, vì họ cảm thấy rằng ít nhất điều đó là cần thiết đối với ông. Họ hỏi đặc biệt liệu ông có thấy Monsieur Charles đêm trước, và liệu ông có phát hiện ra bất kỳ sự khác biệt nào ở anh ta, nhưng người đàn ông già nói:

"No, I did not notice the second gentleman particularly; now I come to think of it, it is true that Monsieur Charles stood back away from the light that shone out through the door, but I took no particular notice of this, since I was myself in a very agitated frame of mind." And then he broke forth again in rhapsodies of relief that after all there was no blood upon his soul, since they were both safe and well.

"Không, tôi không chú ý đến người quý ông thứ hai đặc biệt; bây giờ tôi nghĩ lại, đúng là Monsieur Charles đã đứng lùi lại khỏi ánh sáng chiếu ra qua cửa, nhưng tôi không chú ý đặc biệt đến điều này, vì tôi đã tự mình trong một trạng thái tâm trí rất kích động." Và sau đó ông lại bùng nổ trong những lời ca ngợi sự nhẹ nhõm rằng sau tất cả không có máu nào trên linh hồn ông, vì cả hai đều an toàn và khỏe mạnh.

They pressed on him a still further gift, assuring him when he protested that the experience through which they had passed was indeed well worth it to them; but though he was much the richer for this strange adventure, he asseverated most fervently that never again under any circumstances whatever, not even for all the wealth of the Rothschilds, should any one with his consent spend a night in the Baron's room.

Họ đã tặng ông một món quà nữa, đảm bảo với ông khi ông phản đối rằng trải nghiệm mà họ đã trải qua thực sự đáng giá đối với họ; nhưng mặc dù ông đã giàu có hơn nhiều nhờ cuộc phiêu lưu kỳ lạ này, ông đã tuyên bố một cách chân thành rằng không bao giờ dưới bất kỳ hoàn cảnh nào, thậm chí không phải vì tất cả sự giàu có của nhà Rothschild, ông sẽ cho phép bất kỳ ai với sự đồng ý của ông qua đêm trong phòng của Nam tước.

10. Saved by a Ghost—Được cứu bởi một hồn ma

Chapter I

Explanatory

I, Victor King-Norman, am an old man now, and the events of my boyhood, of which I am about to write, lie half-a-century behind me. But even now it is painful to recall them, and I should not have disinterred them from the grave of time and renewed their vivid sensations, but for a request from an honoured friend whose wish is law to me. In obedience to that command I tell my tale, suppressing only the true names of some of the actors in the drama.

My father, Norman King-Norman, had been a man of considerable reputation in London in his youth, in the days of King William IV of somewhat inglorious memory. After he married my mother he disappeared altogether from the London firmament of which he had been a luminary, and lived all the year round at Norman Hall, his ancestral home in the north country.

When railways began to be heard of, he was keenly interested in them, foresaw a magnificent future for them, and invested much of his fortune in them. When I was

Chương I

Giải thích

Tôi, Victor King-Norman, bây giờ là một ông già, và những sự kiện của thời thơ ấu của tôi, mà tôi sắp viết, đã nằm cách đây nửa thế kỷ. Nhưng ngay cả bây giờ, việc nhớ lại chúng vẫn đau đớn, và tôi sẽ không khai quật chúng từ ngôi mộ của thời gian và làm sống lại những cảm giác sống động của chúng, nếu không phải vì một yêu cầu từ một người bạn đáng kính mà mong muốn của người đó là luật đối với tôi. Tuân theo mệnh lệnh đó, tôi kể câu chuyện của mình, chỉ giấu tên thật của một số nhân vật trong vở kịch.

Cha tôi, Norman King-Norman, đã từng là một người có danh tiếng đáng kể ở London khi còn trẻ, vào thời của Vua William IV, một thời kỳ không mấy vinh quang. Sau khi kết hôn với mẹ tôi, ông hoàn toàn biến mất khỏi bầu trời London mà ông từng là một ngôi sao sáng, và sống quanh năm tại Norman Hall, ngôi nhà tổ tiên của ông ở miền bắc.

Khi đường sắt bắt đầu được nghe đến, ông rất quan tâm đến chúng, dự đoán một tương lai rực rỡ cho chúng, và đầu tư nhiều tài sản của mình vào chúng. Khi tôi mười ba tuổi, ông đã

thirteen years of age he had become the leading director of a certain railway then in course of construction in South America, and in connection with it he found it necessary to visit that continent—a much more serious voyage in those days of paddle-wheel steamers than it is now.

trở thành giám đốc hàng đầu của một tuyến đường sắt đang được xây dựng ở Nam Mỹ, và liên quan đến nó, ông thấy cần thiết phải thăm lục địa đó - một chuyến đi nghiêm trọng hơn nhiều vào những ngày của tàu hơi nước bánh guồng so với bây giờ.

He took with him his family, consisting of my mother, myself, and my younger brother Gerald—a child of about seven years. We took a house at the seaport town which was the terminus of the railway, and resided there during the greater part of our stay in the country; but my father's business frequently took him into the interior, to the unfinished part of the line. I believe that the contractors found themselves unable for some reason to carry on the work, and that consequently my father, on behalf of the Company, practically took the completion of the line out of their hands; at any rate, whether I am correct as to the business details or not, I know that after the first few months his absences from the town were frequent and prolonged. On several of these expeditions I was, to my great delight, permitted to accompany him; and once, on the memorable occasion whose history I am about to relate, my little brother Gerald was also allowed to join the party. The mother's anxious eye had detected—or she fancied so—some slight sign of diminished strength in the little boy; and it was thought that the entire change of life involved in a few days camping-out "up country" would be beneficial to him.

Ông đã đưa gia đình mình đi cùng, bao gồm mẹ tôi, tôi và em trai nhỏ Gerald - một đứa trẻ khoảng bảy tuổi. Chúng tôi đã thuê một ngôi nhà ở thị trấn cảng biển là điểm cuối của tuyến đường sắt, và cư trú ở đó trong phần lớn thời gian ở lại đất nước; nhưng công việc của cha tôi thường xuyên đưa ông vào nội địa, đến phần chưa hoàn thành của tuyến đường. Tôi tin rằng các nhà thầu đã không thể vì lý do nào đó tiếp tục công việc, và do đó cha tôi, thay mặt cho Công ty, thực tế đã lấy việc hoàn thành tuyến đường ra khỏi tay họ; dù sao đi nữa, dù tôi có đúng về chi tiết kinh doanh hay không, tôi biết rằng sau vài tháng đầu tiên, sự vắng mặt của ông khỏi thị trấn là thường xuyên và kéo dài. Trong một số chuyến đi này, tôi đã được phép đi cùng ông, và một lần, vào dịp đáng nhớ mà tôi sắp kể, em trai nhỏ Gerald của tôi cũng được phép tham gia đoàn. Mắt lo lắng của mẹ đã phát hiện - hoặc bà tưởng tượng như vậy - một số dấu hiệu suy giảm sức khỏe nhẹ ở cậu bé nhỏ; và người ta nghĩ rằng sự thay đổi hoàn toàn của cuộc sống liên quan đến vài ngày cắm trại "trên đất nước" sẽ có lợi cho cậu.

Before I can make my story intelligible to those who have not lived in South America, it will be necessary for me briefly to explain the social conditions of that marvellous continent. There are—or were at the time of which I speak—four principal races among the inhabitants of that part of the country in

Trước khi tôi có thể làm cho câu chuyện của mình dễ hiểu đối với những người chưa từng sống ở Nam Mỹ, tôi sẽ cần phải giải thích ngắn gọn về điều kiện xã hội của lục địa kỳ diệu đó. Có - hoặc đã có vào thời điểm tôi nói - bốn chủng tộc chính trong số cư dân của phần đất nước mà câu chuyện của tôi diễn ra.

which lies the scene of my tale.

First came the descendants of the Spanish and Portuguese conquerors—a haughty, indolent race; a race courtly and hospitable, by no means without its good qualities, but jet one whose strongest characteristic was an immeasurable contempt (or the affectation of it) for all other races whatsoever.

Đầu tiên là hậu duệ của những kẻ chinh phục Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha - một chủng tộc kiêu ngạo, lười biếng; một chủng tộc lịch sự và hiếu khách, không phải không có những phẩm chất tốt, nhưng đặc điểm mạnh nhất của họ là sự khinh miệt vô hạn (hoặc sự giả vờ của nó) đối với tất cả các chủng tộc khác.

Next came the Red Indians—the earlier lords of the soil; of these many tribes had adopted a kind of squalid semi-civilisation, but many others were still savages untamed and untamable—men who regarded work of any kind as the deepest degradation—who hated the white man with a traditional, unrelenting hatred, and (strange though it may seem) more than reciprocated the boundless contempt of the blue-blooded hidalgo of Spain. It will no doubt be incomprehensible to many of us that a half-naked savage can entertain any other feeling than envy for our superior civilisation, however much he may dislike us; but I can only say that the quite genuine unaffected feeling of the Red Indian towards the white man is pure and unmitigated contempt. It is not flattering to our self-love, but it is absolutely true for all that; and an uncomfortable suspicion *will* sometimes creep in that there are aspects of the case in which his feeling is—well, not so very unreasonable.

Tiếp theo là người da đỏ - những chủ nhân đầu tiên của đất đai; trong số này, nhiều bộ lạc đã chấp nhận một loại văn minh bán squalid, nhưng nhiều bộ lạc khác vẫn là những kẻ man rợ không thể thuần hóa - những người coi công việc dưới bất kỳ hình thức nào là sự hạ thấp sâu sắc nhất - những người ghét người da trắng với một sự thù hận truyền thống, không ngừng nghỉ, và (dù có vẻ kỳ lạ) còn hơn cả sự khinh miệt vô hạn của người quý tộc Tây Ban Nha. Chắc chắn sẽ không thể hiểu được đối với nhiều người trong chúng ta rằng một kẻ man rợ nửa trần truồng có thể có bất kỳ cảm giác nào khác ngoài sự ghen tị đối với nền văn minh vượt trội của chúng ta, dù anh ta có ghét chúng ta đến đâu; nhưng tôi chỉ có thể nói rằng cảm giác hoàn toàn chân thật và không bị ảnh hưởng của người da đỏ đối với người da trắng là sự khinh miệt thuần túy và không giảm bớt. Điều này không làm hài lòng lòng tự ái của chúng ta, nhưng đó là sự thật tuyệt đối cho tất cả những điều đó; và một sự nghi ngờ không thoải mái đôi khi sẽ len lỏi vào rằng có những khía cạnh của vấn đề mà cảm giác của anh ta - tốt, không quá vô lý.

Third came the Negro race—no inconsiderable portion of the population, and chiefly in a state of slavery, though the Government was doing all in its power to remove that curse from its territories; and last and worst came what were called the half-breeds or half-castes—a mixed race which seemed, as mixed races sometimes do, to

Thứ ba là chủng tộc da đen - một phần không nhỏ của dân số, và chủ yếu trong tình trạng nô lệ, mặc dù Chính phủ đang làm mọi cách để loại bỏ lời nguyền đó khỏi lãnh thổ của mình; và cuối cùng và tệ nhất là những gì được gọi là người lai hoặc người nửa dòng - một chủng tộc hỗn hợp dường như, như các chủng tộc hỗn hợp đôi khi làm, kết hợp tất cả các phẩm chất

combine all the worst qualities of both its parent stocks. Indian, Spaniard, and Negro alike despised them; and they in turn regarded all alike with a virulent hatred. So strong were these feelings that, when it came to enlistment in the army, the other races absolutely declined to serve in the same regiment with the half-castes, and these people therefore had to be drafted into regiments by themselves, so that there existed in the army regiments of both types, and their feelings towards each other were decidedly unfriendly.

tồi tệ nhất của cả hai dòng cha mẹ. Người da đỏ, người Tây Ban Nha và người da đen đều khinh miệt họ; và họ lần lượt coi tất cả đều với một sự thù hận dữ dội. Những cảm giác này mạnh mẽ đến mức, khi đến lúc tuyển quân vào quân đội, các chủng tộc khác hoàn toàn từ chối phục vụ trong cùng một trung đoàn với người nửa dòng, và những người này do đó phải được đưa vào các trung đoàn riêng biệt, vì vậy trong quân đội tồn tại các trung đoàn của cả hai loại, và cảm giác của họ đối với nhau là hoàn toàn không thân thiện.

At the time when my story begins these feelings of scarcely-veiled hostility had at last broken out into actual warfare. I forget what was made the excuse for the outbreak; some orders which were given to the half-caste regiments offended their dignity in some way, and there was an open mutiny. Four of these regiments marched off under the leadership of a man named Martinez, an officer, not without a certain amount of ability, but bearing an atrociously bad reputation. He was popularly credited with having broken over and over again every commandment in the decalogue; but whether all this was true or fabulous, it was at least certain that he was a man of vicious temper and abominable cruelty. Nevertheless he was said to be a good though unscrupulous leader, and there was a certain dash about him which made men of his own race follow him.

Vào thời điểm câu chuyện của tôi bắt đầu, những cảm giác thù địch hầu như không được che giấu này cuối cùng đã bùng nổ thành chiến tranh thực sự. Tôi quên mất điều gì đã được lấy làm cái cớ cho sự bùng nổ; một số mệnh lệnh đã được đưa ra cho các trung đoàn nửa dòng đã xúc phạm đến phẩm giá của họ theo cách nào đó, và có một cuộc nổi loạn công khai. Bốn trung đoàn này đã hành quân dưới sự lãnh đạo của một người tên là Martinez, một sĩ quan, không phải không có một số khả năng, nhưng mang một danh tiếng xấu xa khủng khiếp. Ông ta được cho là đã phá vỡ hết lần này đến lần khác mọi điều răn trong mười điều răn; nhưng dù tất cả điều này là thật hay hư cấu, ít nhất cũng chắc chắn rằng ông ta là một người có tính khí xấu xa và tàn ác khủng khiếp. Tuy nhiên, ông ta được cho là một lãnh đạo giỏi dù không có đạo đức, và có một sự táo bạo nào đó khiến những người cùng chủng tộc theo ông ta.

The affair ought to have been nothing but a petty mutiny quickly suppressed, and indeed that was what the Government wished to believe with regard to it. The Government of any South American State is usually in a rather precarious condition, and most of its subjects are generally ready on very slight provocation to make an attempt to overturn

Vụ việc lẽ ra chỉ là một cuộc nổi loạn nhỏ nhanh chóng bị đàn áp, và thực sự đó là điều mà Chính phủ muốn tin về nó. Chính phủ của bất kỳ quốc gia Nam Mỹ nào thường ở trong tình trạng khá bấp bênh, và hầu hết các thần dân của nó thường sẵn sàng với rất ít sự khiêu khích để cố gắng lật đổ nó; vì vậy sự bất mãn lan rộng và trở thành một cuộc nổi loạn thực

it; so the disaffection spread and became quite a rebellion. In the part of the country where we were, little was known of the movements of the insurgents; and, as I have said, it was the policy of the Government to minimise the whole affair and assure us that it was quite unimportant.

sự. Trong phần đất nước nơi chúng tôi ở, ít ai biết về các phong trào của quân nổi dậy; và, như tôi đã nói, chính sách của Chính phủ là giảm thiểu toàn bộ sự việc và đảm bảo với chúng tôi rằng nó hoàn toàn không quan trọng.

Later, when everything was over, it transpired that Martinez had concocted a plot of considerable ingenuity, and had contrived by all kinds of specious promises to induce several of the savage Indian tribes to join him. The two parties to this precious conspiracy were each playing false with the other; the idea of the half-breeds was to utilise the Indians to help them to massacre the whites, and then to turn upon their partners and murder them in turn, and thus consolidate their power. The idea of the Red Indians on the other hand was that they could utilise the mutinous regiments to help them to drive the white men into the sea, after which it would be quite easy to massacre the half-breeds, and so regain the country for themselves.

Sau này, khi mọi thứ đã kết thúc, người ta phát hiện ra rằng Martinez đã bày ra một âm mưu khá tinh vi, và đã bằng mọi cách hứa hẹn hấp dẫn để thuyết phục một số bộ lạc da đỏ hoang dã tham gia cùng ông ta. Hai bên của âm mưu quý giá này đều đang chơi xấu với nhau; ý tưởng của người nửa dòng là sử dụng người da đỏ để giúp họ tàn sát người da trắng, và sau đó quay lại với đối tác của họ và giết họ lần lượt, và do đó củng cố quyền lực của họ. Ý tưởng của người da đỏ, mặt khác, là họ có thể sử dụng các trung đoàn nổi loạn để giúp họ đẩy người da trắng xuống biển, sau đó sẽ rất dễ dàng để tàn sát người nửa dòng, và do đó giành lại đất nước cho chính họ.

It never occurred to us that any danger from the insurgents could menace our little expedition into the interior. Whatever fighting there was, was going on some hundreds of miles to the south, and the whole of our part of the country was perfectly free from it. But nevertheless we were destined to see much more of the struggle than we wanted, as my story will presently show.

Chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng bất kỳ nguy hiểm nào từ quân nổi dậy có thể đe dọa cuộc thám hiểm nhỏ của chúng tôi vào nội địa. Dù có chiến đấu gì đi nữa, nó đang diễn ra cách đó hàng trăm dặm về phía nam, và toàn bộ phần đất nước của chúng tôi hoàn toàn không có nó. Nhưng dù sao đi nữa, chúng tôi đã định thấy nhiều hơn về cuộc đấu tranh hơn chúng tôi mong muốn, như câu chuyện của tôi sẽ sớm cho thấy.

The railway line ran through great tracts of primeval forest; and a South American forest is like no other in the world. Trees two hundred feet high and wide-spreading in proportion, literally one mass of blazing colour; domes of blue or scarlet or orange, and great creepers, thick as a man's leg, hanging

Tuyến đường sắt chạy qua những vùng rừng nguyên sinh rộng lớn; và một khu rừng Nam Mỹ không giống bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Cây cao hai trăm feet và lan rộng theo tỷ lệ, thực sự là một khối màu rực rỡ; vòm xanh hoặc đỏ hoặc cam, và những cây leo lớn, dày như chân người, treo từ cây này sang cây khác,

from tree to tree, extending often for hundreds of feet, and covered with flowers even more splendid than those of the trees themselves. It was a favourite game with the children to choose each one of these giant creepers, and try in spite of its entanglements to trace it out to its end—the boy who had chosen the longest creeper being of course the winner. It was a veritable fairyland, unequalled in its marvellous beauty, but much too thickly inhabited for human comfort.

thường kéo dài hàng trăm feet, và phủ đầy hoa thậm chí còn rực rỡ hơn những cây tự thân. Đó là một trò chơi yêu thích của trẻ em để chọn mỗi một trong những cây leo khổng lồ này, và cố gắng bất chấp sự rối rắm của nó để theo dõi đến tận cùng - cậu bé chọn cây leo dài nhất tất nhiên là người chiến thắng. Đó là một xứ sở thần tiên thực sự, không gì sánh bằng trong vẻ đẹp kỳ diệu của nó, nhưng quá đông đúc để con người cảm thấy thoải mái.

Precisely because men are so few, the nonhuman inhabitants flourish to a degree unknown elsewhere, and a large proportion of them are dangerous to man. Splendid creatures, many of them, but distinctly uncomfortable neighbours. The jaguar, more beautiful and kingly-looking even than the royal tiger of India, but equally dangerous; the boa-constrictor, the largest snake in the world, often thirty feet long and as thick as a man's thigh; the alligator, deadly as the shark of the ocean, swarming in every river and pool; all these and many other creatures make the conditions of human life somewhat arduous in those marvellous South American forests.

Chính vì con người quá ít, các cư dân không phải con người phát triển đến mức độ không thể biết ở nơi khác, và một tỷ lệ lớn trong số họ là nguy hiểm đối với con người. Những sinh vật tuyệt vời, nhiều trong số đó, nhưng rõ ràng là những người hàng xóm không thoải mái. Con báo đốm, đẹp hơn và trông vương giả hơn cả hổ vương của Ấn Độ, nhưng cũng nguy hiểm không kém; con trăn, con rắn lớn nhất thế giới, thường dài ba mươi feet và dày như đùi người; cá sấu, chết chóc như cá mập của đại dương, tràn ngập trong mọi con sông và hồ; tất cả những sinh vật này và nhiều sinh vật khác làm cho điều kiện sống của con người trở nên khá khó khăn trong những khu rừng Nam Mỹ kỳ diệu đó.

Full of birds, too, are they, alive with colours equalling those of the flowers; parrots of all kinds; huge screaming macaws, painted crudely and gorgeously in scarlet and blue and yellow; tiny humming-birds, no larger than the humble-bee, but glowing with ruby and emerald like actual living jewels; hundreds of varieties all resplendent in hue, but songless, except for the deep ringing bell-like note of the *campanero*; all kinds of strange-looking creatures, wondrous in colour but always with something bizarre about them, something unlike what is seen in any other land.

Chúng cũng đầy chim, sống động với màu sắc sánh ngang với những bông hoa; vẹt đủ loại; những con vẹt đuôi dài khổng lồ, được sơn một cách thô sơ và rực rỡ trong màu đỏ tươi và xanh lam và vàng; những con chim ruồi nhỏ xíu, không lớn hơn con ong mật, nhưng lấp lánh với màu hồng ngọc và ngọc lục bảo như những viên ngọc sống thực sự; hàng trăm loài đều rực rỡ về màu sắc, nhưng không có tiếng hót, ngoại trừ tiếng chuông sâu vang như tiếng chuông của campanero; đủ loại sinh vật trông kỳ lạ, kỳ diệu về màu sắc nhưng luôn có điều gì đó kỳ quái về chúng, điều gì đó không giống như những gì được thấy ở bất kỳ vùng

đất nào khác.

But it is the insect world above all others which forces itself upon the attention of a visitor, and usually unpleasantly. The tarantula and the scorpion are its aristocracy —not properly insects at all; huge ants, in countless millions, which start out upon mysterious migrations and turn aside for nothing; chigoes, uncomfortable little creatures which get under one's toe-nails and lay tiny little bags full of eggs, which have to be cut out by the servants each evening before one goes to bed. Assuredly the insect world is ever with us, and we usually wish that it was not.

Nhưng trên hết, thế giới côn trùng là thứ buộc mình vào sự chú ý của du khách, và thường là một cách khó chịu. Tarantula và bọ cạp là tầng lớp quý tộc của nó - không phải là côn trùng thực sự; những con kiến khổng lồ, hàng triệu triệu, bắt đầu những cuộc di cư bí ẩn và không quay đầu lại vì bất cứ điều gì; chigoes, những sinh vật nhỏ không thoải mái chui vào dưới móng chân của một người và đẻ những túi nhỏ đầy trứng, phải được cắt ra bởi những người hầu mỗi tối trước khi đi ngủ. Chắc chắn thế giới côn trùng luôn ở bên chúng ta, và chúng ta thường mong muốn rằng nó không có.

Nevertheless, there was little of danger about our invasion of these primeval forests, for we were undertaking it under unusually favourable conditions. The small army of labourers who were working at the end of the line gave us the advantage of company. None of the larger wild beasts would come into the neighbourhood of so great a crowd of men, and we learnt by dire experience how to deal with the smaller beasts. Along with us as a kind of valet and general guardian came our faithful negro servant Tito. He had been presented to us as a slave, but we had freed him, and consequently he was overflowing with gratitude.

Tuy nhiên, có rất ít nguy hiểm về cuộc xâm lược của chúng tôi vào những khu rừng nguyên sinh này, vì chúng tôi đang thực hiện nó trong điều kiện thuận lợi bất thường. Đội quân nhỏ của những người lao động đang làm việc ở cuối tuyến đường đã cho chúng tôi lợi thế của sự đồng hành. Không có con thú hoang lớn nào sẽ đến gần một đám đông người như vậy, và chúng tôi đã học được bằng kinh nghiệm đau đớn cách đối phó với những con thú nhỏ hơn. Cùng với chúng tôi như một loại người hầu và người bảo vệ chung là người hầu da đen trung thành của chúng tôi, Tito. Anh ta đã được tặng cho chúng tôi như một nô lệ, nhưng chúng tôi đã giải phóng anh ta, và do đó anh ta tràn đầy lòng biết ơn.

The railway was a mere trench cut through the forest, almost in a straight line, for at this stage no intermediate station had as yet been erected, and though it passed in the neighbourhood of several villages, none of them were actually in sight from it, so there was nothing to prevent a clear run. I remember on one occasion, a few weeks before that of which I am writing, I had myself a very exciting experience on that same line.

Đường sắt chỉ là một cái rãnh cắt qua rừng, gần như theo một đường thẳng, vì ở giai đoạn này chưa có trạm trung gian nào được dựng lên, và mặc dù nó đi qua gần một số ngôi làng, không có ngôi làng nào thực sự có thể nhìn thấy từ đó, vì vậy không có gì ngăn cản một chuyến đi rõ ràng. Tôi nhớ có một lần, vài tuần trước khi tôi đang viết, tôi đã có một trải nghiệm rất thú vị trên cùng một tuyến đường đó.

One day, when we were away at the end of the line just seventy-five miles from the terminus, news reached us through the arrival of a brother of one of the labourers that very serious defalcations had taken place in the office at the terminus, and that the defaulting cashier was departing with his plunder by a certain steamer bound for Europe, which was due to start on that very day. The news arrived just an hour before the time for the sailing of the mail-steamer, and my father was in despair as to what to do. There were no telegraphs in those days, and a runner would take thirty hours to cover the distance, even going along the newly-made railway line.

Một ngày nọ, khi chúng tôi đang ở cuối tuyến đường chỉ cách điểm cuối bảy mươi lăm dặm, tin tức đến với chúng tôi qua sự xuất hiện của một người anh em của một trong những người lao động rằng đã xảy ra những sai phạm rất nghiêm trọng trong văn phòng tại điểm cuối, và rằng người thủ quỹ gian lận đang rời đi với số tiền chiếm đoạt của mình bằng một chiếc tàu hơi nước nhất định đi châu Âu, dự kiến sẽ khởi hành vào ngày hôm đó. Tin tức đến chỉ một giờ trước thời gian khởi hành của tàu hơi nước chở thư, và cha tôi tuyệt vọng không biết phải làm gì. Không có điện báo vào những ngày đó, và một người chạy bộ sẽ mất ba mươi giờ để đi hết quãng đường, ngay cả khi đi dọc theo tuyến đường sắt mới được làm.

We had an engine with us, but it was what is called a contractor's engine, not built for any high speeds; and even so, its regular driver was down that day with fever, and the young lad who was in charge of it, though he managed well enough to pull a few trucks up and down, was quite incapable of trying a record run with it. My father did not know how to manage the locomotive, and besides, it would have been a very serious matter for him to leave just then; but fortunately I, with a boy's fancy for machinery, had learnt to understand the engine pretty well, and had driven it many times, though only for short distances.

Chúng tôi có một đầu máy với chúng tôi, nhưng đó là cái gọi là đầu máy của nhà thầu, không được xây dựng cho bất kỳ tốc độ cao nào; và ngay cả như vậy, người lái chính của nó hôm đó bị sốt, và cậu bé trẻ tuổi đang phụ trách nó, mặc dù cậu ta quản lý đủ tốt để kéo một vài toa lên xuống, nhưng hoàn toàn không có khả năng thử một chuyến đi kỷ lục với nó. Cha tôi không biết cách quản lý đầu máy, và ngoài ra, sẽ là một vấn đề rất nghiêm trọng đối với ông nếu rời đi ngay lúc đó; nhưng may mắn thay, tôi, với sở thích của một cậu bé đối với máy móc, đã học cách hiểu đầu máy khá tốt, và đã lái nó nhiều lần, mặc dù chỉ trong khoảng cách ngắn.

I at once offered to try to make the run in time to stop the steamer, and somehow felt certain that I could do it, although my father thought it quite impossible. Moments were flying, however, and there was little time to discuss the matter, so he consented to my making the attempt, though he thought it foredoomed to failure. The engine had steam up, and a few moments sufficed to load it with coal, and make sure that its tanks were full; and then off I started, with the boy who had previously

Tôi ngay lập tức đề nghị thử làm chuyến đi kịp thời để ngăn chặn tàu hơi nước, và bằng cách nào đó cảm thấy chắc chắn rằng tôi có thể làm được, mặc dù cha tôi nghĩ rằng điều đó hoàn toàn không thể. Thời gian đang trôi qua, tuy nhiên, và có rất ít thời gian để thảo luận về vấn đề này, vì vậy ông đồng ý cho tôi thực hiện nỗ lực, mặc dù ông nghĩ rằng nó đã được định sẵn để thất bại. Đầu máy đã có hơi nước, và chỉ mất vài phút để nạp đầy than, và đảm bảo rằng các thùng chứa đầy; và sau đó tôi bắt đầu, với cậu

driven the engine as a fireman. The run was a most exciting one; I pushed that engine to its utmost speed, and it was fortunate for me that on the whole the line was fairly straight, for I was in no mood to slacken much for curves. Suffice it to say that I did the distance in the time, though I arrived with the plates of the engine red-hot.

bé đã lái đầu máy trước đó làm người đốt lửa. Chuyến đi là một trong những chuyến đi thú vị nhất; tôi đã đẩy đầu máy đó đến tốc độ tối đa của nó, và thật may mắn cho tôi rằng trên toàn bộ tuyến đường khá thẳng, vì tôi không có tâm trạng để giảm tốc độ nhiều cho các khúc cua. Đủ để nói rằng tôi đã làm được quãng đường trong thời gian, mặc dù tôi đến nơi với các tấm của đầu máy đỏ rực.

As soon as we reached the terminus, I jumped off and rushed up to the signal-tower on the hill, the official in charge of which was well known to me; and thankful I was to see the mail-steamer still lying in the bay, though she was even already getting up her anchors. Under my instructions, my friend the official at once ran up a signal imperatively calling upon the steamer to wait. Meantime I ran down the bill to the port authorities, and very soon a boat with quite an imposing array of police and other officials was being rowed out rapidly towards the steamer.

Ngay khi chúng tôi đến điểm cuối, tôi nhảy xuống và lao lên tháp tín hiệu trên đồi, nơi mà viên chức phụ trách rất quen thuộc với tôi; và tôi rất biết ơn khi thấy tàu hơi nước chở thư vẫn còn nằm trong vịnh, mặc dù nó đã bắt đầu nhổ neo. Theo chỉ dẫn của tôi, người bạn viên chức của tôi ngay lập tức chạy lên một tín hiệu yêu cầu tàu hơi nước phải chờ. Trong khi đó, tôi chạy xuống đồi đến các cơ quan cảng, và rất nhanh chóng một chiếc thuyền với một đội ngũ cảnh sát và các viên chức khác đang được chèo nhanh chóng về phía tàu hơi nước.

These port officials knew my father well as the consignee of large cargoes of rails and other materials, and so when once I reached the place my task was an easy one. Even the captain of the steamer knew me, and when he understood the gravity of the emergency be forgave me for delaying him. The defaulting cashier was at once arrested in spite of his excited protests, and haled ashore to prison, all the money being duly recovered. I believe I considerably damaged that engine by reckless overdriving; but the amount at stake was large enough to condone that trifling irregularity.

Những viên chức cảng này biết cha tôi rất rõ như là người nhận hàng hóa lớn của đường ray và các vật liệu khác, vì vậy khi tôi đến nơi, nhiệm vụ của tôi trở nên dễ dàng. Ngay cả thuyền trưởng của tàu hơi nước cũng biết tôi, và khi ông hiểu được sự nghiêm trọng của tình huống, ông đã tha thứ cho tôi vì đã làm ông chậm trễ. Người thủ quỹ gian lận ngay lập tức bị bắt giữ bất chấp những lời phản đối kích động của ông ta, và bị đưa lên bờ để vào tù, tất cả số tiền đều được thu hồi đầy đủ. Tôi tin rằng tôi đã làm hỏng đầu máy đó khá nhiều do lái quá mức; nhưng số tiền đang bị đe dọa đủ lớn để bù đắp cho sự bất thường nhỏ đó.

It was my father's custom to have a small wooden cabin built for him out at the end of the line, and live in it for a few days until the line had been constructed to a point which he found inconveniently far from it. Then he

Thói quen của cha tôi là có một cabin gỗ nhỏ được xây dựng cho ông ở cuối tuyến đường, và sống trong đó vài ngày cho đến khi tuyến đường được xây dựng đến một điểm mà ông thấy bất tiện khi xa nó. Sau đó, ông sẽ có một

would have another similar cabin erected a little further along. Wood was so abundant that it was not worth while to carry the logs from one such halting place to another, even though it was only a few miles further on. There were generally plenty of logs lying on the pound, so some trees could be quickly chopped down and a new cabin put up at the cost of very little labour.

cabin tương tự được dựng lên một chút xa hơn. Gỗ rất phong phú đến mức không đáng để mang các khúc gỗ từ một nơi dừng chân như vậy đến nơi khác, ngay cả khi nó chỉ xa hơn vài dặm. Thường có rất nhiều khúc gỗ nằm trên mặt đất, vì vậy một số cây có thể nhanh chóng bị chặt xuống và một cabin mới được dựng lên với chi phí rất ít lao động.

The usual plan was to choose logs perhaps a foot in diameter and split them in half longitudinally and in this way a rough hut was made quite strong enough to keep out any wild beasts known in that country, though there were of course many cracks between the logs, through which came plenty of light and air. Generally such a cabin was made without a window, but with a rough door—a door which had no hinges, but was kept in its place during the night by a heavy wooden bar which prevented it from falling inwards. In the daytime the door was laid aside and the empty place served as a window. My father had a rough table for his office work, and we sat about on stumps or lay on the floor, as fancy dictated.

Kế hoạch thông thường là chọn các khúc gỗ có đường kính khoảng một foot và chẻ chúng làm đôi theo chiều dọc và theo cách này một túp lều thô sơ được làm đủ mạnh để ngăn chặn bất kỳ con thú hoang nào được biết đến trong vùng đó, mặc dù tất nhiên có nhiều khe hở giữa các khúc gỗ, qua đó có nhiều ánh sáng và không khí. Thông thường một cabin như vậy được làm mà không có cửa sổ, nhưng với một cánh cửa thô sơ - một cánh cửa không có bản lề, nhưng được giữ ở vị trí trong đêm bởi một thanh gỗ nặng ngăn nó rơi vào trong. Ban ngày cửa được đặt sang một bên và chỗ trống đó phục vụ như một cửa sổ. Cha tôi có một cái bàn thô sơ để làm việc văn phòng, và chúng tôi ngồi quanh trên các gốc cây hoặc nằm trên sàn, theo ý thích.

Chapter II

ATTACKED BY THE INDIANS

Chương II

BỊ TẤN CÔNG BỞI NGƯỜI DA ĐỎ

On the day on which my story begins, this hut happened to be erected at one end of a sort of glade or open place in the forest. Behind and on each side of the hut, the forest was not more than twenty yards away, but in front of its door the glade sloped gently down to the banks of a little stream perhaps a hundred and fifty yards away. Away beyond that stream, but concealed from view from the hut by great clumps of trees and a rise in the ground, was the end (for the time being) of the railway, where a crowd of men were busily working.

Vào ngày mà câu chuyện của tôi bắt đầu, túp lều này tình cờ được dựng lên ở một đầu của một loại trảng hoặc nơi trống trong rừng. Phía sau và hai bên của túp lều, rừng không cách xa hơn hai mươi yard, nhưng trước cửa của nó, trảng dốc nhẹ xuống bờ của một con suối nhỏ cách đó khoảng một trăm năm mươi yard. Xa hơn nữa bên kia con suối, nhưng bị che khuất khỏi tầm nhìn từ túp lều bởi những cụm cây lớn và một độ cao của mặt đất, là điểm cuối (tạm thời) của đường sắt, nơi một đám đông người đang bận rộn làm việc.

The men usually took a short siesta in the middle of the day, according to the custom of the country, and we sometimes tried to do so too; but, not being used to it, I at least could never get to sheep. This siesta was still in progress, though if I recollect rightly, it was about the time of its conclusion. My father sat writing at his table; I lay on the floor reading a story, and little Gerald was playing some childish game away in a corner. The servant Tito was absent on some of his work; at any rate he was not in the cabin or visible from it.

Những người này thường nghỉ trưa ngắn vào giữa ngày, theo phong tục của đất nước, và đôi khi chúng tôi cũng cố gắng làm như vậy; nhưng, không quen với nó, ít nhất tôi không bao giờ có thể ngủ được. Giấc ngủ trưa này vẫn đang diễn ra, mặc dù nếu tôi nhớ không nhầm, đó là khoảng thời gian kết thúc của nó. Cha tôi ngồi viết tại bàn của mình; tôi nằm trên sàn đọc một câu chuyện, và Gerald nhỏ đang chơi một trò chơi trẻ con nào đó ở một góc. Người hầu Tito đã vắng mặt trong một số công việc của mình; dù sao đi nữa anh ta không có trong cabin hoặc có thể nhìn thấy từ đó.

Suddenly the quiet of tropical noon was broken by a volley of rifle-shots—a most astounding phenomenon, for so far as we knew there was not a rifle except our own within fifty miles at least. We sprang to our feet, and my father went to the door and looked out down the glade. As I have said, the spot where the men were working was not actually visible from our door; so, as there was nothing unusual to be seen, my father took his rifle from the corner where it leaned, and started to see what was the matter. I snatched up my rifle also—for I also had one; in that wild country even little Gerald never went out without his tiny revolver stuck in his belt, and I habitually carried a brace of Colts, and took a rifle with me whenever I went out for a walk. And these precautions were by no means unnecessary, for, to say nothing of human inhabitants, dangerous wild animals came down quite close to the houses even on the outskirts of the town. Why, one morning I saw —but that is another story, as Rudyard Kipling so often says.

Đột nhiên sự yên tĩnh của buổi trưa nhiệt đới bị phá vỡ bởi một loạt tiếng súng trường - một hiện tượng vô cùng đáng kinh ngạc, vì theo như chúng tôi biết không có khẩu súng trường nào ngoại trừ của chúng tôi trong vòng ít nhất năm mươi dặm. Chúng tôi bật dậy, và cha tôi đi đến cửa và nhìn ra xuống trảng. Như tôi đã nói, điểm mà những người đang làm việc không thực sự có thể nhìn thấy từ cửa của chúng tôi; vì vậy, vì không có gì bất thường để thấy, cha tôi lấy khẩu súng trường từ góc nơi nó dựa vào, và bắt đầu xem có chuyện gì xảy ra. Tôi cũng chộp lấy khẩu súng trường của mình - vì tôi cũng có một khẩu; ở vùng đất hoang dã đó ngay cả Gerald nhỏ cũng không bao giờ ra ngoài mà không có khẩu súng lục nhỏ của mình cài trong thắt lưng, và tôi thường xuyên mang theo một cặp súng lục Colts, và mang theo một khẩu súng trường mỗi khi tôi đi dạo. Và những biện pháp phòng ngừa này không phải là không cần thiết, vì, không nói đến cư dân con người, những con thú hoang nguy hiểm đến gần các ngôi nhà ngay cả ở ngoại ô thị trấn. Tại sao, một buổi sáng tôi đã thấy - nhưng đó là một câu chuyện khác, như Rudyard Kipling thường nói.

We were hardly outside the door when one of our labourers appeared from behind the clump of trees near the stream, running

Chúng tôi hầu như chưa ra khỏi cửa khi một trong những người lao động của chúng tôi xuất hiện từ phía sau cụm cây gần con suối,

wildly. When he saw us he uttered a shout, but we could not understand what he said, and before he had time to speak again another rifle-shot rang out, and he threw up his arms and fell dead. Immediately there burst into view at the bottom of the glade a great crowd of painted savages, who waved their weapons and emitted bloodcurdling yells. Several shots were fired at us, but fortunately we were untouched, and we at once retired into the hut and put the door into its place, slipping in the heavy bar behind it. Then quite calmly my father remarked to me, as I stood there with my rifle still in my hand:

chạy một cách hoang dại. Khi anh ta thấy chúng tôi, anh ta hét lên, nhưng chúng tôi không thể hiểu anh ta nói gì, và trước khi anh ta kịp nói lại, một tiếng súng trường khác vang lên, và anh ta giơ tay lên và ngã xuống chết. Ngay lập tức một đám đông người da đỏ sơn màu xuất hiện ở cuối trảng, vẫy vũ khí và phát ra những tiếng hét kinh hoàng. Một số phát súng được bắn vào chúng tôi, nhưng may mắn là chúng tôi không bị thương, và chúng tôi ngay lập tức rút vào túp lều và đặt cửa vào vị trí của nó, trượt thanh nặng phía sau nó. Sau đó, một cách bình tĩnh, cha tôi nói với tôi, khi tôi đứng đó với khẩu súng trường vẫn trong tay:

"You take the crack to the left of the door, and I will take this on the right. Rifles first; then pistols. We must kill as many as we can before they reach the hut. Steady, now; we cannot afford to miss."

"Con hãy lấy khe hở bên trái cửa, và cha sẽ lấy khe hở bên phải. Súng trường trước; sau đó là súng lục. Chúng ta phải giết càng nhiều càng tốt trước khi họ đến gần túp lều. Bình tĩnh, bây giờ; chúng ta không thể bỏ lỡ."

We had not then the quick-firing guns of the present day; but still ten of those Red Indians fell before they had come more than half-way up the rise. Some word of command was shouted, and in an instant they dashed into cover at each side of the glade, and for the moment disappeared from our sight. Still watching through the crack, my father said:

Chúng tôi không có những khẩu súng bắn nhanh của ngày nay; nhưng vẫn có mười người da đỏ ngã xuống trước khi họ đi được nửa đường lên dốc. Một mệnh lệnh nào đó được hét lên, và ngay lập tức họ lao vào nơi ẩn nấp ở mỗi bên của trảng, và trong chốc lát biến mất khỏi tầm nhìn của chúng tôi. Vẫn quan sát qua khe hở, cha tôi nói:

"This gives us a moment's respite. Load again; have everything ready, and all your ammunition where you can reach it in a moment. They will be on us again directly."

"Điều này cho chúng ta một khoảnh khắc nghỉ ngơi. Nạp đạn lại; có mọi thứ sẵn sàng, và tất cả đạn dược của con ở nơi con có thể với tới trong chốc lát. Họ sẽ tấn công chúng ta ngay lập tức."

"But, father," said I, "who are they, and what is it all about, and why do they come here attacking us in this mad way? We have done them no harm."

"Nhưng, cha," tôi nói, "họ là ai, và tất cả chuyện này là gì, và tại sao họ lại đến đây tấn công chúng ta một cách điên rồ như vậy? Chúng ta không làm hại họ."

"I don't know, my boy," he said; "and, as far as I can see, it does not seem very likely that we ever shall know, because whatever they want,

"Cha không biết, con trai," ông nói; "và, theo như cha thấy, có vẻ không có khả năng rằng chúng ta sẽ bao giờ biết, bởi vì bất kể họ muốn

and however they come here, we cannot hope to hold this place against a crowd like that; and all that we can do is to sell our lives as dearly as possible. We are a hundred miles from nearest help, and long before it can get here they will have disposed of us. I should not care for that, but that we have little Gerald with us. Why in the world did I bring him just this time and no other? and then *this* must happen!"

gì, và dù họ đến đây bằng cách nào, chúng ta không thể hy vọng giữ được nơi này chống lại một đám đông như vậy; và tất cả những gì chúng ta có thể làm là bán mạng mình đắt nhất có thể. Chúng ta cách xa sự giúp đỡ gần nhất một trăm dặm, và lâu trước khi nó có thể đến đây họ sẽ đã xử lý chúng ta. Cha không quan tâm đến điều đó, nhưng chúng ta có Gerald nhỏ với chúng ta. Tại sao trên thế giới cha lại mang nó đi chỉ lần này và không lần nào khác? và sau đó điều này phải xảy ra!"

"What do you suppose has become of the men —the labourers?" said I.

"Cha nghĩ điều gì đã xảy ra với những người - những người lao động?" tôi nói.

"They must have been all killed," replied my father, "in that volley that we heard. That is clear, because if any were left they would certainly have run in this direction, to try to take refuge with us."

"Họ chắc chắn đã bị giết hết," cha tôi trả lời, "trong loạt đạn mà chúng ta đã nghe. Điều đó rõ ràng, bởi vì nếu còn ai sống sót, họ chắc chắn sẽ chạy về hướng này, để cố gắng tìm nơi ẩn náu với chúng ta."

"But I do not see why they should kill them, or why they come after us," I objected.

"Nhưng con không hiểu tại sao họ lại giết họ, hoặc tại sao họ lại đến sau chúng ta," tôi phản đối.

"No," said my father, "I do not understand it either; but at least this is certain, that they are in their war-paint, and that always means they have started out with the intention to kill, and that they will fight to the death. No one can tell the reasons on which these barbarians act."

"Không," cha tôi nói, "cha cũng không hiểu điều đó; nhưng ít nhất điều này là chắc chắn, rằng họ đang trong trang phục chiến tranh, và điều đó luôn có nghĩa là họ đã bắt đầu với ý định giết, và rằng họ sẽ chiến đấu đến chết. Không ai có thể biết được những lý do mà những kẻ man rợ này hành động."

At this moment we were interrupted by another loud yell, and the whole band of savages, who had come closer to us under cover of the forest, rushed out upon us simultaneously from both sides. Man after man fell, but they dashed up to the hut bravely enough, and threw themselves against the door. Fortunately the bar held, and, as they soon saw that they could do nothing to us, and were absolutely exposed to our fire, with another great shout they dashed back again into shelter.

Lúc này chúng tôi bị gián đoạn bởi một tiếng hét lớn khác, và toàn bộ băng đảng người da đỏ, những người đã đến gần chúng tôi dưới sự che chở của rừng, lao ra tấn công chúng tôi đồng thời từ cả hai phía. Người này ngã xuống sau người kia, nhưng họ dũng cảm lao lên túp lều, và ném mình vào cửa. May mắn thay thanh chắn đã giữ, và, khi họ sớm thấy rằng họ không thể làm gì với chúng tôi, và hoàn toàn bị phơi bày trước hỏa lực của chúng tôi, với một tiếng hét lớn khác họ lao trở lại vào nơi ẩn nấp.

So far we had escaped unhurt, while quite a number of corpses lay round the hut, for even little Gerald had taken his part bravely, and had shot at least two of the savages, besides wounding another. On my side one fierce-looking fellow had thrust the muzzle of his rifle through one of the cracks. I leaped to one side, seized it just as he discharged it, and fired my revolver over it straight into the face of its owner, who fell back with a groan, leaving the rifle projecting through the crack.

Cho đến nay chúng tôi đã thoát khỏi bị thương, trong khi khá nhiều xác chết nằm quanh túp lều, vì ngay cả Gerald nhỏ cũng đã tham gia một cách dũng cảm, và đã bắn ít nhất hai người da đỏ, ngoài việc làm bị thương một người khác. Ở phía của tôi, một người đàn ông trông dữ tợn đã thò nòng súng trường của mình qua một trong những khe hở. Tôi nhảy sang một bên, nắm lấy nó ngay khi anh ta bắn, và bắn súng lục của mình qua nó thẳng vào mặt của chủ nhân, người ngã xuống với một tiếng rên rỉ, để lại khẩu súng trường nhô ra qua khe hở.

His shot filled the hut with smoke, but otherwise did us no harm. When they had fled into the woods I wanted to unbolt the door in order to take in that rifle, but my father would not allow it, saying that the Indians were certainly watching us from the woods, and that it would be an unnecessary exposure. Also he pointed out that the rifle would be of no use to us, even after we got it, as we were already armed and our ammunition would not fit it. It was a queer old muzzle-loader, fired with a percussion cap, and would certainly, as my father said, have been of no use to us; yet I relinquished that trophy with great reluctance, even though I knew quite well that the probabilities were that we should never live to exhibit it to anybody. So we

Phát súng của anh ta làm đầy túp lều với khói, nhưng ngoài ra không gây hại cho chúng tôi. Khi họ đã chạy vào rừng, tôi muốn mở chốt cửa để lấy khẩu súng trường đó, nhưng cha tôi không cho phép, nói rằng người da đỏ chắc chắn đang theo dõi chúng tôi từ rừng, và rằng đó sẽ là một sự phơi bày không cần thiết. Ông cũng chỉ ra rằng khẩu súng trường sẽ không có ích gì cho chúng tôi, ngay cả sau khi chúng tôi lấy được nó, vì chúng tôi đã được trang bị vũ khí và đạn dược của chúng tôi không phù hợp với nó. Đó là một khẩu súng cũ kỳ quặc, bắn bằng nắp đạn, và chắc chắn, như cha tôi nói, sẽ không có ích gì cho chúng tôi; tuy nhiên tôi đã từ bỏ chiến lợi phẩm đó với sự miễn cưỡng lớn, mặc dù tôi biết rất rõ rằng khả năng là chúng tôi sẽ không bao giờ sống để trưng

pushed the rifle out, and let it fall among the bodies outside.

bày nó cho ai đó. Vì vậy, chúng tôi đẩy khẩu súng trường ra ngoài, và để nó rơi giữa các xác chết bên ngoài.

We had repulsed the attack, certainly, and so far we were unhurt, while the enemy had suffered considerable loss. We had gained but a barren victory, however, and we were under no illusions as to the gravity of our situation. We had with us a fair supply of ammunition, and, entrenched as we were, behind—not boards, but—heavy logs which were bullet-proof, we might possibly hold our own against another such attack or even several such, though a chance bullet might at any moment find its way through a crack and lay one of us low. But we had no food whatever (save, I think, half a box of biscuits); and, worse still, we had only a half-emptied bottle of water. Our meals were under ordinary circumstances cooked for us by the missing Tito, but his primitive culinary arrangements were usually made out in the open or under a tree, and such stores of food as we had with us were kept with other stores down in the sheds near the railway line, so that if the savages chose simply to sit down and besiege us, there could be only one end to the affair.

Chúng tôi đã đẩy lùi cuộc tấn công, chắc chắn, và cho đến nay chúng tôi không bị thương, trong khi kẻ thù đã chịu tổn thất đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi đã giành được một chiến thắng vô ích, và chúng tôi không có ảo tưởng nào về mức độ nghiêm trọng của tình huống của mình. Chúng tôi có với mình một lượng đạn dược khá, và, được đào sâu như chúng tôi, phía sau - không phải là ván, mà là - những khúc gỗ nặng chống đạn, chúng tôi có thể giữ vững trước một cuộc tấn công khác hoặc thậm chí nhiều cuộc tấn công như vậy, mặc dù một viên đạn ngẫu nhiên có thể bất cứ lúc nào tìm đường qua một khe hở và hạ gục một trong chúng tôi. Nhưng chúng tôi không có thức ăn gì cả (ngoại trừ, tôi nghĩ, nửa hộp bánh quy); và, tệ hơn nữa, chúng tôi chỉ có một chai nước đã uống dở. Các bữa ăn của chúng tôi thường được nấu cho chúng tôi bởi Tito mất tích, nhưng các sắp xếp nấu ăn sơ khai của anh ta thường được thực hiện ngoài trời hoặc dưới một cái cây, và các kho dự trữ thực phẩm mà chúng tôi có với chúng tôi được giữ cùng với các kho dự trữ khác trong các nhà kho gần tuyến đường sắt, vì vậy nếu người da đỏ chọn đơn giản là ngồi xuống và bao vây chúng tôi, chỉ có một kết cục duy nhất cho sự việc.

Our conversation, as may be imagined, was not very hopeful. One thing alone seemed to occupy my father's mind—regret that he had brought my younger brother into this terrible position, and sorrow for the shock that the little boy's inevitable death must produce upon his loving mother. We speculated ceaselessly as to why these Indians were attacking us, and (more practically) as to what they were likely to do next, though the answers to these questions could hardly have been of any peat importance to us. Whatever

Cuộc trò chuyện của chúng tôi, như có thể tưởng tượng, không mấy hy vọng. Một điều duy nhất dường như chiếm giữ tâm trí của cha tôi - sự hối tiếc rằng ông đã đưa em trai nhỏ của tôi vào tình huống khủng khiếp này, và nỗi buồn cho cú sốc mà cái chết không thể tránh khỏi của cậu bé sẽ gây ra cho người mẹ yêu thương của cậu. Chúng tôi suy đoán không ngừng về lý do tại sao những người da đỏ này lại tấn công chúng tôi, và (thực tế hơn) về những gì họ có thể làm tiếp theo, mặc dù câu trả lời cho những câu hỏi này khó có thể có tầm

were their reasons, that they were going to kill us seemed certain. There appeared to be not the slightest loop-hole of escape, and absolutely the only thing that we could do on our side was to make the inevitable result as difficult for them as possible, and to exact from them as heavy a price for their victory as lay in our power.

quan trọng lớn đối với chúng tôi. Dù lý do của họ là gì, rằng họ sẽ giết chúng tôi dường như là chắc chắn. Dường như không có chút cơ hội nào để thoát khỏi, và hoàn toàn điều duy nhất mà chúng tôi có thể làm là làm cho kết quả không thể tránh khỏi trở nên khó khăn nhất có thể đối với họ, và đòi hỏi từ họ một cái giá nặng nề nhất cho chiến thắng của họ mà chúng tôi có thể.

Now ensued a long period of waiting, which was far more trying to our nerves (to mine at least) than the exciting time of the attack. All was silent in the forest around us, but unfortunately we knew well that that silence did not indicate that the Indians had abandoned us. After a long time, indeed, we heard a sound of chopping, and marvelled much what our enemies might be doing. Presently we discovered the meaning of the sound, for quite suddenly—in a flash, as it were—the silence changed into a pandemonium of sound, the savages rushing yelling upon the hut once more, madly and uselessly discharging their rifles at it as they ran forward. As before, we fired as rapidly as we could, and had already accounted for several of the attacking party, when my father shouted across to me:

Bây giờ diễn ra một khoảng thời gian chờ đợi dài, điều này còn thử thách thần kinh của chúng tôi hơn (ít nhất là của tôi) so với thời gian tấn công đầy kích thích. Tất cả đều im lặng trong khu rừng xung quanh chúng tôi, nhưng không may chúng tôi biết rõ rằng sự im lặng đó không có nghĩa là người da đỏ đã từ bỏ chúng tôi. Sau một thời gian dài, thực sự, chúng tôi nghe thấy tiếng chặt cây, và tự hỏi nhiều về những gì kẻ thù của chúng tôi có thể đang làm. Ngay sau đó chúng tôi phát hiện ra ý nghĩa của âm thanh, vì khá đột ngột - như một tia chớp, sự im lặng biến thành một địa ngục của âm thanh, những người da đỏ lao vào túp lều một lần nữa, điên cuồng và vô ích bắn súng trường của họ vào nó khi họ chạy tới. Như trước đây, chúng tôi bắn nhanh nhất có thể, và đã hạ gục được một số người trong nhóm tấn công, khi cha tôi hét lên với tôi:

“Here, this way. Aim only at those men with the log.”

“Đây, hướng này. Chỉ nhắm vào những người đàn ông với khúc gỗ.”

Then I saw that six or eight of the Indians were carrying between them a huge log, which they evidently intended to use as a battering-ram to break in our door, which no doubt with so great a weight they could easily have done. But, though they had only some twenty yards to bring the thing, it did not reach us; my father’s quick grasp of their intention foiled their plan for this time, at any rate, for we concentrated the fire of our revolvers upon those who were bearing the tree-trunk, and

Sau đó tôi thấy rằng sáu hoặc tám người da đỏ đang mang giữa họ một khúc gỗ lớn, mà họ rõ ràng dự định sử dụng như một cái đập để phá cửa của chúng tôi, điều mà không nghi ngờ gì với trọng lượng lớn như vậy họ có thể dễ dàng làm được. Nhưng, mặc dù họ chỉ có khoảng hai mươi yard để mang vật đó, nó không đến được với chúng tôi; sự nắm bắt nhanh chóng của cha tôi về ý định của họ đã làm thất bại kế hoạch của họ lần này, ít nhất, vì chúng tôi tập trung hỏa lực của súng lục vào những người

when they had gone half the distance already half of them were down, and the remainder found the weight too great for them. Others sprang forward bravely to take their places, but they were too late to catch the falling log, and when once it lay on the ground it was death for any man to approach it. Once more our assailants broke and fled in confusion. Once more we were left to exult over a temporary victory, and quite a pile of bodies lay upon and around their battering-ram.

đang mang thân cây, và khi họ đã đi được nửa đường, một nửa trong số họ đã ngã xuống, và những người còn lại thấy trọng lượng quá lớn đối với họ. Những người khác dũng cảm lao lên để thay thế họ, nhưng họ đã quá muộn để bắt được khúc gỗ đang rơi, và khi nó nằm trên mặt đất, đó là cái chết cho bất kỳ ai đến gần nó. Một lần nữa những kẻ tấn công của chúng tôi tan rã và chạy trốn trong sự hỗn loạn. Một lần nữa chúng tôi được để lại để vui mừng về một chiến thắng tạm thời, và khá nhiều xác chết nằm trên và xung quanh cái đập của họ.

This time, however, we had had the narrowest of escapes, for while my father and I were concentrating our attention upon those who surrounded the battering-ram, another plumed warrior had crept to the back of the hut, thrust the muzzle of his gun through a crack, and fired it at us from behind. He missed us, though but by a hair's breadth, and we found the bullet afterwards, embedded in one of the logs by the door. Our little Gerald had seen him and fired at him; indeed it is probable that it was his shrill shout of warning which deflected the Indian's aim. Gerald reported that he had not killed the man, but only wounded him, for though he staggered back and seemed badly hurt, he was yet able to crawl off into the forest. Our foes had lost heavily in their three attempts to capture us, but we knew that that would make them all the more determined that we should on no account escape.

Lần này, tuy nhiên, chúng tôi đã thoát hiểm trong gang tấc, vì trong khi cha tôi và tôi đang tập trung sự chú ý vào những người xung quanh cái đập, một chiến binh có lông vũ khác đã bò đến phía sau túp lều, thò nòng súng của mình qua một khe hở, và bắn vào chúng tôi từ phía sau. Anh ta đã bắn trượt chúng tôi, mặc dù chỉ trong gang tấc, và chúng tôi đã tìm thấy viên đạn sau đó, găm vào một trong những khúc gỗ gần cửa. Gerald nhỏ của chúng tôi đã thấy anh ta và bắn vào anh ta; thực sự có thể là tiếng hét cảnh báo cao vút của cậu đã làm lệch hướng ngắm của người da đỏ. Gerald báo cáo rằng cậu không giết người đàn ông, mà chỉ làm anh ta bị thương, vì mặc dù anh ta loạng choạng lùi lại và dường như bị thương nặng, anh ta vẫn có thể bò vào rừng. Kẻ thù của chúng tôi đã chịu tổn thất nặng nề trong ba lần cố gắng bắt giữ chúng tôi, nhưng chúng tôi biết rằng điều đó sẽ khiến họ càng quyết tâm rằng chúng tôi không thể thoát khỏi.

Now there began for us a period of the most trying suspense. Hour after hour passed by, and nothing whatever occurred. We could not hope that they had given up their prey; we knew well enough that their chiefs had been dismayed by the slaughter of their men, and that they had decided to wait until darkness gave them a better opportunity. For myself, I know that I wished that they would attack us

Bây giờ bắt đầu cho chúng tôi một khoảng thời gian chờ đợi căng thẳng nhất. Giờ này qua giờ khác trôi qua, và không có gì xảy ra. Chúng tôi không thể hy vọng rằng họ đã từ bỏ con mồi của mình; chúng tôi biết rõ rằng các thủ lĩnh của họ đã bị hoảng sợ bởi sự tàn sát của người của họ, và rằng họ đã quyết định chờ đợi cho đến khi bóng tối mang lại cho họ một cơ hội tốt hơn. Đối với bản thân tôi, tôi biết rằng tôi đã

again, that they would continue attacking us, for anything seemed to me to be better than that dreadful waiting for certain death. Of course we speculated as to where poor Tito was, and how they had killed him; as to how the attack upon the workmen had been arranged; and what had happened to the foreman, a big powerful Scotchman, who must surely have been taken unawares, or he would have contrived to give a good account of almost any number of the savages. We thought of the mother at home and wondered whether any news of our fate would ever reach her, considering that there seemed to be no one left to tell the tale.

ước rằng họ sẽ tấn công chúng tôi một lần nữa, rằng họ sẽ tiếp tục tấn công chúng tôi, vì bất cứ điều gì dường như đối với tôi là tốt hơn so với sự chờ đợi đáng sợ đó cho cái chết chắc chắn. Tất nhiên chúng tôi đã suy đoán về nơi Tito tội nghiệp có thể ở, và làm thế nào họ đã giết anh ta; về cách cuộc tấn công vào những người lao động đã được sắp xếp; và điều gì đã xảy ra với người quản đốc, một người Scotland mạnh mẽ, người chắc chắn phải đã bị bất ngờ, nếu không anh ta sẽ đã xoay sở để đối phó tốt với hầu hết bất kỳ số lượng người da đỏ nào. Chúng tôi nghĩ về người mẹ ở nhà và tự hỏi liệu có tin tức nào về số phận của chúng tôi sẽ đến được với bà, vì dường như không có ai còn lại để kể câu chuyện.

We were, I believe, what would be called religious people, yet I do not recollect that at this crisis of our fate we talked much about religious subjects. Once only, so far as I remember, did my father refer to such matters.

Chúng tôi, tôi tin, là những người được gọi là tôn giáo, nhưng tôi không nhớ rằng trong thời điểm khủng hoảng của số phận của chúng tôi, chúng tôi đã nói nhiều về các chủ đề tôn giáo. Chỉ một lần, theo như tôi nhớ, cha tôi đã đề cập đến những vấn đề như vậy.

"Well, boys," he said, "you are young to have to die like this, before you have seen anything of life, and I am sorry that I brought you with me. But it is no use being sorry; and who could have foreseen this? But remember we are in God's hands, and nothing can happen to us without His knowledge; and whatever is His will for us, somehow or other that is the best for us, and if we die bravely, as Englishmen should, you may be sure that somehow we are serving Him in doing it, and when we meet him hereafter it will matter very little when or how we died, will it?"

"Chà, các con," ông nói, "các con còn trẻ để phải chết như thế này, trước khi các con đã thấy bất cứ điều gì của cuộc sống, và cha rất tiếc rằng cha đã mang các con theo. Nhưng không có ích gì khi tiếc nuối; và ai có thể đã thấy trước điều này? Nhưng hãy nhớ rằng chúng ta đang trong tay của Chúa, và không có gì có thể xảy ra với chúng ta mà không có sự biết của Ngài; và bất cứ điều gì là ý muốn của Ngài đối với chúng ta, bằng cách nào đó đó là điều tốt nhất cho chúng ta, và nếu chúng ta chết dũng cảm, như người Anh nên làm, các con có thể chắc chắn rằng bằng cách nào đó chúng ta đang phục vụ Ngài trong việc đó, và khi chúng ta gặp Ngài sau này, sẽ rất ít quan trọng khi nào hoặc làm thế nào chúng ta đã chết, phải không?"

And I think that, young as we were, we were inspired by his example, and we were chiefly

Và tôi nghĩ rằng, dù chúng tôi còn trẻ, chúng tôi đã được truyền cảm hứng bởi tấm gương

comforted by the thought that at least we were dying together.

của ông, và chúng tôi chủ yếu được an ủi bởi suy nghĩ rằng ít nhất chúng tôi đang chết cùng nhau.

Time wore on, and at last the quick darkness of the tropics fell upon us. I think the strain of waiting had told upon us all. I know that I had several times caught myself nodding, and I think that little Gerald was, for a time at least, sound asleep; but my father never relaxed his watch for a moment. When the darkness had fallen, and the sounds of tropical night were all around us, he gave us a few words of kindly encouragement, and for the first time made a suggestion which seemed to be inspired by the faintest gleam of hope.

Thời gian trôi qua, và cuối cùng bóng tối nhanh chóng của vùng nhiệt đới đã bao trùm chúng tôi. Tôi nghĩ rằng sự căng thẳng của sự chờ đợi đã ảnh hưởng đến tất cả chúng tôi. Tôi biết rằng tôi đã nhiều lần bắt gặp mình gật gù, và tôi nghĩ rằng Gerald nhỏ đã, ít nhất trong một thời gian, ngủ say; nhưng cha tôi không bao giờ lơ là việc canh gác của mình một lúc nào. Khi bóng tối đã bao trùm, và những âm thanh của đêm nhiệt đới vang lên xung quanh chúng tôi, ông đã cho chúng tôi một vài lời khích lệ, và lần đầu tiên đưa ra một gợi ý dường như được truyền cảm hứng bởi một tia hy vọng mờ nhạt nhất.

"Boys," he said, "I do not know what they are doing, but if they do not show themselves soon I shall open the door as silently as possible, and we will try to slip off among the trees."

"Các con," ông nói, "cha không biết họ đang làm gì, nhưng nếu họ không xuất hiện sớm, cha sẽ mở cửa càng lặng lẽ càng tốt, và chúng ta sẽ cố gắng lẻn đi giữa những cây."

"But," I objected, "surely, father, they will be watching us on all sides."

"Nhưng," tôi phản đối, "chắc chắn, cha, họ sẽ đang theo dõi chúng ta từ mọi phía."

"Yes," said my father, "most likely they are, but at least there is just a chance that we might get through. At the worst, if we fail, they can only kill us, and that is certainly what will happen to us if we stay here."

"Đúng," cha tôi nói, "có khả năng họ đang làm vậy, nhưng ít nhất có một cơ hội rằng chúng ta có thể thoát qua. Tệ nhất, nếu chúng ta thất bại, họ chỉ có thể giết chúng ta, và đó chắc chắn là điều sẽ xảy ra với chúng ta nếu chúng ta ở lại đây."

When he said this I was all on fire to try the experiment at once; but then came to me the awful thought that perhaps we might not all escape, but that one of us might be killed; and suppose that one should be my father, what then should Gerald and I do? Or suppose it should be little Gerald, what use would my life be to me? I said nothing of these thoughts, but my enthusiasm for the plan was damped.

Khi ông nói điều này, tôi đã rất háo hức muốn thử nghiệm ngay lập tức; nhưng sau đó đến với tôi suy nghĩ kinh hoàng rằng có lẽ chúng tôi có thể không thoát hết, mà một trong chúng tôi có thể bị giết; và giả sử người đó là cha tôi, thì Gerald và tôi sẽ làm gì? Hoặc giả sử đó là Gerald nhỏ, thì cuộc sống của tôi sẽ có ích gì cho tôi? Tôi không nói gì về những suy nghĩ này, nhưng sự nhiệt tình của tôi đối với kế

However, our ferocious enemies gave us no opportunity of putting it into execution. Suddenly out of the darkness came something like a stream of fire, and then in rapid succession another and another, and it seemed as though they fell upon the roof of our hut. For a moment we could not imagine what they were, but very soon the ingenuity of the savages dawned upon us. Though the walls of our hut were made of heavy half-logs deeply set in the ground, it was thatched only with palm-leaves. Our enemies had observed that vulnerable point, and were shooting on to the roof flaming arrows wrapped round with cotton steeped in oil.

In a few moments our roof was in a blaze, the hut was filled with blinding smoke, and the flaming fragments were falling all about us. We had to spring upon these fragments and stamp them out, or we should have been roasted to death; and while we were thus fighting for our lives with the flames, the Indians ran to where their battering-ram had fallen, picked it up and charged with it. With a tremendous crash the door and its bar broke from their supports, and in a moment we were surrounded by our foes. We could hardly see through the smoke, but already most of the burning thatch had fallen, and the onrush of the savages trampled out the flames.

"Back to back," my father shouted, and in a moment somehow he and I and little Gerald were together in the centre of the hut, in the midst of an evil-smelling mass of red men, who seemed to be charging upon us simultaneously from all sides. Even then our pistols rang out, and I know that one or two at least went down upon my side; but I received

hoạch đã bị giảm sút.

Tuy nhiên, những kẻ thù hung dữ của chúng tôi đã không cho chúng tôi cơ hội thực hiện nó. Đột nhiên từ trong bóng tối xuất hiện một thứ gì đó giống như một dòng lửa, và sau đó liên tiếp một dòng khác và một dòng khác, và dường như chúng rơi xuống mái của túp lều của chúng tôi. Trong một khoảnh khắc chúng tôi không thể tưởng tượng chúng là gì, nhưng rất nhanh chóng sự khéo léo của những kẻ man rợ đã hiện ra với chúng tôi. Mặc dù các bức tường của túp lều của chúng tôi được làm bằng những khúc gỗ nặng nửa chôn sâu vào mặt đất, nhưng nó chỉ được lợp bằng lá cọ. Kẻ thù của chúng tôi đã quan sát thấy điểm yếu đó, và đang bắn lên mái những mũi tên cháy được quấn quanh bằng bông ngâm dầu.

Trong vài phút, mái của chúng tôi đã bốc cháy, túp lều đầy khói mù mịt, và những mảnh cháy đang rơi xuống xung quanh chúng tôi. Chúng tôi phải nhảy lên những mảnh cháy này và dập tắt chúng, nếu không chúng tôi sẽ bị nướng chín; và trong khi chúng tôi đang chiến đấu cho cuộc sống của mình với ngọn lửa, những người da đỏ đã chạy đến nơi cái đập của họ đã rơi, nhặt nó lên và lao vào. Với một tiếng nổ lớn, cửa và thanh chắn của nó đã bị phá vỡ khỏi các giá đỡ, và trong một khoảnh khắc chúng tôi đã bị bao vây bởi kẻ thù của mình. Chúng tôi hầu như không thể nhìn thấy qua khói, nhưng hầu hết các mái lá cháy đã rơi xuống, và sự xông vào của những kẻ man rợ đã dập tắt ngọn lửa.

"Lưng đối lưng," cha tôi hét lên, và trong một khoảnh khắc bằng cách nào đó ông và tôi và Gerald nhỏ đã ở cùng nhau ở trung tâm của túp lều, giữa một đám đông người da đỏ hôi hám, những người dường như đang lao vào chúng tôi đồng thời từ mọi phía. Ngay cả lúc đó, súng lục của chúng tôi vẫn nổ, và tôi biết rằng ít nhất một hoặc hai người đã ngã xuống

a heavy blow upon the head from behind, and then I knew no more for a while of what was happening.

bên phía tôi; nhưng tôi đã nhận một cú đánh mạnh vào đầu từ phía sau, và sau đó tôi không biết gì nữa trong một thời gian về những gì đang xảy ra.

After a time (how long a time I have no means of knowing) I came to myself again; but, as it seems to me in trying to remember it, only very slowly and confusedly. At first I was conscious of a vague sense of pain, of a curious persistent jolting and a strong desire that the jolting would stop, and let me be at peace. It continued, however, and the sense of discomfort increased, and presently I became dimly conscious that I was moving in some way, or rather being carried in some peculiarly awkward and uncomfortable fashion. I think I had no memory for quite a long time of the fight or the Indians, or indeed of anything; and I may have remained in this condition of semi-stupor for a long period. It seemed like interminable ages to me, yet of course it may really have been but a few minutes (I have no means of knowing); but as my senses gradually reasserted themselves, I felt that at intervals I was being roughly pushed and scratched and struck by something from above, while I was confined in some uncomfortable way from beneath.

Sau một thời gian (bao lâu tôi không có cách nào biết được) tôi tỉnh lại; nhưng, như dường như đối với tôi khi cố gắng nhớ lại, chỉ rất chậm và bối rối. Ban đầu tôi cảm thấy một cảm giác đau đớn mơ hồ, một sự xóc nảy dai dẳng kỳ lạ và một mong muốn mạnh mẽ rằng sự xóc nảy sẽ dừng lại, và để tôi yên. Nó tiếp tục, tuy nhiên, và cảm giác khó chịu tăng lên, và ngay sau đó tôi trở nên mơ hồ nhận thức rằng tôi đang di chuyển theo cách nào đó, hoặc đúng hơn là bị mang theo theo một cách đặc biệt khó chịu và không thoải mái. Tôi nghĩ rằng tôi không có ký ức trong một thời gian khá dài về cuộc chiến hoặc người da đỏ, hoặc thực sự về bất cứ điều gì; và tôi có thể đã ở trong tình trạng mê man này trong một thời gian dài. Nó dường như như những thời đại vô tận đối với tôi, nhưng tất nhiên nó có thể thực sự chỉ là vài phút (tôi không có cách nào biết được); nhưng khi các giác quan của tôi dần dần khôi phục lại, tôi cảm thấy rằng thỉnh thoảng tôi bị đẩy mạnh và cào xước và đánh bởi một thứ gì đó từ trên cao, trong khi tôi bị giam cầm theo một cách không thoải mái từ bên dưới.

I am trying to describe the sensations of my recovery as well as I can, and yet I cannot really express them, for it was all indescribably vague and cloudy, and I seemed quite incapable of assigning causes to these sensations, or of understanding what was happening to me. But somehow by degrees it dawned upon me that I was upon the back of a horse or a mule, that the horrible jolting was caused by his stumbling over what seemed to be very uneven ground, and that the blows and scratches came to me from the low hanging branches of the trees under which we were passing.

Tôi đang cố gắng mô tả cảm giác của sự hồi phục của mình tốt nhất có thể, và tuy nhiên tôi không thể thực sự diễn tả chúng, vì tất cả đều vô cùng mơ hồ và mờ ảo, và tôi dường như hoàn toàn không có khả năng gán nguyên nhân cho những cảm giác này, hoặc hiểu những gì đang xảy ra với tôi. Nhưng bằng cách nào đó dần dần tôi nhận ra rằng tôi đang trên lưng của một con ngựa hoặc một con la, rằng sự xóc nảy kinh khủng đó là do nó vấp phải những gì dường như là mặt đất rất không bằng phẳng, và rằng những cú đánh và cào xước đến với tôi từ những cành cây thấp treo mà chúng tôi đang đi qua.

I think it was when I had got about as far as this, that my consciousness seemed to return to me with a kind of jerk, to wake up again within me suddenly, and I realised that I was bound upon the back of this animal, that he was one of a large number of similar creatures, some of which were loaded with what seemed to be bales of goods, while others were ridden by the Indians. I saw also that many Indians were all about us on foot. And then with a shock, memory fully returned to me, and I realised that I must have been stunned by a blow in the burning hut, and that instead of killing me on the spot these Indians were carrying me off as a prisoner.

Tôi nghĩ rằng đó là khi tôi đã đi được đến mức này, rằng ý thức của tôi dường như trở lại với tôi với một loại giật mình, để thức tỉnh lại trong tôi đột ngột, và tôi nhận ra rằng tôi bị trói trên lưng của con vật này, rằng nó là một trong số nhiều sinh vật tương tự, một số trong đó được chất đầy những gì dường như là kiện hàng, trong khi những con khác được cưỡi bởi người da đỏ. Tôi cũng thấy rằng nhiều người da đỏ đang ở xung quanh chúng tôi trên bộ. Và sau đó với một cú sốc, ký ức hoàn toàn trở lại với tôi, và tôi nhận ra rằng tôi phải đã bị choáng bởi một cú đánh trong túp lều đang cháy, và rằng thay vì giết tôi ngay tại chỗ, những người da đỏ này đang mang tôi đi như một tù nhân.

We were pushing through the forest at a good speed, and there under the trees the darkness was impenetrable. But almost as soon as my senses had fully returned to me we came out into a sort of clearing, where I could dimly see the mob of mounted and running savages which surrounded me. My first thought was, “Is my father also a prisoner?” And I raised a shout of “Father!” At least I tried to make it a shout, though I dare say in reality it was but a feeble cry. A moment of terrible suspense, and then a great wave of thankfulness came over me as I heard his cheery voice exclaim in reply from somewhere amidst the dusky mass in front of me:

Chúng tôi đang tiến nhanh qua khu rừng, và dưới những tán cây, bóng tối không thể xuyên qua. Nhưng gần như ngay khi giác quan của tôi hoàn toàn trở lại, chúng tôi đã ra đến một khoảng trống, nơi tôi có thể mờ mờ thấy đám đông người cưỡi ngựa và chạy bộ bao quanh tôi. Suy nghĩ đầu tiên của tôi là, "Cha tôi cũng bị bắt làm tù nhân sao?" Và tôi hét lên "Cha ơi!" Ít nhất tôi đã cố gắng làm cho nó thành một tiếng hét, mặc dù tôi dám nói rằng thực tế nó chỉ là một tiếng kêu yếu ớt. Một khoảnh khắc hồi hộp kinh khủng, và sau đó một làn sóng biết ơn lớn tràn qua tôi khi tôi nghe thấy giọng nói vui vẻ của ông đáp lại từ đâu đó giữa đám đông tối tăm trước mặt tôi:

“Ha, my boy, you are alive then!” he cried; “are you much hurt?

"Ha, con trai của ta, vậy là con còn sống!" ông kêu lên; "Con có bị thương nặng không?"

“No, I think not, “ I called in reply, “but my head feels queer. But are you hurt?”

"Không, con nghĩ là không," tôi gọi lại, "nhưng đầu con cảm thấy kỳ lạ. Nhưng cha có bị thương không?"

I had only just time to hear “No” in reply, when an Indian thrust his face into mine and savagely told me to be silent, and at the same time I saw some sort of struggle taking place

Tôi chỉ vừa kịp nghe "Không" trong câu trả lời, khi một người da đỏ thò mặt vào tôi và hung dữ bảo tôi im lặng, và đồng thời tôi thấy một cuộc đấu tranh nào đó đang diễn ra phía trước,

in front, which suggested that they were closing round my father and trying to keep him quiet also. The man who had checked me had spoken in a kind of bastard Spanish—half Spanish, half Portuguese, but spoken with a curious thick guttural accent that made it well-nigh incomprehensible; but when the ruffians round me spoke to one another, which was very rarely, they did so in some language of their own of which I knew nothing.

điều này gợi ý rằng họ đang vây quanh cha tôi và cố gắng giữ ông yên lặng. Người đã ngăn tôi lại nói bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha lai tạp —nửa Tây Ban Nha, nửa Bồ Đào Nha, nhưng được nói với một giọng dày đặc kỳ lạ khiến nó gần như không thể hiểu được; nhưng khi những kẻ côn đồ xung quanh tôi nói chuyện với nhau, điều này rất hiếm khi xảy ra, họ làm điều đó bằng một ngôn ngữ nào đó của riêng họ mà tôi không biết gì.

I could chatter well enough with the negroes in the curious *lingua franca* which they speak, and I tried in that to ask the Indians around me where they were taking us, and where my little brother was; but they either did not or would not understand me. At any rate they made no reply further than roughly to repeat the command to be silent when I tried to shout to my father once more. For some time after this I was in anxiety concerning the fate of little Gerald, but at last as we were crossing an open space I had the great joy of seeing him alive and apparently unhurt. A man who seemed of some consequence among the Indians was holding him in front of him as he rode, seated on the neck of his horse. I called to him at once to ask if he was hurt, and he called back:

Tôi có thể nói chuyện khá tốt với những người da đen bằng thứ tiếng bồi kỳ lạ mà họ nói, và tôi đã cố gắng hỏi những người da đỏ xung quanh tôi rằng họ đang đưa chúng tôi đi đâu, và em trai nhỏ của tôi ở đâu; nhưng họ hoặc không hiểu hoặc không muốn hiểu tôi. Dù sao đi nữa, họ không trả lời gì ngoài việc thô bạo lặp lại lệnh im lặng khi tôi cố gắng hét lên với cha tôi một lần nữa. Một thời gian sau đó, tôi lo lắng về số phận của Gerald nhỏ bé, nhưng cuối cùng khi chúng tôi băng qua một khoảng trống, tôi đã có niềm vui lớn khi thấy nó còn sống và dường như không bị thương. Một người đàn ông có vẻ quan trọng trong số những người da đỏ đang giữ nó trước mặt khi ông cưỡi ngựa, ngồi trên cổ ngựa của ông. Tôi gọi ngay cho nó để hỏi xem nó có bị thương không, và nó gọi lại:

"Không, không nhiều," và, tôi nghĩ, hỏi thăm tôi. Nhưng người đàn ông đang giữ nó lắc mạnh nó và ra lệnh cho nó im lặng. Bây giờ khi tâm trí tôi đã được giải tỏa về số phận của cha và em trai, tôi có thời gian để xem xét tình trạng của chính mình, và chắc chắn nó không cải thiện khi xem xét. Tôi phát hiện ra rằng tôi đã bị lột trần hoàn toàn, rằng cổ tay tôi bị buộc chặt phía sau, và mắt cá chân của tôi bị buộc bằng một sợi dây hoặc dây da đi qua dưới thân ngựa của tôi.

“No, not much,” and, I think, asked after me. But the man who was holding him shook him roughly and ordered him to be quiet. Now that my mind was relieved as to the fate of my father and brother, I had leisure to consider my own condition, and it certainly did not improve on consideration. I found that I had been stripped absolutely naked, that my wrists were fastened together tightly behind me, and that my ankles were secured by a rope or thong which passed under the body of my steed.

In front of me was some sort of pack or roll of blankets, and to this also I was bound, apparently by the rope which tied it on to the horse. In my insensible condition I suppose I must have lain on this roll, tied to it as though I had myself been simply another package; and even now that I had come to myself I was unable to sit up and ride properly, or to extend a hand to save myself from striking against the lower branches of the trees under which we passed. Altogether my position was a vilely uncomfortable one, and when I add to that the fact that my head ached abominably from the blow which had stunned me, it will readily be understood that I was not in especially good spirits.

Trước mặt tôi là một loại gói hoặc cuộn chăn nào đó, và tôi cũng bị buộc vào đó, dường như bằng sợi dây buộc nó vào ngựa. Trong tình trạng bất tỉnh của tôi, tôi cho rằng tôi phải nằm trên cuộn này, bị buộc vào đó như thể tôi chỉ là một gói hàng khác; và ngay cả bây giờ khi tôi đã tỉnh lại, tôi không thể ngồi dậy và cưỡi ngựa đúng cách, hoặc đưa tay ra để tự cứu mình khỏi va vào các nhánh cây thấp hơn mà chúng tôi đi qua. Tất cả vị trí của tôi là một vị trí cực kỳ khó chịu, và khi tôi thêm vào đó thực tế rằng đầu tôi đau nhức khủng khiếp từ cú đánh đã làm tôi choáng váng, sẽ dễ dàng hiểu rằng tôi không ở trong tinh thần đặc biệt tốt.

As far as I was able to think connectedly, I believe that I spent most of my time in wondering about the situation in which we found ourselves. Who could these Indians be, and what could be their object in attacking us so savagely as they had done, and yet after all in taking us prisoners instead of killing us off-hand? I knew well enough, from plenty of stories that I had heard, that it was not their custom to take prisoners; and though while there is life there is hope, and it was at least an unexpected boon that our lives had been spared so far. I must admit that the more 1 reflected upon our probable future the less I liked the prospect.

Trong chừng mực tôi có thể suy nghĩ một cách liên kết, tôi tin rằng tôi đã dành phần lớn thời gian của mình để tự hỏi về tình huống mà chúng tôi đang gặp phải. Những người da đỏ này có thể là ai, và mục đích của họ là gì khi tấn công chúng tôi một cách tàn bạo như vậy, và sau tất cả lại bắt chúng tôi làm tù nhân thay vì giết chúng tôi ngay lập tức? Tôi biết rõ, từ nhiều câu chuyện mà tôi đã nghe, rằng đó không phải là thói quen của họ để bắt tù nhân; và mặc dù khi còn sống thì còn hy vọng, và ít nhất đó là một ân huệ bất ngờ rằng mạng sống của chúng tôi đã được tha cho đến nay. Tôi phải thừa nhận rằng càng suy nghĩ về tương lai có thể xảy ra của chúng tôi, tôi càng không thích viễn cảnh đó.

It seems incredible, in such a hideously uncomfortable position, but I believe that I must actually have slept, or at least dozed; for I remember nothing of the dawning, yet it was full daylight when my steed stopped with a jerk, which woke me to the consciousness that we were out of that interminable forest at last. To my intense surprise I saw before me, not the wigwams of the Indians, but what appeared to be the tents of an army; and with

Có vẻ không thể tin được, trong một vị trí khó chịu đến mức kinh khủng như vậy, nhưng tôi tin rằng tôi thực sự đã ngủ, hoặc ít nhất là chợp mắt; vì tôi không nhớ gì về bình minh, nhưng khi con ngựa của tôi dừng lại với một cú giật, tôi tỉnh dậy với ý thức rằng cuối cùng chúng tôi đã ra khỏi khu rừng vô tận đó. Để ngạc nhiên tột độ của tôi, tôi thấy trước mặt mình không phải là những túp lều của người da đỏ, mà là những gì dường như là lều của một đội

that sight there came upon me a sudden gleam of hope, which oddly enough turned me absolutely sick. If here were military tents, surely here also must be civilised men, and since these Indians, instead of killing us, had brought us to this place, was there not possible some hope of escape after all? What it all meant, I had no more idea than I had had before, but at least this was something quite different from the gruesome end to our ride which my fears had been prompting me to expect when I fell asleep.

quân; và với cảnh tượng đó, một tia hy vọng đột ngột đến với tôi, điều kỳ lạ là nó khiến tôi hoàn toàn buồn nôn. Nếu đây là lều quân đội, chắc chắn ở đây cũng phải có những người văn minh, và vì những người da đỏ này, thay vì giết chúng tôi, đã đưa chúng tôi đến nơi này, liệu có thể có hy vọng nào đó về việc trốn thoát không? Tất cả điều đó có ý nghĩa gì, tôi không biết hơn gì trước đây, nhưng ít nhất đây là điều gì đó hoàn toàn khác với kết thúc kinh khủng cho chuyến đi của chúng tôi mà nỗi sợ hãi của tôi đã thúc giục tôi mong đợi khi tôi ngủ thiếp đi.

Chapter III

AT THE CAMP OF MARTINEZ

Chương III

TẠI TRẠI CỦA MARTINEZ

The Indians now began to unload the horses and to turn them out to graze, and among others they untied the rope that bound me to the bundle in front of me, and also that which fastened my ankles underneath the body of the horse. They did not, however, untie the cord which bound my wrists, and they simply dropped me on the ground among the other bales, and paid but little further attention to me. Perhaps it was just as well, for I hardly think that I could have stood upon my feet, and I was well content to sit upon the ground for a while and try to steady my swimming head and stretch my cramped muscles.

Người da đỏ bây giờ bắt đầu dỡ ngựa và thả chúng ra để gặm cỏ, và trong số những người khác, họ cởi dây buộc tôi vào gói hàng trước mặt tôi, và cũng cởi dây buộc mắt cá chân của tôi dưới thân ngựa. Tuy nhiên, họ không cởi dây buộc cổ tay tôi, và họ chỉ đơn giản thả tôi xuống đất giữa các kiện hàng khác, và không chú ý nhiều hơn đến tôi. Có lẽ điều đó cũng tốt, vì tôi hầu như không nghĩ rằng tôi có thể đứng trên đôi chân của mình, và tôi rất hài lòng khi ngồi trên mặt đất một lúc và cố gắng ổn định đầu óc đang quay cuồng và duỗi các cơ bắp bị co cứng của mình.

My father and Gerald had also been dismounted with a similar lack of ceremony, but a man stood on each side of my father as he sat on the ground, and though no actual endeavour to bind us was made beyond the fastening of the wrists, it was quite evident that we were carefully guarded, and that the Indians had no intention of neglecting us, or giving us any opportunity of slipping away from them.

Cha tôi và Gerald cũng đã bị hạ xuống với sự thiếu lễ nghi tương tự, nhưng một người đứng ở mỗi bên của cha tôi khi ông ngồi trên mặt đất, và mặc dù không có nỗ lực thực sự nào để trói chúng tôi ngoài việc buộc cổ tay, rõ ràng là chúng tôi được canh gác cẩn thận, và người da đỏ không có ý định bỏ bê chúng tôi, hoặc cho chúng tôi bất kỳ cơ hội nào để trốn thoát khỏi họ.

Still, they did not prevent my father from walking over to where I lay and sitting down on the ground beside me, though his guards followed him closely. My father spoke authoritatively to such as appeared to be the chief men among the Indians, demanding in his best Spanish (which I must admit was barely intelligible) what they meant by seizing us in this way, by stripping us of our clothes, and generally treating us thus disgracefully. The Indians, however, took no notice? possibly because they really did not understand; though they must have known in a general way what he was saying, for presently they threw over us a couple of dirty ponchos. Now in that part of the world the *poncho* of an Indian was nothing but a blanket with a hole in the middle, through which the proud possessor put his head; so regarded as garments these things were distinctly inadequate, but at least they were enormously better than nothing, though we made many grimaces at their filthiness.

Tuy nhiên, họ không ngăn cha tôi đi bộ đến chỗ tôi nằm và ngồi xuống đất bên cạnh tôi, mặc dù những người bảo vệ ông theo sát. Cha tôi nói một cách uy quyền với những người có vẻ là những người đứng đầu trong số người da đỏ, yêu cầu bằng tiếng Tây Ban Nha tốt nhất của ông (mà tôi phải thừa nhận là khó hiểu) rằng họ có ý gì khi bắt giữ chúng tôi theo cách này, bằng cách lột trần chúng tôi, và nói chung đối xử với chúng tôi một cách đáng xấu hổ như vậy. Tuy nhiên, người da đỏ không chú ý? có thể vì họ thực sự không hiểu; mặc dù họ phải biết một cách tổng quát những gì ông đang nói, vì ngay sau đó họ ném cho chúng tôi một vài chiếc poncho bẩn thỉu. Bây giờ ở phần đó của thế giới, poncho của một người da đỏ chỉ là một chiếc chăn với một lỗ ở giữa, qua đó người sở hữu tự hào đưa đầu của mình; vì vậy được coi là quần áo, những thứ này rõ ràng là không đủ, nhưng ít nhất chúng tốt hơn rất nhiều so với không có gì, mặc dù chúng tôi đã nhăn mặt nhiều trước sự bẩn thỉu của chúng.

My father proclaimed his intention of going to the nearest of the tents, and trying to open up communication with some civilised being; but this the Indians would not permit, and they were evidently prepared to use force if necessary to detain us where we were. So we soon agreed that it was better for us to remain quiet and let circumstances develop themselves, since it seemed reasonably evident that the Indians did not mean to kill us or further to ill-treat us, and it was also clear that the camp was not yet awakened, for no one was moving about but a few sentinels.

Cha tôi tuyên bố ý định đi đến lều gần nhất, và cố gắng mở ra liên lạc với một số người văn minh; nhưng điều này người da đỏ không cho phép, và họ rõ ràng đã chuẩn bị sử dụng vũ lực nếu cần thiết để giữ chúng tôi ở nơi chúng tôi đang ở. Vì vậy, chúng tôi sớm đồng ý rằng tốt hơn là chúng tôi nên giữ im lặng và để hoàn cảnh tự phát triển, vì dường như khá rõ ràng rằng người da đỏ không có ý định giết chúng tôi hoặc tiếp tục ngược đãi chúng tôi, và cũng rõ ràng rằng trại chưa thức dậy, vì không ai di chuyển ngoài một vài lính canh.

The nearest tent to us was a large one, which was set quite apart from the others, higher up than they, and close to the edge of the forest. I remember it occurred to me that the scene in front of us had a certain resemblance to the little glade in which our hut had been erected,

Lều gần nhất với chúng tôi là một cái lớn, được đặt khá tách biệt với những cái khác, cao hơn chúng, và gần rìa rừng. Tôi nhớ rằng tôi đã nghĩ rằng cảnh tượng trước mặt chúng tôi có một sự tương đồng nhất định với khoảng trống nhỏ nơi túp lều của chúng tôi đã được

except that it was on a much larger scale. The forest lay behind us, and the larger tent which I have described stood with its back to it, something in the same way as our cabin had done. Down before it stretched a wide plain covered with the tents of the soldiers, and far away at the bottom I could see the gleaming waters of a stream. It was not difficult to infer that this must be the tent of the general, or whatever the officer in charge of this body of troops was called, for a special sentinel marched up and down a short beat in front of it.

dựng lên, ngoại trừ việc nó ở quy mô lớn hơn nhiều. Khu rừng nằm phía sau chúng tôi, và lều lớn hơn mà tôi đã mô tả đứng với lưng quay về phía nó, giống như cách mà cabin của chúng tôi đã làm. Trước mặt nó trải dài một đồng bằng rộng lớn phủ đầy lều của binh lính, và xa xa ở dưới cùng tôi có thể thấy những dòng nước lấp lánh của một con suối. Không khó để suy luận rằng đây phải là lều của tướng quân, hoặc bất cứ ai là sĩ quan chỉ huy của lực lượng này, vì một lính canh đặc biệt đi qua lại một đoạn ngắn trước mặt nó.

In a few minutes appeared a tall Indian with a magnificent plume of feathers, whom I at once recognised as having been among those who attacked us the night before. Indeed, as he came nearer, and I could look at him more closely, I realised that I had seen him once before that also, though as he had then been dressed merely in the ordinary Indian fashion, I did not know him again at first in his war-paint and feathers. He had been pointed out to me in the streets of the town as a man of great power but exceedingly bad reputation, one who claimed the position of chief over all the Indians in that part of the country. He called himself by the name Antinahuel, which means, I am told, “the tiger of the sun,” and he claimed descent from the ancient Incas of Peru. My information had been to the effect that there was in reality no foundation whatever for this claim, and that it was not recognised by the Peruvian Indians. Indeed, when in Peru I had myself seen the man who was accepted as the legitimate descendant, and while I have no means of deciding between the rival claimants, I may at least say that that man looked gentle, dignified and kingly, while this man had a face which, though powerful, was full of revolting cruelty.

Trong vài phút xuất hiện một người da đỏ cao lớn với một chiếc lông vũ tuyệt đẹp, người mà tôi ngay lập tức nhận ra là đã ở trong số những người tấn công chúng tôi đêm trước. Thực sự, khi ông đến gần hơn, và tôi có thể nhìn ông kỹ hơn, tôi nhận ra rằng tôi đã thấy ông một lần trước đó, mặc dù khi đó ông chỉ mặc trang phục bình thường của người da đỏ, tôi không nhận ra ông ngay trong bộ chiến tranh và lông vũ. Ông đã được chỉ cho tôi thấy trên đường phố của thị trấn như một người có quyền lực lớn nhưng có tiếng xấu vô cùng, một người tự xưng là thủ lĩnh của tất cả người da đỏ ở phần đó của đất nước. Ông tự gọi mình là Antinahuel, có nghĩa là, tôi được cho biết, "con hổ của mặt trời," và ông tuyên bố là hậu duệ của các Inca cổ đại của Peru. Thông tin của tôi cho biết rằng thực tế không có cơ sở nào cho tuyên bố này, và nó không được người da đỏ Peru công nhận. Thực sự, khi ở Peru, tôi đã tự mình thấy người được chấp nhận là hậu duệ hợp pháp, và mặc dù tôi không có phương tiện để quyết định giữa các đối thủ, tôi có thể ít nhất nói rằng người đó trông hiền lành, trang nghiêm và vương giả, trong khi người này có một khuôn mặt, mặc dù mạnh mẽ, nhưng đầy sự tàn ác ghê tởm.

I was by no means reassured by my

Tôi không hề yên tâm khi nhận ra Antinahuel,

recognition of Antinahuel, for if half that I had heard of him was true, I could only wonder that after having fallen into his hands we were still alive. Still, we *were* alive, and the tents were evidence that we had some one else to deal with besides this relentless savage, so we waited with what patience we could. From the frequent glances directed by our guards and the others at the large tent, it seemed probable that we were waiting for some one to come out; perhaps for the general of this force to awaken.

vì nếu một nửa những gì tôi đã nghe về ông là đúng, tôi chỉ có thể tự hỏi rằng sau khi rơi vào tay ông, chúng tôi vẫn còn sống. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn sống, và những chiếc lều là bằng chứng rằng chúng tôi có ai đó khác để đối phó ngoài kẻ man rợ không khoan nhượng này, vì vậy chúng tôi chờ đợi với sự kiên nhẫn nhất có thể. Từ những cái nhìn thường xuyên được hướng về phía lều lớn của những người bảo vệ chúng tôi và những người khác, có vẻ như chúng tôi đang chờ đợi ai đó ra ngoài; có lẽ là tướng quân của lực lượng này thức dậy.

Presently, by degrees, the camp arose from its slumbers, and we saw frowsy-looking soldiers coming out of the various tents and talking together. We noticed at once that there was an absence of the discipline which one would naturally have expected—that the men where not all roused at once by a *reveille*, but that they just seemed to wake as they chose. None of them, however, took any notice of us, or came up the hill to inspect us, from which we argued that they must be thoroughly accustomed to seeing the Indians in their war-paint—a sight which ordinarily would have instantly roused half-caste or Spanish natives into the wildest excitement.

Chẳng mấy chốc, dần dần, trại thức dậy từ giấc ngủ, và chúng tôi thấy những người lính trông nhếch nhác đi ra từ các lều khác nhau và nói chuyện với nhau. Chúng tôi nhận thấy ngay rằng có sự thiếu kỷ luật mà người ta tự nhiên mong đợi—rằng những người này không bị đánh thức cùng một lúc bởi một hồi kèn, mà họ chỉ dường như thức dậy khi họ muốn. Tuy nhiên, không ai trong số họ chú ý đến chúng tôi, hoặc đi lên đồi để kiểm tra chúng tôi, từ đó chúng tôi suy luận rằng họ phải đã quen thuộc với việc nhìn thấy người da đỏ trong bộ chiến tranh của họ—một cảnh tượng mà thông thường sẽ ngay lập tức kích động người lai hoặc người Tây Ban Nha vào sự phấn khích dữ dội nhất.

Presently we could make out that some men dressed as officers were amongst the others, and a semblance of order began to show itself, some men trooping off down to the river with buckets. After a time, one who seemed to be a sort of leader among the Indians went down into the camp, and we saw him in conversation with one of the higher officers. After some few minutes' talk, they walked up the hill together and approached what we supposed to be the general's tent. Exchanging some pass-word with the sentry, who saluted him, the officer raised the flap of the tent and passed inside.

Chẳng mấy chốc chúng tôi có thể nhận ra rằng một số người mặc trang phục sĩ quan đang ở giữa những người khác, và một sự semblance của trật tự bắt đầu xuất hiện, một số người đi xuống sông với xô. Sau một thời gian, một người có vẻ là một loại lãnh đạo trong số người da đỏ đi xuống trại, và chúng tôi thấy ông nói chuyện với một trong những sĩ quan cao cấp. Sau vài phút nói chuyện, họ đi lên đồi cùng nhau và tiến đến cái mà chúng tôi cho là lều của tướng quân. Trao đổi một số mật khẩu với lính canh, người đã chào ông, sĩ quan nâng nắp lều và đi vào bên trong.

After an interval he came out again, accompanied by a choleric-looking little man who had evidently just been roused from sleep, and looked as though he resented it. He was dressed in a colonel's uniform, which, however, he wore in a slip-shod, slovenly way. As he came out he was buckling his sword around his waist. As soon as he appeared, Antinahuel, who had, I suppose, been somewhere in the background all the time, came forward and exchanged with him a dignified salute.

Sau một khoảng thời gian, ông lại ra ngoài, đi cùng với một người đàn ông nhỏ bé có vẻ nóng nảy, người rõ ràng vừa bị đánh thức từ giấc ngủ, và trông như thể ông không hài lòng về điều đó. Ông mặc đồng phục của một đại tá, tuy nhiên, ông mặc nó một cách lôi thôi, cẩu thả. Khi ông ra ngoài, ông đang thắt kiếm quanh eo. Ngay khi ông xuất hiện, Antinahuel, người mà tôi cho rằng đã ở đâu đó trong hậu cảnh suốt thời gian qua, tiến lên và trao đổi với ông một cái chào trang trọng.

We saw them speaking together, and it was evident from their glances in our direction that they were speaking of us. A crowd of soldiers was by this time gathering in that part of the camp nearest to us, apparently having realised that something unusual was going forward, but none of them ventured to approach very near to the tent, or to the group who were talking in front of it. The officer who had come up from the camp with the Indian turned towards them and shouted an order, and immediately four of his men came running up to him, received a few words of instruction, and then came quickly over to us, and motioned to us to rise and come with them. They did not touch us roughly in any way, but two of them ranged themselves one on each side of my father, another took charge of me and the fourth of little Gerald, and thus they marched us up before the little man, who was evidently the commander of this curiously undisciplined force.

Chúng tôi thấy họ nói chuyện với nhau, và rõ ràng từ những cái nhìn của họ về phía chúng tôi rằng họ đang nói về chúng tôi. Một đám đông lính đã tụ tập ở phần trại gần chúng tôi nhất, dường như nhận ra rằng có điều gì đó bất thường đang diễn ra, nhưng không ai trong số họ dám tiến lại gần lều, hoặc nhóm người đang nói chuyện trước mặt nó. Sĩ quan đã đi lên từ trại với người da đỏ quay về phía họ và hét lên một mệnh lệnh, và ngay lập tức bốn người của ông chạy đến ông, nhận được một vài lời chỉ dẫn, và sau đó nhanh chóng đi về phía chúng tôi, và ra hiệu cho chúng tôi đứng dậy và đi cùng họ. Họ không chạm vào chúng tôi một cách thô bạo, nhưng hai người trong số họ đứng một bên cha tôi, một người khác phụ trách tôi và người thứ tư phụ trách Gerald nhỏ bé, và do đó họ dẫn chúng tôi lên trước người đàn ông nhỏ bé, người rõ ràng là chỉ huy của lực lượng kỳ lạ không có kỷ luật này.

We were certainly not very dignified in appearance; apart from our filthy ponchos we were absolutely naked, and not even decently clean; for the branches of the trees which had scratched and struck us as we rode hurriedly through them had covered us with smears and scratches, so that we presented a most disreputable appearance. Nevertheless, as

Chúng tôi chắc chắn không có vẻ ngoài rất trang nghiêm; ngoài những chiếc poncho bẩn thỉu của chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn trần truồng, và thậm chí không sạch sẽ; vì các nhánh cây đã cào và đánh chúng tôi khi chúng tôi vội vã đi qua chúng đã phủ lên chúng tôi những vết bẩn và vết xước, khiến chúng tôi trông rất đáng chê trách. Tuy nhiên, ngay khi

soon as we were brought up before the commander, my father at once poured out upon him a most indignant complaint as to the way in which we had been treated, accused the Indians of the slaughter of his workmen, and threatened the dire vengeance of the British Government on the heads of all concerned.

chúng tôi được đưa lên trước chỉ huy, cha tôi ngay lập tức trút ra một lời phàn nàn đầy phẫn nộ về cách chúng tôi đã bị đối xử, buộc tội người da đỏ về việc giết hại công nhân của ông, và đe dọa sự trả thù khủng khiếp của Chính phủ Anh lên đầu tất cả những người liên quan.

His Spanish, as I have said, was distinctly faulty, and the effect of his outburst was much marred by the fact that at points where he became utterly explosive he generally had to turn to me for a word; for the fact was that, from running about perpetually among the negro and Indian servants, I knew more of the *patois* of the country than he did. The little commander heard his tirade to the end, and then began to speak in reply with, I must admit, a praiseworthy courtesy. He began by expressing his deep regret at the “accident” that had happened to us, assuring us that it was all a mistake.

Tiếng Tây Ban Nha của ông, như tôi đã nói, rõ ràng là không tốt, và hiệu quả của sự bùng nổ của ông bị giảm đi nhiều bởi thực tế là ở những điểm mà ông trở nên hoàn toàn bùng nổ, ông thường phải quay sang tôi để tìm một từ; vì thực tế là, từ việc chạy quanh liên tục giữa những người hầu da đen và da đỏ, tôi biết nhiều hơn về tiếng bồi của đất nước này so với ông. Người chỉ huy nhỏ bé nghe hết lời chỉ trích của ông, và sau đó bắt đầu nói đáp lại với, tôi phải thừa nhận, một sự lịch sự đáng khen ngợi. Ông bắt đầu bằng cách bày tỏ sự tiếc nuối sâu sắc của mình về "tai nạn" đã xảy ra với chúng tôi, đảm bảo với chúng tôi rằng tất cả chỉ là một sự nhầm lẫn.

“A mistake!” roared my father; “then it is a mistake for which somebody will have to pay heavily. Perhaps you do not realise that a number of men have been killed, seventy, eighty, a hundred men!”

"Một sự nhầm lẫn!" cha tôi gầm lên; "vậy thì đó là một sự nhầm lẫn mà ai đó sẽ phải trả giá đắt. Có lẽ ông không nhận ra rằng một số người đã bị giết, bảy mươi, tám mươi, một trăm người!"

The little commander shrugged his shoulders and spread out his hands, and assured us that no one could regret more than he the impetuosity of his Indian friends, but that in war these little mistakes would occasionally occur, and after all it was done, and it could not be undone.

Người chỉ huy nhỏ bé nhún vai và giơ tay ra, và đảm bảo với chúng tôi rằng không ai có thể tiếc nuối hơn ông về sự nóng nảy của những người bạn da đỏ của ông, nhưng rằng trong chiến tranh những sai lầm nhỏ này thỉnh thoảng sẽ xảy ra, và sau tất cả thì nó đã xảy ra, và không thể hoàn tác.

My father was becoming more and more indignant, but he saw that this was not the time to discuss the question of eventual compensation or retribution, so he demanded that we should be instantly set free, and that

Cha tôi ngày càng trở nên phẫn nộ hơn, nhưng ông thấy rằng đây không phải là lúc để thảo luận về vấn đề bồi thường hoặc trả thù cuối cùng, vì vậy ông yêu cầu chúng tôi phải được thả ngay lập tức, và quần áo của chúng tôi phải

our clothes should be returned to us, asserting that he was a British subject and did not propose to be treated in this way.

The little commander, with a patience really wonderful for him, considering what kind of man he was, replied that all this should be done, but that there was a little ceremony—a mere nothing—which it was necessary that we should go through first. He said that he had often heard of the English, and heard wonderful stories of their prodigious valour, and that while he regretted deeply, most deeply, that his Indian allies should have made the stupid error of mistaking us for Spaniards, and so putting us to all this deplorable inconvenience, yet on the other hand it was surely his good fortune which had brought us to him, in order that we might assist him in carrying out his plans.

He then gravely proceeded to offer to my father the command of one of the four regiments which he said he had with him, on consideration that we threw in our lot with him and took the oath of allegiance to him. He explained to us that he was General Martinez, and that the intolerable tyranny with which he and his race had been treated by the Spaniards had induced them to rise and throw off their yoke; that when this was done he himself intended to be the President or Dictator of the military republic which he should form, but he assured my father that in return for the help which he would now give him, he should receive a high post in this State of the future.

The cool assurance of all this amused us even under those circumstances, but it also aggravated my father still further, and he contrived to make the gist of his answer exceedingly clear, in spite of his broken Spanish. He declared that he, as a foreigner,

được trả lại cho chúng tôi, khẳng định rằng ông là một công dân Anh và không có ý định bị đối xử theo cách này.

Người chỉ huy nhỏ bé, với một sự kiên nhẫn thực sự đáng ngạc nhiên đối với ông, xem xét ông là loại người nào, trả lời rằng tất cả điều này sẽ được thực hiện, nhưng rằng có một nghi lễ nhỏ—một điều không đáng kể—mà chúng tôi cần phải trải qua trước. Ông nói rằng ông đã nghe nhiều về người Anh, và nghe những câu chuyện tuyệt vời về lòng dũng cảm phi thường của họ, và mặc dù ông rất tiếc, rất tiếc, rằng những đồng minh da đỏ của ông đã mắc sai lầm ngu ngốc khi nhầm chúng tôi với người Tây Ban Nha, và do đó đặt chúng tôi vào tất cả những bất tiện đáng tiếc này, nhưng mặt khác, chắc chắn đó là vận may của ông đã đưa chúng tôi đến với ông, để chúng tôi có thể giúp ông thực hiện kế hoạch của mình.

Sau đó, ông nghiêm túc đề nghị cha tôi chỉ huy một trong bốn trung đoàn mà ông nói rằng ông có với ông, với điều kiện chúng tôi tham gia cùng ông và tuyên thệ trung thành với ông. Ông giải thích với chúng tôi rằng ông là Tướng Martinez, và rằng sự áp bức không thể chịu đựng nổi mà ông và chủng tộc của ông đã phải chịu đựng bởi người Tây Ban Nha đã khiến họ nổi dậy và lật đổ ách thống trị của họ; rằng khi điều này được thực hiện, ông tự định sẽ là Tổng thống hoặc Nhà độc tài của nước cộng hòa quân sự mà ông sẽ thành lập, nhưng ông đảm bảo với cha tôi rằng để đáp lại sự giúp đỡ mà ông sẽ bây giờ dành cho ông, ông sẽ nhận được một vị trí cao trong Nhà nước tương lai này.

Sự tự tin lạnh lùng của tất cả điều này khiến chúng tôi thậm chí trong những hoàn cảnh đó cũng phải bật cười, nhưng nó cũng làm cha tôi càng thêm bực bội, và ông cố gắng làm cho ý chính của câu trả lời của mình rõ ràng một cách xuất sắc, mặc dù tiếng Tây Ban Nha của

had nothing whatever to do with the local disturbances of the country, and that he absolutely declined to take part in them either on one side or the other; nor would he under any circumstances take the oath of allegiance to one who was an insurgent against the lawfully established Government of his country.

ông bị vỡ vụn. Ông tuyên bố rằng ông, với tư cách là một người nước ngoài, không có gì liên quan đến những rối loạn địa phương của đất nước, và rằng ông hoàn toàn từ chối tham gia vào chúng dù ở bên nào; cũng như ông sẽ không bao giờ tuyên thệ trung thành với một người nổi loạn chống lại Chính phủ hợp pháp của đất nước mình.

It appeared to me that the little commander was getting decidedly annoyed, and his hand began to trifle ominously with his sword-hilt; but still he kept his temper wonderfully, and explained to my father that he had absolutely no choice in the matter. He was grieved to insist, he said, but the fact was that he had stolen a march upon his enemies, that he had shaken off their pursuit and had contrived, quite unknown to them, to move his regiments far to the north of where they were supposed to be, and that he intended to strike an unexpected blow at the town which was the terminus of our railway, descending upon it from the interior on the side where there were no fortifications, and taking its authorities entirely unawares. Now, through a concatenation of circumstances which no one could deplore more than he did, we had learned the secret of this plan of his, which must be known to no living person; and therefore (once more he shrugged his shoulders and spread out his hands) desolated though he was at the apparent interference with our liberty, he was absolutely compelled to put us instantly to death if we would not throw in our lot with him.

Có vẻ như người chỉ huy nhỏ bé đang trở nên khó chịu rõ ràng, và tay ông bắt đầu nghịch ngợm một cách đáng ngại với chuôi kiếm của mình; nhưng ông vẫn giữ được bình tĩnh một cách tuyệt vời, và giải thích với cha tôi rằng ông hoàn toàn không có lựa chọn nào trong vấn đề này. Ông rất tiếc phải nhấn mạnh, ông nói, nhưng thực tế là ông đã đánh lừa kẻ thù của mình, rằng ông đã thoát khỏi sự truy đuổi của họ và đã xoay sở, hoàn toàn không ai biết, để di chuyển các trung đoàn của mình xa về phía bắc nơi họ được cho là đang ở, và rằng ông dự định sẽ giáng một đòn bất ngờ vào thị trấn là điểm cuối của đường sắt của chúng tôi, tấn công từ bên trong nơi không có công sự, và hoàn toàn làm cho các nhà chức trách của nó bất ngờ. Bây giờ, thông qua một chuỗi các sự kiện mà không ai có thể tiếc nuối hơn ông, chúng tôi đã biết được bí mật của kế hoạch này của ông, điều này không được biết đến với bất kỳ người sống nào; và do đó (một lần nữa ông nhún vai và giơ tay ra) mặc dù ông rất tiếc vì sự can thiệp rõ ràng vào tự do của chúng tôi, ông hoàn toàn buộc phải giết chúng tôi ngay lập tức nếu chúng tôi không tham gia cùng ông.

Still my father indignantly refused, asserting over and over again that as an Englishman he declined to take part in such affairs. The little commander's patience was rapidly giving out, and at last he spoke quite sharply and definitely:

Tuy nhiên, cha tôi vẫn từ chối một cách phẫn nộ, khẳng định đi khẳng định lại rằng với tư cách là một người Anh, ông từ chối tham gia vào những việc như vậy. Sự kiên nhẫn của người chỉ huy nhỏ bé đang nhanh chóng cạn kiệt, và cuối cùng ông nói một cách khá sắc bén và dứt khoát:

“I can waste no more time, sir. You must choose at once; either you will swear fealty to me, according to our usual form, or you will die within the hour.”

"Tôi không thể lãng phí thêm thời gian nữa, thưa ông. Ông phải chọn ngay lập tức; hoặc ông sẽ thề trung thành với tôi, theo hình thức thông thường của chúng tôi, hoặc ông sẽ chết trong vòng một giờ."

And he turned to his officer and ordered him to bring from his tent what was necessary for the taking of the oath. Two soldiers immediately brought out thence a little table, a large book, an inkstand and a pen, and at the same time the officer brought a large carved wooden crucifix? evidently stolen from some church—and threw it down on the ground in front of us.

Và ông quay sang sĩ quan của mình và ra lệnh cho ông mang từ lều của mình những gì cần thiết để thực hiện lời thề. Hai người lính ngay lập tức mang ra từ đó một cái bàn nhỏ, một cuốn sách lớn, một lọ mực và một cây bút, và đồng thời sĩ quan mang một cây thánh giá bằng gỗ lớn được chạm khắc—rõ ràng là bị đánh cắp từ một nhà thờ nào đó—và ném nó xuống đất trước mặt chúng tôi.

In order to explain the presence of this last article I must mention one of the peculiarities of this formidable little man. Whatever he may have thought it wise to admit to his men, he knew perfectly well that the undertaking of driving the white people into the sea would be no light one, and that he could hope to achieve it only by retaining the most enthusiastic devotion of every one of the limited number of his followers. Furthermore he knew these followers well; he knew that they were steeped in superstition to the very marrow of their bones; and he knew well also the tremendous hold that the priests of the Catholic Church had in that semi-civilised country over the members of their flocks.

Để giải thích sự hiện diện của vật phẩm cuối cùng này, tôi phải đề cập đến một trong những đặc điểm kỳ lạ của người đàn ông nhỏ bé đáng sợ này. Dù ông có thể nghĩ rằng khôn ngoan để thừa nhận với người của mình, ông biết rất rõ rằng việc đuổi người da trắng xuống biển sẽ không phải là một việc nhẹ nhàng, và rằng ông chỉ có thể hy vọng đạt được điều đó bằng cách giữ được sự tận tụy nhiệt thành của mỗi người trong số những người theo ông. Hơn nữa, ông biết rõ những người theo ông; ông biết rằng họ ngập tràn mê tín đến tận xương tủy; và ông cũng biết rõ sức mạnh to lớn mà các linh mục của Giáo hội Công giáo có ở đất nước bán văn minh này đối với các thành viên của đàn chiên của họ.

Perhaps time form of Christianity which was at that time prevalent in South America was the most degraded to be seen anywhere on earth; but that in no way interfered with the fact that the priests in reality ruled the country, and that in one way or another what they wanted was always done. He also knew well enough that the influence of the Church was hostile to him, not so much because he was a notorious evil-liver, as because the priests were very well satisfied with things as

Có lẽ hình thức Kitô giáo phổ biến vào thời điểm đó ở Nam Mỹ là hình thức suy đồi nhất có thể thấy ở bất kỳ đâu trên trái đất; nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến thực tế là các linh mục thực sự cai trị đất nước, và rằng bằng cách này hay cách khác, những gì họ muốn luôn được thực hiện. Ông cũng biết rõ rằng ảnh hưởng của Giáo hội là thù địch với ông, không phải vì ông là một kẻ sống tồi tệ nổi tiếng, mà vì các linh mục rất hài lòng với tình hình hiện tại, và không muốn bất kỳ sự can

they were, and did not desire any interference with a Government which was thoroughly under their thumb.

thiệp nào vào một Chính phủ hoàn toàn dưới sự kiểm soát của họ.

In order to defeat this ecclesiastical influence he had hit upon a device which, though it had no other merits, might at least be described as bold and ingenious; with quaint blasphemy he had aped the celebrated declaration of King Nebuchadnezzar, and had made every one of his followers take a solemn oath that until the war was over and the country in their hands they would speak to no priest, would enter no place of worship, and would offer no petition to God or man, except to himself. Each man had to swear this in front of Martinez himself, and in token of his temporary renunciation of his ancestral faith each was made to set his foot upon the crucifix. Every member of his motley crowd had gone through this ceremony, and now Martinez demanded that we should go through it also.

Để đánh bại ảnh hưởng giáo hội này, ông đã nghĩ ra một kế hoạch, mặc dù không có công đức nào khác, ít nhất có thể được mô tả là táo bạo và khéo léo; với sự báng bổ kỳ lạ, ông đã bắt chước tuyên bố nổi tiếng của Vua Nebuchadnezzar, và đã bắt mỗi người theo ông thề một lời thề trang trọng rằng cho đến khi chiến tranh kết thúc và đất nước nằm trong tay họ, họ sẽ không nói chuyện với bất kỳ linh mục nào, sẽ không vào bất kỳ nơi thờ phượng nào, và sẽ không dâng bất kỳ lời cầu nguyện nào lên Chúa hoặc con người, ngoại trừ chính ông. Mỗi người phải thề điều này trước mặt Martinez, và để biểu thị sự từ bỏ tạm thời đức tin tổ tiên của mình, mỗi người phải đặt chân lên cây thánh giá. Mỗi thành viên của đám đông hỗn tạp của ông đã trải qua nghi lễ này, và bây giờ Martinez yêu cầu chúng tôi cũng phải trải qua nó.

I need hardly say that we had not the remotest intention of doing anything of the kind. We were members of the Church of England, and not of that of Rome; but nevertheless my mother was a devoted follower of Dr. Pusey, with whom she was intimately acquainted, and I myself habitually wore a tiny ebony and silver crucifix around my neck underneath my clothes—the only thing, by the way, which the Red Indians had left me, because, I suppose, they recognised it as a magical symbol of the Christians, and may perhaps have feared its power. You may imagine therefore with what horror we regarded this impious suggestion of the general's; though I think there is no doubt that, even if there had been no crucifix in the case, we should equally have refused to be thus coerced into attaching ourselves to a cause with which we had no sympathy.

Tôi không cần phải nói rằng chúng tôi không có ý định xa nhất để làm bất cứ điều gì như vậy. Chúng tôi là thành viên của Giáo hội Anh, chứ không phải của Rome; nhưng dù sao mẹ tôi là một tín đồ tận tụy của Tiến sĩ Pusey, người mà bà quen biết thân thiết, và tôi tự mình thường xuyên đeo một cây thánh giá nhỏ bằng gỗ mun và bạc quanh cổ dưới quần áo của mình—điều duy nhất, nhân tiện, mà người da đỏ đã để lại cho tôi, vì tôi cho rằng họ nhận ra nó như một biểu tượng ma thuật của người Kitô giáo, và có thể đã sợ sức mạnh của nó. Bạn có thể tưởng tượng do đó với sự kinh hoàng nào chúng tôi đã nhìn nhận đề nghị báng bổ này của tướng quân; mặc dù tôi nghĩ không có nghi ngờ gì rằng, ngay cả khi không có cây thánh giá trong trường hợp này, chúng tôi cũng sẽ từ chối bị ép buộc tham gia vào một nguyên nhân mà chúng tôi không có sự đồng cảm.

Martinez paid no attention to my father's indignant though ungrammatical protests, but curtly ordered him to put his foot upon the crucifix and to take the prescribed oath. I clearly remember the thought passing through my mind: "What in the world will my father do now?" for I never even dreamt of the possibility of his complying with so atrocious a demand. For what he did do I was as utterly unprepared as anybody present. Remember that during all this conversation they had never loosed the cords which bound our wrists; so you may imagine the wild astonishment with which I saw my father, having taken a step forward as if to put his foot upon the crucifix, suddenly disengage his hands as if by magic, strike the little commander a tremendous blow in the face which promptly knocked him flat on his back, and then jump over his prostrate body and disappear into the forest close behind him!

Martinez không chú ý đến những lời phản đối đầy phẫn nộ nhưng không ngữ pháp của cha tôi, mà ra lệnh ngắn gọn cho ông đặt chân lên cây thánh giá và tuyên thệ theo quy định. Tôi nhớ rõ rằng suy nghĩ đã lướt qua tâm trí tôi: "Cha tôi sẽ làm gì bây giờ?" vì tôi chưa bao giờ thậm chí mơ đến khả năng ông tuân theo một yêu cầu tàn bạo như vậy. Đối với những gì ông đã làm, tôi hoàn toàn không chuẩn bị như bất kỳ ai có mặt. Hãy nhớ rằng trong suốt cuộc trò chuyện này, họ chưa bao giờ nới lỏng dây buộc cổ tay của chúng tôi; vì vậy bạn có thể tưởng tượng sự kinh ngạc hoang dã mà tôi đã thấy cha tôi, sau khi bước một bước về phía trước như thể để đặt chân lên cây thánh giá, đột nhiên giải phóng tay mình như thể bằng phép thuật, đánh một cú mạnh vào mặt người chỉ huy nhỏ bé khiến ông ngã ngửa ra sau, và sau đó nhảy qua cơ thể ông và biến mất vào khu rừng ngay phía sau ông!

The whole thing was so sudden, so startling, so comical that, in spite of the still formidable circumstances, I burst into a peal of laughter, which was echoed by little Gerald. All was confusion for a few moments. The officers rushed to pick up their half-stunned commander, and fetched a campstool for him to sit upon. The men in the camp behind shouted with surprise and, though I am not actually sure of it, I have a strong suspicion that my laugh was echoed by some of them also. In the few moments while Martinez was recovering, no one seemed to know exactly what to do. Possibly the second in command was not on the spot, but at any rate nothing was done, and I suppose that it may have been five minutes before the commander, after much drinking of water and much gasping and swearing under his breath, was once more in a condition to speak.

Toàn bộ sự việc diễn ra quá đột ngột, quá bất ngờ, quá hài hước đến nỗi, mặc dù hoàn cảnh vẫn còn đáng sợ, tôi bật cười lớn, điều này được Gerald nhỏ bé lặp lại. Tất cả đều hỗn loạn trong vài khoảnh khắc. Các sĩ quan vội vàng nhặt người chỉ huy nửa choáng váng của họ lên, và mang đến một chiếc ghế đẩu cho ông ngồi. Những người trong trại phía sau hét lên ngạc nhiên và, mặc dù tôi không chắc chắn về điều đó, tôi có một nghi ngờ mạnh mẽ rằng tiếng cười của tôi cũng được một số người trong số họ lặp lại. Trong vài khoảnh khắc khi Martinez đang hồi phục, không ai dường như biết chính xác phải làm gì. Có thể là người chỉ huy thứ hai không có mặt, nhưng dù sao đi nữa, không có gì được thực hiện, và tôi cho rằng có thể đã mất năm phút trước khi người chỉ huy, sau khi uống nhiều nước và thở hổn hển và chửi thề dưới hơi thở của mình, một lần nữa có thể nói.

When he found utterance his language was

Khi ông tìm thấy lời nói, ngôn ngữ của ông

not parliamentary. He was purple and choking with rage. He dragged himself to his feet, though at first he could stand only by leaning with his hand upon the table. He drew his sword; he flourished it, and the looks which he cast upon his officers were so savage that it really seemed as though he was going to use it.

không phải là ngôn ngữ nghị viện. Ông tím tái và nghẹn ngào vì giận dữ. Ông kéo mình đứng dậy, mặc dù lúc đầu ông chỉ có thể đứng bằng cách dựa tay lên bàn. Ông rút kiếm; ông vung nó, và những cái nhìn mà ông ném vào các sĩ quan của mình thật hung dữ đến nỗi thực sự có vẻ như ông sắp sử dụng nó.

“Where is that scoundrel?” he shouted. The officers looked at one another with stupefaction, for up to that moment I verily believe that no one had thought of pursuing the fugitive. Martinez became madder than ever.

"Tên vô lại đó đâu rồi?" ông hét lên. Các sĩ quan nhìn nhau với sự ngạc nhiên, vì cho đến lúc đó tôi thực sự tin rằng không ai nghĩ đến việc truy đuổi kẻ chạy trốn. Martinez trở nên điên cuồng hơn bao giờ hết.

“What!” he roared, “you have let him escape! imbeciles! incapables! pursue him at once—at once, I tell you! My honour has been insulted, and I will have his blood.”

"Cái gì!" ông gầm lên, "các người đã để hắn trốn thoát! những kẻ ngu ngốc! những kẻ bất tài! truy đuổi hắn ngay lập tức—ngay lập tức, tôi nói với các người! Danh dự của tôi đã bị xúc phạm, và tôi sẽ có máu của hắn."

Hurriedly some arrangements were made for the pursuit, and one or two companies of soldiers were hastily marshalled and sent off to beat the forest. As soon as they had departed Martinez turned his rage upon me. He seemed to be almost foaming at the mouth, and looked as though he was possessed by a devil, and he hissed his words between his teeth as though he were on the point of literal physical explosion.

Vội vàng một số sắp xếp được thực hiện cho cuộc truy đuổi, và một hoặc hai đại đội lính được nhanh chóng tập hợp và gửi đi để lùng sục khu rừng. Ngay khi họ đã rời đi, Martinez chuyển cơn thịnh nộ của mình sang tôi. Ông dường như gần như sùi bọt mép, và trông như thể ông bị quỷ ám, và ông rít lên những lời của mình qua kẽ răng như thể ông đang trên bờ vực của một vụ nổ vật lý thực sự.

“Son of a scoundrel!” he said, “within an hour you shall see your villain father hanged on that tree!”

"Con của một tên vô lại!" ông nói, "trong vòng một giờ, ngươi sẽ thấy cha ngươi bị treo cổ trên cái cây đó!"

“You will have to catch him first,” I interrupted, with a laugh—which was not politic, I admit. But I was so glad to see my father escape that I did not think of that then, nor of the fact that, if *he* had escaped, *I* certainly had not.

"Ông sẽ phải bắt được ông ấy trước," tôi ngắt lời, với một tiếng cười—điều này không khôn ngoan, tôi thừa nhận. Nhưng tôi rất vui khi thấy cha tôi trốn thoát đến nỗi tôi không nghĩ đến điều đó lúc đó, cũng không nghĩ đến thực tế rằng, nếu ông đã trốn thoát, tôi chắc chắn không.

“You impudent young dog!” he spluttered. (I really cannot translate the exact phrase which he used, but it was worse than that). “You at least shall swear allegiance, and you had better do it at once, or I will have you flayed alive.”

"Ngươi là một con chó trẻ hỗn xược!" ông lắp bắp. (Tôi thực sự không thể dịch chính xác cụm từ mà ông đã sử dụng, nhưng nó tệ hơn thế). "Ngươi ít nhất sẽ thề trung thành, và ngươi nên làm điều đó ngay lập tức, nếu không ta sẽ lột da ngươi sống."

I am afraid I laughed again, which was rude of me, but he really did look so utterly ridiculous in his impotent rage, and with a great lump already rising between his eyes, where my father had struck him.

Tôi sợ rằng tôi lại cười, điều này thật thô lỗ của tôi, nhưng ông thực sự trông quá buồn cười trong cơn giận dữ bất lực của mình, và với một cục lớn đã nổi lên giữa hai mắt ông, nơi cha tôi đã đánh ông.

“I shall do no such thing,” I said; “and if you dare to touch me, my father will repay you for it when he comes back.”

"Tôi sẽ không làm điều đó," tôi nói; "và nếu ông dám chạm vào tôi, cha tôi sẽ trả thù cho ông khi ông quay lại."

He half raised his sword, and for a moment it looked very much as though my career would be cut short then and there. But somehow he controlled himself, and an evil glint came into his one available eye (the other was fast closing under the influence of the blow). He turned and called Antinahuel.

Ông nửa giơ kiếm lên, và trong một khoảnh khắc trông rất giống như sự nghiệp của tôi sẽ bị cắt ngắn ngay lúc đó. Nhưng bằng cách nào đó ông đã kiểm soát được bản thân, và một ánh mắt ác độc xuất hiện trong con mắt còn lại của ông (con mắt kia đang nhanh chóng đóng lại dưới ảnh hưởng của cú đánh). Ông quay lại và gọi Antinahuel.

“Perhaps,” he said, “your men can manage to make this young coxcomb change his mind. Don’t you think so?”

"Có lẽ," ông nói, "người của ông có thể khiến tên công tử bột này thay đổi ý định. Ông không nghĩ vậy sao?"

A slight disdainful smile passed over Antinahuel’s face.

Một nụ cười khinh bỉ nhẹ lướt qua khuôn mặt của Antinahuel.

“Perhaps they may,” and he signed to some of his men, who came up and began to drag me away. Martinez said no further words to him, but turned upon my little brother Gerald.

"Có lẽ họ có thể," và ông ra hiệu cho một số người của mình, những người tiến lên và bắt đầu kéo tôi đi. Martinez không nói thêm lời nào với ông, mà quay sang em trai nhỏ của tôi, Gerald.

“You, at least, you little spawn of the devil, put your foot on that cross and repeat after me the words which I shall say to you.”

"Ngươi, ít nhất, ngươi là con của quỷ, đặt chân lên cây thánh giá đó và lặp lại sau ta những lời mà ta sẽ nói với ngươi."

“Don’t you do it, Gerald,” I shouted back to him, as I was being dragged off; “remember S.

"Đừng làm điều đó, Gerald," tôi hét lại với nó, khi tôi bị kéo đi; "hãy nhớ S. Agnes!"

Agnes!"

For not long before we had left home, our mother had told us the legend of S. Agnes, a Roman maiden of thirteen, who, it was alleged, had died for the sake of her faith sooner than perform some act of sacrifice which was against her conscience. Or perhaps she refused to be betrothed to what she called a heathen—I am not quite sure after all these years. But I know that the story had recently been told to us, and that we had both greatly admired the little girl's heroism.

Vì không lâu trước khi chúng tôi rời nhà, mẹ chúng tôi đã kể cho chúng tôi nghe truyền thuyết về S. Agnes, một thiếu nữ La Mã mười ba tuổi, người được cho là đã chết vì đức tin của mình hơn là thực hiện một hành động hy sinh nào đó trái với lương tâm của mình. Hoặc có lẽ cô từ chối đính hôn với những gì cô gọi là một người ngoại đạo—tôi không chắc chắn sau tất cả những năm này. Nhưng tôi biết rằng câu chuyện đã được kể cho chúng tôi gần đây, và rằng chúng tôi đều rất ngưỡng mộ lòng dũng cảm của cô bé.

I wrenched myself free sufficiently to look back and see what the little boy did. He looked up quite bravely into the furious face of Martinez, and said in his clear childish treble:

Tôi giật mình đủ để nhìn lại và xem cậu bé nhỏ làm gì. Nó nhìn lên một cách dũng cảm vào khuôn mặt giận dữ của Martinez, và nói bằng giọng trẻ con trong trẻo của mình:

"I will not do it. You are a very wicked man."

"Tôi sẽ không làm điều đó. Ông là một người rất xấu xa."

What followed next I do not like to tell, even though I really believe now in my inmost heart that it was the act of a madman. Martinez whirled his sword above his head and cut the child down as he stood looking up in his face. When he saw the little body lying before him I think even he was ashamed, for he threw down his sword and turned away, muttering something about not having meant to do it. Even his officers, a set of hardened ruffians, showed some disgust on their faces, and all drew back as Martinez walked hurriedly into his tent.

Điều gì xảy ra tiếp theo tôi không thích kể, mặc dù tôi thực sự tin rằng bây giờ trong sâu thẳm trái tim mình rằng đó là hành động của một kẻ điên. Martinez vung kiếm lên đầu và chém đứa trẻ xuống khi nó đứng nhìn lên mặt ông. Khi ông thấy cơ thể nhỏ bé nằm trước mặt mình, tôi nghĩ ngay cả ông cũng cảm thấy xấu hổ, vì ông ném kiếm xuống và quay đi, lẩm bẩm điều gì đó về việc không có ý định làm điều đó. Ngay cả các sĩ quan của ông, một nhóm những kẻ côn đồ cứng rắn, cũng thể hiện một chút ghê tởm trên khuôn mặt của họ, và tất cả đều lùi lại khi Martinez vội vã bước vào lều của mình.

What this meant to me, who loved that little brother more than my own life, I can hardly tell you. What I did I cannot justify; I can only tell you that I also was half-mad with grief and rage. But then and there I, a captive in the hands of ruthless savages, and little likely, so far as could be seen, to live to see to-morrow's sun, registered with all the force of burning

Điều này có ý nghĩa gì đối với tôi, người yêu thương em trai nhỏ đó hơn cả mạng sống của mình, tôi khó có thể nói với bạn. Những gì tôi đã làm tôi không thể biện minh; tôi chỉ có thể nói với bạn rằng tôi cũng đã nửa điên vì đau buồn và giận dữ. Nhưng ngay lúc đó, tôi, một tù nhân trong tay những kẻ man rợ không khoan nhượng, và ít có khả năng, theo như có

hate a solemn vow that I would never turn aside from the pursuit until I had slain Martinez in revenge for the death of my brother. I was wrong, of course, but I was only a young boy, and the provocation was terrible.

thể thấy, sống để thấy mặt trời của ngày mai, đã ghi lại với tất cả sức mạnh của lòng căm thù cháy bỏng một lời thề trang trọng rằng tôi sẽ không bao giờ quay lưng khỏi cuộc truy đuổi cho đến khi tôi đã giết Martinez để trả thù cho cái chết của em trai tôi. Tôi đã sai, tất nhiên, nhưng tôi chỉ là một cậu bé trẻ, và sự khiêu khích là khủng khiếp.

Meantime I soon had my own affairs to think of. The Indians dragged me away to the borders of the forest, and after a little searching they found what they wanted—two young and flexible trees growing only a few yards apart. Four or five threw themselves upon each tree, and by their united weight and strength bent down the tops until they came almost together, and then they proceeded to tie me between these two tops, the right arm and leg to one, the left arm and leg to the other; and as soon as that was done to their satisfaction the men let go the trees, which instantly sprang back as far as they could and left me hanging between them. A diabolically ingenious woodsman's substitute for the mediaeval rack of the Inquisition.

Trong khi đó, tôi sớm phải nghĩ đến công việc của mình. Người da đỏ kéo tôi đi đến rìa khu rừng, và sau một chút tìm kiếm, họ tìm thấy những gì họ muốn—hai cây non và linh hoạt mọc cách nhau chỉ vài thước. Bốn hoặc năm người ném mình vào mỗi cây, và bằng sức nặng và sức mạnh hợp nhất của họ, họ uốn cong ngọn cây xuống cho đến khi chúng gần như chạm vào nhau, và sau đó họ tiến hành buộc tôi giữa hai ngọn cây này, cánh tay và chân phải vào một cây, cánh tay và chân trái vào cây kia; và ngay khi điều đó được thực hiện theo ý họ, những người đàn ông buông tay khỏi cây, và chúng ngay lập tức bật trở lại xa nhất có thể và để tôi treo giữa chúng. Một sự thay thế rừng rú quỷ quyệt cho giá tra tấn thời trung cổ của Tòa án Dị giáo.

To be left hanging in such a position for hours under such a nerve-rending strain is an experience which I would rather not try to describe; nor need I tell in detail how they stood jeering underneath as I hung in mid-air as though on an invisible S. Andrew's cross. Nor how they pelted my aching body with fragments of broken bottles, or struck at me from beneath with long *lianas*, torn from the neighbouring trees. I will not harrow your feelings with a description of the unnameable tortures which they inflicted upon me all through that weary day.

Để bị treo trong một vị trí như vậy trong nhiều giờ dưới một sự căng thẳng thần kinh như vậy là một trải nghiệm mà tôi không muốn mô tả; cũng không cần tôi kể chi tiết về cách họ đứng chế giễu bên dưới khi tôi treo lơ lửng trên không như thể trên một cây thập giá S. Andrew vô hình. Cũng không cần tôi kể về cách họ ném vào cơ thể đau nhức của tôi những mảnh chai vỡ, hoặc đánh vào tôi từ bên dưới bằng những dây leo dài, xé từ những cây lân cận. Tôi sẽ không làm tổn thương cảm xúc của bạn với một mô tả về những cực hình không thể kể xiết mà họ đã gây ra cho tôi suốt cả ngày dài mệt mỏi đó.

But this at least I can say, that however horrible were the sufferings all through the

Nhưng ít nhất tôi có thể nói rằng dù những đau khổ suốt cả ngày có kinh khủng đến đâu,

day, only the one overpowering feeling burned ever stronger and stronger within my heart and mind—black, bitter hatred of Martinez, and the resolve to be revenged upon him for my brother's death. So entirely was I wrapped up in this that I believe for the most part I gave no answer to their repeated enquiries whether I would not now take the required oath. But I know that sometimes I replied by calling down curses upon their heads and threatening that dire vengeance should overtake them. It is best to draw a veil over this. Let me say only that their ingenuity was diabolical and their resources seemed endless.

chỉ có một cảm giác áp đảo duy nhất ngày càng mạnh mẽ hơn trong trái tim và tâm trí tôi—sự căm thù đen tối, cay đắng đối với Martinez, và quyết tâm trả thù cho cái chết của em trai tôi. Tôi hoàn toàn bị cuốn vào điều này đến nỗi tôi tin rằng phần lớn tôi không trả lời những câu hỏi lặp đi lặp lại của họ về việc liệu tôi có muốn tuyên thệ theo yêu cầu hay không. Nhưng tôi biết rằng đôi khi tôi đã trả lời bằng cách gọi xuống những lời nguyền rủa lên đầu họ và đe dọa rằng sự trả thù khủng khiếp sẽ đến với họ. Tốt nhất là che giấu điều này. Hãy để tôi chỉ nói rằng sự khéo léo của họ là quỷ quyệt và nguồn lực của họ dường như vô tận.

I suppose that they got tired of me at last, as I showed no signs of yielding to them, and they felt that they must do something to bring matters to a crisis. So they hung me from the branch of a tree by a rope passed under my shoulders, and then proceeded to light a fire beneath my feet, which were soon most horribly burnt. But at the same time the hot air and the smoke half-suffocated me, and evidently I must have fainted. I suppose this frightened them, for their orders were not to kill me; and so for that night they desisted from their cruel work. But of all this I know nothing.

Tôi cho rằng cuối cùng họ đã chán tôi, vì tôi không có dấu hiệu nhượng bộ họ, và họ cảm thấy rằng họ phải làm điều gì đó để đưa mọi việc đến một kết thúc. Vì vậy, họ treo tôi từ cành cây bằng một sợi dây đi qua dưới vai tôi, và sau đó tiến hành đốt lửa dưới chân tôi, khiến chúng nhanh chóng bị bỏng một cách khủng khiếp. Nhưng đồng thời không khí nóng và khói làm tôi ngạt thở một nửa, và rõ ràng tôi phải đã ngất xỉu. Tôi cho rằng điều này đã làm họ sợ, vì lệnh của họ không phải là giết tôi; và vì vậy đêm đó họ đã ngừng công việc tàn nhẫn của mình. Nhưng về tất cả điều này tôi không biết gì.

Chapter IV

THE FLIGHT

Chương IV

CUỘC TRỐN THOÁT

I regained consciousness only slowly and confusedly, coming back into a strange and terrible sense of all-pervading pain, which seemed to fill the whole world. Gradually this world of acute anguish contracted and became more definite, until at last I realised myself as a small boy still alive upon the physical plane and in a condition of horrible suffering. I found myself bound to a tree, just

Tôi chỉ từ từ và mơ hồ lấy lại ý thức, trở lại với một cảm giác kỳ lạ và khủng khiếp của nỗi đau bao trùm, dường như lấp đầy cả thế giới. Dần dần thế giới đau đớn dữ dội này co lại và trở nên rõ ràng hơn, cho đến khi cuối cùng tôi nhận ra mình là một cậu bé nhỏ vẫn còn sống trên cõi hồng trần và trong tình trạng đau khổ khủng khiếp. Tôi thấy mình bị buộc vào một cái cây, ngay tại rìa khu rừng, không xa lều của

at the borders of the forest, not far from the tent of Martinez—bound by a rope which passed round me and the tree many times, and so formed a support without which I must of course have fallen, as the soles of my feet were so shockingly burnt that it would have been quite impossible for me to stand upon them for a moment.

Martinez—bị buộc bằng một sợi dây đi quanh tôi và cái cây nhiều lần, và do đó tạo thành một điểm tựa mà nếu không có nó, tôi tất nhiên đã ngã, vì lòng bàn chân của tôi bị bỏng kinh khủng đến nỗi không thể đứng lên chúng dù chỉ một khoảnh khắc.

It was night, and the camp lay quiet before me, except for the sentinels who walked steadily up and down on their beats. Two of these were not far from me, one passing up and down in front of the commander's tent, and the other taking a much longer beat along a certain section just outside of the nearest row of tents. No one seemed to be specially guarding me; indeed it was quite unnecessary, as I was not only securely tied, but I could not have moved a yard even if I had been free.

Đó là ban đêm, và trại nằm yên tĩnh trước mặt tôi, ngoại trừ những lính canh đi đi lại lại trên các đoạn đường của họ. Hai trong số này không xa tôi, một người đi qua lại trước lều của chỉ huy, và người kia đi một đoạn dài hơn dọc theo một phần nhất định ngay bên ngoài hàng lều gần nhất. Không ai dường như đặc biệt canh gác tôi; thực sự là không cần thiết, vì tôi không chỉ bị buộc chặt, mà tôi không thể di chuyển một thước nếu tôi đã được tự do.

As may easily be imagined, my thoughts were of the saddest. My brother had been murdered before my eyes; my father was a fugitive in a trackless forest, which I knew to be full of wild beasts, and was furthermore being pursued relentlessly by men who knew no mercy. I had nothing to expect but certain death—probably of the most appallingly painful kind. So perhaps I need not be ashamed to acknowledge that for a time I felt absolutely despairing, and only wished that death might come even now to release me from further suffering. The conditions were so bad in every way that it seemed to me that they could not be worse, and I actually even prayed for death, saying that I could bear no more.

Như có thể dễ dàng tưởng tượng, suy nghĩ của tôi là những suy nghĩ buồn nhất. Em trai tôi đã bị giết trước mắt tôi; cha tôi là một kẻ chạy trốn trong một khu rừng không có đường mòn, mà tôi biết đầy thú dữ, và hơn nữa đang bị truy đuổi không thương tiếc bởi những người không biết đến lòng thương xót. Tôi không có gì để mong đợi ngoài cái chết chắc chắn—có lẽ là cái chết đau đớn nhất. Vì vậy, có lẽ tôi không cần phải xấu hổ khi thừa nhận rằng trong một thời gian tôi cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng, và chỉ mong rằng cái chết có thể đến ngay bây giờ để giải thoát tôi khỏi sự đau khổ thêm nữa. Các điều kiện tồi tệ đến mức dường như không thể tồi tệ hơn, và tôi thực sự đã cầu nguyện cho cái chết, nói rằng tôi không thể chịu đựng thêm nữa.

But just at this moment of utter weakness and despondency, I saw something which for the moment actually made me forget even that excruciating pain; for there, just in front of me, stood my brother Gerald, whom I had seen

Nhưng ngay tại thời điểm yếu đuối và chán nản tột độ này, tôi đã thấy điều gì đó khiến tôi thực sự quên đi cả nỗi đau dữ dội đó; vì ở đó, ngay trước mặt tôi, đứng em trai tôi Gerald, người mà tôi đã thấy chỉ vài giờ trước bị chém

only a few hours before cut down by the sword of Martinez! Indeed, the mark of that cruel blow still lay across his head—a great ghastly wound cleaving the skull asunder. And yet somehow even that did not look terrible at all, for the expression of the face was so sweet that it quite overpowered the impression given by the wound. He stood before me exactly as in life, the flickering light of distant campfires fully upon him, and yet his form seemed also to be surrounded by a faint light of its own.

bởi thanh kiếm của Martinez! Thực sự, dấu vết của cú đánh tàn nhẫn đó vẫn còn trên đầu nó—một vết thương lớn ghê rợn chẻ đôi hộp sọ. Và tuy nhiên, bằng cách nào đó, ngay cả điều đó cũng không trông đáng sợ chút nào, vì biểu hiện trên khuôn mặt quá ngọt ngào đến nỗi nó hoàn toàn áp đảo ấn tượng do vết thương gây ra. Nó đứng trước mặt tôi chính xác như khi còn sống, ánh sáng nhấp nháy của những đống lửa trại xa xôi chiếu sáng hoàn toàn lên nó, và tuy nhiên hình dạng của nó dường như cũng được bao quanh bởi một ánh sáng mờ nhạt của riêng nó.

But the wonderful thing was the expression of the face. It was the same child-face I knew so well, changed in no particular, and yet showing so much more than it had ever shown before. That he himself was happy—radiantly happy, and utterly at peace—no one could have doubted for a moment; and yet the eyes were filled with pity (but pity obviously for me only, and not at all for himself) and with the desire to encourage and strengthen me. I tried to speak, but could not; nor did he on his side say a word; but he took a step forward, his face broke out into a radiant smile of love, and he laid his hand caressingly upon my breast. And then, in a moment, he was gone, just before the sentinel, who had reached the end of his beat, turned his face in our direction once more.

Nhưng điều kỳ diệu là biểu hiện trên khuôn mặt. Đó là khuôn mặt trẻ thơ mà tôi biết rất rõ, không thay đổi chút nào, và tuy nhiên thể hiện nhiều hơn rất nhiều so với trước đây. Rằng bản thân nó hạnh phúc—hạnh phúc rạng rỡ, và hoàn toàn bình yên—không ai có thể nghi ngờ trong một khoảnh khắc; và tuy nhiên đôi mắt đầy lòng thương xót (nhưng rõ ràng chỉ dành cho tôi, và không hề cho bản thân nó) và với mong muốn khuyến khích và củng cố tôi. Tôi cố gắng nói, nhưng không thể; cũng không phải nó nói một lời nào; nhưng nó bước một bước về phía trước, khuôn mặt nó nở một nụ cười rạng rỡ của tình yêu, và nó đặt tay lên ngực tôi một cách âu yếm. Và rồi, trong một khoảnh khắc, nó biến mất, ngay trước khi lính canh, người đã đến cuối đoạn đường của mình, quay mặt về phía chúng tôi một lần nữa.

I find it difficult to describe the effect which this beautiful little apparition had upon me. All my manifold pains were still as insistent as ever—my whole body was still nothing but one mass of agony; and yet my mental attitude had in that moment become just the reverse of what it had been before. Remember that I knew nothing then of the astral world, nothing of the possibilities of life after death; so to me this was a special portent from heaven, a special sign from God Himself, who

Tôi thấy khó khăn để mô tả tác động mà hình ảnh nhỏ bé tuyệt đẹp này đã có đối với tôi. Tất cả những nỗi đau đa dạng của tôi vẫn còn dai dẳng như trước—toàn bộ cơ thể tôi vẫn không gì khác ngoài một khối đau đớn; và tuy nhiên thái độ tinh thần của tôi trong khoảnh khắc đó đã trở nên hoàn toàn ngược lại với những gì nó đã từng. Hãy nhớ rằng tôi không biết gì về thế giới cảm dục, không biết gì về khả năng của cuộc sống sau cái chết; vì vậy đối với tôi, đây là một điềm báo đặc biệt từ thiên đường, một dấu

had permitted my brother's spirit to return from the unseen world in order to cheer and comfort me in my trouble.

hiệu đặc biệt từ chính Thượng đế, người đã cho phép linh hồn của em trai tôi trở về từ thế giới vô hình để cổ vũ và an ủi tôi trong lúc khó khăn.

Inevitably then followed the certainty that, however hopeless the prospect might appear, somehow or other all would be well. Either, impossible as it appeared, I should somehow escape and recover, or else, if I was to die, I knew that I should die soon and painlessly, and be with my brother once more. Since outward circumstances were entirely unchanged, it is perhaps hard to comprehend that my despondency had vanished as though it had never been, and that I was now in a condition of eager expectancy—expectancy that something would happen, either death or some kind of liberation. What form this latter would take I could not imagine, and I remember reviewing the situation without being able to find a single reasonable suggestion.

Không thể tránh khỏi sau đó là sự chắc chắn rằng, dù viễn cảnh có vẻ vô vọng đến đâu, bằng cách nào đó mọi thứ sẽ ổn. Hoặc, dù có vẻ không thể, tôi sẽ bằng cách nào đó trốn thoát và hồi phục, hoặc nếu tôi phải chết, tôi biết rằng tôi sẽ chết sớm và không đau đớn, và sẽ được ở bên em trai tôi một lần nữa. Vì hoàn cảnh bên ngoài hoàn toàn không thay đổi, có lẽ khó hiểu rằng sự chán nản của tôi đã biến mất như thể nó chưa từng tồn tại, và rằng tôi bây giờ đang ở trong trạng thái mong đợi háo hức—mong đợi rằng điều gì đó sẽ xảy ra, hoặc cái chết hoặc một loại giải thoát nào đó. Hình thức mà điều này sẽ diễn ra tôi không thể tưởng tượng, và tôi nhớ đã xem xét tình huống mà không thể tìm thấy một gợi ý hợp lý nào.

If I remember rightly, I think I had decided that if there was to be some kind of intervention, the most likely form for it to take was that in some unexpected way the Government might have received warning of the forced marches which Martinez supposed to be unknown to them, and that they on their part might have sent a force to intercept and surround him. I knew that that was practically impossible, yet every other supposition seemed even more impossible still, unless I was to expect some sort of direct angelic intervention, and I knew that such things were rare in these latter days. But that something would happen either to kill me or to release me I felt quite assured. And when the something *did* happen, although it came in a way which had never for a moment occurred to me, it was only for the moment that I was startled.

Nếu tôi nhớ đúng, tôi nghĩ rằng tôi đã quyết định rằng nếu có sự can thiệp nào đó, hình thức có khả năng nhất là bằng cách nào đó Chính phủ có thể đã nhận được cảnh báo về những cuộc hành quân cưỡng bức mà Martinez cho là không ai biết, và rằng họ có thể đã gửi một lực lượng để chặn và bao vây ông. Tôi biết rằng điều đó thực tế là không thể, nhưng mọi giả định khác dường như thậm chí còn không thể hơn nữa, trừ khi tôi mong đợi một loại can thiệp thiên thần trực tiếp nào đó, và tôi biết rằng những điều như vậy hiếm khi xảy ra trong những ngày này. Nhưng rằng điều gì đó sẽ xảy ra để giết tôi hoặc giải thoát tôi, tôi cảm thấy hoàn toàn chắc chắn. Và khi điều gì đó đã xảy ra, mặc dù nó đến theo một cách mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến trong một khoảnh khắc, chỉ trong khoảnh khắc đó tôi mới bị giật mình.

I felt the touch of a hand, evidently extended from behind the tree, and immediately afterwards I was conscious that the rope which bound me with such painful tightness to the tree was relaxing. I remember it flashed through my mind that my unknown friend behind the tree was probably not aware that I was unable to stand, and should certainly fall as soon as that rope was removed, and that thus his amiable intentions would be frustrated, and the sentry's attention attracted. But that was evidently foreseen. My deliverer waited until the nearest sentry's back was turned, and then, as the rope slackened, an arm came round, caught me and drew me quickly and silently behind the tree. I had just time to recognise in the faint flash of the distant firelight that my rescuers were my father and the negro servant Tito, when the latter picked me up in his arms, and we executed a hurried and silent retreat into the forest.

Tôi cảm thấy một bàn tay chạm vào, rõ ràng được đưa ra từ phía sau cây, và ngay sau đó tôi nhận thức được rằng sợi dây buộc tôi một cách đau đớn vào cây đang nới lỏng. Tôi nhớ rằng nó lóe lên trong tâm trí tôi rằng người bạn không rõ danh tính của tôi phía sau cây có lẽ không biết rằng tôi không thể đứng, và chắc chắn sẽ ngã ngay khi sợi dây đó được tháo ra, và rằng do đó ý định tốt đẹp của ông sẽ bị thất bại, và sự chú ý của lính canh sẽ bị thu hút. Nhưng điều đó rõ ràng đã được dự đoán. Người giải cứu tôi chờ đợi cho đến khi lưng của lính canh gần nhất quay đi, và sau đó, khi sợi dây nới lỏng, một cánh tay vòng qua, nắm lấy tôi và kéo tôi nhanh chóng và lặng lẽ ra phía sau cây. Tôi chỉ kịp nhận ra trong ánh sáng mờ nhạt của đống lửa xa xôi rằng những người giải cứu tôi là cha tôi và người hầu da đen Tito, khi Tito nhấc tôi lên trong vòng tay của mình, và chúng tôi thực hiện một cuộc rút lui nhanh chóng và lặng lẽ vào khu rừng.

When we had penetrated perhaps two hundred yards Tito laid me down, pulled out his huge clasp-knife and quickly cut the cords which still bound my wrists; but even when my arms were free I was unable to use them, because they had been so cramped and strained by the many hours of confinement. We exchanged a few hurried words, my father commiserating me for my sufferings, and I interrupting to ask whether he knew of Gerald's fate, and in the same breath assuring him that I had seen him since his death. My father seemed hardly to understand; I think that he supposed me to be delirious—as indeed I well might have been, considering all that I had been through; at any rate he said that he knew of Gerald's death, and that we must not stop to talk now, but must make every effort to get as far away from the camp as possible before my escape should be discovered. I was a helpless burden upon

Khi chúng tôi đã tiến vào khoảng hai trăm thước, Tito đặt tôi xuống, rút con dao gấp lớn của mình ra và nhanh chóng cắt đứt dây buộc vẫn còn buộc cổ tay tôi; nhưng ngay cả khi cánh tay của tôi được tự do, tôi không thể sử dụng chúng, vì chúng đã bị co cứng và căng thẳng bởi nhiều giờ bị giam cầm. Chúng tôi trao đổi một vài lời vội vàng, cha tôi thương cảm cho những đau khổ của tôi, và tôi ngắt lời để hỏi liệu ông có biết về số phận của Gerald, và cùng lúc đó đảm bảo với ông rằng tôi đã thấy nó kể từ khi nó chết. Cha tôi dường như không hiểu; tôi nghĩ rằng ông cho rằng tôi bị mê sảng—như thực sự tôi có thể đã bị, xét đến tất cả những gì tôi đã trải qua; dù sao đi nữa, ông nói rằng ông biết về cái chết của Gerald, và rằng chúng tôi không nên dừng lại để nói chuyện bây giờ, mà phải nỗ lực hết sức để đi càng xa khỏi trại càng tốt trước khi cuộc trốn thoát của tôi bị phát hiện. Tôi là một gánh nặng vô dụng đối với họ, vì tôi không thể đi bộ

them, as I could not walk a step, and even the motion of being carried, gently and carefully as Tito did it, cost me harrowing pain.

một bước, và ngay cả việc được mang đi, nhẹ nhàng và cẩn thận như Tito đã làm, cũng khiến tôi đau đớn khủng khiếp.

In the dense forest the darkness was intense, and it was necessary that we should move as silently as possible, and with the utmost circumspection; so our advance was naturally of the slowest. Every moment we expected that an alarm would be given, and that we should hear the commencement of a pursuit. But I hoped that the sentry might not notice my absence, because the tree to which I had been hound was at some distance from him, just within the shade at the edge of the wood, and the camp-fires, which, an hour or two earlier had lit up that place, were now dying down. Time went on and nothing happened, and we made such progress as we could, but even at the best it was painfully slow. I knew nothing of the direction in which we were going, for the only thing of which we thought was to put as great a distance as possible between ourselves and that camp. Soon we found that the ground was rising—in places rather steeply.

Trong khu rừng rậm, bóng tối rất dày đặc, và cần thiết là chúng tôi phải di chuyển một cách lặng lẽ nhất có thể, và với sự thận trọng tối đa; vì vậy tiến độ của chúng tôi tự nhiên là chậm nhất. Mỗi khoảnh khắc chúng tôi đều mong đợi rằng một báo động sẽ được đưa ra, và rằng chúng tôi sẽ nghe thấy sự bắt đầu của một cuộc truy đuổi. Nhưng tôi hy vọng rằng lính canh có thể không nhận thấy sự vắng mặt của tôi, vì cái cây mà tôi đã bị buộc cách xa ông, chỉ trong bóng râm ở rìa rừng, và những đống lửa trại, mà một hoặc hai giờ trước đã chiếu sáng nơi đó, bây giờ đang tàn dần. Thời gian trôi qua và không có gì xảy ra, và chúng tôi tiến được một khoảng cách nhất định, nhưng ngay cả ở mức tốt nhất, nó vẫn rất chậm. Tôi không biết gì về hướng đi của chúng tôi, vì điều duy nhất mà chúng tôi nghĩ đến là đặt càng nhiều khoảng cách càng tốt giữa chúng tôi và trại đó. Chẳng mấy chốc chúng tôi nhận thấy rằng mặt đất đang dốc lên—ở một số nơi khá dốc.

All too soon for us the dawn came, and the earth leaped from dark night into broad daylight with the suddenness peculiar to the tropics. At the first light Tito laid me gently down, and asked my father to sit with me while he looked round for some place of concealment, as it was clear that we were still far too near the camp to avoid discovery unless we contrived to hide ourselves. Also it seems that I was rapidly sinking into stupor of exhaustion, and Tito, who knew something about medicine as practised among the negroes, thought it would be dangerous for me to push on farther.

Quá sớm đối với chúng tôi, bình minh đến, và trái đất nhảy từ đêm tối vào ánh sáng ban ngày rực rỡ với sự đột ngột đặc trưng của vùng nhiệt đới. Khi ánh sáng đầu tiên xuất hiện, Tito nhẹ nhàng đặt tôi xuống, và yêu cầu cha tôi ngồi với tôi trong khi ông tìm kiếm một nơi ẩn náu, vì rõ ràng là chúng tôi vẫn còn quá gần trại để tránh bị phát hiện trừ khi chúng tôi xoay sở để tự giấu mình. Ngoài ra, có vẻ như tôi đang nhanh chóng rơi vào trạng thái mê man vì kiệt sức, và Tito, người biết một chút về y học như được thực hành trong số những người da đen, nghĩ rằng sẽ nguy hiểm nếu tôi tiếp tục đi xa hơn.

After some search he found a place that would suit us admirably, and came back to carry me

Sau một số tìm kiếm, ông tìm thấy một nơi phù hợp với chúng tôi một cách tuyệt vời, và

to it. It was a huge tree of unknown age, the heart of which had gradually rotted away, so that there was quite a chamber inside it, carpeted deeply by a soft powdering of decayed wood—a kind of natural sawdust. To all appearance the tree was as perfect and as sound as those around it, and the only way to enter this sylvan chamber was by climbing up the tree to a height of some fifteen feet, and then lowering oneself through a hole, whence perhaps a branch had fallen a century ago. The problem was how to get me into this retreat; but it was a case of necessity, and at last the thing was accomplished.

My father slipped off the poncho which had been given to him the day before. I was laid on that, and the corners were tied together so as to make a kind of cradle. Through that Tito slipped the rope which had bound me to the tree, which he had had the forethought to bring with him, rightly thinking that in our desperate condition almost anything might come in useful. Then he climbed the tree to a certain height, my father throwing up the end of the rope to him, and slowly and with great care he raised me from the ground and got me wedged between the trunk of the tree and a huge liana. Then he descended and helped my father to mount, and left him to hold on precariously to the liana and to support me, while he himself climbed a little higher, obtained a foothold close to the hole, and then by means of the rope drew me up and rested me beside him. Then he dropped lightly down upon the dust, which made that inside floor much higher than the level of the ground outside. My father then climbed up the few remaining feet, and carefully lowered me down into the arms of Tito. Soon they had me laid upon the floor, and it seemed almost comfortable to be able thus to rest in a recumbent position after so many hours of misery.

quay lại để mang tôi đến đó. Đó là một cái cây khổng lồ không rõ tuổi, trái tim của nó đã dần dần mục nát, tạo thành một căn phòng bên trong, được trải sâu bởi một lớp bột mềm của gỗ mục—một loại mùn cưa tự nhiên. Nhìn bề ngoài, cái cây hoàn hảo và chắc chắn như những cái xung quanh nó, và cách duy nhất để vào căn phòng rừng này là leo lên cây đến độ cao khoảng mười lăm feet, và sau đó hạ mình xuống qua một lỗ, có lẽ là nơi một nhánh cây đã rơi ra từ một thế kỷ trước. Vấn đề là làm thế nào để đưa tôi vào nơi ẩn náu này; nhưng đó là một trường hợp cần thiết, và cuối cùng điều đó đã được thực hiện.

Cha tôi cởi chiếc poncho mà ông đã được cho ngày hôm trước. Tôi được đặt trên đó, và các góc được buộc lại với nhau để tạo thành một cái nôi. Qua đó Tito luồn sợi dây đã buộc tôi vào cây, mà ông đã có sự cẩn thận để mang theo, nghĩ đúng rằng trong tình trạng tuyệt vọng của chúng tôi, hầu như bất cứ thứ gì cũng có thể hữu ích. Sau đó, ông leo lên cây đến một độ cao nhất định, cha tôi ném đầu dây lên cho ông, và chậm rãi và cẩn thận ông nâng tôi lên khỏi mặt đất và đặt tôi giữa thân cây và một dây leo lớn. Sau đó, ông xuống và giúp cha tôi leo lên, và để ông giữ chặt dây leo và hỗ trợ tôi, trong khi ông tự mình leo lên một chút cao hơn, tìm được chỗ đứng gần lỗ, và sau đó bằng cách sử dụng dây kéo tôi lên và đặt tôi bên cạnh ông. Sau đó, ông nhẹ nhàng thả xuống lớp bụi, làm cho sàn bên trong cao hơn nhiều so với mặt đất bên ngoài. Cha tôi sau đó leo lên vài feet còn lại, và cẩn thận hạ tôi xuống vào vòng tay của Tito. Chẳng mấy chốc họ đã đặt tôi nằm trên sàn, và dường như gần như thoải mái khi có thể nghỉ ngơi ở tư thế nằm sau nhiều giờ đau khổ.

I hoped to sleep, but fever had seized upon me, and I believe that most of that day I was barely conscious, and at times even delirious. I knew nothing of what was going forward, but my father told me afterwards that, almost as soon as we were established, they heard a great noise from the direction of the camp, and an amount of shouting which evidently betokened great excitement. The faithful Tito climbed to the top of our tree and found that, because of the rising ground, he was able to see most of the camp. He reported much hurry and tumult, and presently declared that large bodies of soldiers were being sent into the forest in several different directions, evidently to search for us.

Tôi hy vọng sẽ ngủ, nhưng cơn sốt đã chiếm lấy tôi, và tôi tin rằng phần lớn ngày hôm đó tôi hầu như không tỉnh táo, và đôi khi thậm chí mê sảng. Tôi không biết gì về những gì đang diễn ra, nhưng cha tôi nói với tôi sau đó rằng, gần như ngay khi chúng tôi đã ổn định, họ nghe thấy một tiếng ồn lớn từ hướng trại, và một lượng tiếng hét rõ ràng biểu thị sự phấn khích lớn. Tito trung thành leo lên đỉnh cây của chúng tôi và phát hiện ra rằng, vì mặt đất đang dốc lên, ông có thể nhìn thấy hầu hết trại. Ông báo cáo nhiều sự vội vàng và náo động, và chẳng mấy chốc tuyên bố rằng các nhóm lính lớn đang được gửi vào rừng theo nhiều hướng khác nhau, rõ ràng là để tìm kiếm chúng tôi.

You see, our recapture was of enormous importance to the plans of Martinez. He had succeeded in altogether eluding the Government forces which had been sent out in pursuit of him. By several days of almost incredible forced marching he had contrived to lead his men into a position from which they could easily attack a town of great importance. His manoeuvre was entirely unexpected by the Government army whom he had deluded into the idea that he had moved in the opposite direction; indeed, they were occupied in hunting down the small band which he had sent down there in order to mislead them—they supposing that that was his entire army. He had halted his men at the spot where we had made his acquaintance, to give them a couple of days' rest after the forced marching before they swept down upon the town, and in that wild district it was reasonably certain that he could not have been seen or his presence reported.

Bạn thấy đấy, việc bắt lại chúng tôi là vô cùng quan trọng đối với kế hoạch của Martinez. Ông đã thành công trong việc hoàn toàn đánh lừa các lực lượng Chính phủ đã được gửi đi để truy đuổi ông. Bằng nhiều ngày hành quân cưỡng bức gần như không thể tin được, ông đã xoay sở để dẫn dắt người của mình vào một vị trí từ đó họ có thể dễ dàng tấn công một thị trấn quan trọng. Cuộc điều động của ông hoàn toàn bất ngờ đối với quân đội Chính phủ mà ông đã đánh lừa vào ý tưởng rằng ông đã di chuyển theo hướng ngược lại; thực sự, họ đang bận rộn săn lùng nhóm nhỏ mà ông đã gửi xuống đó để đánh lừa họ—họ cho rằng đó là toàn bộ quân đội của ông. Ông đã dừng chân tại nơi mà chúng tôi đã làm quen với ông, để cho người của mình nghỉ ngơi vài ngày sau cuộc hành quân cưỡng bức trước khi họ quét xuống thị trấn, và trong khu vực hoang dã đó, có thể chắc chắn rằng ông không thể bị nhìn thấy hoặc sự hiện diện của ông được báo cáo.

But if I and my father, or even one of us alone, could escape, could by some incredible means make his way to the nearest house or village, and thence send the alarm down to the

Nhưng nếu tôi và cha tôi, hoặc thậm chí chỉ một trong số chúng tôi, có thể trốn thoát, có thể bằng một cách nào đó không thể tin được đến được ngôi nhà hoặc làng gần nhất, và từ

seaport city, all Martinez's advantage would be lost; and since he had risked everything on this one bold move we may say that his cause would be lost too, and his life unquestionably forfeited. Therefore it was of capital importance for him to get hold of us at all costs, and so, instead of allowing his men to rest as he had intended them to do, he sent them out to range the forest in search of us. He knew well that we could not have gone far, for he knew that I at least was sorely wounded, and that my father had no weapon; nor can it have seemed conceivable to him that we could escape for a single day the myriad dangers that surrounded us on every side in that forest. He did not know that we had the invaluable assistance of Tito, who knew all about these things, and was perfectly capable of protecting himself in the forest, and of wringing subsistence out of it.

đó gửi cảnh báo xuống thành phố cảng, tất cả lợi thế của Martinez sẽ bị mất; và vì ông đã đặt cược tất cả vào nước đi táo bạo này, chúng ta có thể nói rằng sự nghiệp của ông cũng sẽ bị mất, và cuộc sống của ông chắc chắn sẽ bị tước đoạt. Do đó, việc bắt giữ chúng tôi bằng mọi giá là vô cùng quan trọng đối với ông, và vì vậy, thay vì cho phép người của mình nghỉ ngơi như ông đã dự định, ông đã gửi họ ra để lùng sục khu rừng tìm kiếm chúng tôi. Ông biết rõ rằng chúng tôi không thể đi xa, vì ông biết rằng ít nhất tôi đã bị thương nặng, và rằng cha tôi không có vũ khí; cũng không thể tưởng tượng được rằng chúng tôi có thể trốn thoát trong một ngày khỏi vô số nguy hiểm bao quanh chúng tôi ở mọi phía trong khu rừng đó. Ông không biết rằng chúng tôi có sự trợ giúp vô giá của Tito, người biết tất cả về những điều này, và hoàn toàn có khả năng tự bảo vệ mình trong khu rừng, và tìm kiếm sự sống từ nó.

They told me that groups of soldiers again and again came past the very tree in which we were hiding. They even overheard scraps of their conversation, and Tito, who knew their language perfectly, reported that they spoke much of witchcraft and of a supernatural deliverance. It was evident from what they said that the superstitions of Martinez also had been aroused, and that he was in a condition of panic fear. He thought (it seems one of his officers had told him so) that in killing Gerald he had brought ill-luck upon himself; he was unable to understand, as indeed were all of them, how my father could suddenly have got free when he was obviously securely bound, and he thought of my disappearance when I was practically at the point of death, as another instance of supernatural interference.

Họ nói với tôi rằng các nhóm lính nhiều lần đi qua cái cây mà chúng tôi đang ẩn náu. Họ thậm chí nghe thấy những mẩu đối thoại của họ, và Tito, người biết ngôn ngữ của họ một cách hoàn hảo, báo cáo rằng họ nói nhiều về phù thủy và sự giải cứu siêu nhiên. Rõ ràng từ những gì họ nói rằng mê tín của Martinez cũng đã bị kích động, và ông đang trong tình trạng hoảng sợ. Ông nghĩ (có vẻ như một trong những sĩ quan của ông đã nói với ông như vậy) rằng việc giết Gerald đã mang lại xui xẻo cho ông; ông không thể hiểu được, như thực sự là tất cả bọn họ, làm thế nào cha tôi có thể đột nhiên được giải thoát khi ông rõ ràng bị trói chặt, và ông nghĩ về sự biến mất của tôi khi tôi thực tế đang ở điểm chết, như một ví dụ khác của sự can thiệp siêu nhiên.

I remember that my father said that at one time some soldiers had thrown themselves down to rest quite close to the tree. Tito

Tôi nhớ rằng cha tôi nói rằng có một thời điểm một số lính đã ném mình xuống nghỉ ngơi khá gần cái cây. Tito lắng nghe một cách háo hức

listened eagerly to their conversation, anxious to pick up any information that might be of use to us; and my father was oppressed with the fear that I might reveal our hiding-place by giving vent to low delirious mutterings. Fortunately this did not happen, and in the course of the afternoon I fell into a deep refreshing sleep, from which they wakened me only when darkness had fallen, and it was time to set out once more.

cuộc trò chuyện của họ, mong muốn thu thập bất kỳ thông tin nào có thể hữu ích cho chúng tôi; và cha tôi bị áp lực bởi nỗi sợ rằng tôi có thể tiết lộ nơi ẩn náu của chúng tôi bằng cách thốt ra những lời lẩm bẩm mê sảng. May mắn thay, điều này đã không xảy ra, và trong suốt buổi chiều tôi rơi vào một giấc ngủ sâu và sảng khoái, từ đó họ đánh thức tôi chỉ khi bóng tối đã buông xuống, và đã đến lúc phải lên đường một lần nữa.

Meantime Tito had risked his life by climbing out of our refuge more than once to fetch some water for me, and some leaves of a plant which he knew, which he chewed into a paste and laid upon my burnt feet and some of the worst of my wounds. I do not know what this remedy was, but its effect was magical in the relief of pain, for when I was awakened in the evening, though still weak and in great suffering, I was distinctly much better than in the morning, and all trace of fever had for the time left me. The soldiers had retired to their camp just before night-fall, but we had little doubt from what had been overheard that the search would be renewed the next day. I felt great regret at leaving my soft couch, and in truth somewhat doubted the wisdom of moving on at all, since we had discovered so excellent a shelter; but both Tito and my father felt that they would know no ease until they were much further away from the camp.

Trong khi đó, Tito đã mạo hiểm mạng sống của mình bằng cách leo ra khỏi nơi ẩn náu của chúng tôi nhiều lần để lấy một ít nước cho tôi, và một số lá của một loại cây mà ông biết, mà ông nhai thành một loại bột nhão và đặt lên chân bị bỏng của tôi và một số vết thương tồi tệ nhất của tôi. Tôi không biết phương thuốc này là gì, nhưng tác dụng của nó thật kỳ diệu trong việc giảm đau, vì khi tôi được đánh thức vào buổi tối, mặc dù vẫn yếu và đau đớn, tôi rõ ràng đã khá hơn nhiều so với buổi sáng, và mọi dấu vết của cơn sốt đã tạm thời rời khỏi tôi. Những người lính đã rút về trại của họ ngay trước khi trời tối, nhưng chúng tôi không nghi ngờ gì từ những gì đã được nghe lén rằng cuộc tìm kiếm sẽ được tiếp tục vào ngày hôm sau. Tôi cảm thấy rất tiếc khi rời khỏi chiếc giường mềm mại của mình, và thực sự có chút nghi ngờ về sự khôn ngoan của việc di chuyển tiếp, vì chúng tôi đã phát hiện ra một nơi trú ẩn tuyệt vời như vậy; nhưng cả Tito và cha tôi đều cảm thấy rằng họ sẽ không yên tâm cho đến khi họ ở xa hơn nhiều so với trại.

They got me out of our refuge much in the same way as they had before got me in, and we set off up the hill. The whole general trend of the ground seemed to be upward, and several times during the night we came to little open places from which we were able to see the camp-fires of our enemies far below us. As we rose higher the trees grew somewhat less thickly, and our progress was on the whole

Họ đưa tôi ra khỏi nơi ẩn náu của chúng tôi theo cách tương tự như trước đây đã đưa tôi vào, và chúng tôi lên đường lên đồi. Toàn bộ xu hướng chung của mặt đất dường như là đi lên, và nhiều lần trong đêm chúng tôi đến những nơi trống trải nhỏ từ đó chúng tôi có thể nhìn thấy những đống lửa trại của kẻ thù của chúng tôi ở xa bên dưới. Khi chúng tôi lên cao hơn, cây cối mọc thưa hơn một chút, và tiến độ của

rather more rapid—less slow would be a better way to put it. Once again dawn came, and Tito searched for a hiding-place, but this time no convenient hollow tree was to be found. We were in a region of magnificent monarchs of the forest, mostly with wide spaces between them, but so huge were they that though their trunks might be a hundred feet or even two hundred feet apart, their branches often intermingled high above our heads. These giants would have been quite unclimbable, except for the fact that in nearly every case huge lianas, with trunks as large as many a tree in these cold northern climes, wreathed round their splendid trunks and usually afforded a comparatively easy way of ascent for an active person.

chúng tôi nhìn chung khá nhanh hơn—ít chậm hơn sẽ là cách tốt hơn để diễn đạt. Một lần nữa bình minh đến, và Tito tìm kiếm một nơi ẩn náu, nhưng lần này không có cây rỗng tiện lợi nào được tìm thấy. Chúng tôi đang ở trong một khu vực của những cây khổng lồ tuyệt đẹp của khu rừng, hầu hết với những khoảng trống rộng giữa chúng, nhưng chúng quá lớn đến nỗi mặc dù thân cây của chúng có thể cách nhau một trăm feet hoặc thậm chí hai trăm feet, các nhánh của chúng thường xen kẽ cao trên đầu chúng tôi. Những người khổng lồ này sẽ hoàn toàn không thể leo lên, ngoại trừ thực tế là trong hầu hết các trường hợp, những dây leo khổng lồ, với thân cây lớn như nhiều cây ở những vùng lạnh giá phía bắc này, quấn quanh thân cây tuyệt đẹp của chúng và thường cung cấp một cách leo lên tương đối dễ dàng cho một người năng động.

While Tito was ranging about in search of a hiding-place it occurred to him to climb one of these great trees in order to see what our enemies were doing. Without much trouble he found a place from which the camp was still clearly visible, though very minute now in the far distance, and he saw the same hurry and preparation and sending out of troops as before; but though he saw nothing new he presently heard something which sent him down the tree at his best speed, and he came rushing to us, with a face of that curious livid grey which is the nearest that a negro can come to turning white with fear.

Trong khi Tito đang tìm kiếm một nơi ẩn náu, ông nảy ra ý tưởng leo lên một trong những cây lớn này để xem kẻ thù của chúng tôi đang làm gì. Không gặp nhiều khó khăn, ông tìm thấy một nơi từ đó trại vẫn còn rõ ràng, mặc dù rất nhỏ bây giờ ở xa xa, và ông thấy cùng một sự vội vàng và chuẩn bị và gửi quân ra ngoài như trước; nhưng mặc dù ông không thấy gì mới, ông chẳng mấy chốc nghe thấy điều gì đó khiến ông xuống cây với tốc độ tốt nhất của mình, và ông chạy đến chỗ chúng tôi, với khuôn mặt của màu xám nhợt nhạt kỳ lạ đó là gần nhất mà một người da đen có thể trở nên trắng vì sợ hãi.

“Dogs, master!” he said, “they are setting the slave-dogs on us. Listen!”

"Chó, thưa ông!" ông nói, "họ đang thả chó săn nô lệ lên chúng ta. Nghe này!"

When we listened attentively, sure enough we heard far off the sonorous bay of a blood-hound. We knew that these great dogs were kept by certain slave-owners in the interior to track down run-away negroes; but how Martinez could have got hold of one we could

Khi chúng tôi lắng nghe một cách chăm chú, chắc chắn chúng tôi nghe thấy từ xa tiếng sủa vang của một con chó săn. Chúng tôi biết rằng những con chó lớn này được một số chủ nô lệ trong nội địa nuôi để truy tìm những người da đen bỏ trốn; nhưng làm thế nào Martinez có

not imagine. I can only suppose that among his men there must have been one who knew of the existence of such creatures on some inland plantation, that he must have mentioned the matter to his officer, and that when Martinez heard of it he must at once have sent off some men to borrow these dogs, even though to do so would put the great secret of his presence there into the hands of some at least of the people of that plantation. Indeed I fear much, knowing something of his character, that he may have adopted terribly efficacious means to ensure the silence of every human being upon that plantation; perhaps there may have been a wholesale massacre.

thể có được một con, chúng tôi không thể tưởng tượng. Tôi chỉ có thể cho rằng trong số những người của ông phải có một người biết về sự tồn tại của những sinh vật như vậy trên một đồn điền nào đó trong nội địa, rằng ông phải đã đề cập đến vấn đề này với sĩ quan của mình, và khi Martinez nghe về điều đó, ông phải ngay lập tức đã gửi một số người đi mượn những con chó này, mặc dù để làm như vậy sẽ đặt bí mật lớn về sự hiện diện của ông ở đó vào tay một số ít nhất của những người trên đồn điền đó. Thực sự tôi rất lo ngại, biết một chút về tính cách của ông, rằng ông có thể đã áp dụng các biện pháp cực kỳ hiệu quả để đảm bảo sự im lặng của mọi người trên đồn điền đó; có lẽ đã có một cuộc thảm sát hàng loạt.

At any rate there were the dogs, and there could be little doubt of their ability to track us, both to our hiding-place of the day before and to the place where we now were, and our chance of escaping them seemed remarkably small. I had often heard stories of the untamable ferocity of these creatures, and of their resolution in following up a trail to the last. We sought no more for a place of concealment, but hurried hopelessly on, tending ever upwards towards the summit of the mountains. But we knew well that the progress of our pursuers would be very much faster than our own, and that nothing could save us from being overtaken.

Dù sao đi nữa, có những con chó, và có rất ít nghi ngờ về khả năng của chúng trong việc truy tìm chúng tôi, cả đến nơi ẩn náu của chúng tôi ngày hôm trước và đến nơi chúng tôi hiện đang ở, và cơ hội thoát khỏi chúng dường như rất nhỏ. Tôi đã nghe nhiều câu chuyện về sự hung dữ không thể thuần hóa của những sinh vật này, và về quyết tâm của chúng trong việc theo đuổi một dấu vết đến cùng. Chúng tôi không tìm kiếm thêm một nơi ẩn náu nào nữa, mà vội vã tiếp tục, hướng lên đỉnh núi. Nhưng chúng tôi biết rõ rằng tiến độ của những kẻ truy đuổi chúng tôi sẽ nhanh hơn rất nhiều so với của chúng tôi, và không có gì có thể cứu chúng tôi khỏi bị bắt kịp.

Tito had a theory, founded upon some negro superstition, that the smell of blood would destroy the keenness of scent of the hounds, so he drew out his big knife and made with it a slight cut in his arm, sprinkling the blood which flowed plentifully around the spot where we were then standing. He seemed to have some confidence in this method, although he admitted that with some dogs it had been known to fail; so it seemed rather a slender reed to support the edifice of our

Tito có một lý thuyết, dựa trên một số mê tín của người da đen, rằng mùi máu sẽ phá hủy sự nhạy bén của mùi của những con chó, vì vậy ông rút con dao lớn của mình ra và tạo một vết cắt nhẹ trên cánh tay của mình, rắc máu chảy ra xung quanh nơi chúng tôi đang đứng. Ông dường như có một chút tự tin vào phương pháp này, mặc dù ông thừa nhận rằng với một số con chó, nó đã được biết là thất bại; vì vậy có vẻ như là một cây sậy mỏng manh để hỗ trợ tòa nhà của hy vọng của chúng tôi. Lúc này

hopes. We were at this time on the edge of a sort of ridge, and in front of us the ground dipped again, and made a kind of ravine, along the bottom of which flowed a shallow stream. On the other side of the stream the ground rose again, and the hillside stretched on before us. Looking at this stream a flash of inspiration came to me, as my father held me in his arms.

chúng tôi đang ở trên rìa của một loại sườn núi, và trước mặt chúng tôi mặt đất lại dốc xuống, tạo thành một loại khe núi, dọc theo đáy của nó chảy một dòng suối nông. Ở phía bên kia của dòng suối, mặt đất lại dốc lên, và sườn đồi trải dài trước mặt chúng tôi. Nhìn vào dòng suối này, một tia cảm hứng đến với tôi, khi cha tôi bế tôi trong vòng tay.

“Father,” I said excitedly, “don’t you remember the history of Scotland” Don’t you remember how Robert Bruce was once pursued by blood-hounds, and how he escaped from them by walking in the water, so that he left no trail?”

"Cha ơi," tôi nói một cách phấn khích, "cha không nhớ lịch sử của Scotland sao? Cha không nhớ làm thế nào Robert Bruce đã từng bị truy đuổi bởi những con chó săn, và làm thế nào ông đã thoát khỏi chúng bằng cách đi trong nước, để ông không để lại dấu vết?"

A light of hope appeared in my father’s eye. “Why, yes.” he said, “I have heard that story, long ago when I was at school. At least we can try it.”

Một ánh sáng hy vọng xuất hiện trong mắt cha tôi. "Tại sao, đúng vậy." ông nói, "tôi đã nghe câu chuyện đó, từ lâu khi tôi còn đi học. Ít nhất chúng ta có thể thử nó."

Rapidly he explained the method to Tito, who at first seemed hardly to comprehend, but as the idea penetrated he said:

Nhanh chóng, ông giải thích phương pháp cho Tito, người ban đầu dường như khó mà hiểu được, nhưng khi ý tưởng thấm vào, y nói:

“That is true. Of course scent will not lie in the water. But then we cannot lie in the river, and when we get out again the dogs will smell us.”

"Điều đó đúng. Tất nhiên mùi sẽ không lưu lại trong nước. Nhưng rồi chúng ta không thể nằm trong sông, và khi chúng ta ra ngoài, chó sẽ ngửi thấy chúng ta."

“No, Tito, “ said I, “walk along the river until you find a big branch hanging over it, and then pull yourself out by the branch without touching the ground.”

"Không, Tito," tôi nói, "đi dọc theo sông cho đến khi tìm thấy một cành cây lớn treo trên đó, rồi kéo mình ra bằng cành cây mà không chạm vào đất."

“That is it, “ said my father; “let us try it. It may succeed, and anyhow there is nothing else to do.”

"Đúng rồi," cha tôi nói; "chúng ta hãy thử. Nó có thể thành công, và dù sao cũng không còn cách nào khác."

I think Tito was doubtful about it, for he had a well-founded terror of those awful dogs; but we hurried down into the ravine, into the shallow stream, and then began to wade steadily up it. They had to walk some distance

Tôi nghĩ Tito có chút nghi ngờ về điều đó, vì y có nỗi sợ hãi chính đáng về những con chó khủng khiếp đó; nhưng chúng tôi vội vã xuống khe núi, vào dòng suối nông, rồi bắt đầu lội ngược dòng một cách đều đặn. Họ phải đi một

(I cannot say we, for I was being carried all the time, and was acutely sensible how much I added to the dangers of the party) before we could find in the right position a branch which Tito thought possible. But even then, he took us on past two or three which might have suited us, because they belonged to giant trees which stood all alone, and he wished to have a line of retreat open to him.

đoạn khá xa (tôi không thể nói là chúng tôi, vì tôi được mang theo suốt thời gian, và cảm nhận rõ ràng mình đã thêm vào những nguy hiểm của nhóm) trước khi chúng tôi có thể tìm thấy một cành cây ở vị trí thích hợp mà Tito cho là có thể. Nhưng ngay cả khi đó, y đã đưa chúng tôi đi qua hai hoặc ba cành có thể phù hợp, vì chúng thuộc về những cây khổng lồ đứng một mình, và y muốn có một đường rút lui mở cho mình.

Meantime the baying of the dogs sounded alarmingly near; but at last we came to a branch which satisfied Tito's fastidiousness, because it belonged to a tree whose branches interlocked with others, so that it might be possible for us to make our way (as the monkeys do) along what may be called the upper storey of the forest. The branch was thick and strong, but just beyond reach by jumping, and here arose a difficulty. The streamlet was but knee-deep, and it was easy enough for us to wade in it, but if my father should lay me down upon the bank a clue would be given to those remorseless brutes who were following us so closely.

Trong khi đó, tiếng sủa của những con chó vang lên đáng lo ngại gần; nhưng cuối cùng chúng tôi đến một cành cây làm hài lòng sự khó tính của Tito, vì nó thuộc về một cây có các cành đan xen với những cây khác, để chúng tôi có thể đi theo cách của mình (như những con khỉ làm) dọc theo cái có thể gọi là tầng trên của khu rừng. Cành cây dày và mạnh, nhưng chỉ vừa ngoài tầm với khi nhảy, và đây là một khó khăn. Dòng suối chỉ sâu đến đầu gối, và chúng tôi dễ dàng lội trong đó, nhưng nếu cha tôi đặt tôi xuống bờ, một manh mối sẽ được đưa ra cho những con thú không thương xót đang theo sát chúng tôi.

They did not want to lay me down in the water —as they might easily have done, for I could have sat with my head above its surface— because the paste of leaves which Tito had made was still covering my wounded feet, and he declared that inflammation might set in if it were removed; so my poor father had to stand holding my heavy weight in his arms while Tito climbed cautiously up him and stood upon his shoulders. Then, with a very little jump he was able to grasp the branch and to pull himself up upon it. Then, unwinding the rope (which he had carried round his waist) he soon had me up beside him and carried me a little way to where a fork gave a place in which he could safely leave me, while he went back and pulled up my father by

Họ không muốn đặt tôi xuống nước—như họ có thể dễ dàng làm, vì tôi có thể ngồi với đầu trên mặt nước—bởi vì lớp lá mà Tito đã làm vẫn đang phủ lên chân bị thương của tôi, và y tuyên bố rằng viêm có thể xảy ra nếu nó bị loại bỏ; vì vậy cha tôi tội nghiệp phải đứng giữ trọng lượng nặng nề của tôi trong tay khi Tito cẩn thận leo lên người ông và đứng trên vai ông. Sau đó, với một cú nhảy nhỏ, y có thể nắm lấy cành cây và tự kéo mình lên đó. Sau đó, tháo dây thừng (mà y đã mang quanh eo), y nhanh chóng kéo tôi lên bên cạnh y và mang tôi đi một đoạn đến nơi có một chạc cây cho phép y có thể an toàn để lại tôi, trong khi y quay lại và kéo cha tôi lên bằng cùng sợi dây.

means of the same rope.

We found ourselves upon a branch as large as the trunk of many a tree, so that they were able to walk along it quite easily towards the giant trunk, supporting themselves by the many branchlets which sprang from it and by the twisted lianas which were hanging all around us. They were soon at the trunk and, crawling round it, made their way along a branch at the opposite side. Then, stepping off from that to an equally huge branch of another tree, which interpenetrated this one, they were able to follow that up to its trunk and to pass from that tree into a third, so that we were now at a considerable distance from the stream, and high up the hill.

Chúng tôi thấy mình trên một cành cây lớn như thân của nhiều cây, để họ có thể dễ dàng đi dọc theo nó về phía thân cây khổng lồ, tự hỗ trợ bằng nhiều nhánh nhỏ mọc ra từ đó và bằng những dây leo xoắn quanh chúng tôi. Họ nhanh chóng đến thân cây và, bò quanh nó, đi dọc theo một cành cây ở phía đối diện. Sau đó, bước ra từ đó đến một cành cây khổng lồ khác của một cây khác, đan xen với cây này, họ có thể theo dõi nó đến thân cây và đi từ cây đó vào cây thứ ba, để chúng tôi hiện đang ở một khoảng cách đáng kể từ dòng suối, và cao lên trên đồi.

Climbing a little further up this third tree, Tito discovered a place where two branches, leaving the trunk side by side, provided a comfortable platform on which there was plenty of room for us all; on which also I could be laid out—not quite so softly, perhaps, as in the tree-trunk of the previous day, but still with some degree of comfort. We got ourselves settled there only just in time. We were high enough up the tree to enable us to see over time ridge, and soon a party of soldiers came into sight, with two blood-hounds in front, each held in a leash, and eagerly straining forward. They came up to the spot where poor Tito had so unnecessarily shed his blood, but it had no appreciable effect in checking them. They smelt about for a moment, and uttered savage bays, I suppose at the smell of the blood. But they resumed the trail immediately, and followed it over the edge of the ridge and down to the water. There they stopped, but the soldiers waded in and encouraged them to cross. When they reached the other side, however, they halted and appeared to be at a loss. The soldiers said:

Leo lên một chút nữa trên cây thứ ba này, Tito phát hiện ra một nơi mà hai cành cây, rời khỏi thân cây cạnh nhau, tạo thành một nền tảng thoải mái có đủ chỗ cho tất cả chúng tôi; nơi đó tôi cũng có thể được đặt nằm—không mềm mại như trong thân cây của ngày hôm trước, nhưng vẫn có một mức độ thoải mái. Chúng tôi chỉ vừa kịp ổn định ở đó. Chúng tôi đủ cao trên cây để có thể nhìn qua đỉnh đồi, và sớm một nhóm lính xuất hiện, với hai con chó săn máu phía trước, mỗi con được giữ trong dây xích, và háo hức căng về phía trước. Họ đến chỗ mà Tito tội nghiệp đã đổ máu không cần thiết, nhưng điều đó không có tác dụng đáng kể trong việc ngăn chặn họ. Họ ngửi quanh một lúc, và phát ra những tiếng sủa dữ dội, tôi cho là do mùi máu. Nhưng họ ngay lập tức tiếp tục theo dấu vết, và theo nó qua mép đồi và xuống nước. Ở đó họ dừng lại, nhưng những người lính lội vào và khuyến khích chúng vượt qua. Khi họ đến bờ bên kia, tuy nhiên, họ dừng lại và dường như bối rối. Những người lính nói:

“They have turned up or down.”

"Họ đã quay lên hoặc xuống."

The company immediately divided, each party taking a dog with them, one going up the river and the other down. Those who turned upwards presently came to the tree by which we had pulled ourselves out of the water, but the dog gave no sign, and the soldiers passed on. After a time they came back again on the other side of the stream, it apparently having occurred to them that we might not have crossed it after all. Then, on returning on the trail, they began to shout to the others, who had gone downwards, and then sent a man running after them, and soon we saw that party also returning on the other side of the water. Then a consultation was held, and it was evident that they did not know what to do next.

Nhóm ngay lập tức chia ra, mỗi nhóm mang theo một con chó, một nhóm đi lên sông và nhóm kia đi xuống. Những người quay lên trên hiện tại đến cây mà chúng tôi đã kéo mình ra khỏi nước, nhưng con chó không có dấu hiệu gì, và những người lính đi qua. Sau một thời gian họ quay lại bên kia dòng suối, dường như đã nghĩ rằng chúng tôi có thể không vượt qua nó. Sau đó, khi quay lại theo dấu vết, họ bắt đầu gọi những người khác, những người đã đi xuống, và sau đó gửi một người chạy theo họ, và sớm chúng tôi thấy nhóm đó cũng quay lại bên kia nước. Sau đó, một cuộc tham vấn được tổ chức, và rõ ràng là họ không biết phải làm gì tiếp theo.

Presently the officer in charge gave an order, and the men dispersed—evidently to search the neighbourhood; but it seemed to me that they went off very slowly and unwillingly. Some of them passed close underneath our tree, and once more we heard them talking about witchcraft, and declaring that it was useless to search for us, as the devil had evidently carried us off because we were heretics—which struck me as rather amusing on the part of men who had, at least for the time, openly renounced the Christian religion themselves, and practically bound themselves to worship only that fiend Martinez. They spoke also of the anger of Martinez, and his wild asseverations that at all costs we must be recaptured; they suggested that he was mad with terror, and indeed I think he may have been.

Ngay sau đó, viên sĩ quan phụ trách ra lệnh, và những người lính phân tán—rõ ràng là để tìm kiếm khu vực lân cận; nhưng dường như với tôi rằng họ đi rất chậm và miễn cưỡng. Một số trong số họ đi qua ngay dưới cây của chúng tôi, và một lần nữa chúng tôi nghe họ nói về phù thủy, và tuyên bố rằng việc tìm kiếm chúng tôi là vô ích, vì quỷ đã rõ ràng mang chúng tôi đi vì chúng tôi là dị giáo—điều này khiến tôi khá buồn cười từ phía những người đã, ít nhất là trong thời gian đó, công khai từ bỏ tôn giáo Kitô giáo và thực tế đã tự ràng buộc mình chỉ thờ phụng quỷ Martinez. Họ cũng nói về sự giận dữ của Martinez, và những lời thề thốt điên cuồng của y rằng bằng mọi giá chúng tôi phải bị bắt lại; họ gợi ý rằng y đã phát điên vì sợ hãi, và thực sự tôi nghĩ y có thể đã như vậy.

It seemed impossible that the idea that we must be hiding in a tree should not occur to them; yet apparently it did not. I believe that, if they had had the sense to bring some of the

Dường như không thể rằng ý tưởng rằng chúng tôi phải đang trốn trong một cái cây không xảy ra với họ; nhưng rõ ràng là không. Tôi tin rằng, nếu họ có đủ trí tuệ để mang theo

Indians with them, our little ruse would have been penetrated; but fortunately for us there was a good deal of jealousy and ill-feeling between these allies, and so Martinez had evidently determined to do the work with his own men. All day the soldiers patrolled up and down at intervals, evidently driven by their officer to keep moving, yet fully convinced that their task was a hopeless one, and continuing to pursue it half-heartedly only for the sake of being able to say that they had done something. At different times we caught scraps of conversation, but always to much the same effect—dread of the anger of Martinez, speculation as to what he would do, and suggestions and stories of the supernatural.

một số người da đỏ với họ, mưu mẹo nhỏ của chúng tôi đã bị phát hiện; nhưng may mắn cho chúng tôi có một sự ghen tị và ác cảm lớn giữa những đồng minh này, và vì vậy Martinez rõ ràng đã quyết định làm công việc với chính người của mình. Suốt cả ngày, những người lính tuần tra lên xuống theo từng khoảng thời gian, rõ ràng bị viên sĩ quan của họ thúc đẩy phải di chuyển, nhưng hoàn toàn tin rằng nhiệm vụ của họ là vô vọng, và tiếp tục theo đuổi nó một cách nửa vời chỉ để có thể nói rằng họ đã làm được điều gì đó. Vào những thời điểm khác nhau, chúng tôi nghe được những mẩu đối thoại, nhưng luôn có cùng một nội dung—sợ hãi sự giận dữ của Martinez, suy đoán về những gì y sẽ làm, và những gợi ý và câu chuyện về siêu nhiên.

The day wore slowly on, and this time Tito dared not leave our post even for a moment, for the slightest motion of the leaves might possibly attract attention, with so many searchers wandering about eager to gain the reward which (we heard them say) Martinez had promised to anyone who should find us. The day before he had brought in a bunch or two of wild fruit, but to-day we could get nothing whatever, and both he and my father were suffering much from the pangs of hunger, for it was now nearly three days since they had had anything worth speaking of to eat. I myself was probably better without food for awhile in my condition of weakness, though now that I was somewhat better from the fever I had begun to feel some hunger. I suffered more from lack of water, for the fever returned slightly during the day; but there was nothing for it but to be still and take care not to show ourselves.

Ngày trôi qua chậm chạp, và lần này Tito không dám rời khỏi vị trí của chúng tôi dù chỉ một lúc, vì bất kỳ chuyển động nhỏ nào của lá có thể thu hút sự chú ý, với rất nhiều người tìm kiếm lang thang xung quanh háo hức để giành được phần thưởng mà (chúng tôi nghe họ nói) Martinez đã hứa cho bất kỳ ai tìm thấy chúng tôi. Ngày hôm trước y đã mang về một vài chùm trái cây hoang dã, nhưng hôm nay chúng tôi không thể lấy được gì cả, và cả y và cha tôi đều chịu đựng nhiều từ cơn đói, vì đã gần ba ngày kể từ khi họ có bất cứ thứ gì đáng kể để ăn. Tôi có lẽ tốt hơn khi không có thức ăn trong một thời gian trong tình trạng yếu đuối của mình, mặc dù bây giờ tôi đã khá hơn từ cơn sốt, tôi đã bắt đầu cảm thấy đói. Tôi chịu đựng nhiều hơn từ thiếu nước, vì cơn sốt trở lại nhẹ trong ngày; nhưng không còn cách nào khác ngoài việc giữ yên và cẩn thận không để lộ mình.

When the sun was nearing the horizon, the officer gathered his party together amid they departed down the hill, taking their dogs with them; but we could clearly detect the

Khi mặt trời gần đến chân trời, viên sĩ quan tập hợp nhóm của mình lại và họ rời xuống đồi, mang theo những con chó; nhưng chúng tôi có thể rõ ràng phát hiện sự miễn cưỡng mà họ

reluctance which they felt to go back and face the anger of Martinez with the report of failure. Fearing the possibility of some trick, we watched them well on their way before we ventured to leave our hiding-place, and then Tito hurried down to reconnoitre, and search for some food before darkness actually fell. He was fortunately successful in finding some guavas and wild bananas, and a little later some bread-fruit, and presently he dug up for us some kind of tubers which had a faintly sweet flavour.

cảm thấy khi phải quay lại và đối mặt với sự giận dữ của Martinez với báo cáo thất bại. Sợ khả năng có một mưu mẹo nào đó, chúng tôi theo dõi họ đi xa trước khi dám rời khỏi nơi ẩn náu của mình, và sau đó Tito vội vã xuống để do thám, và tìm kiếm một ít thức ăn trước khi bóng tối thực sự buông xuống. May mắn thay, y đã thành công trong việc tìm thấy một số quả ổi và chuối hoang dã, và một chút sau đó một ít bánh mì, và ngay sau đó y đào lên cho chúng tôi một số loại củ có hương vị hơi ngọt.

I could take but little of these, but my father and Tito made a meal which, though hardly satisfactory, was at least a great improvement on the scanty fare of the previous day.

Tôi chỉ có thể ăn một chút trong số này, nhưng cha tôi và Tito đã có một bữa ăn mà, dù không hoàn toàn thỏa mãn, ít nhất cũng là một cải thiện lớn so với bữa ăn ít ỏi của ngày hôm trước.

I was lowered carefully out of the tree, and we resumed our flight. When morning came again, we were on the shoulder of the mountain, and Tito once more climbed the highest tree in sight, in hope of gaining some information with regard to the movements of the soldiers. He was unable to see the camp, but after listening with the utmost care he came down convinced that we were not immediately menaced in any way—certainly not by the dogs, whose cries would have been audible for a long distance in the calm morning air. Under these circumstances Tito advised continuing our flight for some time by day, and this was accordingly done. They pushed on, still beneath the shade of the trees, but now in a downward direction, until about eleven o'clock, when they decided to make a halt at the side of a tiny stream of water. My father and I lay down to sleep while Tito watched. As he saw nothing whatever that seemed in the least suspicious, he lay down to sleep in his turn, when my father woke an hour later.

Tôi được hạ cẩn thận ra khỏi cây, và chúng tôi tiếp tục cuộc chạy trốn của mình. Khi sáng hôm sau đến, chúng tôi đã ở trên vai núi, và Tito một lần nữa leo lên cây cao nhất trong tầm mắt, hy vọng có được một số thông tin về sự di chuyển của những người lính. Y không thể nhìn thấy trại, nhưng sau khi lắng nghe với sự cẩn thận tối đa, y đi xuống với niềm tin rằng chúng tôi không bị đe dọa ngay lập tức theo bất kỳ cách nào—chắc chắn không phải bởi những con chó, mà tiếng sủa của chúng sẽ có thể nghe thấy từ xa trong không khí buổi sáng yên tĩnh. Trong hoàn cảnh này, Tito khuyên nên tiếp tục cuộc chạy trốn của chúng tôi một thời gian vào ban ngày, và điều này đã được thực hiện. Họ tiếp tục đi, vẫn dưới bóng cây, nhưng bây giờ theo hướng đi xuống, cho đến khoảng mười một giờ, khi họ quyết định dừng lại bên cạnh một dòng nước nhỏ. Cha tôi và tôi nằm xuống ngủ trong khi Tito canh gác. Khi y không thấy gì có vẻ đáng nghi ngờ, y nằm xuống ngủ đến lượt mình, khi cha tôi thức dậy một giờ sau đó.

At this time Tito ventured gently to wash off his paste of leaves and examine my wounds, because he was now able to get some more leaves of the same kind, with which he replaced his previous dressing. He reported that they were all doing well—that is to say, as well as could be expected—even the feet; though I overheard him, when he thought he was out of ear-shot of me, expressing his doubts to my father as to whether I should ever really be able to walk again. On this day also for the first time we were able to talk in comfort, and I had the opportunity of hearing my father's story.

Lúc này Tito mạo hiểm nhẹ nhàng rửa sạch lớp lá và kiểm tra vết thương của tôi, vì y bây giờ có thể lấy thêm một số lá cùng loại, mà y thay thế cho lớp băng trước đó. Y báo cáo rằng tất cả đều đang tiến triển tốt—tức là, tốt nhất có thể mong đợi—ngay cả đôi chân; mặc dù tôi nghe y, khi y nghĩ rằng y đã ra khỏi tầm nghe của tôi, bày tỏ sự nghi ngờ với cha tôi về việc liệu tôi có bao giờ thực sự có thể đi lại được không. Ngày hôm đó cũng là lần đầu tiên chúng tôi có thể nói chuyện thoải mái, và tôi có cơ hội nghe câu chuyện của cha tôi.

The explanation of the apparent miracle of his escape was in reality exceedingly simple. It appears that the Indians had made the mistake of tying his hands with a green raw-hide rope, and during the long night ride through the forest he had set himself by steady pressure gradually to stretch this as much as he could, until finally he could slip his hand through it. He was wise enough, however, not to let our Indian captors see this, and by straining slightly against it he easily contrived to give the notion that he was still tightly bound.

Giải thích về phép màu rõ ràng của sự thoát thân của ông thực ra rất đơn giản. Có vẻ như người da đỏ đã mắc sai lầm khi trói tay ông bằng một sợi dây da sống xanh, và trong suốt chuyến đi dài qua rừng, ông đã tự mình bằng cách áp lực đều đặn dần dần kéo dài nó càng nhiều càng tốt, cho đến khi cuối cùng ông có thể rút tay ra khỏi nó. Tuy nhiên, ông đủ khôn ngoan để không để những kẻ bắt giữ người da đỏ của chúng tôi thấy điều này, và bằng cách căng nhẹ chống lại nó, ông dễ dàng tạo ra ý tưởng rằng ông vẫn bị trói chặt.

But he was all the time awaiting his opportunity, and when he saw the arrangement of Martinez's tent, and that the forest was so close behind it, it occurred to him that here was an opportunity of escape of which a bold man who moved with lightning rapidity might easily take advantage. He realised that he was for the moment abandoning his sons, and so he did not take the step until it was quite evident that Martinez could not be moved from his position. He said that he scarcely expected to be allowed even so much as a minute before the pursuit commenced, and that he regarded the whole affair as the most desperate of

Nhưng ông luôn chờ đợi cơ hội của mình, và khi ông thấy sự sắp xếp của lều Martinez, và rằng rừng quá gần phía sau nó, ông nhận ra rằng đây là một cơ hội để thoát thân mà một người dũng cảm di chuyển với tốc độ ánh sáng có thể dễ dàng tận dụng. Ông nhận ra rằng ông đang tạm thời bỏ rơi các con trai của mình, và vì vậy ông không thực hiện bước này cho đến khi rõ ràng rằng Martinez không thể di chuyển khỏi vị trí của mình. Ông nói rằng ông hầu như không mong đợi được cho phép thậm chí một phút trước khi cuộc truy đuổi bắt đầu, và rằng ông coi toàn bộ sự việc là cơ hội tuyệt vọng nhất; nhưng vẫn dường như không có gì khác để làm, và vì đây là cách duy nhất, ông đã thực

chances; but still there seemed to be literally nothing else to be done, and, as this was the only way, he took it.

hiện nó.

As I have said, the whole thing was so unexpected, and the consequent confusion so great, that he really got five minutes' start, and made good use of it. He knew that he could not hope by mere running to tire out men who had horses at their disposal, so from the first as he ran he sought for a place to hide in. The pursuit had often come quite close to him, and he had been on the brink of discovery half-a-dozen times; somehow he just contrived to dodge his pursuers, and after a time the idea of tree-climbing was suggested to him by the fact that the various monkeys whom he startled as he moved from place to place invariably took at once to the trees, and as invariably vanished utterly from sight, even when he was only a few yards from them.

Như tôi đã nói, toàn bộ sự việc quá bất ngờ, và sự hỗn loạn do đó quá lớn, đến nỗi ông thực sự có được năm phút khởi đầu, và đã sử dụng tốt nó. Ông biết rằng ông không thể hy vọng chỉ bằng cách chạy để làm mệt mỏi những người có ngựa trong tay, vì vậy ngay từ đầu khi ông chạy, ông đã tìm kiếm một nơi để trốn. Cuộc truy đuổi đã nhiều lần đến rất gần ông, và ông đã nhiều lần suýt bị phát hiện; bằng cách nào đó ông chỉ vừa kịp né tránh những kẻ truy đuổi mình, và sau một thời gian ý tưởng leo cây đã được gợi ý cho ông bởi thực tế rằng những con khỉ khác nhau mà ông làm giật mình khi di chuyển từ nơi này sang nơi khác luôn luôn ngay lập tức leo lên cây, và cũng luôn luôn biến mất hoàn toàn khỏi tầm nhìn, ngay cả khi ông chỉ cách chúng vài mét.

"If they can do this," he thought, "surely a man can do it also."

"Nếu chúng có thể làm điều này," ông nghĩ, "chắc chắn một người cũng có thể làm được."

So before the searching soldiers came back again, he had already found himself a nest in one of the larger trees. When the soldiers had passed for the second time, and he thought he was safe for the moment, he was much alarmed to see a negro moving stealthily through the forest, evidently searching for something—for *him*, he greatly feared.

Vì vậy, trước khi những người lính tìm kiếm quay lại, ông đã tìm thấy cho mình một tổ trong một trong những cây lớn hơn. Khi những người lính đã đi qua lần thứ hai, và ông nghĩ rằng mình an toàn trong lúc này, ông rất lo lắng khi thấy một người da đen di chuyển lén lút qua rừng, rõ ràng đang tìm kiếm thứ gì đó—ông rất sợ rằng đó là ông.

Indeed, this proved to be the case, for this was the faithful Tito, who had been aware of the attack upon the cabin, but had been cut off from return to it by the cordon of besieging Indians. He had lurked in the neighbourhood in the hope of being able to render some assistance to his master, had seen the capture and had run through the whole night on the track of the party. He had concealed himself in

Thực sự, điều này đã được chứng minh là đúng, vì đây là Tito trung thành, người đã biết về cuộc tấn công vào cabin, nhưng đã bị cắt đứt khỏi việc quay lại đó bởi vòng vây của những người da đỏ bao vây. Ông đã ẩn nấp trong khu vực lân cận với hy vọng có thể cung cấp sự trợ giúp cho chủ nhân của mình, đã thấy vụ bắt giữ và đã chạy suốt đêm theo dấu vết của nhóm. Ông đã giấu mình ở rìa

the edge of the forest, had witnessed his master's escape and Gerald's death, and had also seen something of what had happened to me. He was afraid to rejoin his master while the soldiers were still in the woods, as they had established a sort of central meeting-point, at which their various parties reported progress, quite close to the tree which he had selected for his hiding-place.

rừng, đã chứng kiến sự thoát thân của chủ nhân và cái chết của Gerald, và cũng đã thấy một phần những gì đã xảy ra với tôi. Ông sợ hãi khi tái ngộ với chủ nhân của mình trong khi những người lính vẫn còn trong rừng, vì họ đã thiết lập một điểm gặp gỡ trung tâm, nơi các nhóm khác nhau của họ báo cáo tiến độ, khá gần với cây mà ông đã chọn làm nơi ẩn náu.

As soon as the soldiers had finally withdrawn he descended, and began to quarter that part of the forest in search of his master, and though he did not actually find him, he came in sight of him, and as soon as my father was assured of his identity he called to him. Their joy at meeting was tempered by the dreadful news as to Gerald which Tito had to convey. Then they consulted as to what could be done, and decided that, heart-rending as it was, they could do nothing whatever during the daytime, but if I survived until the evening they cherished some hope of being able during the night to effect a rescue—as in fact they did.

Ngay khi những người lính cuối cùng đã rút lui, ông xuống và bắt đầu tìm kiếm phần đó của rừng để tìm chủ nhân của mình, và mặc dù ông không thực sự tìm thấy ông, ông đã nhìn thấy ông, và ngay khi cha tôi xác nhận được danh tính của ông, ông gọi ông. Niềm vui của họ khi gặp lại nhau bị giảm bớt bởi tin tức khủng khiếp về Gerald mà Tito phải truyền đạt. Sau đó, họ bàn bạc về những gì có thể làm được, và quyết định rằng, dù đau lòng đến đâu, họ không thể làm gì trong suốt ban ngày, nhưng nếu tôi sống sót đến tối, họ hy vọng có thể trong đêm thực hiện một cuộc giải cứu—như thực tế họ đã làm.

Of course I told my story of the apparition of my brother, and Tito, I am sure, fully believed it, for he said:

Tất nhiên tôi đã kể câu chuyện của mình về sự xuất hiện của anh trai tôi, và Tito, tôi chắc chắn, hoàn toàn tin vào điều đó, vì ông nói:

"Master Gerald sure was an angel when he was on earth, and sure he is an angel now; and the good God sends His angels to help those who are suffering."

"Chủ nhân Gerald chắc chắn là một thiên thần khi ông còn sống, và chắc chắn ông là một thiên thần bây giờ; và Chúa tốt lành gửi các thiên thần của Ngài để giúp đỡ những người đang chịu đau khổ."

My father was not so certain; all that he would permit himself was:

Cha tôi không chắc chắn như vậy; tất cả những gì ông cho phép mình là:

"Well, my boy, I do not know what to say; they do say that God sometimes allows the dead to return for His own good purposes, and of course there is the story of Samuel and the witch of Endor; and we hear too that some of the Saints have shown themselves. Anyhow, whether Gerald himself was there or not, we

"Chà, con trai của ta, ta không biết phải nói gì; họ nói rằng Chúa đôi khi cho phép người chết trở về vì những mục đích tốt của Ngài, và tất nhiên có câu chuyện về Samuel và phù thủy Endor; và chúng ta cũng nghe rằng một số Thánh đã tự hiện ra. Dù sao đi nữa, dù Gerald có thực sự ở đó hay không, chúng ta chắc chắn

are surely right in saying that it was God who sent the vision to comfort you, for it came just at the right time, and it gave you the courage to endure until we came to rescue you."

đúng khi nói rằng đó là Chúa đã gửi hình ảnh để an ủi con, vì nó đến đúng lúc, và nó đã cho con can đảm để chịu đựng cho đến khi chúng ta đến giải cứu con."

I need not tell in detail the further story of our flight. From that time on we travelled by day and rested by night, my father and Tito each watching in turn. We gradually worked our way down the other side of our mountain and round its base, advancing then with the greatest circumspection, lest we should fall foul of Martinez and his army; but fortunately we saw nothing of them, and we contrived each day to get something in the way of food, though it was only fruit and roots.

Tôi không cần kể chi tiết câu chuyện tiếp theo của cuộc chạy trốn của chúng tôi. Từ thời điểm đó, chúng tôi đi vào ban ngày và nghỉ ngơi vào ban đêm, cha tôi và Tito mỗi người canh gác lần lượt. Chúng tôi dần dần đi xuống phía bên kia của ngọn núi của chúng tôi và vòng quanh chân núi, tiến lên với sự thận trọng tối đa, để tránh gặp phải Martinez và quân đội của y; nhưng may mắn thay, chúng tôi không thấy gì về họ, và chúng tôi đã xoay sở mỗi ngày để có được một chút thức ăn, dù chỉ là trái cây và rễ cây.

My great sorrow was that I must all the time be such a burden upon the others, because I was quite incapable of walking even a step, and this made our progress so slow. It may be that the frugal diet and the life in the open air was in reality the best thing for the cure of my wounds. Tito did well enough, but my father, who had had a touch of consumption in England, suffered from the changes in temperature and the lack of the clothing to which he was accustomed; for he had nothing but the dirty old poncho which had been given to him—now no longer dirty, for Tito had washed it thoroughly in a mountain stream. Tito was little better off, for he had only the shirt and light cotton trousers which he was wearing at the time of the attack; and I was distinctly worse off, for I had absolutely nothing at all!

Nỗi buồn lớn của tôi là tôi phải luôn là một gánh nặng cho những người khác, vì tôi hoàn toàn không thể đi bộ dù chỉ một bước, và điều này làm cho tiến độ của chúng tôi chậm chạp. Có thể rằng chế độ ăn uống đạm bạc và cuộc sống ngoài trời thực sự là điều tốt nhất để chữa lành vết thương của tôi. Tito làm tốt, nhưng cha tôi, người đã từng bị bệnh lao ở Anh, chịu đựng từ những thay đổi nhiệt độ và thiếu quần áo mà ông đã quen thuộc; vì ông không có gì ngoài chiếc poncho cũ bẩn thỉu đã được đưa cho ông—bây giờ không còn bẩn nữa, vì Tito đã giặt sạch nó trong một dòng suối trên núi. Tito cũng không khá hơn nhiều, vì ông chỉ có chiếc áo sơ mi và quần cotton nhẹ mà ông đang mặc vào thời điểm bị tấn công; và tôi thì tệ hơn rõ ràng, vì tôi hoàn toàn không có gì cả!

I think it was on the eleventh day that, from some rising ground, we at last caught sight of the roof of a house. Promptly we made our way in that direction, and then my father and I hid ourselves, while Tito went ahead to reconnoitre. He found the place to be a

Tôi nghĩ rằng vào ngày thứ mười một, từ một ngọn đồi cao, cuối cùng chúng tôi đã nhìn thấy mái nhà của một ngôi nhà. Ngay lập tức chúng tôi đi theo hướng đó, và sau đó cha tôi và tôi giấu mình, trong khi Tito đi trước để do thám. Ông phát hiện ra nơi đó là một hacienda hoặc

hacienda or country-house, and as soon as he came into the presence of the owner and told his story to him, the good gentleman immediately manifested the greatest concern, and came hurrying out with Tito to see what could be done for us.

nhà ở nông thôn, và ngay khi ông gặp chủ nhân và kể câu chuyện của mình cho ông ta, người đàn ông tốt bụng ngay lập tức thể hiện sự quan tâm lớn nhất, và vội vã ra ngoài với Tito để xem có thể làm gì cho chúng tôi.

From that moment our troubles were over. Our worthy friend and his most kindly wife treated us with the utmost hospitality. The good lady was full of pity for my condition, though I was now far on the road to recovery, and insisted on my going to bed and having my feet dressed and bandaged in somewhat less primitive fashion. Loud were their denunciations of the inhumanity of Martinez, when my story came to be told in detail. Our host, who, like so many others of the *haciendados*, lived an entirely secluded life on his own estates through the greater part of each year, had known nothing whatever of the presence of Martinez in his neighbourhood. Once in two months or so he usually sent his servant, or more usually a party of two or three servants, down to the seaport town, to bring his letters if there were any, and to purchase such stores as he could not provide on his own estate.

Từ lúc đó, những rắc rối của chúng tôi đã kết thúc. Người bạn tốt của chúng tôi và người vợ tốt bụng của ông đã đối xử với chúng tôi với lòng hiếu khách tối đa. Người phụ nữ tốt bụng đầy lòng thương xót cho tình trạng của tôi, mặc dù tôi bây giờ đã khá hồi phục, và khăng khăng đòi tôi đi ngủ và để chân tôi được băng bó và băng lại theo cách ít nguyên thủy hơn. Những lời chỉ trích của họ về sự vô nhân đạo của Martinez rất lớn, khi câu chuyện của tôi được kể chi tiết. Chủ nhà của chúng tôi, giống như nhiều người khác trong số các haciendados, sống một cuộc sống hoàn toàn biệt lập trên các điền trang của mình trong phần lớn mỗi năm, không biết gì về sự hiện diện của Martinez trong khu vực lân cận của mình. Một lần trong hai tháng hoặc lâu hơn, ông thường gửi người hầu của mình, hoặc thường là một nhóm hai hoặc ba người hầu, xuống thị trấn cảng biển, để mang thư của ông nếu có, và mua những cửa hàng mà ông không thể cung cấp trên điền trang của mình.

We had no idea as to what might have been happening during the days of our flight, and we rather feared that Martinez might have succeeded in taking the city unawares, so our host called together his servants and told them the news which we had brought, and asked for volunteers to go down to the coast and discover the condition of affairs. Several of his men immediately offered themselves for the service, and out of these he chose two young fellows, explaining that he did not wish to send more because it was impossible to say that the hacienda itself might not be attacked during their absence, and he desired to keep as

Chúng tôi không có ý tưởng gì về những gì có thể đã xảy ra trong những ngày chạy trốn của chúng tôi, và chúng tôi khá lo sợ rằng Martinez có thể đã thành công trong việc chiếm thành phố một cách bất ngờ, vì vậy chủ nhà của chúng tôi đã triệu tập những người hầu của mình và kể cho họ nghe tin tức mà chúng tôi đã mang đến, và yêu cầu tình nguyện viên đi xuống bờ biển và khám phá tình hình. Một số người của ông ngay lập tức tự nguyện tham gia vào dịch vụ này, và trong số đó ông chọn hai chàng trai trẻ, giải thích rằng ông không muốn gửi nhiều hơn vì không thể nói rằng chính hacienda có thể bị tấn công trong thời

large a garrison as he could. These two young men were then sent off upon their journey, with many charges to exercise the utmost vigilance, and even when they reached the town on no account to ride straight into it as was usual, lest they should find it in the occupation of the insurgents.

gian họ vắng mặt, và ông muốn giữ một lực lượng bảo vệ lớn nhất có thể. Hai chàng trai trẻ này sau đó được gửi đi trên hành trình của họ, với nhiều lời nhắc nhở phải cẩn thận tối đa, và ngay cả khi họ đến thị trấn, không được phép đi thẳng vào như thường lệ, kẻo họ thấy nó bị chiếm đóng bởi quân nổi dậy.

Our host told us that, if no accident happened to them, they might well be back in a week, and that the only thing we could do was to spend the intervening time with him; though he hoped indeed that, if the news which came to us was good, we would consent to honour his poor roof by a much longer stay. We thanked him heartily for his hospitable intent, but told him that as soon as possible we must get back to my mother, so that she might know that at least she was not deprived of both her sons and her husband. My father, indeed, had confided a letter for her to the care of the two messengers, telling her in outline what had happened, and that we two were now safe, and in the best of hands. Our host also had entrusted to them a letter to a friend of his, who was a high official in the town, telling him of the presence of Martinez and warning him to see at once to the defence of the town, if it were not already too late.

Chủ nhà của chúng tôi nói với chúng tôi rằng, nếu không có tai nạn nào xảy ra với họ, họ có thể trở lại trong một tuần, và rằng điều duy nhất chúng tôi có thể làm là dành thời gian chờ đợi với ông; mặc dù ông hy vọng rằng, nếu tin tức đến với chúng tôi là tốt, chúng tôi sẽ đồng ý vinh danh mái nhà nghèo của ông bằng một thời gian lưu trú dài hơn nhiều. Chúng tôi cảm ơn ông chân thành vì ý định hiếu khách của ông, nhưng nói với ông rằng ngay khi có thể, chúng tôi phải trở về với mẹ tôi, để bà biết rằng ít nhất bà không bị mất cả hai con trai và chồng. Cha tôi, thực sự, đã giao một lá thư cho bà cho hai người đưa tin, kể cho bà một cách sơ lược những gì đã xảy ra, và rằng chúng tôi hai người bây giờ an toàn, và trong tay tốt nhất. Chủ nhà của chúng tôi cũng đã giao cho họ một lá thư cho một người bạn của ông, người là một quan chức cao cấp trong thị trấn, nói với ông về sự hiện diện của Martinez và cảnh báo ông phải ngay lập tức xem xét việc phòng thủ của thị trấn, nếu không đã quá muộn.

During that pleasant week we to a great extent recovered ourselves. The cough which had been troubling my father grew better, though indeed he never was quite free from it, and he finally died of consumption in England a few years later. I always felt that but for the villainous Martinez, and the exposure which he had forced upon us by his proceedings, my father might have survived for many years more. For myself, I seemed for the time to have lost my boyhood. I was unable to move about, but after all I did not want to do so, and I seemed to desire only to rest. Much of the

Trong tuần dễ chịu đó, chúng tôi đã hồi phục rất nhiều. Cơn ho đã làm phiền cha tôi đã khá hơn, mặc dù thực sự ông không bao giờ hoàn toàn thoát khỏi nó, và cuối cùng ông đã chết vì bệnh lao ở Anh vài năm sau đó. Tôi luôn cảm thấy rằng nếu không có Martinez xấu xa, và sự phơi bày mà ông đã buộc chúng tôi phải chịu đựng bởi hành động của mình, cha tôi có thể đã sống sót trong nhiều năm nữa. Đối với bản thân tôi, tôi dường như trong thời gian đó đã mất đi tuổi thơ của mình. Tôi không thể di chuyển, nhưng sau tất cả tôi không muốn làm như vậy, và tôi dường như chỉ muốn nghỉ

time I spent in bed, though for some part of each day they always carried me down into the great sitting-room where I was generally laid upon a sort of settee, or sometimes they carried me out into the garden and put me in a long wicker-work chair under the trees.

ngơi. Phần lớn thời gian tôi dành trên giường, mặc dù trong một phần của mỗi ngày họ luôn mang tôi xuống phòng khách lớn nơi tôi thường được đặt trên một loại ghế dài, hoặc đôi khi họ mang tôi ra vườn và đặt tôi vào một chiếc ghế dài bằng mây dưới cây.

I did not know whether to be glad or sorry when at last the messengers came back, bringing the reassuring news that the city knew nothing whatever of Martinez and of his movements. Our host's official friend had sent him a party of twenty soldiers to garrison the hacienda if it should be attacked, and meantime thanked him heartily for his warning, and stated that the city had been hastily put in a thorough state of defence, and that scouts had been sent into the interior to try to discover Martinez and his little army.

Tôi không biết nên vui hay buồn khi cuối cùng những người đưa tin trở lại, mang theo tin tức trấn an rằng thành phố không biết gì về Martinez và các hoạt động của y. Người bạn quan chức của chủ nhà của chúng tôi đã gửi cho ông một nhóm hai mươi binh sĩ để bảo vệ hacienda nếu nó bị tấn công, và trong khi đó cảm ơn ông chân thành vì lời cảnh báo của ông, và tuyên bố rằng thành phố đã được đặt trong tình trạng phòng thủ hoàn toàn, và rằng các trinh sát đã được gửi vào nội địa để cố gắng phát hiện Martinez và đội quân nhỏ của y.

Our host and hostess pressed us urgently to stay with them until the attack was over and Martinez was defeated, for they felt quite sure that this would be the outcome of the struggle. My father felt, however, that it was his duty to be by his wife's side, and so, with many heartfelt thanks, he declined this kindly offer. Our friend had a palanquin constructed for me, and offered to send back with us to the coast the same two young men who had already once made the journey. Then he pressed us also to take with us half the band of soldiers as an escort. My father would by no means consent to this, as he felt that while we were still uncertain as to the position of Martinez the hacienda might be attacked, and every man would be necessary for its defence; but he gladly accepted the offer of the two young servants to carry the litter, promising them a large reward when he should safely reach the coast.

Chủ nhà và bà chủ của chúng tôi đã thúc giục chúng tôi ở lại với họ cho đến khi cuộc tấn công kết thúc và Martinez bị đánh bại, vì họ cảm thấy chắc chắn rằng đây sẽ là kết quả của cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, cha tôi cảm thấy rằng nhiệm vụ của ông là ở bên cạnh vợ mình, và vì vậy, với nhiều lời cảm ơn chân thành, ông từ chối lời đề nghị tốt bụng này. Người bạn của chúng tôi đã cho xây dựng một cái kiệu cho tôi, và đề nghị gửi lại với chúng tôi đến bờ biển hai chàng trai trẻ đã một lần thực hiện hành trình. Sau đó, ông cũng thúc giục chúng tôi mang theo một nửa nhóm binh sĩ làm hộ tống. Cha tôi không đồng ý với điều này, vì ông cảm thấy rằng trong khi chúng tôi vẫn chưa chắc chắn về vị trí của Martinez, hacienda có thể bị tấn công, và mỗi người sẽ cần thiết cho việc phòng thủ; nhưng ông vui vẻ chấp nhận lời đề nghị của hai người hầu trẻ để mang kiệu, hứa hẹn cho họ một phần thưởng lớn khi ông đến bờ biển an toàn.

Our host insisted about the soldiers, and eventually we had to compromise by allowing

Chủ nhà của chúng tôi khăng khăng về việc có binh sĩ, và cuối cùng chúng tôi phải thỏa hiệp

three of them to accompany us, and indeed they proved themselves both merry companions and very useful fellows, constantly relieving the servants in the carrying of the litter when they were tired, and so enabling us to make fairly constant progress instead of having to rest at least half of the time, as would otherwise have been the case. One of them, who was a clever man with his hands, contrived a scheme by means of which the litter could be slung between two horses, so that when we came to a long stretch of level ground we could make much easier and more rapid progress. In this way we journeyed along, meeting with no special adventures, and we finally reached our home on the sixth day from that on which we left the hacienda.

bằng cách cho phép ba người trong số họ đi cùng chúng tôi, và thực sự họ đã chứng tỏ mình là những người bạn đồng hành vui vẻ và rất hữu ích, liên tục thay thế những người hầu trong việc mang kiệu khi họ mệt mỏi, và do đó cho phép chúng tôi tiến hành khá liên tục thay vì phải nghỉ ngơi ít nhất một nửa thời gian, như sẽ xảy ra nếu không. Một trong số họ, người rất khéo tay, đã nghĩ ra một kế hoạch bằng cách mà kiệu có thể được treo giữa hai con ngựa, để khi chúng tôi đến một đoạn đường dài bằng phẳng, chúng tôi có thể tiến hành dễ dàng và nhanh chóng hơn nhiều. Bằng cách này, chúng tôi đã đi dọc theo, không gặp phải cuộc phiêu lưu đặc biệt nào, và cuối cùng chúng tôi đã đến nhà mình vào ngày thứ sáu kể từ khi chúng tôi rời hacienda.

The mother met us, mourning deeply indeed for her lost son, yet devoutly thankful after such wild experiences to welcome her surviving son and her husband—safe at any rate, if not exactly sound. It was six weeks from the night of our escape from Martinez before I was able to set my feet to the ground, and even then for a long time I had to walk warily and but little at a time.

Mẹ gặp chúng tôi, đau buồn sâu sắc vì đứa con trai đã mất, nhưng vô cùng biết ơn sau những trải nghiệm hoang dã như vậy khi chào đón đứa con trai còn sống và chồng của bà—an toàn ít nhất, nếu không hoàn toàn khỏe mạnh. Đã sáu tuần kể từ đêm chúng tôi thoát khỏi Martinez trước khi tôi có thể đặt chân xuống đất, và ngay cả khi đó trong một thời gian dài tôi phải đi cẩn thận và chỉ một chút mỗi lần.

Exactly what had happened to Martinez and his plans we never clearly understood. My mother always believed that, because of the wicked murder of my brother, some sort of divine curse had fallen upon him, so that he was no longer capable of decisive action. My father was more disposed to think that our escape had disheartened him, because he supposed that we should certainly be able to convey to the coast town the warning of his presence, and so defeat his plan. Much later, vague rumours were afloat of disaffection among his followers, of rebellions against his cruelty, and of a general opinion among his men that his dash and good fortune had left

Chính xác những gì đã xảy ra với Martinez và kế hoạch của y chúng tôi không bao giờ hiểu rõ. Mẹ tôi luôn tin rằng, vì vụ giết người độc ác của anh trai tôi, một loại lời nguyền thiêng liêng nào đó đã giáng xuống y, khiến y không còn khả năng hành động quyết đoán. Cha tôi có xu hướng nghĩ rằng sự thoát thân của chúng tôi đã làm y nản lòng, vì y cho rằng chúng tôi chắc chắn sẽ có thể truyền đạt đến thị trấn bờ biển cảnh báo về sự hiện diện của y, và do đó phá hỏng kế hoạch của y. Nhiều sau đó, những tin đồn mơ hồ đã lan truyền về sự bất mãn trong số những người theo y, về những cuộc nổi loạn chống lại sự tàn ác của y, và về ý kiến chung trong số những người của y

him. However all this may be, the fact remains that that attack upon the seaport town was never delivered, and that Martinez instead disappeared into the interior with his followers, and that no authentic news was received of him for nearly three months.

rằng sự táo bạo và may mắn của y đã rời bỏ y. Tuy nhiên, tất cả điều này có thể là như thế nào, thực tế vẫn là cuộc tấn công vào thị trấn cảng biển đó không bao giờ được thực hiện, và rằng Martinez thay vào đó biến mất vào nội địa với những người theo y, và rằng không có tin tức xác thực nào được nhận về y trong gần ba tháng.

Then came the tidings that he had attacked a small town away in the interior, and had occupied and fortified it, having killed all such of its inhabitants as refused to swear allegiance to him. As soon as this story was confirmed, all was activity in military circles. Such regiments as were available were got together and put on a war footing, and the Council of the town issued a call for volunteers, since the number of soldiers was but few, and they were very anxious that there should be not the slightest doubt as to the assembling of a sufficient force definitely to crush Martinez.

Sau đó, tin tức đến rằng y đã tấn công một thị trấn nhỏ ở sâu trong nội địa, và đã chiếm đóng và củng cố nó, đã giết tất cả những cư dân của nó từ chối thề trung thành với y. Ngay khi câu chuyện này được xác nhận, tất cả đều hoạt động trong các vòng quân sự. Những trung đoàn có sẵn đã được tập hợp và đặt trong tình trạng chiến tranh, và Hội đồng thị trấn đã phát hành một lời kêu gọi tình nguyện viên, vì số lượng binh sĩ rất ít, và họ rất lo lắng rằng không có chút nghi ngờ nào về việc tập hợp một lực lượng đủ lớn để tiêu diệt Martinez.

My father, though fretting much at the delay with regard to his railway, had made no attempt to engage any body of workmen, saying that he would be no party to the risking of any men's lives away there in the jungle, until both Martinez and his Indian allies were finally disposed of in some way. As soon as he heard of the formation of the volunteer bands my father promptly offered himself, though much against the wish of my mother. His services were at once accepted, and he was given command of a company in the regiment that was formed—principally, I think, because he was an Englishman, and because of the terrible story of the death of his son. This position he very willingly accepted, for the volunteers were chiefly gentlemen, some of whom he had known before. I, too, though hardly thoroughly cured yet, was very eager indeed to offer my services, and though my

Cha tôi, mặc dù rất lo lắng về sự chậm trễ liên quan đến đường sắt của mình, đã không cố gắng thuê bất kỳ nhóm công nhân nào, nói rằng ông sẽ không tham gia vào việc mạo hiểm mạng sống của bất kỳ người nào ở đó trong rừng, cho đến khi cả Martinez và đồng minh người da đỏ của y cuối cùng bị xử lý theo cách nào đó. Ngay khi ông nghe về việc thành lập các nhóm tình nguyện, cha tôi ngay lập tức tự nguyện tham gia, mặc dù rất trái ý mẹ tôi. Dịch vụ của ông ngay lập tức được chấp nhận, và ông được giao chỉ huy một công ty trong trung đoàn được thành lập—chủ yếu, tôi nghĩ, vì ông là người Anh, và vì câu chuyện khủng khiếp về cái chết của con trai ông. Vị trí này ông rất sẵn lòng chấp nhận, vì các tình nguyện viên chủ yếu là quý ông, một số người trong số họ ông đã biết trước đó. Tôi cũng vậy, mặc dù chưa hoàn toàn hồi phục, rất háo hức tham gia, và mặc dù mẹ tôi không cho phép tôi đăng ký làm

mother would not allow me to enroll myself as a soldier, she could not refuse me permission to ride along with my father.

lính, bà không thể từ chối tôi đi cùng cha tôi.

With a final chapter to tell you what came of all this, and what happened to us on that expedition into the interior, I shall be able to bring my story to a close.

Với một chương cuối cùng để kể cho bạn biết tất cả những điều này đã dẫn đến điều gì, và những gì đã xảy ra với chúng tôi trong cuộc thám hiểm đó vào nội địa, tôi sẽ có thể kết thúc câu chuyện của mình.

Chapter V

Chương V

The Revenge

Sự Báo Thù

Through all that had happened I had never for a moment lost sight of my purpose—of my firm resolve to kill Martinez in revenge for the death of my brother. I had said no word of this either to my father or my mother; I kept it as a kind of pervertedly sacred thing in the recesses of my own mind. I wondered how it would be possible for me to do it, and when a way would open before me; but that some way would open, and that I should do it, I never had the slightest doubt, and when I heard of the formation of that volunteer corps I felt at once that here was my method, and that Providence was pointing out my path. Therefore it was that I immediately resolved to join it, and my mother's refusal to allow me to enroll myself did not trouble me in the least. I fell in with her wishes, of course; but I knew with a deadly certainty that it would nevertheless somehow be managed that I should accompany the column. And when, on starting out, my mother embraced me and adjured me to be careful to avoid all danger, I said to her, with a calm certainty which must have impressed her:

Qua tất cả những gì đã xảy ra, tôi chưa bao giờ mất đi mục đích của mình—quyết tâm vững chắc của tôi là giết Martinez để trả thù cho cái chết của anh trai tôi. Tôi đã không nói một lời nào về điều này với cha hoặc mẹ tôi; tôi giữ nó như một điều gì đó thiêng liêng một cách lệch lạc trong sâu thẳm tâm trí của mình. Tôi tự hỏi làm thế nào tôi có thể thực hiện điều đó, và khi nào một con đường sẽ mở ra trước tôi; nhưng rằng một con đường nào đó sẽ mở ra, và rằng tôi sẽ thực hiện điều đó, tôi chưa bao giờ có chút nghi ngờ nào, và khi tôi nghe về việc thành lập đội tình nguyện đó, tôi cảm thấy ngay lập tức rằng đây là phương pháp của tôi, và rằng Đấng Quan Phòng đang chỉ ra con đường của tôi. Vì vậy, tôi ngay lập tức quyết định tham gia, và sự từ chối của mẹ tôi không cho phép tôi đăng ký không làm tôi bận tâm chút nào. Tôi tuân theo ý muốn của bà, tất nhiên; nhưng tôi biết với một sự chắc chắn chết người rằng dù sao cũng sẽ có cách nào đó để tôi đi cùng đoàn quân. Và khi, khi bắt đầu, mẹ tôi ôm tôi và khuyên tôi cẩn thận tránh mọi nguy hiểm, tôi nói với bà, với một sự chắc chắn bình tĩnh mà chắc chắn đã gây ấn tượng với bà:

"Mother, you need not fear. I shall come back to you quite safe."

"Mẹ, mẹ không cần phải sợ. Con sẽ trở về với mẹ an toàn."

I think I must have believed myself to be an instrument of divine vengeance; I moved through all those stirring scenes like a person in a dream, just as I had endured all through the ten days' march when I was being carried alternately by my father and by Tito, feeling little, caring for nothing, enduring all things, because I was all the time waiting for my day to come, waiting for the moment when my vengeance should leap into active life. A curious state of mind, I know—a very unhealthy state; I am not defending myself; I am merely trying to describe as faithfully as I can exactly what I felt.

Tôi nghĩ rằng tôi phải đã tin mình là một công cụ của sự báo thù thiêng liêng; tôi di chuyển qua tất cả những cảnh động đó như một người trong giấc mơ, giống như tôi đã chịu đựng suốt mười ngày hành quân khi tôi được cha và Tito thay phiên nhau mang theo, cảm thấy ít, không quan tâm đến gì, chịu đựng mọi thứ, vì tôi luôn chờ đợi ngày của mình đến, chờ đợi khoảnh khắc khi sự báo thù của tôi sẽ bùng nổ thành cuộc sống. Một trạng thái tâm trí kỳ lạ, tôi biết—một trạng thái rất không lành mạnh; tôi không tự bảo vệ mình; tôi chỉ đang cố gắng mô tả một cách trung thực nhất có thể chính xác những gì tôi cảm thấy.

In just the same state of mind I rode day after day on my pony, by my father's side, as the troops made their way through the forests in search of the insurgents. The details of those days of marching made no impression upon me; my mental vision was occupied only with one figure, that of Martinez, and regarded him with a steady, ever-burning, never-changing hate. Yet it was not so much even hatred as a calm certainty of doom—the knowledge that I should fulfil my destiny, and that that destiny was to slay this monster.

Trong cùng trạng thái tâm trí đó, tôi cưỡi ngựa ngày này qua ngày khác bên cạnh cha tôi, khi quân đội tiến qua rừng tìm kiếm quân nổi dậy. Những chi tiết của những ngày hành quân đó không để lại ấn tượng gì với tôi; tầm nhìn tinh thần của tôi chỉ tập trung vào một hình ảnh, đó là Martinez, và nhìn y với một sự căm thù không ngừng, không thay đổi. Tuy nhiên, đó không phải là sự căm thù nhiều như một sự chắc chắn bình tĩnh về số phận—sự biết rằng tôi sẽ hoàn thành định mệnh của mình, và rằng định mệnh đó là giết chết con quái vật này.

At last came the day when our guides told us that we were drawing near to the town which Martinez had occupied—that we might hope to come in sight of it by evening. Martinez, however, was ready for us. He had even come out to meet us, and arranged for us an ambush into which we promptly fell. For he had concealed his force in the forest upon our line of route, and they suddenly opened a tremendous fire upon us precisely when we least expected it.

Cuối cùng, ngày đó đã đến khi các hướng dẫn viên của chúng tôi nói với chúng tôi rằng chúng tôi đang tiến gần đến thị trấn mà Martinez đã chiếm đóng—rằng chúng tôi có thể hy vọng nhìn thấy nó vào buổi tối. Tuy nhiên, Martinez đã sẵn sàng cho chúng tôi. Y thậm chí đã ra ngoài để gặp chúng tôi, và sắp xếp cho chúng tôi một cuộc phục kích mà chúng tôi nhanh chóng rơi vào. Vì y đã giấu quân của mình trong rừng trên tuyến đường của chúng tôi, và họ đột ngột mở một cuộc bắn phá dữ dội vào chúng tôi chính xác khi chúng tôi ít mong đợi nhất.

Those Spanish-American troops are never

Những binh sĩ Tây Ban Nha-Mỹ đó không bao

very steady under fire, at the best of times; still less so when that fire comes as a terrifying surprise; and the front of our column wavered and crumpled up under it. Then was shown the advantage of a volunteer troop, whose members, as I have said, were mostly gentlemen by birth. Hearing the firing, and seeing the wavering of the men in front, my father shouted a command to his company, and in a moment we were moving steadily and swiftly forward, the rest of the volunteer regiment following hard on our heels. Instead of dashing into the little glade where the front ranks of our men were being shot down, or whence they were flying in disorder, we promptly scattered out on both sides and rushed through the forest itself upon the hidden soldiers of Martinez, who, thus taken in flank, had to turn and defend themselves.

giờ rất ổn định dưới hỏa lực, ngay cả trong những thời điểm tốt nhất; càng ít hơn khi hỏa lực đó đến như một sự bất ngờ đáng sợ; và phía trước của đoàn quân của chúng tôi dao động và sụp đổ dưới nó. Sau đó, lợi thế của một đội quân tình nguyện được thể hiện, mà các thành viên của nó, như tôi đã nói, chủ yếu là quý ông theo dòng dõi. Nghe thấy tiếng súng, và thấy sự dao động của những người phía trước, cha tôi hét lên một mệnh lệnh cho công ty của mình, và trong một khoảnh khắc chúng tôi đang di chuyển đều đặn và nhanh chóng về phía trước, phần còn lại của trung đoàn tình nguyện theo sát gót chúng tôi. Thay vì lao vào khu rừng nhỏ nơi hàng ngũ phía trước của chúng tôi đang bị bắn hạ, hoặc từ đó họ đang chạy trốn trong sự hỗn loạn, chúng tôi nhanh chóng tản ra hai bên và lao qua chính khu rừng vào những người lính ẩn giấu của Martinez, những người, bị tấn công từ bên sườn, phải quay lại và tự vệ.

This charge of the volunteers rallied the regulars, and in a few moments they also were joining in the fray. But that was no organised battle, and rarely had we any opportunity of falling into serried ranks at all. It resolved itself into a series of hand-to-hand combats, fought out among the trees. Friend and foe were so inextricably mingled that it was not always easy to distinguish them, for though the volunteers looked trim enough, many of the Government soldiers were scarcely smarter in appearance than the ragged and ill-appointed free-lances of Martinez.

Cuộc tấn công này của các tình nguyện viên đã tập hợp lại các binh sĩ chính quy, và trong vài phút họ cũng tham gia vào cuộc chiến. Nhưng đó không phải là một trận chiến có tổ chức, và hiếm khi chúng tôi có cơ hội để xếp thành hàng ngũ. Nó trở thành một loạt các trận chiến tay đôi, diễn ra giữa các cây. Bạn và thù bị trộn lẫn không thể tách rời đến mức không phải lúc nào cũng dễ dàng phân biệt, vì mặc dù các tình nguyện viên trông gọn gàng, nhiều binh sĩ của Chính phủ không thông minh hơn nhiều so với những kẻ tự do rách rưới và trang bị kém của Martinez.

The rebels fought bravely, for they knew that they were fighting for their lives, as well as for all the fantastic rewards which Martinez had promised them. How far they really believed his stories of the fabulous wealth and power which awaited them, it is difficult to say; it may be that they fully accepted them, for most of them were ignorant enough to believe

Những kẻ nổi loạn chiến đấu dũng cảm, vì họ biết rằng họ đang chiến đấu cho mạng sống của mình, cũng như cho tất cả những phần thưởng kỳ quái mà Martinez đã hứa với họ. Họ thực sự tin vào những câu chuyện của y về sự giàu có và quyền lực phi thường đang chờ đợi họ đến mức nào, khó mà nói; có thể họ hoàn toàn chấp nhận chúng, vì hầu hết họ đủ ngu

anything; but at any rate they knew very well that after their capture of the town and the murders that they had committed, no mercy would be shown to any of them who might fall into the hands of the Government. The Government General had hoped to have considerable superiority in numbers. Counting the Indians as well as the mutinous regiments, it is by no means certain that he had any superiority at all, but it was difficult to form any estimate in a fight that took place in so irregular a manner and amidst such unusual surroundings.

ngốc để tin bất cứ điều gì; nhưng dù sao họ cũng biết rất rõ rằng sau khi chiếm được thị trấn và những vụ giết người mà họ đã thực hiện, không có sự thương xót nào sẽ được dành cho bất kỳ ai trong số họ rơi vào tay Chính phủ. Tướng Chính phủ đã hy vọng có sự vượt trội đáng kể về số lượng. Tính cả người da đỏ cũng như các trung đoàn nổi loạn, không chắc chắn rằng ông có bất kỳ sự vượt trội nào, nhưng rất khó để đưa ra bất kỳ ước tính nào trong một cuộc chiến diễn ra theo cách không đều đặn như vậy và giữa những môi trường không bình thường như vậy.

There were several open glades in the forest, and twice in the course of that amorphous struggle I took part in a charge, which in each case cleared the glade of the rebels. It is a very curious experience for one who is not used to warfare—to find oneself one of a body of men animated by a single thought, to look at all the faces round one and watch them set in grim determination, forgetting all else but the stern resolve to hurtle down upon the enemy, to trample them under-foot or to drive them away—and to wonder, half-startled, whether one's own face hooks like that. Then comes the sharp command, the wild ordered rush onwards, and then the rattle of rifles or the clash of steel, the leaping over dead bodies, foe and friend alike, not even noticing which they are, full only of the one idea, to press on, press on. And then the glade is won, and we halt and look back for a moment to see heaps of dead, to see the green grass all trampled and red with blood; and yet there is no time for horror, no time for anything but still that one idea; where are they whom we must conquer?—let us press on, press on.

Có một số khu rừng mở trong rừng, và hai lần trong quá trình của cuộc đấu tranh vô hình đó, tôi đã tham gia vào một cuộc tấn công, mà trong mỗi trường hợp đã quét sạch khu rừng khỏi những kẻ nổi loạn. Đó là một trải nghiệm rất kỳ lạ đối với một người không quen với chiến tranh—để thấy mình là một phần của một nhóm người được thúc đẩy bởi một suy nghĩ duy nhất, nhìn vào tất cả các khuôn mặt xung quanh và thấy chúng được đặt trong sự quyết tâm nghiêm túc, quên đi tất cả ngoại trừ quyết tâm nghiêm túc để lao xuống kẻ thù, giẫm đạp lên chúng hoặc đẩy chúng đi—và tự hỏi, nửa ngạc nhiên, liệu khuôn mặt của mình có trông như vậy không. Sau đó, lệnh sắc bén đến, cuộc tấn công hoang dã có trật tự tiến lên, và sau đó là tiếng súng nổ hoặc tiếng thép va chạm, nhảy qua xác chết, kẻ thù và bạn bè như nhau, thậm chí không chú ý đến chúng là ai, chỉ có một ý tưởng duy nhất, tiến lên, tiến lên. Và sau đó khu rừng đã được chiếm, và chúng tôi dừng lại và nhìn lại một lúc để thấy những đống xác chết, để thấy cỏ xanh bị giẫm đạp và đỏ với máu; và vẫn không có thời gian cho sự kinh hoàng, không có thời gian cho bất cứ điều gì ngoại trừ vẫn là ý tưởng duy nhất đó; họ ở đâu mà chúng tôi phải chinh phục?—hãy tiến lên, tiến lên.

At least it was so with me. For the earlier part

Ít nhất đó là với tôi. Trong phần đầu của cuộc

of that fight I kept by my father's side. Quite early my pony was shot and fell under me, but I sprang clear and seized the bridle of a riderless horse as he came past, sprang upon his back (he was far too tall for me) and turned him again into the fray. But in doing this I lost my father for a moment, and could not at once get back to his side. So I ranged through the battle, looking everywhere for the man whom I knew I should find. I took my share in the fighting, I suppose; I know that wherever I saw a rebel or an Indian I fired at him, and I think that few of my bullets missed their mark.

But presently my big horse fell, as the pony had done (I think he had been wounded when I first mounted him); and this time I was thrown to the earth with a jar, and it took me a few moments to recover my senses. The rifle which I had carried was injured in the fall; some part of its mechanism was bent, so that when I tried to fire it I could not. I cast it aside, and seized in its stead the nearest weapon that offered, a long naked sword which was lying on the ground in front of me—dropped, I suppose, by some officer as he fell dead, or who perhaps was merely wounded and had crawled aside. I did not stop to think of that; I seized this great sword (far too heavy in reality for me to wield) and started off again on foot, still seeking for what I knew I should find.

By this time the result of the battle was a foregone conclusion. Everywhere the Government troops were steadily driving back the insurgents, and many of the latter were already in flight. It was said afterwards, and I fully believe it, that this success was due to a great extent to the fiery valour of my father. The Colonel in command of the volunteer corps fell, badly wounded, early in the fight, and my father instantly took

chiến đó, tôi giữ bên cạnh cha tôi. Khá sớm con ngựa của tôi bị bắn và ngã dưới tôi, nhưng tôi nhảy ra và nắm lấy dây cương của một con ngựa không có người cưỡi khi nó đi qua, nhảy lên lưng nó (nó quá cao đối với tôi) và quay lại vào cuộc chiến. Nhưng khi làm điều này, tôi đã mất cha tôi một lúc, và không thể ngay lập tức quay lại bên cạnh ông. Vì vậy, tôi đi qua trận chiến, tìm kiếm khắp nơi người mà tôi biết mình sẽ tìm thấy. Tôi đã tham gia vào cuộc chiến, tôi cho là vậy; tôi biết rằng bất cứ nơi nào tôi thấy một kẻ nổi loạn hoặc một người da đỏ, tôi bắn vào hắn, và tôi nghĩ rằng ít viên đạn của tôi trượt mục tiêu.

Nhưng ngay sau đó con ngựa lớn của tôi ngã xuống, như con ngựa con đã làm (tôi nghĩ nó đã bị thương khi tôi lần đầu tiên cưỡi nó); và lần này tôi bị ném xuống đất với một cú sốc, và phải mất một lúc để tôi hồi phục ý thức. Khẩu súng trường mà tôi đã mang theo bị hỏng trong cú ngã; một phần nào đó của cơ chế của nó bị cong, vì vậy khi tôi cố gắng bắn nó, tôi không thể. Tôi ném nó sang một bên, và nắm lấy vũ khí gần nhất có sẵn, một thanh kiếm dài trần trụng nằm trên mặt đất trước mặt tôi—có lẽ bị rơi bởi một sĩ quan nào đó khi ông ngã xuống chết, hoặc có lẽ chỉ bị thương và đã bò sang một bên. Tôi không dừng lại để nghĩ về điều đó; tôi nắm lấy thanh kiếm lớn này (thực sự quá nặng để tôi sử dụng) và bắt đầu đi bộ, vẫn tìm kiếm những gì tôi biết mình sẽ tìm thấy.

Đến lúc này, kết quả của trận chiến đã được định đoạt. Khắp nơi, quân đội Chính phủ đang đẩy lùi quân nổi dậy, và nhiều người trong số họ đã bỏ chạy. Sau đó, người ta nói rằng, và tôi hoàn toàn tin vào điều đó, rằng thành công này phần lớn là do lòng dũng cảm rực lửa của cha tôi. Đại tá chỉ huy trung đoàn tình nguyện bị thương nặng ngay từ đầu trận chiến, và cha tôi ngay lập tức nắm quyền chỉ huy và dẫn trung đoàn đến chiến thắng. Có những người

command and carried the regiment to victory. There were others in it of the same nominal rank as he, yet no one for a moment questioned his assumption of the lead. They think highly over there of the bravery and fighting qualities of the English, and so I suppose it seemed natural to them to follow an Englishman. At any rate they did so, and, civilian though my father was, without any experience in military matters, he led them with dauntless courage, and he led them to victory. If he lacked, as he must have done, knowledge of tactics, that lack mattered comparatively little in this strange hand-to-hand fight in the forest. What told there was personal courage and dash, and of those he had plenty.

khác trong đó có cùng cấp bậc danh nghĩa như ông, nhưng không ai trong một khoảnh khắc nào đặt câu hỏi về việc ông đảm nhận vai trò lãnh đạo. Họ đánh giá cao ở đó về lòng dũng cảm và khả năng chiến đấu của người Anh, và vì vậy tôi cho rằng dường như tự nhiên với họ khi theo một người Anh. Dù sao họ cũng đã làm như vậy, và, mặc dù cha tôi là một thường dân, không có kinh nghiệm trong các vấn đề quân sự, ông đã dẫn dắt họ với lòng dũng cảm không sợ hãi, và ông đã dẫn dắt họ đến chiến thắng. Nếu ông thiếu, như ông phải đã thiếu, kiến thức về chiến thuật, sự thiếu đó không quan trọng lắm trong cuộc chiến tay đôi kỳ lạ này trong rừng. Điều quan trọng ở đó là lòng dũng cảm cá nhân và sự táo bạo, và ông có rất nhiều điều đó.

I was still far from strong, and I had been racing about for some hours through the battle—and a battle is probably one of the most fatiguing things in the world; yet I had no thought of being tired, no time to feel tired—for no feeling, no thought could be allowed to distract me for an instant from the certainty that God would give my vengeance into my hand. Long I looked for Martinez everywhere, and but for that inner conviction I must have been disappointed. But I knew so surely that I should find him, and that all this vague fighting was a mere preliminary, that I never hesitated for a moment, never doubted for a moment; and at last I saw him.

Tôi vẫn còn xa mới mạnh mẽ, và tôi đã chạy đua suốt nhiều giờ qua trận chiến—và một trận chiến có lẽ là một trong những điều mệt mỏi nhất trên thế giới; nhưng tôi không nghĩ đến việc mệt mỏi, không có thời gian để cảm thấy mệt mỏi—vì không có cảm giác, không có suy nghĩ nào có thể được phép làm tôi phân tâm trong một khoảnh khắc khỏi sự chắc chắn rằng Chúa sẽ trao sự báo thù của tôi vào tay tôi. Lâu dài tôi tìm kiếm Martinez khắp nơi, và nếu không có sự tin tưởng bên trong đó, tôi phải đã thất vọng. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng tôi sẽ tìm thấy y, và rằng tất cả cuộc chiến mơ hồ này chỉ là một phần mở đầu, rằng tôi không bao giờ do dự trong một khoảnh khắc, không bao giờ nghi ngờ trong một khoảnh khắc; và cuối cùng tôi đã thấy y.

He stood under a great tree with his back to it, and two of the Government soldiers were attacking him, and for the moment that little group seemed to be apart from all the rest. Perhaps it was only in my mind that they were apart, for I saw that one figure only; and yet I think it is true that there were only the dead for some yards around. The two soldiers were

Y đứng dưới một cây lớn với lưng dựa vào nó, và hai binh sĩ Chính phủ đang tấn công y, và trong khoảnh khắc đó nhóm nhỏ đó dường như tách biệt với tất cả những người khác. Có lẽ chỉ trong tâm trí tôi mà họ tách biệt, vì tôi chỉ thấy một hình ảnh đó; và tuy nhiên tôi nghĩ rằng đúng là chỉ có những người chết trong vài mét xung quanh. Hai binh sĩ đang

assailing him boldly, and he was defending himself with his sword—the same sword, I thought, with the hatred surging up within me, the same sword that had slain my brother. But he had been famed in earlier days as the best swordsman in the army—some said the best swordsman in South America; and, even while I looked, one of the attacking soldiers went down before him, and then quickly the other, and he stood alone with the light of battle in his eye.

tấn công y một cách táo bạo, và y đang tự vệ bằng thanh kiếm của mình—cùng thanh kiếm đó, tôi nghĩ, với sự căm thù dâng trào trong tôi, cùng thanh kiếm đã giết chết anh trai tôi. Nhưng y đã nổi tiếng trong những ngày trước đây là kiếm sĩ giỏi nhất trong quân đội—một số người nói là kiếm sĩ giỏi nhất ở Nam Mỹ; và, ngay khi tôi nhìn, một trong những binh sĩ tấn công đã ngã xuống trước y, và sau đó nhanh chóng người kia, và y đứng một mình với ánh sáng của trận chiến trong mắt.

And then—he saw me, as I was springing towards him. His face changed and there came over it a look of diabolical hatred, and yet at the same time, I am sure, a look of fear.

Và sau đó—y thấy tôi, khi tôi đang nhảy về phía y. Khuôn mặt y thay đổi và có một cái nhìn căm thù quỷ dữ, và đồng thời, tôi chắc chắn, một cái nhìn sợ hãi.

“What,” he shouted, “are you here? You have brought all this ill-luck upon me; you and your cursed father and brother!”

"Gì," y hét lên, "bạn ở đây? Bạn đã mang tất cả sự xui xẻo này đến cho tôi; bạn và cha và anh trai của bạn!"

“Yes,” replied I, “I am here; and I shall kill you.”

"Đúng," tôi trả lời, "tôi ở đây; và tôi sẽ giết bạn."

I sprang straight at him; I might have shot him from a distance, but I meant to kill him with the sword, as he had killed Gerald. I had seen the fear in his eyes—I am sure of that; but now he turned upon me with a laugh of scorn, seeing that I was armed only with a clumsy old sword, and knowing himself a master of his weapon. In a moment we were fencing; I had learnt some fencing at school, yet I doubt whether that was of use to me at this critical moment. I fought by instinct and not by knowledge; yet I must have fought better than I knew, for even as our swords clashed together again and again I saw a change in his eyes; I saw the look of triumphant malice fade away and the haunting fear show itself again, I suppose because in some strange unexpected way he could not strike me down at once, because he found me more nearly a match for him than he could possibly have expected.

Tôi nhảy thẳng vào y; tôi có thể đã bắn y từ xa, nhưng tôi định giết y bằng thanh kiếm, như y đã giết Gerald. Tôi đã thấy sự sợ hãi trong mắt y—tôi chắc chắn về điều đó; nhưng bây giờ y quay lại với tôi với một tiếng cười khinh bỉ, thấy rằng tôi chỉ được trang bị một thanh kiếm cũ vụng về, và biết mình là một bậc thầy về vũ khí. Trong một khoảnh khắc chúng tôi đang đấu kiếm; tôi đã học một chút đấu kiếm ở trường, nhưng tôi nghi ngờ liệu điều đó có hữu ích cho tôi trong khoảnh khắc quan trọng này. Tôi chiến đấu theo bản năng chứ không phải theo kiến thức; nhưng tôi phải đã chiến đấu tốt hơn tôi biết, vì ngay khi thanh kiếm của chúng tôi va chạm nhau lần nữa và lần nữa, tôi thấy một sự thay đổi trong mắt y; tôi thấy cái nhìn ác ý chiến thắng mờ dần và sự sợ hãi ám ảnh hiện ra lần nữa, tôi cho là vì bằng cách nào đó kỳ lạ không ngờ, y không thể đánh gục tôi ngay lập tức, vì y thấy tôi gần như là một đối thủ xứng đáng hơn y có thể mong đợi.

I think he was scarcely taller than I—I have said that he was a short man: but his reach was longer, and his familiarity with the weapon incomparably greater. My will was indomitable as ever, but my arm was rapidly tiring, and it was only by the most tremendous exertion that I could move that unwieldy sword quickly enough to guard against his lightning-like blows and thrusts. I knew that slowly and surely he was beating down my guard, and that, if he once did that, my fate was sealed. At last, after a shower of mighty blows, came a lightning-like thrust at my heart. I parried, but my failing arm was some infinitesimal fraction of a second later than it should have been. I struck the blade down, but not quite far enough. It was turned from the heart at which it was aimed, but it ran into the fleshy part of my thigh. Springing back after the thrust, as a fencer does, Martinez caught his foot in a root of the tree and went over backwards, his sword falling from his hand. In a moment I leaped upon him, put my foot upon his breast and the point of my sword at his throat. He cried out for mercy.

Tôi nghĩ y không cao hơn tôi nhiều—tôi đã nói rằng y là một người đàn ông thấp: nhưng tầm với của y dài hơn, và sự quen thuộc của y với vũ khí không thể so sánh được. Ý chí của tôi vẫn không thể lay chuyển như bao giờ, nhưng cánh tay của tôi đang nhanh chóng mệt mỏi, và chỉ bằng sự nỗ lực lớn nhất tôi mới có thể di chuyển thanh kiếm nặng nề đó đủ nhanh để bảo vệ chống lại những cú đánh và cú đâm như chớp của y. Tôi biết rằng chậm và chắc chắn y đang đánh bại sự phòng thủ của tôi, và rằng, nếu y một lần làm điều đó, số phận của tôi đã được định đoạt. Cuối cùng, sau một loạt cú đánh mạnh mẽ, một cú đâm như chớp vào tim tôi. Tôi đỡ, nhưng cánh tay yếu của tôi đã chậm hơn một chút so với nó nên đã. Tôi đánh lưỡi kiếm xuống, nhưng không đủ xa. Nó bị chuyển hướng khỏi tim mà nó nhắm vào, nhưng nó chạy vào phần thịt của đùi tôi. Nhảy lùi sau cú đâm, như một người đấu kiếm làm, Martinez vướng chân vào một rễ cây và ngã ngửa, thanh kiếm của y rơi khỏi tay. Trong một khoảnh khắc tôi nhảy lên y, đặt chân lên ngực y và mũi kiếm của tôi vào cổ họng y. Y kêu lên xin tha mạng.

“Mercy!” I said, jerkily perhaps, for I was panting from the terrible exertion of the fight; “what mercy did you show to my brother?”

"Tha mạng!" tôi nói, có lẽ hơi giật cục, vì tôi đang thở hổn hển từ sự nỗ lực khủng khiếp của cuộc chiến; "bạn đã cho anh trai tôi sự tha mạng nào?"

And I pressed the point of the sword upon his throat.

Và tôi ấn mũi kiếm vào cổ họng y.

Yet again he shrieked for mercy. Somehow in some previous part of the struggle the breast of my shirt had been torn open, and the little silver and ebony crucifix which my mother had fastened round my neck was hanging outwards as I stooped over him.

Tuy nhiên, một lần nữa y hét lên xin tha mạng. Bằng cách nào đó trong một phần trước đó của cuộc đấu tranh, ngực áo sơ mi của tôi đã bị xé rách, và cây thánh giá nhỏ bằng bạc và gỗ mun mà mẹ tôi đã buộc quanh cổ tôi đang treo ra ngoài khi tôi cúi xuống y.

“Mercy!” he said, “for the sake of the Christ whose image you wear!”

"Tha mạng!" y nói, "vì tình yêu của Đấng Christ mà bạn mang hình ảnh của Ngài!"

A half laugh came from me to hear this renegade, who had tried to make me trample on the crucifix, now begging for his life in the name of that same Christ whose image he had profaned. But not for that would I be turned aside.

Một nửa tiếng cười phát ra từ tôi khi nghe tên phản bội này, người đã cố gắng bắt tôi giẫm lên cây thánh giá, bây giờ cầu xin mạng sống của mình nhân danh Đấng Christ mà y đã xúc phạm. Nhưng không vì điều đó mà tôi sẽ bị chuyển hướng.

I had recovered my breath by now, and I drew back my arm to make the final thrust, when suddenly that arm was stayed. Once more beside me stood my brother, looking up earnestly into my face, and holding back with his little hand the arm that would have avenged him. This time at least it was no hallucination, for Martinez saw it too. I saw the awful look of terror in his eyes; I saw the sweat of fear break out upon his face as he groaned in horror. But I looked into the eyes of the dead. My brother's hand was on my arm, and he was looking up gravely, earnestly, pleadingly, into my face. I could not kill his murderer now. As I threw down my sword and drew back with a strange emptiness in my heart, the most lovely and loving smile broke out over my brother's face, and then once more he was gone. As I turned away from the prostrate Martinez, he drew a knife out of the leg of his long leather boot, and stabbed at me even as I was retiring. I sprang aside instinctively, and before he could rise to his feet a little knot of the Government soldiers came racing up and sprang upon him, wrested his knife from him and made him their prisoner.

Tôi đã lấy lại hơi thở của mình bây giờ, và tôi rút cánh tay của mình lại để thực hiện cú đâm cuối cùng, khi đột nhiên cánh tay đó bị giữ lại. Một lần nữa bên cạnh tôi đứng anh trai tôi, nhìn lên nghiêm túc vào mặt tôi, và giữ lại bằng tay nhỏ của mình cánh tay mà sẽ đã báo thù cho y. Lần này ít nhất đó không phải là ảo giác, vì Martinez cũng thấy điều đó. Tôi thấy cái nhìn kinh hoàng khủng khiếp trong mắt y; tôi thấy mồ hôi sợ hãi bùng ra trên khuôn mặt y khi y rên rỉ trong kinh hoàng. Nhưng tôi nhìn vào mắt của người đã chết. Tay của anh trai tôi đặt trên cánh tay tôi, và y đang nhìn lên nghiêm túc, khẩn thiết, cầu xin vào mặt tôi. Tôi không thể giết kẻ giết y bây giờ. Khi tôi ném thanh kiếm của mình xuống và rút lui với một cảm giác trống rỗng kỳ lạ trong tim, nụ cười đẹp nhất và yêu thương nhất bùng nổ trên khuôn mặt của anh trai tôi, và sau đó một lần nữa y đã biến mất. Khi tôi quay đi khỏi Martinez đang nằm, y rút một con dao ra khỏi chân của chiếc ủng da dài của mình, và đâm vào tôi ngay khi tôi đang rút lui. Tôi nhảy sang một bên theo bản năng, và trước khi y có thể đứng dậy, một nhóm nhỏ binh sĩ Chính phủ đã chạy đến và nhảy lên y, giật con dao khỏi y và bắt y làm tù nhân.

Still with that strange empty feeling I turned on my heel, and was about to go I know not where, when I caught sight of the forbidding face of Antinahuel, taking aim at me with a rifle over the top of a bush. My movement was more instinctive than reasoned; with the quickness of long practice I drew out the revolver from my belt, and two reports sounded together. I felt a numbing blow in my

Vẫn với cảm giác trống rỗng kỳ lạ đó, tôi quay gót, và định đi đâu tôi không biết, khi tôi bắt gặp khuôn mặt đáng sợ của Antinahuel, đang nhắm vào tôi với một khẩu súng trường qua đỉnh của một bụi cây. Chuyển động của tôi là bản năng hơn là có lý; với sự nhanh nhẹn của thực hành lâu dài, tôi rút khẩu súng lục ra khỏi thắt lưng, và hai tiếng nổ vang lên cùng lúc. Tôi cảm thấy một cú đánh tê liệt vào cánh tay

right arm, and the pistol fell from it, to the ground; but before I myself sank down beside it I had time to note the horrible blue hole in Antinahuel's forehead—blue for a moment, before the blood gushed out of it as he fell backwards. I myself fell also, for the blood was pouring from the wound in my thigh, in addition to the shock caused by the rifle bullet; and so for a time all knowledge of mundane affairs passed from me.

phải của mình, và khẩu súng lục rơi khỏi nó, xuống đất; nhưng trước khi tôi tự ngã xuống bên cạnh nó, tôi đã kịp nhìn thấy lỗ xanh khủng khiếp trên trán của Antinahuel—xanh trong một khoảnh khắc, trước khi máu phun ra từ đó khi y ngã ngửa. Tôi cũng ngã xuống, vì máu đang chảy ra từ vết thương ở đùi của tôi, ngoài cú sốc do viên đạn súng trường gây ra; và vì vậy trong một thời gian tất cả kiến thức về các vấn đề trần tục đã rời khỏi tôi.

When I came to myself again it was dark night, and I lay for a time watching the stars, still hardly conscious, hardly able to think of my present situation and caring nothing for the future, conscious chiefly of one thing—an awful thirst produced no doubt by the great drain of blood from the body. I had suffered much at many periods of my story, as you know by this time; yet I think that nothing that I suffered was ever so terrible as that thirst while I lay helpless under the stars. The night seemed to be years in length; sometimes I seemed to be unconscious for a few moments, and then I woke with the conviction that I must have slept through a day, and that another night had come upon me, and yet when I looked at the stars I saw that they had scarcely moved.

Khi tôi tỉnh lại, đó là đêm tối, và tôi nằm một lúc nhìn các ngôi sao, vẫn hầu như không có ý thức, hầu như không thể nghĩ về tình huống hiện tại của mình và không quan tâm đến tương lai, chủ yếu ý thức về một điều—một cơn khát khủng khiếp do chắc chắn bởi sự mất máu lớn từ cơ thể. Tôi đã chịu đựng nhiều ở nhiều thời điểm trong câu chuyện của mình, như bạn biết đến lúc này; nhưng tôi nghĩ rằng không có gì tôi đã chịu đựng từng khủng khiếp như cơn khát đó khi tôi nằm bất lực dưới các ngôi sao. Đêm dường như kéo dài hàng năm; đôi khi tôi dường như bất tỉnh trong vài khoảnh khắc, và sau đó tôi tỉnh dậy với niềm tin rằng tôi phải đã ngủ qua một ngày, và rằng một đêm khác đã đến với tôi, và tuy nhiên khi tôi nhìn vào các ngôi sao, tôi thấy rằng chúng hầu như không di chuyển.

I lost all count of time, but somewhere amid what seemed the centuries I realised uncertainly that some lanterns were approaching, and presently with a start of joy I heard my father's voice, and saw his face bending over me. I cried to him for water, and in a moment he held a flask to my lips, and then I think I must have swooned again for pure joy that that thirst was allayed. Quickly now my wounds were bandaged and I was carried gently away from the field.

Tôi mất hết khái niệm về thời gian, nhưng ở đâu đó giữa những gì dường như là thế kỷ, tôi nhận ra một cách không chắc chắn rằng một số đèn lồng đang tiến đến, và ngay sau đó với một sự giật mình vui mừng, tôi nghe thấy giọng nói của cha tôi, và thấy khuôn mặt của ông cúi xuống tôi. Tôi kêu lên với ông xin nước, và trong một khoảnh khắc ông giữ một bình nước lên môi tôi, và sau đó tôi nghĩ rằng tôi phải đã ngất đi lần nữa vì niềm vui thuần khiết rằng cơn khát đó đã được giải tỏa. Nhanh chóng bây giờ vết thương của tôi được băng bó và tôi được mang đi nhẹ nhàng khỏi chiến trường.

And here to all intents and purposes my story ends. Of what avail to tell of my slow nursing back to health and strength, of the thanks given both to my father and to me by the Government of the country, and the decorations it bestowed upon us for the victory which, it said in its politeness, was so largely due to our bravery? What need I say of that day a month later, when I stood silently watching amidst a mob howling out execrations, while Martinez was shot in the great square of the capital? The hatred had gone—gone utterly out of my life, wiped out of it by the touch of the dead. No, not of the dead, but of the living, for I had looked into my brother's eyes, and I knew that he lived and loved me still. And so I was content, though then I knew nothing of the beautiful fate which would bring my brother back to life fifteen years later in a country far away, which would bring him in that new body into my life again, which would enable us both to recognise one another, and to realise that death can never part those souls that truly love.

Và ở đây, về mọi mặt, câu chuyện của tôi kết thúc. Có ích gì để kể về việc tôi được chăm sóc chậm rãi trở lại sức khỏe và sức mạnh, về những lời cảm ơn được gửi đến cả cha tôi và tôi bởi Chính phủ của đất nước, và những huy chương mà nó trao cho chúng tôi vì chiến thắng mà, nó nói trong sự lịch sự của mình, phần lớn là do lòng dũng cảm của chúng tôi? Tôi cần nói gì về ngày đó một tháng sau, khi tôi đứng lặng lẽ quan sát giữa một đám đông la hét những lời nguyền rủa, trong khi Martinez bị bắn trong quảng trường lớn của thủ đô? Sự căm thù đã biến mất—biến mất hoàn toàn khỏi cuộc sống của tôi, bị xóa sạch khỏi nó bởi cái chạm của người đã chết. Không, không phải của người đã chết, mà của người sống, vì tôi đã nhìn vào mắt của anh trai tôi, và tôi biết rằng y sống và vẫn yêu tôi. Và vì vậy tôi hài lòng, mặc dù khi đó tôi không biết gì về số phận đẹp đẽ sẽ mang anh trai tôi trở lại cuộc sống mười lăm năm sau đó ở một đất nước xa xôi, sẽ mang y trong cơ thể mới đó vào cuộc sống của tôi một lần nữa, sẽ cho phép cả hai chúng tôi nhận ra nhau, và nhận ra rằng cái chết không bao giờ có thể chia cắt những linh hồn thực sự yêu thương.

Notes

Ghi chú

[← 1]

* The narrator of this remarkable series of incidents (whom I have called Mr. Thomas Keston) is—or rather was—a barrister of considerable repute in London. I have thought it best to leave him to tell his own story in his own words, reserving comments until the end.—C. W. L.

* Người kể chuyện của loạt sự kiện đáng chú ý này (người mà tôi đã gọi là ông Thomas Keston) là—hoặc đúng hơn là đã từng là—một luật sư có danh tiếng đáng kể ở London. Tôi đã nghĩ rằng tốt nhất là để ông tự kể câu chuyện của mình bằng chính lời của mình, giữ lại các bình luận cho đến cuối.—C. W. L.

[← 2]

* The document itself explains why my friend was compelled to omit some part of it.—C. W. L.

* Tài liệu tự nó giải thích lý do tại sao bạn tôi buộc phải bỏ qua một phần của nó.—C. W. L.

[← 3]

giường

[←4]

giông bão, giông tố, rung chuyển dữ dội, mãnh liệt

[←5]

hòn đảo nhỏ

[←6]

khúm núm; hèn mọn; thấp hèn

[←7]

làm quặn đau, làm quằn quại, làm lăn lộn

[←8]

tình trạng mê sảng; cơn mê sảng

[←9]

vi sinh vật có thể di chuyển, ăn các vi sinh vật khác hoặc giống như động vật trong một chừng mực nào đó

[←10]

đi thành hàng dọc

[←11]

sự dị dạng; sự dị hình

[←12]

ghê tởm, đáng ghét

[←13]

vật kỳ quái, vật quái dị

[←14]

hôi; thối

[←15]

sự ghê tởm, sự kinh tởm; sự ghét cay ghét đắng

[←16]

thuộc loài rắn; như loài rắn

[←17]

(thuộc) về ma quỷ; như ma quỷ

[←18]

chết người; gây chết người

[←19]

khí xông lên; mùi xông ra; mùi thối; xú khí

[←20]

chất nhớt (do sên, ốc... nhả ra)

[←21]

sự thay đổi đột ngột (ý kiến, tính nết...)

[←22]

giống như mật đường